Nº 182

Mars 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGỰ-GIÁ NAM-TUẦN HÀNH-TRÌNH KÝ

Ngày 13 tháng giêng năm Bảo-đại thứ 8 (7 Février 1933), Ngự-tiền văn-phòng phụng Thượng-dụ :

« Tuần-hạnh là không phải đi chơi, chính là đi xem xét. Trẫm lên nối ngôi cao, mà vâng theo lời di-huấn của Hoàng-khảo, phải trở qua du-học tại Pháp-đô, đến năm ngoái trở về thân-chánh. Ngày tháng mười đã ra Thanh-hóa cung-yết Tôn-lăng, nhân đi các tỉnh miền bắc, xem xét dân-tình phong-tục. Ngày tháng chạp, lại đi vào những tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định và Phú-yên ở miền nam. Nhân gần hết năm, nên không đi được đến mấy tỉnh xa và thượng-du. Nay nhân tiết xuân, khí trời ấm-áp, định đến hạ-tuần tháng này đi vào các tỉnh đạo Gia-lai (*Pleiku*), Côn-tung (*Kontum*), *Banmelhuot*, Khánh-hòa, Ninh-thuận, Bình-thuận, Đồng-nai-thượng. Hành-trình nhật-ký sẽ do Cơ-mật thương-đồng quí-tòa lục ra cho biết. Giá-hạnh đến đâu, thời trú-tất tại Hành-cung hay là Đạo-ly, cho quan viên địa-phương và thân-sĩ chiêm-yết, để cho trên dưới thỏa-tình. Còn việc nghinh-tiếp, nên theo ý Trẫm, làm cho giản-tiện, chớ nên phiền dân.

« Dụ này lục ra để biết mà tuân theo. Khâm thử ».

Ngày 17 tháng giêng năm Bảo-đại thứ 8 (11 Février 1933), Ngự-tiền văn-phòng phụng Thượng-dụ :

« Ngày 20 tháng này (14 Février), Trẫm ngự giá nam-tuần quan phong, cho Thái-tử Thái-phó, Võ-hiển-điện đại-học-sĩ, quản lĩnh Lại-bộ Thượng-thư, sung Cơ-mật-viện Viện-trưởng Đại-thần, Phước-môn quận-công Nguyễn Hữu-khanh, sung chức Hộ-giá Đại-thần ; Thái-tử Thiếu-bảo, quản lĩnh Lễ-bộ Thượng-thư, sung Cơ-mật viện Đại-thần, Xuân-hòa nam, Võ-khanh, sung chức Lưu-kinh-thủ Đại-thần. Việc ở Hành-tại thời do Hộ-giá đại-thần kiêm-đốc ; còn ở Đền thời lính tại Nội, trừ những tên cắt riêng các công-sở ngoại, còn bao nhiêu đều do Lưu-kinh đại-thần chia ra mà canh tuần cho thật nghiêm-mật. Khâm thử ».

Cũng ngày ấy, Ngự-tiền văn-phòng tâu :

« Ngày 20 tháng này (14 Février), Ngài ngự nam tuần quan-phong, đã phụng dụ cho Thái-tử Thiếu-bảo, Hiệp-tá đại-học-sĩ quản-lĩnh Lễ-bộ Thượng-thư, sung Cơ-mật-viện đại thần Xuân-hòa-nam, thần Võ Liêm, sung chức Lưu-kinh-thủ đại-thần. Vậy đến ngày ấy, xin theo lệ do Thị-vệ lĩnh Chỉ ban ra một cây cờ Long-kỳ, một cái bài vương-mạng, một cái bài cửa Hiển-nhân, một cái bài cửa Đại-cung-môn và hòm ấn Lưu-kinh, để giao cho Lưu-kinh đại-thần nhận lĩnh.

« Và chúng tôi là Phạm Quỳnh, phụng sung tùng Giá, xin nhận lĩnh những bửu « Ngự-tiền chi bửu » và « Bảo-đại thần-hàn », giao cho Thị-vệ để vào rương Ngự-dụng đem theo, để phòng Ngự-dụng ».

Lại phụng chuẩn định các quan tùng Giá như sau này:

S. E. Nguyễn Hữu-Bài, Phước-môn quận-công, Viện-trưởng viện Cơ-mật, sung Hộ-giá đại-thần;

S. E. Phạm Quỳnh, Thượng-thư sung Ngự-tiền văn-phòng tổng-lý;

S. A. le Prince Tùng Đệ;

S. E. Nguyễn Hữu-Tiễn, Đô-thống;

M. BARTHELEMY, Võ-hộ-giá;

M. Hoàng Yến, Quang-lộc tự-khanh, sung Ngự-tiền Văn-phòng khảo-duyệt ty trưởng;

M. Hà Văn Lan, Hồng-lô-tự-khanh, lãnh viên-ngoại Cơ-mật;

M. Nguyễn Nghĩa, ngự-y (1);

M. Nguyễn Hữu-Duyên, nhì-đẳng thị-vệ (1);

Hai thị-vệ (1);

Còn quan Khâm-sứ CHÂTEL, thời có các quan tùy-tùng là:

M. SOGNY, Thủ-hiến sở Liêm-phóng;

M. HAELEWYN, Quản-lý văn-phòng;

M. GAUTHIER, Hội-lý tòa Lại;

Và một viên quan sở Liêm-phóng (1).

Cả thảy chia ra mười xe.

Hai xe chở đồ Ngự-dụng và hành-lý thường đi trước đạo Ngự chừng một vài giờ. Còn các xe kia đều theo đạo Ngự.

Ngày 20 tháng giêng (14 Février), sáng 8 giờ 15, Ngài ngự ra ngồi tại điện Cần-chánh, quan Hộ-giá đại-thần và quan Lưu-kinh đại-thần làm lễ bái-mạng, vái ba vái, rồi ông Hoàng-thân và các quan Đại-thần Cơ-mật, Tôn-nhơn với văn võ Đình-thần đều mặc nhung-phục vào chầu thỉnh-an và tống Giá.

8 giờ rưỡi, quan Khâm-sứ qua chầu, Ngài ngự ra cửa Đại-cung-môn lên xe khải-loan. Trên kỳ-đài bắn bảy phát lịnh. Các quan tùng Giá theo thứ-tự đã sắp đặt đều lên xe đi theo. Buổi mai ấy tạnh ráo, không nắng không mưa, khí trời ấm, dễ chịu.

9 giờ 15, đến đèo Mũi-né; 9 giờ 20, đèo Phước-tượng; 9 giờ 35, đèo Phú-gia. Mấy đèo này đều thấp và ngắn, xe qua đều dễ-dàng.

9 giờ 50, đến đèo Hải-vân. Từ dưới chân đèo ngó lên, đã thấy mây phủ mịt mù. Càng lên cao, mù càng dày. Cách chừng năm thước tây, không thấy rõ, lại thêm đường đi quanh queo, xe phải đi cẩn-thận lắm. Lên đến giữa đèo, có quan đốc-lý Huế và quan Phủ-doãn Ưng Bình đợi để chầu đưa, Ngài ngự dừng xe lại ngắm xem phong-cảnh. Đèo này nguyên xưa là núi Hải-vân liền ba hòn với nhau làm giới-hạn cho hai tỉnh Thừa-thiên với Quảng-nam. Núi cao rừng rậm, khe suối hiểm-nghèo, thường có cọp beo, phá hại người đi đàng, nên có câu ca rằng: « *Đi đàng thời sợ Hải-vân, đi ghe thời sợ sóng thần Hang-dơi* ». Hang-dơi ở ngoài biển nơi chân núi Hải-vân, ghe đi ngang qua đó, hay gặp gió chướng sóng to, nên kêu là sóng thần. Xưa đức Hiến-tôn Hoàng-đế tuần-hạnh Quảng-nam, đi qua núi Hải-vân có vịnh bài thơ: « *Việt-Nam hiểm-ải thử sơn-điên, hình-thế hồn như Thục đạo thiên; đãn kiến vân hoành tam giáp lĩnh, bất-tri nhân tại kỷ trùng thiên* 越南險隘此山巔。形勢渾如蜀道偏。但見雲橫三峽嶺。不知人在幾重天 ». Xin dịch ra quốc-âm:

Việt-Nam ải hiểm thọ trời xây,
Đàng Thục ngày xưa cũng thế này;
Ba đỉnh non cao mù phủ kín,
Lên đây nào biết mấy tầng mây.

Đến năm Minh-mạng thứ 7 (1826) mới xây cửa làm ải, làm đồn để lính canh phòng, đề ngạch là « *Thiên hạ đệ-*

(1) Những người này không dự vào các lễ công.

nhất hùng-quan »; hễ có tầu ngoại-quốc đến vịnh Đà-nẵng, thời phải lên báo trước với quan giữ ải đã, mới được ghé vào. Kể ra cách cứ-hiểm phòng-thủ ngày xưa cũng đã nghiêm-nhặt lắm. Bây giờ thời chỉ còn cái cửa đứng lù-lù với mấy bức thành xưa, lâu ngày chỗ sứt chỗ xẻ, rêu đóng chỗ xanh chỗ đen, bạn với non xanh nước biếc thôi. Nhân khi Ngự-giá ngừng lại giữa đèo, tôi có khẩu chiếm một bài tứ tuyệt, xin lục ra đây :

Đèo cao cửa cũ đứng lù-lù,
Rừng rậm mây dày kéo mịt-mù;
Đệ-nhất hùng-quan còn đó nhỉ!
Xe Rồng nay để dấu Thần-du.

10 giờ 40 khởi-hành. Đi qua phía nam, thời sương mù ít dần. Xuống đèo khí-hậu đổi khác, hơi nóng hơn.

11 giờ rưỡi, đi ngang tỉnh Quảng-nam.

11 giờ 50, đi ngang phủ Thăng-bình. Hai bên đàng, lúa đều xanh tốt, đã trổ đòng-đòng.

12 giờ 15, đi ngang phủ Tam-kỳ. Lúa cũng tốt, mà chưa trổ.

12 giờ rưỡi, xe Ngự ngừng lại tại làng Diêm-phổ, xóm Nam-sơn. Chỗ ấy giữa đọn cát, xa cách nhà ở. Ngài truyền đem đồ ăn bới theo dọn Ngự-thiện. Cho các quan tùng Giá chầu thiện. Cụ Quận Phước-môn có đem theo một cái bàn xếp và bốn cái ghế xếp, dùng làm Ngự-tọa; quan Khâm-sứ không muốn ngồi ghế, ngồi giữa cỏ cho thong-thả hơn. Các quan tùng Giá phần nhiều ngồi giữa cỏ mà chầu. Nhân-dân đứng xa mà trông, họ nói thì-thào với nhau rằng: « Vua mình thật giản-dị, không muốn phiền đến ai. Dân chắc được nhờ ». Họ nói mà tỏ ra ý mến-trọng vui-vẻ.

Chiều 1 giờ 25, khải-giá.

1 giờ 50, đến địa-phận Quảng-ngãi. Ruộng hai bên đàng đều xanh tốt.

1 giờ 55, đi ngang đồn Trị-bình.

2 giờ 25, đến phố Quảng-ngãi. Xe Giá ngừng để lấy dầu. Có quan Tuần Nguyễn Bá-Trác ra bái-yết. Thiên-hạ đến cung-chiêm đông lắm.

2 giờ 35, khải-hành. Từ tỉnh sắp vào, ruộng đang trổ, đều tốt cả.

3 giờ 40, đến đèo Bình-đê. Qua khỏi đèo thấy nhiều cây dừa cao bị nằm nghiêng vì trận bão kỳ tháng chín năm ngoái. Ruộng cũng tốt.

4 giờ 05, đến đồn Bồng-sơn. Quan đồn có treo cờ và đem lính ra đóng hầu. Ngự-giá ngừng lại. Quan đồn dâng rượu « bia » với nước đá Ngự dụng giải khát. Hai bên đàng nam phụ lão ấu chen nhau để cung-chiêm đông lắm.

4 giờ 15 khải-hành. Khỏi Bồng-sơn, dừa cau nghiêng đổ nhiều. Cây trên rừng ngành gio xơ-xác, hai bên đàng cây ngả ngổn-ngang. Ngắm thấy đều ngả về phía nam cả.

4 giờ 55, đi ngang huyện Phù-mỹ, có cắm cờ lộ-tất, đóng bái-hạ. Nhân-dân đứng lại bên đàng cung-chiêm dày như thành.

Ruộng dọc đàng đều tốt, có nước chưn.

Lối này cây và dừa lại ngả về phía bắc. Có lẽ vì khi bão trở sóc chăng.

5 giờ 10, đi ngang huyện Phù-cát, có cắm cờ, đóng bái-hạ. Giữa sân trường học, học-trò đang tập thể-thao.

Lúa gieo đang lên, lúa sạ đang trổ.

5 giờ rưỡi, tới tỉnh Bình-định. Có nhạc đánh. Quan Tổng-đốc Ưng Bàng, quan Án Tôn-thất Chiêm-Thiết, với các quan phủ, huyện và các quan hưu nghinh Giá bái yết. Ngự giá trú-tất tại Hành-cung. Tối lại có thắp đèn cột cờ và xung quanh Hành-cung, xem cũng huy-hoàng rực-rỡ.

8 giờ, Ngự-thiện tại Hành cung, cho các quan tùng Giá thị-thiện. Còn quan Khâm-sứ và các quan tùy-tùng thời xuống xơi cơm tối và nghỉ dưới tòa Sứ Qui-nhơn.

Ngày 21 (15 Février)

Sáng 6 giờ 10, khải Giá ngự đến ngã ba đàng lên *Pleiku*, vừa có quan Khâm-sứ lên đó theo chầu. Quan Giám-đốc THIBAUDEAU và quan Tổng-đốc Ưng Bàng đến chầu tống Giá.

7 giờ, đi ngang Phú-phong. Ruộng tốt, lúa đang trổ. Rồi đi ngang huyện Bình-khê, có đóng bái-hạ.

7 giờ 15, đến đồn Thượng-giang. Đồn này đóng tại làng Thượng-giang, mà các quan Tây quen gọi là đồn Bình-khê, vì lúc trước huyện Bình-khê nguyên cũng đóng tại làng Thượng-giang, sau dời về làng Trinh-tường chừng mới mươi lăm năm nay. Có các làng đóng bái-hạ, hào-lý đứng chầu. Quan Giám-binh RENOUL đem lính ra đóng hầu. Ngài ngự ngừng lại một lát. Thiên-hạ chen nhau cung-chiêm đông như kiến.

7 giờ 25, qua đèo Lòng-mang (Col d'An-khê). Đèo này chia giới-hạn của tỉnh Bình-định với tỉnh *Kontum*. Núi cao nhiều lớp chồng-chập nhau, lên khỏi đèo là cao-nguyên, không phải đi xuống nữa. Đến giữa đèo có quan GUILLEMINET, Công-sứ *Kontum* và quan Quản-đạo Tôn-thất Toại nghinh Giá. 8 giờ, đến huyện Tân-an có đóng bái-hạ, học-trò cầm cờ Long-tinh đứng chầu hai bên đàng. Đến đồn An-khê, có quan Giám-binh NICOLLA đem lính đóng hầu. Ngự-giá ngừng lại. Hai bên cửa đồn có Mọi ước 150 tên, sắp hàng đánh nhạc, nào cồng, nào trống, âm-ỉnh vang rừng. Mọi ấy thuộc về giống *Bahnar* và *Halakons*, ở về miền nam và miền bắc An-khê. Nhạc-khí của Mọi có một cái đờn tuy tầm-thường đơn-giản, mà cũng nên cho là đặc-sắc. Đờn này làm bằng ống nứa, hình tam-giác như cách *Xylophone* của Âu-châu. Cả thảy 15 ống, ống dài nhất phỏng chừng 1m. 30, rồi ngắn lần xuống đến ống ngắn nhất chừng 0m. 25. Ống nứa vạc đi một nửa, còn một nửa để cả ống, dùng dây tre mà cột lại với nhau, lấy hai cái dùi (như dùi mõ của thầy tu) mà đánh, mỗi ống tiếng khác nhau, phân-biệt ra từng bậc, mà tiếng kêu trong như tiếng đồng, chớ không phải đục như tiếng mõ tre. Hoàng-đế ngự lãm với quan Khâm-sứ ban khen là một cái nhạc-khí đơn-giản mà hay. Hỏi ra thời họ nói rằng cái nhạc-khí ấy của Mọi lưu-truyền đã lâu đời lắm, mà cũng phải có mấy tên Mọi chuyên nghệ mới quen làm được thôi. So với nhạc-khí ngày nay, thời đờn *piano* tinh-xảo hơn hết, mà ai biết là ngày xưa không phải là nhân theo nhạc-khí đơn-giản như cái đờn nứa này mà chế ra chăng!

8 giờ 15, Giá hạnh sở Súc-mục (*Etablissement d'Elevage d'An-khê*). Có quan Thú-y LEBOUC cung-đạo. Sở này thuộc về sở Canh-nông nuôi các thứ súc-vật lấy giống. Có nhiều con bò đực to lớn lắm, u cao đến hai ba tấc tây. Hiện nuôi bò 450 con, ngựa cái 25 con, cừu 100 con, trâu 23 con.

8 giờ 30, khải hành. Dọc đàng và hai đầu cầu có phương-môn, kết lá làm chữ « *Thánh-thọ vô-cương* ». Đàng đi cứ lên cao mãi.

9 giờ 15, qua đèo Măng-giang. Dọc rừng tre nhiều, giống tre này không to lắm, thổ-dân kêu là cây le, thường cắt măng mà ăn, với phơi để đem xuống bán tại Bình-định, kêu là « măng le » ; cũng có tiếng như măng cày ở Quảng-bình vậy. Ấy cũng là một thứ sản-vật lợi cho cư-dân.

Đến địa-đầu Gia-lai, có quan Công-sứ JEANNIN và quan Quản-đạo Tôn thất Cồn nghinh giá.

Từ cây số 119 sấp lên, ngó bằng-phẳng mênh-mông, không thấy núi nữa.

Ngự-giá ngừng lại lãm đồn-điền của ông GÉNHAUD và dân-cư người An-Nam.

Cách Gia-lai chừng 10 cây số, thấy hai bên đàng từng khoảng từng khoảng, lại có hai tên ky-binh cầm cờ Long-tinh đứng chầu.

10 giờ 40, đến *Pleiku*. Đạo Gia-lai mới đặt ra từ ngày tháng 11 năm Bảo-đại thứ 7 (*Décembre* 1932). Chưa dựng Hành-cung mà cũng chưa làm dinh-thự chi cả. Hoàng-thượng trú-tất tại tòa Sứ. Mọi *Djarai* và *Bahnar* về chầu nghinh Giá ước 1.000 tên, đem rượu Mọi và trứng gà về dâng.

11 giờ 30, thiết triều bái-khánh, dâng hạ-biểu tại nơi Hành-cung tạm, trần-thiết cũng chỉnh-nhã. Quan Quản-đạo phụng-tuyên hạ-biểu, quan Công-sứ đọc lời chúc-tụng. Hoàng-thượng đáp-từ xong ban thưởng huy-chương.

12 giờ, Ngự thiện tại tòa Sứ.

Chiều 2 giờ 45, Ngự lãm Mọi đua ngựa. Có hơn trăm con ngựa, chỉ dây cương lơ-thơ, không yên không lạc; Mọi thời đóng khố, không áo nõ quần, chân thúc tay roi, cùng nhau tranh thắng, bay nhảy giữa vùng đất bột, bụi lên nghi-ngút, nhiều đứa đắc-ý, như muốn tỏ cái tài thiện-kỵ để dâng Hoàng-thượng ngự-lãm vậy.

2 giờ 50 khải-hành, 3 giờ 15, Ngự-giá đến sở chè «Catecka» (*Compagnie agricole des thés et cafés du Kontum de l'Annam*) tục kêu là Bàu-cạn. Ông Choisnel quản-lý sở ấy nghinh Giá cung-đạo Ngự lãm. Sở này lập ra từ tháng *Octobre* 1925. Toàn sở rộng 3.500 mẫu tây, trồng chè được 700 mẫu tây, mà chè hái được là 400 mẫu tây, lại có 30 mẫu tây trồng *café*, nhưng phải bỏ đi vì không tốt. Trong sở có nhà máy làm chè. Chè non hái đem vào máy cuốn lại, bỏ vào buồng ủ, rồi đem ra máy chạy cho khô, lại đem đến máy khác mà sàng lựa riêng chè lớn chè nhỏ, xong rồi mới vào thùng đóng lại gửi đi, mà để chè vào thùng cũng có máy lắc cho chè xuống. Nói tóm lại, là từ khi hái chè xanh bỏ vào máy cuốn, cho đến khi chè khô đóng thùng gửi đi, nhất-thiết đều dùng máy cả, duy lựa thứ chè khô sắc xanh và sắc đen, là dùng đàn-bà con gái lựa bằng tay mà thôi.

Ngự lãm xong, có ban huy-chương. Ông quản-lý nghinh Giá đến nhà, có dâng trà Ngự dụng.

4 giờ khải-hành. 4 giờ 20, Giá-hạnh sở «Sapko» (*Société anonyme des Plantations Kuky Odron*) tục kêu là Đất-bệt. Trưởng ban Trị-sự là M. Ferrand với viên quản-lý là M. Chauvin cung-nghinh Ngự-giá và cung-đạo Ngự lãm. Sở này đất đỏ, trồng chè, *café* và mít.

4 giờ 50 khải Giá. 5 giờ về đến *Pleiku* ngự trà.

5 giờ 10 khải Giá. 5 giờ 40, tới sở « Sti » (*Société des Thés de l'Indochine*). Viên quản-lý là M. Van Mannem, người Hòa-lan, nghinh Giá cung-đạo. Sở này trồng chè nhiều và cũng có nhà máy làm chè như ở *Catecka*. Đất trồng chè 500 mẫu tây, chính mùa chè thuộc về tháng *avril, mai, juin, juillet, août, septembre*. Đương ngày mùa, thời 1.300 cân chè tươi, làm được 7, 8 trăm cân chè khô. Lúc không phải mùa, thời 400 cân chè tươi, làm được 7, 8 chục cân chè khô. Ngày mùa thời dùng nhân-công chừng 1.000 người, cả đàn ông đàn bà, ngày không phải mùa, thời dùng chừng 500 người thôi.

Hoàng-thượng có ban huy-chương. Hội có đem hai đứa con gái ăn mặc chỉnh-tề bưng khay chè quì dâng Hoàng-thượng để làm kỷ-niệm chè của hội, và cũng có tặng-hảo các quan tùng Giá.

6 giờ 15, viên quản-lý cung đạo Giá hạnh vườn chè. Chè lên cao chừng 5, 6 tấc tây, sum-sê tươi-tốt. Đàn bà, đàn ông mỗi người mang một cái rổ đang hái chè. Theo lời viên quản-lý tâu, thời ngày mùa, dùng người hái chè, dùng 600 đàn bà, 150 đàn ông.

6 giờ 25, khải Giá lên *Kontum*. Tối lại, gần đàng quan, Mọi đốt lửa, như tuồng để nghinh Giá.

7 giờ 30, Giá đến *Kontum*. Tuy trời đã tối, mà thiên-hạ chen lấn nhau đứng chực hai bên đàng để cung-chiêm đông lắm. Phố-diện và các nhà gần đàng đều treo cờ thắp đèn. Ngự-giá trú-tất tại Đạo. Tỉnh *Kontum* thiết ra từ năm Duy-tân thứ 7 (1913), nhưng quan-chức chỉ bổ Tri-phủ mà thôi, nên chưa lập Hành-cung. Đến năm Bảo-đại thứ 2 (1927), mới đặt Quản-đạo.

8 giờ 50, Ngự vãn-thiện tại tòa Sứ. Trước cửa tòa có phương-môn, kết chữ « Cung nghinh thánh giá ».

Ngày 22 (16 Février)

Sáng 8 giờ, thiết triều bái-hạ tại Đạo. Cách trần-thiết trang-hoàng tráng-lệ lắm. Cũng như ở *Pleiku*, tòa-thuộc đều dự lễ. Học-trò cầm cờ Long-tinh và lính An-Nam, lính Mọi sắp hàng đứng chầu ngoài đàng. Lễ tam-khấu xong, quan Quản-đạo Tôn-thất Toại phụng tuyên hạ-biểu, rồi đến quan Công-sứ GUILLEMINET tâu lời chúc, đại-ý nói người Pháp, người Nam ra sức mở-mang miền này và chúc nước Nam trường-trị cửu-an. Hoàng-thượng đáp từ khen ngợi, rồi ban thưởng huy-chương. Lễ xong, Ngự-giá duyệt-binh, lính Mọi, khố đỏ và khố xanh sắp ngoài đàng. Quan Khâm-sứ thay mặt cho Pháp-đình giao một lá cờ cho cơ lính khố xanh, tuyên-thị mệnh-lệnh của Quí-Giám-quốc, lời-lẽ hùng-hậu đàng-hoàng lắm, rồi đem gắn ngũ-hạng Bắc-đẩu bội-tinh cho M. BUIRON, quan đồn khố xanh, và gắn huy-chương khố xanh cho quan Giám binh DEREYMEZ.

9 giờ 50, Ngự dạo quanh thành-phố, đến xem trại lính Mọi khố đỏ đang xây.

10 giờ, Giá hạnh trường học *Cuénot* tại hội giáo *Kontum*, Mọi đánh nhạc mừng. Quí-giám-mục JEANNIN nghinh Giá cung đạo. Có thiết Ngự-tọa. Ngài thăng tọa, Quí-giám-mục tâu độc chúc-từ hoan-nghênh Ngự-giá và bày tỏ công-việc của hội giáo đã giúp hai nhà nước khai-thác ra đất *Kontum*. Đại-ý nói: « Hội giáo *Kontum* thành-lập ra đã hơn 80 năm, tín-hồ hiện được hai vạn. Trăm năm về trước, đất nguyên là Mọi, người An-Nam chưa đến bao giờ. Đến năm 1851, mới có mấy viên Cố-đạo tên là : COMBES, DOURISBOURNE, FONTAINE, và DESGOÛTS, mạo-hiểm lên đến miền nầy giảng đạo. Các Cố ấy, lúc bấy giờ, Mọi kêu là « An-Nam da trắng ». Từ đó đến sau, mới có người An-Nam lên đến miền này lần lần tụ-tập, lập xóm lập chòm. Đến năm 1871, cố đạo HUGON lập ra một làng An-Nam đầu hết, gọi tên là làng Tân-hương, tức là làng sở-tại tỉnh *Kontum* bây giờ. Sau đó các cố-đạo khác lần lược lập thành các làng Phương-nghĩa, Phương-quí, Phương-hòa, Tiên-sơn, Thanh-bình, vân-vân. Kể ra vậy hội giáo này vẫn có công khai-thác.

Học-trò Mọi có hơn vài trăm, hát bài hát chúc mừng bằng tiếng Mọi *Bahnar*, mà theo điệu tây, nghe cũng hay. Hoàng-thượng với quan Khâm ban khen khéo luyện-tập. Trong trường có phòng ăn, phòng ngủ của học-trò Mọi. Quí giám-mục có dâng một quyển sách nói về công-việc của hội làm tại *Kontum*.

10 giờ 30, Ngự đến hội Thể-dục thiết tại trường học bị-thể. Quan Sứ *Kontum* dẫn kiến những viên-chức chánh-giáo người mình về ngạch Bảo-hộ. Trường này số học-trò 165 : An-Nam 115, còn 50 là học-trò Mọi thuộc về ba Mán Mọi *Bahnar*, *Djarai* và *Sédang*. Trong số 115 trò An-Nam, có 10 trò gái.

10 giờ 40, Giá hạnh đồn lính tập. Lính Mọi coi cũng mạnh-mẽ lắm, vóc-dạc tốt.

10 giờ 50, Giá hạnh Nhà-thương. Bác-sĩ Nguyễn Huy-Hạ nghinh Giá cung đạo.

12 giờ, Ngự thiện tại tòa Sứ.

Chiều 2 giờ 40, khải Giá du-lãm thác đồ *Yaly*. Đàng hẹp mà lại quanh-co nhiều lắm. Đàng này mới xẻ, chưa đắp thành. Gần đàng có nhiều đám ruộng rộng mênh-mông. Có một chỗ kêu là « ruộng Lào ». Nguyên xưa người Lào đến khẩn, sau bỏ hoang, bây giờ người mình cày cấy.

Giữa đàng đi ngang qua làng Mọi, *Pleihué*, có mấy cái mả Mọi. Bốn mặt vuông-vức đóng cây gỗ lớn, như cái cũi, mỗi mặt rộng chừng 2 thước đến 2 thước năm tây. Cây gỗ đóng xung quanh đó, cơ chừng cao ngang đầu người sấp lên, trổ ra hình người ngồi chò-hõ, hai bàn tay đỡ dưới hàm, hai cùi tay chống lên hai đầu gối, ra dáng người ngồi khóc. Cả 4 mặt đều trổ như vậy. Trong hàng rào gỗ ấy, đất bằng không đắp nấm chi hết, chỉ có một cái rạp bằng thấp thấp, ở giữa để một cái tượng nhỏ cao chừng 5 tấc tây, trổ bằng gỗ, tượng hình người chết, cũng có vẽ ra mặt mày, đeo vòng đồng nơi tay ; xung quang thời để nào ghè, nào hũ, nào nồi, nào la, nào ná, nào tên, nào dao, nào mác, và những đồ lặt-vặt khác, tức là của-cải của người chết dùng khi đang còn sống. Phía sau có che riêng một cái xép, hỏi thời Mọi nói rằng : « Người chết đó nguyên có con heo, nên che chỗ đó mà thả heo ». Nhòm vào đó, thấy lơ-thơ mấy cái xương, chừng xương heo chăng ! Còn xác người chết thì Mọi nói rằng chôn ở dưới cái rạp ấy. Đồ để vậy giữa núi, mà chẳng ai dám lấy cả, vì là sợ ma đó bắt.

Mà làm như vậy là của mọi *Djarai* và *Sédang*. Mọi *Bahnar* thời cũng một cách-thức, duy không trổ hình người ngồi khóc. Còn mọi *Rhadé* thời tục hỏa-táng, người chết đem thiêu.

4 giờ tới *Yaly*. Đến nơi nghe tiếng ầm-ầm như trống giục. Một dãy đá dài chừng trăm thước, rộng chừng 40 thước, bề cao thời chia ra nhiều đợt, phỏng chừng 15 thước trở xuống, chấn ngang giữa sông *Dakbla* như thành dựng. Nước chảy xuống hai tua trắng xóa, mấy hóc đá bọt lên như đơm bông. Hoàng-thượng ngự bộ đến nơi thác đồ, khi xuống khi lên, đều khỏe như thường, Long-nhan không hề mệt nhọc chút nào.

Nhân cảnh lạ-lùng, ở chốn ngõ hẹp hang cùng, rừng xanh non thẳm, mà được hân-hạnh in dấu Thần-du, tôi có vịnh một bài tả cảnh, xin lục ra đây :

Tạo-vật xây nên cảnh lạ-lùng,
Chấn ngang nguồn biếc dễ như không !
Đá giăng một dãy chia nhiều bậc,
Nước xuống hai tua chảy mấy dòng ;
Suối đổ tiếng vang rừng giục trống,
Sóng tuôn bọt trắng hố đơm bông ;
Ngàn xưa phong-cảnh miền non thẳm,
Nào ngỡ rằng nay để dấu Rồng.

Bên bờ sông, có một cái nhà tranh sẵn đó, quan Sứ *Kontum* dự-bị đem theo các thứ rượu mát và nước đá dâng Hoàng-thượng ngự-dụng giải khát. Khi đó, có mấy tên Mọi ở gần đến chiêm-yết. Có một tên tay cầm hai cái trứng gà ké-né muốn đem dâng. Tuy vật không bao nhiêu, mà lòng thành ái-đái của dân Mọi ở chốn non thẳm rừng xanh đối với đấng Quân-vương, thật cũng trung-thành vậy.

4 giờ 35 khải Giá. 5 giờ 50 về đến *Kontum*, cảnh-tượng có thú lạc-quan. Mọi sắp hàng chầu có hơn ngàn tên. Mấy tên chức việc của nó bưng trứng gà với thịt trâu đến dâng, ra lòng thành-khẩn lắm, nên Hoàng-đế sắc cho thị-thần thâu cho chúng nó vui lòng. Rồi chúng nó rước Ngài ngự-dụng rượu Mọi (rượu cần), sắp một hàng có hơn hai chục vò, mỗi vò cắm vài cái vòi hóp. Ngài ngự với quan Khâm có nếm thử. Vò nào Ngài không ngự nếm, thời tên Mọi chức việc đứng gần đó, cầm vòi hóp đưa dâng, tâu xin cho được Ngự dụng một chút là vinh-hạnh lắm.

Hoàng-Thượng thăm tầu Jeanne d'Arc ở Tourane

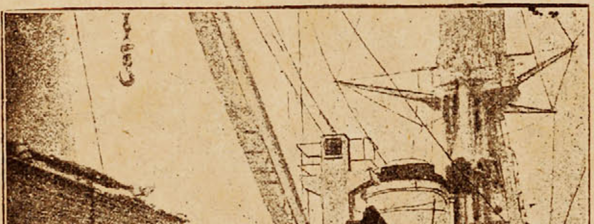

Hoàng-Thượng thăm tầu Jeanne d'Arc ở Tourane

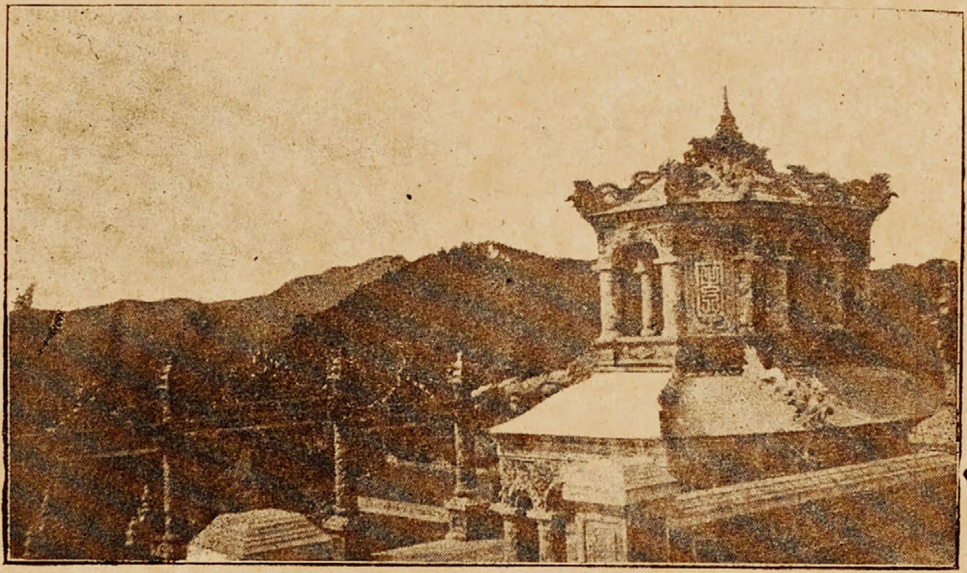

Trên lăng đức Khải-định

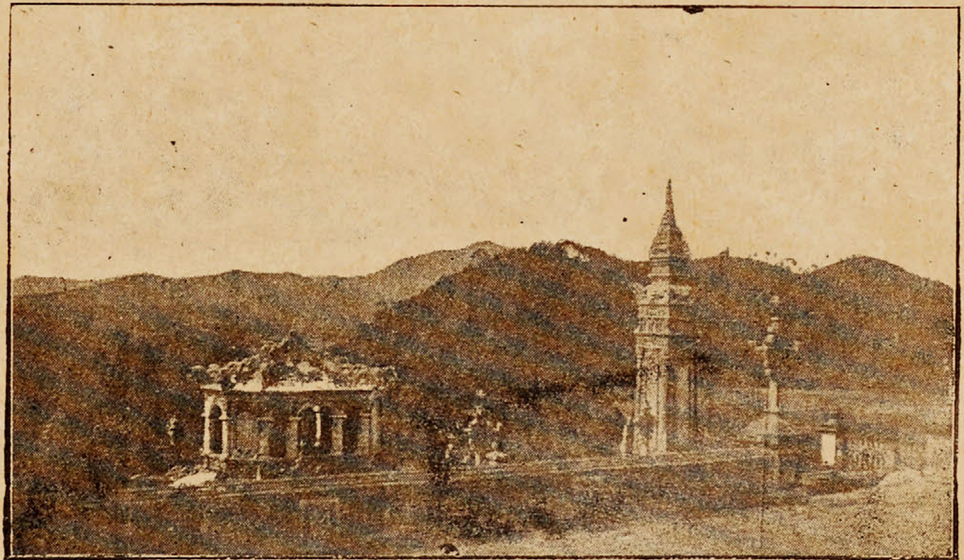

Trên lăng đức Khải-định

Kính anh Selleger

Ngài sắc cho tùng-thần uống cho vui lòng chúng nó. Trong lúc ấy nhạc Mọi đánh luôn. Nào trống cồng, nào đồng-la, inh-ỏi vang rừng. Ngài ngự duyệt lãm võ-sĩ Mọi. Chúng nó xách khiên cầm dáo, gùi tên giắt đao, mình mẩy vạm-vỡ lắm. Nguyên có ban cho Mọi mấy con trâu. Chúng nó cột trâu vào nọc, Mọi đi xung quanh vừa hát vừa đánh cồng, rồi nhẩy vào đâm trâu ngã xuống, xúm lại xẻ thịt chia cho nhau. Đến tối lại đốt đụn củi, kêu là «lửa vui». Tục Mọi ưa đốt lửa, khi nào có lễ vui mừng, chất củi lên như đụn rơm đốt chơi. Đụn củi này sắp trước tòa Sứ, cao phỏng 5 thước tây, chu-vi phỏng 20 thước, nguyên củi của Mọi gái gùi đến. Đốt từ trên chót trước, củi khô gió rông, lửa đỏ tưng-bừng. Giữa đêm tối, ngọn lửa sáng choang, nẩy lên thiên-hình vạn-trạng : khi như người múa, khi giống rồng đoanh, khi như núi, khi như cây, xem cũng lắm vẻ ly-kỳ quang-quái. Mọi thời mang trống cồng kéo nhau đi quanh đống lửa hò reo múa nhẩy theo nhịp, ra ý vui mừng. Đến khi lửa gần tàn, Mọi khêu than đỏ ra đem thịt chia phần khi chiều đó, nướng ăn uống rượu. Tục Mọi cũng có cái hay, là hễ có vật gì chia nhau, thời người nào cũng phải có phần. Như chia thịt đó, đàn ông, đàn bà, người già, con nít, đều mỗi phần in nhau, không ai thiếu.

Ngày 23 (17 Février)

7 giờ 15, khải Giá xuống *Banmethuot.*

8 giờ 40 đến *Pleiku*, Giá ngừng lại vào tòa Sứ ngự tảo-thiện.

8 giờ 50 khải-hành. Đàng đi giữa rừng.

10 giờ 05, đến địa-đầu *Darlac*. Có Mọi *Djarai* sắp hàng đánh trống cồng chúc mừng ra dâng sản-vật, (một bát gạo với hai, ba cái trứng gà). Quan Sứ Destenay và Quản-đạo Trương-kỳ chờ đó nghinh Giá. Ngài ngự ngừng lại một lát rồi khải-hành. Lại có tên Man-trưởng Khungjonob cũng cho tên cháu đứng chực cung-nghinh.

10 giờ 50, tới trạm Gia-leo (Ea Léao), Giá ngừng lại, truyền đem thiện-phẩm bởi theo sẵn, dọn tại trạm, Ngự-thiện. Trạm này của Mọi, làm cách nhà gác, tuy đã cũ rích, nhưng còn chắc-chắn. Cho tùng-thần thị-thiện. Ở đó im mát, phía trên tay trái, có một cái khe có cầu, bốn bề rừng rậm cây xanh, cảnh cũng đìu-hiu tịch-mịch.

11 giờ 35 khải-hành.

Chiều 1 giờ 40, đến đồn Buôn-hồ (km. 51—500). Mọi chực nghinh Giá đông lắm, chia ngồi hai bên đàng, bên thời Mọi gái bên thời Mọi trai, cũng có ý là nam nữ hữu-biệt. Cũng đem gạo, trứng, rượu để dâng : Mọi này là Mọi *Adham* và *M'dhur*. Khi Giá đến, gần hai trăm cái thanh-la, hơn 50 cái trống, đều đánh một lần, ầm-ỹ cả lên. Mọi đây đã khác mọi *Kontum* và *Pleiku*, có hơi khai-hóa hơn. Mọi trai bịt khăn, mặc áo cụt. Có đứa đội nón. Nón rộng và trẹt, như cách nón tàu. Mọi gái cũng khác có mặc váy, đầu trùm khăn hàng mùi, chân đeo kiềng bạc to bằng ngón tay, nặng chừng một nén.

Xét theo đồ trang-phục, thời Mọi này sanh-kế chừng khá hơn Mọi miền trên.

Ngự-giá ngừng lại một lát, rồi khải-hành.

3 giờ 15, tới *Banmethuot*. Cách *Banmethuot* chừng 3 cây số đã có Mọi gái Mọi trai chia nhau ngồi hai bên đàng cái mà chực hầu. Mọi này về giống *Rhadé*, người mình thường kêu là Đê. Cách phục-sức lại có vẻ phong-phú hơn Mọi *Adham* và *M'dhur* nữa. Mọi trai bịt khăn nhiễu đen, nhiễu huyền, nhiều vành, áo vấn cụt tay, may bằng xấn-phá, giữa ngực một dẫy nút liên-tiếp nhau chừng mười hai hột, tai đeo nhiều vòng ngà hay xương to tướng.

Còn Mọi gái thời đầu tóc bối (Mọi gái *Konlum* đầu trọc hay là tóc vấn), trùm khăn hàng mùi và choàng hầu cũng khăn hàng mùi, mặc áo cụt, vấn xiêm bằng xấn-phá, tay đeo vòng bạc, vòng đồng quấn luôn một dây từ cổ cườm vô gần tới cùi tay. Chân thời đeo kiềng bạc, cũng to như kiềng của Mọi gái ở Buồn-hồ, mà lại nhiều hơn. Đeo hai ba cái là thường, có đứa lại deo tới 7, 8 cái kể đến 7, 8 néu, cũng là khá nặng, vậy mà chúng nó đi đứng như thường, ấy cũng là thói quen đó thôi. Lại có đứa đi dù lục-soạn nữa.

Lại còn một cái quang-cảnh lạ nữa, là voi đứng đóng hầu một dây dài gần một cây số. Đếm cả thảy 162 con. Mọi nói rằng đó chỉ có một phần ít, vì là lựa đem đến đóng hầu đó, những voi dạn xe điện thôi, nguyên khi đem đến có đến 4, 5 trăm con, những con nhát xe, cho về cả rồi.

Đạo *Darlac* mới lập ra từ ngày tháng 11 năm Bảo-đại thứ 7 (*Décembre* 1932), chưa có Hoàng-cung. Ngài trú-tất tại một cái nhà gác của quan địa-phương sắp dặt làm cung «Hành-tại».

4 giờ 20, thiết triều bái-khánh tại Đạo. Quan Đạo tuyên-đọc hạ-biểu, rồi quan Sứ tâu chúc-từ. Hoàng-thượng đáp từ xong thời ban cấp huy-chương. Có tên Man-trưởng KHUNJONOB, tuổi phỏng gần trăm, đến chầu dâng một cây gươm Mọi cán ngà vỏ bạc, một tấm xấn lào và hai con voi con, tỏ ý thành-khẩn lắm. Ngài ngự ban khen và ban huy-chương đeo cho. Tên ấy tỏ lòng cảm-bội, chắp tay xá ba cái. Khi đến chầu đó, tên Man-trưởng này có đeo nhiều thứ huy-chương ; đã được thưởng ngũ-hạng bắc-đẩu rồi, tay cầm một cây gươm như gươm của quan Công-sứ; gươm ấy của quí-bảo-hộ tặng cho. Hiện làm chủ-tọa tòa án Mọi, hễ Mọi kiện nhau tòa giao cho va xử đoán. Nhà giầu lắm, vợ cũng nhiều, mà không con. Nguyên cha người này là người Lào, mẹ là người Đê, và chuyên nghề buôn với săn voi. Thường ngày cho gia-đinh đem voi vào rừng dụ bắt voi hoang đem về bán. Đi phỏng chừng vài ba tuần dã được một con voi, phí-tổn phỏng ba chục bạc, mà bán lại đến 5, 7 trăm, một ngàn đồng. Nếu được một con voi trắng đem bán cho Xiêm, thời lại được đến 5, 7 ngàn đồng. Vì vậy làm nên giàu, nhân đó người Lào mới kêu là KHUNJONOB, nghĩa là phú-trưởng-giả. Rồi va cũng tự nhận lấy tiếng ấy làm tên mình luôn.

5 giờ 10, Giá hạnh đồn lính khố xanh, lính toàn Mọi cả.

5 giờ 15, Ngự đến trường học. Học-trò đều Mọi cả. Học bằng tiếng Đê. Thầy An-Nam cũng có, mà dạy mấy lớp trên, chỉ nói tiếng Pháp thôi.

5 giờ 25, Ngự đến đồn lính khố đỏ, cũng là lính Mọi. Có quan sáu BIDON nhân ở Sài-gòn đến, ra nghinh giá. Có quan tư coi đạo binh ấy, dem lính ra diễn tập để ngự-lãm. Ngài có ban huy-chương. Xong rồi ngự quanh ngang qua làng Mọi, trở về Hành-tại.

8 giờ, Ngự thiện tại tòa-sứ.

Tại *Banmethuot*, người An-Nam phỏng chừng 160, có mấy cái phố buôn bán lơ-thơ, với ở các sở đồn-điền, phỏng được 140 người. Còn bao nhiêu là thổ-mán cả. Xứ này đất rộng và tốt, họ nói bắp trồng mỗi cây thường được ba, bốn trái, mà không người khai-phá, là vì quan Sứ trước là M. SABATIER riêng một chánh-sách, cấm không cho người An-Nam lên. Bây giờ cũng còn cấm người mình vào đến làng Mọi. Trong làng Mọi, nhà làm từng cái dài đến ba, bốn chục thước tây, chia ra từng gian, từng bếp, để cho bà con ở. Nhà nào giàu mua sắm đồng la, nồi đồng để làm của. Có nhiều cái đồng-la mặt rộng đến gần một thước tây, ấy là nhà hào-phú. Tục Đê hay ăn uống chơi bời. Trong làng nhà người nào lớn, có việc chi vui chơi, cứ nổi trống lên, thời đàn ông đàn bà kéo nhau đến ăn thịt uống rượu, rồi ra

sân múa hát. Cách múa thời người đàn ông đứng sau, người đàn bà đứng trước, đứng khít nhau, đều ngó tới một phía. Hai tay người đàn ông thời nắm lấy hai cổ cườm tay người đàn bà, cứ đứng một chỗ, theo nhịp trống vừa nhún vừa vỗ tay. Có khi lại đi lần tới, cũng là một cách « nhảy đầm » chăng! Chơi đùa cho chán gần sáng mới về.

Ngày 24 (18 Février)

7 giờ sáng, trời mưa nhưng không to. Người ở *Banmethuot* nói rằng đã lâu không hề mưa về mùa này bao giờ. Nay nhân Ngự-giá lên đây, mới có mưa, thật là cao-vũ. Và Ngài sắp ngự xuống Nha-trang, mưa cho dịu đàng ấy là vũ-sư sái-đạo.

8 giờ 25 khởi Giá. Các quan binh đem lính Mọi ra đóng chầu dài dằng-dạc hai bên đàng.

8 giờ 35, Giá ngừng lại một lát nơi sở đồn-điền *Arpéa.*

9 giờ 05, lại ngừng một lát nơi sở *Cada (Compagnie agricole de l'Annam).* Giữa đàng có kết phương-môn đề chữ Pháp: « *Vive l'Empereur, Vive l'Annam, Vive la France* ». Lại có chữ Hán « Thiên-tử vạn vạn tuế ». Ông quản-lý sở ấy là M. MERCURIA ra nghinh Giá. Rồi Ngự đến sở đồn-điền *Kaury.* Các sở đồn-điền người An-Nam làm việc phần nhiều.

10 giờ 50, Giá đến tòa Đại-lý *M'Drack.* Có Mọi ra chầu cũng nhiều, và có hai con voi đóng hầu nữa. Ngự-giá dừng lại, truyền đem thiện-phẩm bới theo dọn tại nhà khách-sạn (*bungalow*) Ngự-thiện.

11 giờ 50 khải Giá.

Chiều 1 giờ, đến địa-đầu tỉnh Khánh-hòa, nằm về giữa đèo, có thiết phường-môn bái-hạ. Hoành-ngạch đề bốn chữ: « Sơn hô vạn tuế ». Ngự-giá ngừng lại chừng 5 phút rồi khải-hành.

1 giờ 10, xuống khỏi đèo *Koc Kao,* mới ra đến đàng bằng. Từ *Kontum* xuống đến đó, đàng đi cứ xuôi xuống mãi, mà từ *Banmethuot* trở xuống, lại lắm chỗ khúc khuỷu quanh-queo, xe đi phải cẩn-thận lắm mới được.

1 giờ 15, đến làng Hậu-cờ, thuộc về phủ Ninh-hòa, có quan Sứ GEY và quan Tuần Nguyễn Văn-Hoành chực để cung-nghinh. Ở đó có Mọi thuộc mán Buôn-Mai-Dung đóng bái-hạ đánh nhạc nghinh Giá. Có một cái trống lớn hơn của các Mọi khác, mặt rộng hơn tám tấc tây, phía trên mặt trống, có treo ngang một dây lục-lạc, khi đánh trống tiếng dội lên, thời lục-lạc cũng rung mà kêu theo. Giá-ngự có ngừng lại một lát rồi khải-hành. Mọi này có mấy tên chức việc bịt khăn mặc áo theo cách An-Nam, nhưng cứ đóng khố, chứ không mặc quần.

1 giờ 55, đến phủ Ninh-hòa. Phương-môn bái-hạ trần-thiết chỉnh-đốn. Có phường nhạc-khí đồ tây của các bang Hoa-kiều ra tấu nhạc cung-nghinh, và học-trò sắp hàng cầm cờ Long-tinh tung-hô « vạn-tuế ». Khi ấy trời mưa săn hột, Ngự-giá vào phủ Ninh-hòa nghỉ một lát. Thiên-hạ chen nhau cung-chiêm. Tuy mưa hơi to, mà nỗ kể chi ướt-át, miễn lấn ra trước cung-chiêm cho được là mãn-nguyện.

2 giờ 10 khải-hành. Dọc đàng mỗi khoảng lại có phường-môn, bái-hạ, hoành-ngạch kết bông làm chữ, hoặc là « Thái-bình Thiên-tử », hoặc là « Thiên-tử vạn-tuế », hoặc là « Vạn-thọ vô-cương ». Cho đến các nhà ở cách đàng quan gần một cây số, cũng treo cờ khánh-hạ. Lòng tôn-quân thân-thượng của dân ta, Ngự-giá đến đâu cũng thấy như thế ấy, lại thêm dân Mọi cũng một lòng chuân-thành như thế kia, chắc Hoàng-thượng cũng nhân đó mà sinh ra nhiều mối cảm-tưởng.

2 giờ 50, Ngự-giá đến thành-phố Nha-trang. Có phường nhạc của học-sinh đánh bài quốc-ca chào. Ngự-giá ngừng lại một chút. Nhân-dân sĩ-nữ đến cung-chiêm nhiều lắm, chật ních như nêm.

3 giờ 10, đến phủ Diên-khánh. Phường-môn làm khéo như hình cửa thành, giữa đề : « *Vive l'Empereur d'Annam* ». Ngự giá ngừng lại xuống xe ngự bộ một khoảng, cho thiên-hạ cung chiêm. Học-trò cầm cờ sắp hàng đứng chầu hai bên đàng.

3 giờ 15, đến tỉnh-thành Khánh-hòa, ngự trú-tất tại Hành-cung.

4 giờ, thiết triều bái khánh. Tòa-thuộc và hưu-quan đều đến hậu-bái. Quan Tuần tuyên-độc hạ-hiểu, quan Sứ tâu chúc-từ, đại-ý nói : « Những người Pháp ở tại Khánh-hòa xin nối theo lời chúc-tụng của người An-Nam, mà kính-cẩn chúc mừng Ngự-giá đến thành Bình-khang này (triều đức Thế-tôn Hiếu-võ Hoàng-đế năm nhâm-tuất thứ 4, đặt là Bình-khang-dinh), là nơi giặc Tây-sơn chiếm-cứ 150 năm về trước. Sau có giám-mục Bá-đa-lộc (PIGNEAU DE BÉHAINE) và vài người Pháp, giúp sức đánh đuổi đi mà thâu-phục lại. Đến bây giờ binh-qua đã dẹp, mà người quí-quốc cũng giúp dùm luôn, cho nên tỉnh nhỏ, mà được hai sở thí-nghiệm có danh tiếng : Sở thí-nghiệm súc-vật và sở thí-nghiệm hải vật-học. Tỉnh Khánh-hòa ở gần biển, khí-hậu dễ chịu, để làm chỗ du-lịch và dưỡng-bệnh, thời hơn là làm trường kinh-tế, vì dân thời không giàu chi, mà sản-vật chỉ có cá thôi.

« Cũng vì dân không giàu chí, cho nên kinh-tế khủng-hoảng không đến nỗi thiệt-hại to. Nhưng mà lúa gạo bán không chạy, dân-gian không tiền, cũng phải chịu ảnh-hưởng kinh tế vậy ».

Hoàng-thượng đáp từ xong rồi ban huy-chương.

4 giờ 50, Ngài ngự đến trường nữ-học và trường bị-thể ở tỉnh, có quan Thanh-tra học-chánh Bùi Định nghinh giá cung-đạo. Học-trò trai và học-trò gái đều cầm cờ Long-tinh sắp hàng tung hô « vạn-tuế ».

5 giờ 10, Ngài ngự xuống tòa Nha-trang và đến tối ngự thiện tại tòa Sứ, xong rồi giá hồi Hành-cung.

Ngày 25 (19 Février)

9 giờ 15, khải giá từ Hành-cung ngự xuống Nha-trang.

9 giờ 35, ngự đến trường học, ở trường có làm một cái thể-băng, trần-thiết cũng trang-hoàng tráng-lệ lắm. Quan Thanh-tra học-chánh Bùi Định nghinh giá. Phường nhạc của học-sinh tấu bài quốc-ca. Khi Ngài ngự và quan Khâm thăng tọa rồi, có hai trò nữ-học sinh trẻ tuổi học trường « bà xờ » bước lên dâng một bó hoa và tuyên đọc lời cung-chúc mừng Ngự-giá. Ngài ngự thấy hai trò tuổi nhỏ và cử-chỉ lễ-phép, Ngài hôn trán ban khen. Rồi học-trò trai theo hiệu-lệnh của thầy giáo kéo hàng ra ca mấy bài cung chúc, xin lục nguyên-văn sau này :

Điệu hành-vân

« Vận thăng-bình, vận thăng-bình,
Biển lặng trời thinh, mừng Minh-chúa.
Đức sánh thinh-ninh, ơn ra dày rộng,
Tài học-vấn, trên mười năm du-học trùng-dương.
Hội phong triều vun nền giáo-dục, rày văn-vận, đà..... đại hanh, sự học-hành, càng ngày tấn-bộ càng..... văn-minh, văn-minh. Ngàn năm trông thấy, Ngự-giá Nam-tuần, hoa cỏ vui-mừng, bước đài xuân, đài xuân. Giống Lạc-Hồng, con cháu Rồng-Tiên, sân Rồng khép-nép, khấu đầu lạy chúc ba câu » :
« Một chúc : Thiên tử vạn niên,
Ngôi Rồng thánh kế thần-truyền ngàn [thu.
Hai chúc : thánh-đức càng cao,
Mở-mang giáo-dục dồi-dào ơn sâu.
Ba chúc : nước mạnh dân giàu,
Non sông vóc gấm, dẹp màu trời Nam ! »

Điệu đăng-đàn

I

Hội gặp hội, hải yến thêm hà-thanh,
Lòng minh-thánh, rộng xét dân-tình.
Rõ ràng quan-phong truyền-dụ, xe tuần-hạnh miền Bắc miền Nam.
Nào cương-vực địa-thế sơn-hà,

Soi rành lư-điêm tình trạng, chói-dọi mặt trời
Dạ càng mừng, mừng dạ, cung đàn tiếng địch,
Thấy càng mừng, mừng thấy ngọn đuốc soi trời Nam.

II

Mừng nghinh-giá, ngự-giá Nam-hành

Rõ ràng non sông đồ-bản, xem hòa thành, hòa khí, hòa phong.
Này non Yến, nọ nước sông Cù,
Một màu thinh-cao ngàn dặm, tranh vẽ họa-đồ.
Ngắm càng ngày càng đẹp, mưa nhuần sóng lặng.
Ngắm càng ngày càng đẹp, bờ cõi rạng Hoàng-oai.

III

Lòng thân-ái, một thể bông quì,
Ngọn cờ Long-tinh lừng-lẫy, muôn ngàn giọng người hát người reo.
Càng vui thấy, hội khánh y-thường,
Càng mừng minh-lương kỳ-ngộ, trong cuộc trị bình.
Học càng ngày càng rộng, văn-minh tấn-bộ,
Nước càng ngày càng thịnh, vạn vạn tuế tung hô!

Rồi đến học-trò con gái sắp ra hai bên, một bên thời ra hình chữ V, một bên thời ra hình chữ T. nghĩa là « vạn tuế », mà hát ca những bài xin lục ra đây :

Ca hành-vân

« *Ngự giá Nam-tuần, nghinh giá Nam-tuần, nô-nức thần-dân, hoa chào cỏ rước, tỏ dạ tôn-thân, ngàn năm một hội. Lâu-băng cờ xí, tiếng sanh-ca rộn-rịp gần xa, được trông thấy thái-bình nghi-vệ. Xe Rồng dấp-giới, rạng vẻ tôn-nghiêm, ái-đái sẵn niềm, ngọn đèn chói-dọi thấu lư-điêm, lư-điêm. Thoa-quần phận gái, nghiên bút ít nhiều, dâng khúc tiêu-thiều, hội trời Nghiêu, trời Nghiêu. Trông oai trời thăm-thẳm tấc gang, lòng quì nương bóng, kính dâng: Thiên-tử muôn năm!* »

Và một bài hát tây : *Les fleurs et les jardinières.*

Lại ca một bản kim-tiền :

« *Vui thay, bước khoan-thai, lên giữa cõi thọ vực xuân-đài, mừng trông thấy xe Rồng ngự tuần-phương, tuần Nam-cương. Xem đàng đàng, trông thăm-thẳm, ca thái-bình, tụng minh-chánh, sơn-hà chủ trời Nam, ngàn muôn năm. Trường tôi, nhờ ơn giáo-dục, ở chốn Nha-thành, học-hành theo đòi, theo đòi học chút nữ-công, theo đòi học chút nữ-công, kính dâng công-nghệ, dám nệ hèn sang, muôn tâu Hoàng-thượng bệ-hạ!* »

Mấy lời ca trên này, để phần âm-luật ra ngoài, chỉ xem lấy phần cấu-tứ, đủ tỏ ra tấm lòng thành-thiết với ý nguyện-vọng của giáo-ban vậy.

Khi hát có phường nhạc học-sinh đem *violon* đờn theo. Tiếng oanh thỏ-thẻ, điệu hát du-dương, nghe cũng hay hay.

Hát xong, viên giáo-học Đào Đăng-Hy ra lệnh cho hơn 100 học-sinh kéo ra giữa sân, diễn-tập thể thao. Mỗi trò cầm một cái cờ Long-tinh, theo nhịp nhạc của học-sinh và lệnh còi của giáo-sư, diễn đủ các lối thể-thao; khi uốn mình, khi ưỡn ngực, khi ngồi, khi đứng, khi tới, khi lui, đều rập-ràng phép-tắc, dáng-dấp ung-dung mà khỏe-mạnh. Diễn xong, Hoàng-thượng và quan Khâm ban khen. Có ban thưởng cho viên Thanh-tra Bùi Định một cái kim-khánh hạng nhất, và ban kim-tiền cho mấy viên trợ-giáo.

9 giờ 25, Ngài ngự đến sở thí-nghiệm súc-vật. Sở này của Bác-sĩ YERSIN lập ra để khảo-cứu thí-nghiệm các thứ thuốc trừ bệnh dịch chuột, bệnh chó dại cắn, bệnh thời-khí, lấy giống trồng đậu, v. v.

Trong sở chia ra từng chỗ bào-chế các thứ thuốc, và có để thú-vật, nào bò, nào chó, nào cừu, nào dê, để thí-

nghiệm. Khi Ngài ngự đến có Bác-sĩ YERSIN, mặc lễ-phục nghinh Giá và có một thú-y bác-sĩ cung-đạo Ngài ngự-lãm các sở và trần-tấu công-việc để Ngài đồng-tất. Lãm xong Ngài có ban huy-chương cho bác-sĩ YERSIN và các người khác. Thiên-hạ cung-chiêm ở ngoài, thì-thào với nhau rằng : « Dân Nha-trang được thấy hai điều lạ: một là chiêm-yết Long-nhan, hai là bác sĩ YERSIN mặc lễ-phục ». Họ nói rằng bác-sĩ khi nào cũng không trang-sức, cho đến khi quan Toàn-quyền đến, mà bác-sĩ cũng mặc áo thường thôi. Nay Ngự-giá đến, mới thấy bác-sĩ mặc lễ-phục là lần đầu.

10 giờ 10, Giá hạnh sở Hải-vật-học thí-nghiệm (*Institut Océanographique*). Sở này khảo-sát các thứ cá, có một chiếc tầu riêng. Khi Ngài ngự đến, có ông CHEVEY nghinh Giá cung-đạo. Trong sở có máy để chế-tạo nước mắm và bột cá, nhưng máy đang lắp chưa xong. Ông quản-lý có dâng Ngài ngự-dụng thử bột cá làm thành bánh, rồi cắt ra như hồ-tiêu. Họ nói rằng sau sẽ chế ra một thứ bột cá, dùng mà thay cho nước mắm, để đem đi xa cho tiện. Khi dùng thời bỏ bột ấy vào nước nóng, quấy cho đều, thành ra nước mắm. Tại trong sở có đủ các thứ cá dưới biển, lắm con lạ kỳ chưa hề thấy. Có con xanh thật xanh biếc, vàng thật vàng rực, đỏ thật đỏ nọc, trắng cũng trắng tinh. Có con trên lưng có một cái phướn, có con trên đầu có hai cái sừng, con ở cổ có khoang như đeo kiềng, con ở đuôi có chuôi như giắt dọc. Con hình như con phụng, con hình như chiếc tầu, thiên hình vạn trạng con nhỏ con to, tả ra không hết. Có mấy cái thùng bằng gương nuôi các thứ cá đẹp lắm. Họ cũng tùy theo tính của cá nuôi đó, trong thùng có để gành đá rêu đá, cho mấy con cá đó chạy vào chạy ra núp trốn. Còn cá khác, thứ thời phơi khô, thứ thời ngâm rượu; lại có các loài rắn ở biển, nhiều thứ dị-kỳ, cũng ngâm vào phẩu. Người làm việc ở trong sở đó nói rằng thứ rắn nào đầu nhỏ đuôi bằng đều là rắn độc, cắn chết người; còn thứ đầu to đuôi nhọn cắn không đến đỗi chi.

Sở ấy khảo-cứu loài cá kỹ lắm. Mỗi thứ có vẽ rõ hình cá và vẽ riêng một bên cái vảy cá nữa, rồi kê rõ vào sách gửi về Tây. Người Âu-châu khảo-cứu vật gì thật là cùng-nguyên cánh-ủy.

10 giờ 55, khải-hành dạo quanh đàng mé bể về ngả Cửa-bè.

11 giờ 10, Giá hạnh nhà hàng « *Beau Rivage* », ngự trà giải khát.

12 giờ, ngự thiện tại tòa Sứ.

Chiều 3 giờ 15, Ngài ngự Tháp-chùa (*Po-Nagar*), có thiết Ngự-tọa, ở đó trông ra phía biển cảnh đẹp lắm. Tháp này là cổ-tích Chiêm-thành, xây ở trên núi Cù-lao, thuộc địa-phận huyện Vĩnh-xương, thờ bà Thiên-Y-a-na Diễn-Ngọc-phi, tức tiếng Hời kêu là *Ponagar*. Trong tháp lớn có thờ tượng bà. Lại có một cái tháp nhỏ một bên, nhưng tháp đã hư sờn, phía sau có một cái nhà làm theo kiểu mới của trường Bác-cổ làm, tiếc rằng không hợp với cổ-tích. Theo như lời ký ở bia nơi tháp của cụ Phan Thanh-Giản làm năm Tự-đức thứ 9, ngày 12 tháng 5, và lời chép trong sách « *Đại-nam nhất-thống-chí* » thời sự-tích của bà Thiên-Y-a-na như sau này:

Tương-truyền rằng: Xưa có hai vợ chồng đã già mà không con, làm nhà ở chân núi, trồng-trọt làm ăn. Mỗi khi dưa chín, thường bị người hái, nên rình để coi, thấy một nàng con gái, chừng hơn 10 tuổi ở dưới bóng trăng, bẻ dưa mà vọc. Đến gần hỏi, thấy bộ ngây thơ, tranh lòng thương xót, dắt về nhà nuôi, yêu chuộng như con.

Một ngày kia, mưa to nước lớn, nàng nọ chạnh nhớ đến cảnh Tam-thần, nhổ bông đem trồng, chất đá làm núi, giả làm cảnh non tiên. Ông bà già kia giận gắt mắng rủa, nàng nọ đang buồn-bã bứt-rứt, vừa có một

cây gỗ già-nam lụt trôi đưa đến, nàng bèn núp mình vào cây, rồi cây cứ trôi thẳng ra biển, giạt vào bờ cõi Tàu. Người Tàu thấy lạ, rủ nhau kéo lên, mà nặng quá, đỡ không nổi. Lúc bấy giờ Thái-tử trong nước, tuổi đã đúng thời, kén người chăn gối, mà chưa gặp kẻ vừa lòng, đang bực-bội bâng-khuâng, nghe nói chuyện lạ, liền đi đến bờ biển xem. Thái-tử thấy vậy, tự đến nưng thử, thời lại nhẹ bong, bèn đem cây gỗ ấy về để trước đền. Lúc đêm trăng tỏ, Thái-tử ra sân dạo chơi, bâng-khuâng một mình, rờ-rịt cây gỗ, bỗng thấy bóng người thấp-thoáng ra dáng yêu-kiều, mà lại gần, thời nọ có ai đâu, đã nhiều lần như vậy mãi. Thái-tử tức mình, đợi đến canh khuya lặng-lẽ, ra núp rình xem. Chặp lâu, thấy rõ một nàng, chẳng khác gì Hằng-nga, Chức-nữ. Nhảy ra chận lại, nàng nọ muốn tránh thời đã bị nắm giữ lại rồi. Hỏi thời nàng mới tỏ nỗi sự-tình. Thái-tử mừng rỡ, thương yêu, dắt vào tâu với vua. Vua truyền bói, được quẻ tốt, sắc cho kết tóc xe tơ.

Vợ chồng hòa-thuận, cầm-sắt vui-vầy, lâu lâu rồi sinh được một trai, đặt tên là Trì, sau lại thêm một gái đặt tên là Quì. Gia-đình lạc-thú, chẳng hề chao-động chút nào.

Một ngày kia, bỗng dưng lại chạnh lòng cố-quốc, nhớ cảnh non xưa, tấc dạ ngùi-ngùi, khôn cầm chan-chứa, bèn dắt cả hai con, núp vào cây gỗ già-nam cũ, vượt biển về Nam, vào cửa Cù-huân, tìm nơi nhà cũ, thời đã vật đổi sao dời, hai ông bà ngày xưa chẳng còn đâu ở cõi trần-gian này nữa Mới noi theo chốn cũ, mở rộng vườn nương, lập miếu thờ hai ông bà xưa, báo đền nghĩa cũ. Nhân thấy dân ở miền núi, dại-dột thật-thà, không biết cách gìn-giữ làm ăn, mới đặt ra phép-tắc, dạy vẽ nghiệp-nghề và dạy cho điều hơn sự thiệt, giúp đỡ lấy nhau. Rồi lên tại chót núi đục đá vẽ hình, để mà thờ phụng. Ít lúc chi đó, đang giữa ban ngày, cưỡi chim loan bay mất.

Thái-tử Bắc-hải thấy mất vợ con, xuống ghe đi kiếm. Trai bạn ỷ-thế, đến đâu cũng lấn hiếp người ta, lại không lòng kính nể tượng thần, nên gặp gió to sóng lớn, chìm mất cả ghe. Ở nơi cửa biển, phút chốc nổi lên một bức bia đá cao to, mà chữ thời như chữ Khoa-đẩu xưa, không đọc được. Từ ấy về sau, nhiều điềm linh-ứng, thường cứ qua lại ở non Cù, lao Én, vừa giúp sinh-dân, ai cầu điều gì, linh-ứng điều nấy, nổi tiếng xa gần, nhiều nơi cúng tế. Rồi mới xây tháp trên núi Cù-lao để thờ bà Tiên-chúa ấy; lại xây một cái tháp nhỏ ở bên hữu, để thờ Thái-tử, phía sau tháp lại cất một cái miễu nhỏ thờ hai người con bà, phía bên hữu lại cất một cái miễu nhỏ nữa để thờ hai vợ chồng ông bà già xưa. Trước tháp dựng một cái bia, cũng một thứ chữ khoa-đẩu như là chữ trong bia nổi lên giữa biển vậy. Nay nơi vườn của bà khẩn, hoa quả sum-sê, ai lên đó, hái quả ăn mấy cũng được, mà hái đem đi thời không được. Mỗi lần đến ngày lễ, nào cọp, nào beo, nào tôm nào cá, cứ đến trước miếu như để hầu chực vậy. Người xưa kêu bà là « Thiên-Y-a-na Diễn-phi chúa Ngọc-thánh-phi ». Bản-triều lũy tặng : « Hồng-nhân Phổ-tế, linh-ứng thượng-đẳng-thần », lấy dân ở núi Cù-lao làm từ-phu.

Bây giờ ở Huế, tại điện Hòn-chén, với ở điện Hòn-cát, đều có đền thờ bà kêu là « Mẫu » cũng linh-nghiệm nhiều, thường đến tháng bảy là ngày hội rước-xách long-trọng lắm. Duy nghe họ kêu hai người con « mẫu » là hai cậu : Cậu Tài, cậu Quí, mà theo ở bia tại tháp Bà, thời lại con Mẫu một trai, một gái, trai tên là « Tri », gái tên là « Quí », vậy thời đâu đúng đâu sai ? Hay là người Huế ở xa tỉnh Khánh-hòa, nghe nói bấp-bông mà sai chăng ? Nếu như vậy thời cũng lạ lắm, lạ là thường hay lên đồng, mà Mẫu không dạy chỗ

sai lầm đó cho, hai vị con Mẫu mà cũng tự nhận là hai cậu, họ nói năng gì, hay là không phải thật « bóng Thánh » chăng? Lại thêm khi lên đồng, họ đóng theo lối Mọi và nói giọng Mọi cũng càng lạ nữa.

Hiện cái bia nơi Tháp là chữ Chàm, vậy thời Bà nguyên là khai-sáng ra Chiêm-thành chăng? Người Chàm lắm lúc tôn Nữ-chúa, cũng vì vậy chăng?

Bây giờ tục Chàm, cũng còn mẫu-thống. Đàn bà cưới đàn ông. Của-cải bao nhiêu để lại cho con gái, con trai thời chỉ cho một phần it thôi.

3 giờ 50, Giá hạnh nhà thờ Thiên-chúa, viên linh-mục VALLET ra tâu chúc mừng Thánh-giá. Nhà thờ hiện đang làm chưa xong, tầng thứ ba cao 16 thước tây, cố VALLET tâu rằng sau làm rồi cao đến 31 thước tây. Lên tới tầng thứ ba mà ngó xuống xung-quanh, thấy cả thành-phố như một bức họa-đồ.

4 giờ 15, Ngài ngự đến nhà thương. Bác-sĩ CHESNEAU nghênh Giá đọc chúc-từ, đại-ý nói nhà thương này lập ra từ năm 1907, tuy chưa được khuếch-trương cho to lớn để cho xứng-đáng với tỉnh này và thuốc cũng không được cho nhiều, nhưng người làm việc y-viện đều hết sức lo-lắng làm hết bổn-phận. Trong tỉnh lại có bốn sở khám bệnh cho thuốc ở các chỗ đô-hội nữa, như tại tỉnh-thành Khánh-hòa, tại Ninh-hòa, tại Ba-ngoi, cũng đủ thuốc men cho dân nhà quê. Lại nói thường năm phái đi các làng trong các phủ huyện khám bệnh cho thuốc và hiểu-thị cách vệ-sinh, với đi khám học-trò các trường trong tỉnh hay đau thứ nhất là bệnh đỏ mắt, mà thường hiểu-thị cách vệ-sinh, cũng có hiệu-quả. Rồi Bác-sĩ cung-đạo Ngài ngự-lãm các phòng bệnh.

4 giờ 55, Ngự-lãm sở đồn-điền Suối-giầu. Sở này thuộc về sở thí-nghiệm *Institut Pasteur* của bác-sĩ YERSIN lập ra từ năm 1897, kể đã 36 năm, tức là một sở khẩn lâu hơn hết ở trong Đông-dương. Diện-tích 300 mẫu tây, trồng cao-su và trồng cây kè dầu. Trong sở lại có nuôi nhiều thứ vật, chủ-ý để làm cho giống bò và giống cừu tốt thêm lên. Nên trong chuồng có nhiều con bò giống đem ở ngoại-quốc về, to lớn bằng hai giống bò của mình đây. Sở này lại cung-cấp thú-vật cho sở Thí-nghiệm Nha-trang chế thuốc. Chuồng nuôi bò và bể cạn để cho thú-vật uống nước, đều theo lối mới cả. Giữa sở có một cái suối kêu là suối Giầu, nên lấy tên ấy mà đặt tên sở. Hai bên bờ suối thuộc đất bồi-sa, trồng cao-su lên tốt lắm. Còn cây kè-dầu thời trồng hai bên đàng và riêng ra một vùng, lá xủ le-the đẹp lắm, xe đi dưới đàng kè như vào động tiên. Từ đã 15 năm nay, sở này giao cho M. GALLOIS làm quản-lý. Viên này cung đạo Ngài ngự-lãm các sở nuôi thú-vật và chỗ luyện mủ cao-su, có các máy ép làm thành tấm mỏng rồi đem xuất-cảng. Ngài ngự-lãm xong, viên quản-lý có rước Ngự-giá vào nhà dâng trà. Ngài có ban huy-chương.

6 giờ, Ngự về tỉnh. 8 giờ Ngự-thiện tại Hành-cung.

Ngự-thiện xong, rồi thiết cuộc múa hát và dạ-yến. Trước hết dạo đèn và múa Thiên-cầu với Kỳ-lân. Rồi múa bóng. Tám người đàn bà Hời, mặc áo hàng sắc, đầu đội mỗi người một cái lộc-bình, mỗi cái lộc-bình cắm một chùm đèn giấy kết với nhau. Họ vừa múa vừa hát, mà lộc-bình không nghiêng đổ, cũng đã khéo tập. Đến bọn học-trò con trai con gái, lần lượt vào hát chúc. Rồi múa tam-tinh. Sau hết đến hát bội. Hát tuồng Tam-quốc, lớp Quan-công phò nhị tẩu bỏ Tào về Hán Hát xong đốt pháo bông. Pháo làm cũng khéo, xổ ra liền, thòng giây đèn nhiều cách rực-rỡ. Pháo hết, Hoàng thượng ban mời các qui-quan dạ-yến. Đến hơn 11 giờ đêm Ngài ngự tấn Nội, các quan giải-tán.

SONG CỬ

(*Còn nữa*)

CŨNG AI TRONG BẠN TÂY-HỌC

Đây nói bạn tây-học là chỉ vào những người đã sang Tây du-học, đã được thân chịu những ơn giáo-dục hoàn-toàn, những cái học chuyên-khoa, tức là những người mà quốc-dân ỷ-vọng, tiền-đồ học-thuật của một dân-tộc ỷ-vọng. Còn như học ở nước nhà thì mới là cái học phổ-thông bậc trung trở xuống, sau khi ra nhà trường mà có phát-biểu được một đôi điều gì, cũng là do ở cái công-phu tự-tu thêm mà thôi, chưa phải là chỗ mục-đích tối-cao về đường tây-học vậy.

Đã lâu rồi, trên bể học Á-đông con thuyền cầu đạo đã quay mũi sang Đại-tây-dương, thì cái gánh trách-nhiệm thâu-thái lấy học-thuật mới, khai-hóa cho giống nòi, mà cải-tạo lại xã-hội, há không ở phái tây-học thì còn ở ai. Bọn môn-đồ họ Khổng-Khâu, đã không chiếm được cái chiếu độc-quyền trên đàn học-vấn như trước nữa, đã đem cái gánh trách-nhiệm trên kia mà nhường lại một phần lớn cho bọn môn-đồ họ SOCRATE, họ DESCARTES rồi, thì dân-tộc không chú-vọng cả vào đấy, còn chú-vọng vào đâu.

Phái tây-học đã thay vào cái địa-vị tôn-quí ấy, đã thừa-đương lấy cái gánh lớn-lao ấy, thì từ đấy nước nhà thịnh hay là suy, dân-trí tiến hay là thoái, học-thuật mở-mang hay là mòn-mỏi, trách-nhiệm không ở phái tây-học thì còn ở ai? Không những nước nhà, nhân-dân mong nhờ, mà đến chính ngay phái nho-học lão-đại nọ cũng phải mong nhờ. Mong nhờ để được mượn những cái đã « sở đắc » của phái tây-học tân-tiến ấy làm thước mà so vắn dài. Mượn làm đèn mà soi những chỗ luyệt-điểm để tự-tỉnh mà canh-tân, ở Nhật-bản như thế, ở Trung-quốc như thế, anh em bạn tây-học cùng hội cùng thuyền với ta, họ đã làm đầy đủ được cái gánh trách-nhiệm ấy cả rồi. Họ đã cáo vô-tội với nước với dân với sự học-thuật của họ rồi.

Còn ở Việt-Nam ta, tuy cái hoàn-cảnh, cái thời-thế của phái tây-học ta có khác với của bạn ta ở hai nước trên ấy, nhưng đó là về những vấn-đề thực-hành khác, đây chỉ nói riêng về một vấn-đề thâu-thái học-thuật, thì phái tây-học ta há không cũng cùng một trách-nhiệm ấy hay sao? Nói cho rõ ràng dễ hiểu hơn thì là trách-nhiệm đem những cái học đã sở-đắc phiên-dịch ra, trước-tác ra thành sách để lưu lại mà truyền-thụ cho người khác. Ấy thế mới gọi là học có sở-đắc. Cái sự-nghiệp, cái chí-nguyện của kẻ đi cầu đạo, đi du-học phương xa đến thế là đủ. Đối với nước với nhà với dân-tộc, đến thế là đủ cáo vô-tội rồi. Cái học như thế tôi gọi là « cái học của ông lão làm vườn » đó. Miễn là ta đem được hạt giống quí ở xứ lạ phương xa về gieo vào cái đất của tổ-quốc, thế là đủ hả cái lòng ta vượt bể trèo non đi tìm giống tốt rồi. Còn nẩy mầm xanh lá, còn khai-hoa kết-quả, mắt ta dù chẳng được kịp thấy ở ngày nay đi nữa, cái công ta cũng còn ghi-tạc lại mai sau. Vả ta đã làm được như thế, tức là ta hết bổn-phận, còn cái hạt giống quí ta đã đem về làm quà tặng cho đất nước kia, sau này có được nẩy-nở tốt-tươi lên hay là không. Ôi há có phải là trách-nhiệm của ta nữa đâu.

Ấy người ta sở-dĩ ỷ-vọng, tôn-quí phái tây-học ngày nay là ở đó. Còn như tùy-thời su-thế mà học, học để lấy tư-cách riêng, lấy lộc-vị riêng, tức tôi gọi

là « cái học của cô hàng buôn hoa ». Cô tinh mánh-khóe, có khéo liệu chiều chợ mà buôn để kiếm lấy cái lợi sáo-sỗi một thời, thì phỏng ai còn có ý-vọng, có tôn-qui mà làm chi.

Nay nói đến cái công-việc dịch sách và làm sách của hai phái tây-học ở Nhật-bản và Trung-quốc, cho biết sự-nghiệp đối với học-thuật, ơn-huệ thấm gội cho quốc-dân của hai phái ấy là thế nào.

Về một mục sách giáo-khoa, vì hai nước ấy đều lấy chữ quốc-văn để giảng học, cho nên ai đã tốt-nghiệp được khoa gì, sở-đắc được cái học gì, là phải dịch ra, hoặc dọn ra thành sách mà truyền-thụ cho các lớp trong học-hiệu ngay. Thế cho nên những sách giáo-khoa về các môn học như triết-học, sử-học, luân-lý-học, chính-trị-học cùng các khoa các nghề thực-dụng-học, v. v., ở Tây-phương có thứ sách gì thì họ cũng phải có đủ những thứ sách ấy. Cái đó dã cố-nhiên không phải kể tường ra đây nữa, chỉ xem qua một quyển Đồ-thư mục-lục của hiệu sách Thương-vụ ấn-thư-quán ở Thượng-hải Trung-quốc thì đủ hiểu.

Còn như những sách hoặc thông-dụng cho cả trong ngoài trường học, hoặc chuyên dùng ở ngoài trường học, như là những sách về học-phái, học-thuyết, những sách uyên - nguyên về đạo-học, khoa-học, đều kén chọn lấy những thứ quan hệ và giá-trị nhất của cả các nước Âu Mĩ mà dịch ra hết. Thật là phong-phú, thật là hoàn-toàn, khiến cho quốc-dân, cho người Đông-phương về sau chỉ nhờ vào những sách ấy, mà cũng được tắm gội những giáo-hóa của các đấng hiền-triết bên Thái-Tây. Cũng khai-thông, cũng yêm-bác, cũng nghiễm-nhiên một vị sư-biểu, một vị danh-nhân trong đàn tân-học. Nhờ vào đó mà đem cái học mới sát-hạch lại cái học cũ, mà nghị-luận mà trước-tác thành thuyết riêng một nhà, gạn lọc điều-hòa cả hai cái tinh-thần lại mà gây nên một nền học-thuật, một nền văn-hóa mới. Há không phải là sự nghiệp là công-ân của những người đi du-học tặng cho đó dư? Kể những hạng nhờ những sách dịch mà thành danh-gia như thế, từ nửa thế-kỷ 19 lại đây nhiều lắm, nay đan-cử một Lương Khải-Siêu để làm chứng.

Lương Khải-Siêu, một nhà nho, một nhà tây-học—học bằng sách dịch—, một nhà chính-trị, một nhà văn-hào, đã từng có ảnh-hưởng lớn về cái tư-tưởng canh-tân cho Trung-quốc và Việt-Nam. Sự-nghiệp nay còn ở một bộ sách « *Ẩm-băng thất văn-tập toàn-biên* 飲冰室文集全編 ». Trong bộ sách đó rút những tinh-thần của ba cái nguồn Nho-học, Phật-học và Tây-học mà phát-huy ra. Nhất là về cái nguồn Tây-học, nào những uyên-nguyên về học-phái, về triết-học, về khoa-học, từ thượng-cổ đến trung-cổ đến cận-thế đến hiện-thế. Từ Hy-lạp đến La-mã đến nước Pháp nước Anh nước Đức nước Mĩ. Nào xa thì bảy nhà hiền-triết (7 *Sages*) Hy-lạp làm sơ-tổ cho triết-học khoa-học đời sau. Nào gần thì thuyết thực-nghiệm của BACON, thuyết tồn-nghi của DESCARTES, thuyết xã-ước của ROUSSEAU, thuyết tam-quyền về chính-trị của MONTESQUIEU, thuyết nguyên-phú của SIMITH, thuyết quốc-gia của BLUNTCHLI, thuyết tiến-hóa của DARWIN, thuyết triết-học điều-hòa của KANT, thuyết lợi-lạc của BENTHAM, và lịch-sử kinh-tế-học vân-vân. Ai là đại-danh, thuyết nào có ảnh-hưởng lớn. Thuyết nào nhân của thuyết nào, thuyết nào phản với thuyết nào. La-liệt nghị-luận và phê-bình tinh-tường đầy đủ, tưởng những chỗ tinh-thần, nơi cốt-yếu trong rừng tây-học, đã tóm tắt được nhiều lắm. Còn những sử-lược của các nhà phát-minh khoa-học chưa kể. Ấy xem một người học tự-tu ở ngoài nhà

trường, chỉ đọc những sách dịch mà được như thế, thì biết công-phu dịch thuật to là dường nào.

Lương Khải-Siêu khảo-cứu về một thuyết lợi-lạc của BENTHAM mà phải nhờ đến 15 bộ sách vừa dịch vừa làm như sau này :

1.— Lập-pháp luận-cương 立法論綱 Điền-khẩu Mão-cát dịch.

2.— Lợi-học chính-tông 利學正宗 Lục-úc Tông-quang dịch.

3.— Chính-trị chân-luận 政治眞論 Đằng-điền Tứ-lang dịch.

4.— Dân-pháp luận-cương 民法論綱 Hà-lễ-chi dịch.

5.— Théory of Legislation nguyên của BENTHAM làm.

6.— Lý-học duyên-cách-sử 理學沿革史 Trung-giang Đốc-giới dịch.

7.— Thuyết luân-lý của phái chủ lợi-lạc, Trung-giang Đốc-giới dịch.

8.— Tây-dương luân-lý học-sử 西洋倫理學史 Cương-đảo-vinh Nhất-lang làm.

9.— Luân-lý học-thuyết phê-bình, Sơn-biên Tri-xuân dịch.

10.— Luân-lý-học, Trúc-nội Nam-sơn làm.

11.— Lược-truyện các nhà triết-học Tây-dương, Điền-trung Thái-ma dịch.

12.— Liệt-truyện các nhà chính-trị học Thái-tây— Bản-sơn-đằng-thứ-lang dịch.

13.— Quốc-hiến phiếm-luận 國憲汎論 — Tiểu-giã-tử làm.

14.— Pháp-học thông-luận —Cương-thôn-tư làm.

15.— Chính-thể-luận, Hữu-hạ Tràng-hùng làm.

Coi đó thì biết còn các cái học khác nữa sẽ đầy đủ là dường nào. Đến như cái tài dịch sách thì quyển « Thiên-diễn luận » của HUXLEY mà Nghiêm-Phục người Tàu đã dịch, các học-giả Tàu đều công-nhận là dịch hay hơn nhất cả các sách dịch ở Đông-phương. Không những lời văn đã hùng mà lại dùng được nhiều những danh-ngôn trong kinh-điển cùng sách *Chư-tử* thay vào. Người ta cho là quyển sách dịch ấy đáng sánh với các sách đời Đông-Châu là nhờ ở tài dịch-giả. Sách ấy nhiều nhà nho nước ta đã đọc qua.

Còn như tiểu-thuyết là hạng sách thường, thế mà một hiệu sách Thương-vụ ấn thư-quán từ hơn mười năm trước đã dịch và xuất-bản được đến hơn 200 thứ tràng-thiên của khắp các nước đủ các lối. Ấy cái nền móng học-thuật, cái lâu-đài văn-hóa về tân thời-đại này của hai nước trên ấy mà được rực-rỡ, tốt đẹp như thế há không phải là công-đức của phái tây-học tặng cho thì của ai ?

Không những ở Trung-quốc, mà đến những báo-chí, những sách-vở bằng quốc-ngữ ở nước ta, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu danh-từ cũng là có nhờ cái công-đức ấy một phần lớn. Mà ta biết tôn-quí, yêu chuộng về đường học-thuật Thái-tây cũng là nhờ có những sách dịch ấy.

Nay quay lại nước ta xem sự tây-học như thế nào.

Hiện nay thì trong nhà trường ta còn phải học bằng tiếng Pháp, cho nên sự dịch sách tựa-hồ như không cần lắm, vì những sách vở bằng chữ Pháp đã sẵn-sàng cả không thiếu gì. Tuy thế nhưng một thứ tiếng độc-âm với một thứ tiếng đa-âm không có thể làm thế nào mà đồng-hóa với nhau như cách học hán-tự ngày xưa được. Thế mà muốn đem cái tinh-thần tây-học truyền-bá làm phổ-thông để mà cải-tạo lấy học-thuật, văn-hóa, thì những sách thông-dụng trong ngoài nhà trường, hoặc chuyên dụng ngoài nhà trường, cùng những sách về lối học tự-tu,

không kịp dịch ra quốc-ngữ không được.

Trên kia tuy nói có sách dịch của Tàu giúp cho ta, nhưng những hàng sách Tàu họ buôn sang, bác-tạp không đủ môn-loại, muốn nghiên-cứu về một cái học gì thật khó quá. Vả ta chịu giáo dục nước Pháp, đối với tây-học ta còn thân-thiết hơn ở Tàu, thì công-việc dịch sách có lẽ ta còn tinh hơn người ta. Như vậy thì bạn tây-học ta, địa-vị đối với học-thuật của ta với văn-hóa của ta, há không quan-hệ, mà trách-nhiệm há không trọng-đại lắm dư ?

Nói về bạn tây-học nước ta. Cách hơn 60 năm lại đây, có Nguyễn Tràng-Tộ là một nhà nho sang du-học thành *Paris* về, tinh-thông nhiều khoa-học mà có chí-khí lớn. Có tài phiên-dịch. Nay đọc một tập tấu đối của tiên-sinh dâng vua Tự-đức, thì biết cái tài tây-học của tiên-sinh còn hoàn-bị hơn Khang Hữu-Vi, Lương Khải-Siêu ở Tàu, Phúc-trạch Dụ-cát ở Nhật. Song tiên-sinh về nước được dăm năm, đang mải vận-động để thực-hành việc cứu-cấp cho nước, thì tiên-sinh mất.

Từ đó con đường du-học dứt quãng đi một hồi lâu. Từ đó tới nay trong bạn tây-học cũng không có một nhân-vật nào như Nguyễn Tràng-Tộ tiên-sinh nữa. Kế đến vài mươi năm lại đây, con đường sang Pháp du-học lại nối lại. Các thanh-niên tuấn-tú của ta lại lục-tục sang du-học bên Pháp cũng đã được số đông, thì ai mà không lấy làm mừng rỡ, lấy làm ỷ-vọng. Cho nên nhà nào không đủ thì các hội học giúp thêm tư-lương, lúc đi bè-bạn chúc, lúc đỗ về các báo mừng và các hội hoan-nghênh mở tiệc. So với cái lối hàng tổng hàng huyện đi rước cờ biển của ông Nghè ông Trạng hư-văn như ngày xưa còn chân-tình mà vinh-quang hơn nhiều. Nghĩa là ngày xưa là bởi quốc-lệ bắt-buộc, mà ngày nay là bởi hi-vọng chung xui ra.

Xã-hội nòi giống sở-dĩ đem thịnh-tình cung-đãi, đem chân-tâm tôn-tín người có chí có công, người chịu xa làng nước thân-ái, trèo non vượt bể đi du-học phương xa như thế, há xã-hội nòi giống không mong-mỏi ước-ao sẽ được hưởng cái quả quí của đất phú-cường, cái hạt giống văn-minh của Thái-tây đem về cũng như ở Tàu ở Nhật dư ?

Cửa học-vấn tiêu-sơ, nền văn-hóa tồi-tàn, cuộc sinh-nhai eo-hẹp, đã có người thay vào địa-vị, đứng ra mà bồi-đắp mở-mang cho ngày thêm phong-quang thịnh-vượng mới-mẻ hơn lên. Ấy tức là phái tây-học ta đó. Tức là cái sự-nghiệp thâu-thái học-thuật của phái tây-học ta ngày nay đó. Ấy thế mà sao đến nay những cái mong-mỏi ước-ao kia vẫn chưa được chút chi hả dạ, là cớ làm sao ?

Phàm nước nào đã có người chịu được một cái học gì ở nước ngoài mà người ấy có truyền-thụ lại cho đất nước xứ-sở mình được, thì mới gọi là học có sở-đắc cho nước nhà. Cái đời học-vấn của người ấy mới là bất-hủ, mà xã-hội giống-nòi mới đáng mong-mỏi ước-ao. Bằng không thì dù đến trăm nghìn năm, ức triệu người, cứ đi cầu học khắp bốn phương, chẳng qua cũng chỉ là vì cái kế riêng nhất-thời của một mình, chứ có sở-đắc gì cho xứ-sở. Mà như thế thì nước ấy cũng không gọi là đã có người đi du-học rồi vậy. Nay dẫn hai việc của hai người đã sang Pháp học được hai nghề thực-dụng như sau này để chứng-thực cho lời nói trên ấy.

1o— Một nhà Bác-sĩ y-khoa, họ Mỗ, ông vừa học thuốc tây ở đây lại vừa sang Pháp học và chữa bệnh. Nghề làm thuốc tây của ông đã có tiếng là hay lắm. Lúc học ông hết bổn-phận học, lúc làm ông hết bổn-phận làm. Ông thường thuật chuyện lúc ông học làm thuốc ở bên tây, ông dụng-công mà thóc-mách

tìm-tòi được nhiều phương-pháp bí-truyền, cho nên về nghề làm thuốc tây, ông có tâm-đắc được nhiều. Ông lại đi cung-chức ở các nhà thương lâu năm càng kinh-nghiệm được nhiều.

Từ khi ông ra làm thuốc đến nay đến hơn 30 năm. Lấy cái học-thuật của ông, lấy cái kinh-nghiệm của ông, lấy cái tài-năng công-phu của ông như thế, nếu ông lấy làm trọng-quí, lấy làm yêu tiếc, soạn-thuật ra mà truyền-thụ lại, thì ông há không phải là một vị khởi-sáng về nghề y-học mới ở nước ta sau này dư. Kể cái tài về y-học ấy, Trung-quốc, Nhật-bản đã dễ mấy người hơn ông được. Nhưng không thấy ông có soạn-thuật gì, nên ít người biết đến cái tài học của ông.

2.— Ông này thì không học bằng chữ ở học-đường mà chỉ học cách tập việc ở xưởng máy. Không phải cái nghề to-tát mà chỉ là một cái nghề mọn. Không lưu được công-ơn với xa mà chỉ lưu được công-ơn với làng với tổng. Tức là ông tổ làm cái đèn hoa-kỳ tráng kền vậy. Ông là họ Trần vốn nghề làm ruộng ở vùng Nam-định. Hồi đại-chiến ông làm lính thợ sang Pháp, vào làm ở sở gò đồng, dụng công học lấy những phép cần-dùng. Lúc về dựng một xưởng thợ ở làng để chế các thứ đèn hoa-kỳ tráng kền và gò các thứ đồ dùng khác. Cho người làng vào tập việc, biết làm rồi thì giả lương. Đèn hoa-kỳ của sở ông tốt và bền, bán chạy lắm. Người làng người hàng tổng nhân vào làm sở ấy lại biết được nghề thợ hàn. Nay có đến hàng trăm cái gánh đi hàn đi bịt khắp mọi nơi.

Ông mở sở ra được có tám năm thì chết. Những người học được nghề của ông mà có chức-nghiệp sinh-nhai đều nhớ ơn, cứ đến ngày giỗ ông thì đóng góp nhau làm lễ kỷ-niệm, gọi là giỗ tổ.

Xem hai truyện trên ấy thì biết đạo-nghệ không cứ lớn nhỏ, hễ có truyền-thụ lại được thì người đã học được ấy mới có công-ơn với đời, sự-nghiệp mới là bất-hủ.

Lão-tử nói : Người nào chết mà không mất là người thọ, tử nhi bất vong giả thọ 死而不亡者壽. Tấn Vương-Bật chua nghĩa rằng : Chết mà không mất là thân chết mất mà đạo vẫn còn — thân một nhi đạo do tồn 身沒而道猶存. Coi đó thì biết chỉ có cái đạo-học, cái sự-nghiệp của mình mới là thọ mà thôi, còn cái thân kia. « Lấy gì làm nhục làm vinh, trăm năm ra đám cỏ xanh rì-rì, (*Cung oán*) ». Thân rồi còn thành ra đám cỏ xanh nữa là nhà lầu, nữa là xe hơi, nữa là vợ đẹp, nữa là con khôn, nữa là két bạc, nữa là đồn-điền.

Chúng ta là trang học-thức, ngày đêm sống ở trong chốn đạo-đức nghĩa-lý, há lại không nghĩ mà chịu kém cái bác xã ở thôn-quê, chú vệ trong đội lính trào-mào là cái ông tổ thợ gò đèn hoa kỳ và thợ hàn kia dư ? Thế mà sao địa-vị kia, trách-nhiệm kia, sự-nghiệp truyền-thụ đạo-nghệ kia, đến nay vẫn còn vắng-vẻ lắm. Không những vắng-vẻ mà cái lòng mong-mỏi ước-ao của xã-hội giống-nòi toại-thành phản trái cả. Thậm-chí vì thế mà nhiều người lo cứu thời-tệ, bàn vãn-hồi lại cái học-phong của cổ-nhân tức là cái học-phong nhà nho về Lý, Trần, Lê ngày trước. Đó cũng là cái ý-kiến bất-đắc-dĩ chứ có phải là vô-cố đâu. Phỏng-thử cái kết-quả sự tây-học mà cũng tốt-đẹp gần như ở Tàu ở Nhật kia, thì ai lại còn phải nghĩ đến cái ý-kiến giật lùi ấy mà làm gì. Vậy chúng ta cũng nên nghiên-cứu cho biết những cái trở-lực ấy ở đâu, để mà lo cách sửa đổi lại. Hoặc-giả nói vì ba cớ sau này :

Một là, nhân-vật là bởi hoàn-cảnh tạo-thành. Bàn về nhân-vật mà không xét đến hoàn-cảnh thì oan cho người đời.

Hai là, phàm đi cầu học-thuật ở nước khác mà muốn tất có công-hiệu

thì trước phải có một cái học cũ của nước mình để lót dạ đã, lại phải định lấy cái mục-đích cầu học cho cao-thượng. Có cái học cũ thì mới biết mà so-sánh, có mục-đích cao-thượng thì mới khỏi đi sai đường, mà lúc học thành rồi về liền đem truyền-thụ ra ngay được. Ví như đi chợ sắm đồ, phải định mua cái đồ gì và mua về để làm gì. Lại ít ra cũng đã hơi hiểu về tính-cách của cái đồ định mua ấy. Như thế thì tất chọn được của tốt mà đồ mua về dùng được ngay không bị bỏ đi. Xem như Nguyễn Trãng-Tộ sang *Paris* có ít năm mà đại-thành như thế là vì ông học Nho đã thâm và có trí lớn đem đi. Nhật-bản từ trước đến giờ, phàm phái người đi du-học cũng đều phải như thế cả.

Ba là, không phải không có người hữu-chí, nhưng học thành về rồi, muốn đem truyền-bá ra thì tiếng nước nhà không đủ. Muốn dùng những tiếng về danh-từ, về nghĩa-lý cho đối chọi xứng-đáng với tiếng Tây, tất phải học Hán-tự mà học thì khó lắm. Ấy một sự phiên-dịch còn thế, đến như sự trước-tác thì lại vì thế mà còn khó hơn.

Vì ba cớ ấy mà cái kết-quả tây-học chưa có thể cầu cho chóng ngay được.

Cứ như lời của hoặc-giả thì hai cớ trên thực là có lý lắm. Song đó là đối với những người tầm-thường mà thôi. Chứ đã gọi là học-giả, đã tới đến bậc đại-nhân chi-học mà không vượt ra ngoài vòng lưu-tục, ngoài vòng khuyên-sáo được thì sao là hào-kiệt. Vả dẫu không có cái học cũ để lót dạ đi nữa, thì cứ một những đạo-lý văn-chương trong sách tây, chứa-chan bao nhiêu cái tinh-thần tỉnh-tao, tư-tưởng hoạt-động mà không đủ cảm hóa, không đủ phản-xạ ra làm sự-nghiệp hay sao. Mạnh tử nói : « Đợi có vua Văn-vương là đấng thánh-nhân cảm-hóa cho mới hưng-khởi lên được, đó là kẻ tầm-thường. Đến như kẻ sĩ hào-kiệt thì tuy không có vua Văn-vương cũng vẫn cứ hưng-khởi được ». Ôi, cứ như lời cụ Mạnh-tử thì nước ta ít kẻ sĩ hào-kiệt lắm hay sao.

Còn như cớ thứ ba mà nghi-giả cho là vì ta ít tiếng mà Hán-tự thì khó học, thì thực là vô-lý lắm. Nói rằng nước ta không đủ tiếng, thì sao không xem trong thế-giới, trừ vài nước làm tổ-quốc cho văn-minh cũ ra, thì nước nào mà không phải mượn thêm tiếng của cái nước đã tạo ra thứ văn-minh gốc cho mình phải theo từ trước kia. Như nước Pháp, nước Anh, nước Đức, v. v. là đều phải mượn thêm những tiếng về học-thuật của Hy La cũng như nước ta, nước Nhật, nước Cao-ly phải mượn thêm của Tàu vậy.

Mượn tiếng là một cách khó-khăn thì không đâu bằng ở Nhật-bản. Tiếng Tàu là thể độc-âm, tiếng Nhật là thể đa-âm. Chữ Tàu là lối tượng-hình, chữ Nhật là lối tiêu-âm. Hai bên trái nhau như thế, thế mà trong văn-tự Nhật đã mượn tiếng Tàu luôn vào, lại phải viết cả cái hình chữ Tàu ấy vào nữa. Như thế có phiền-phức không. Thế mà người ta lại lấy làm tiện, người ta dịch-thuật trước-tác như thường. Một người Nhật đi du-học về, phải biết chữ Hán-văn và chữ Hòa-văn mới truyền-thụ được đạo nghệ của mình ra được. Thế sao người ta không kêu là nước ít tiếng. Vả, tuy là người Tàu đó mà ít học thì nghe những danh-từ trong kinh-diển cũng chẳng hiểu là gì. Ở Pháp ở Anh cũng như thế cả. Thế thì biết những tiếng về học-vấn không bao giờ thông-dụng ở cửa miệng kẻ ít học được. Nước ta mượn thêm Hán-ngữ cùng một loài độc-âm, cũng như nước Pháp mượn thêm tiếng Hy La cùng một loài đa-âm, ta lại viết Hán-ngữ bằng một lối quốc-ngữ là lối tiêu-âm cả, thì há không tiện-lợi hơn như ở Nhật-bản lắm sao.

Lại như nói rằng Hán-tự khó học, nói thế thì là kẻ lười, hoặc không dám tự-tín cái học của mình mà thoái-thác đó thôi. Sao không xem những việc du-hí, có lắm cái cũng khó mà người ta cũng tập được để mà chơi. Nữa phương-chi là cái công đắp núi chỉ còn một sọt đất nữa là xong, cái công cầu học chỉ thêm một ít Hán-học nữa là thành. Thành nhà bác-học, nhà danh-sĩ, thành ông thầy ông tổ cho một nghề-nghiệp gì, mà lại ngại khó mà thôi dư!

Phải biết rằng Hán-ngữ đã hóa lẫn vào làm tiếng của các ngôn-ngữ Đông-phương lâu rồi. Nho-học đối với học-thuật thế-giới không phải là không có giá-trị, nó lại thâm-căn cố-đế vào trong tính-tình người Đông-phương rồi. Người Nhật-bản thường lấy được học đạo Nho làm tự-hào, thường đem những thuyết «nhân-nghĩa» của Nho-đạo, làm sách bằng tiếng Anh mà biểu-dương ra với Âu-châu. Vậy mình không khỏi phải sống ở Đông-phương, muốn làm bác-học, làm danh-sĩ, làm thầy làm tổ một nghề gì ở Đông-phương, lớn nữa làm thánh làm hiền ở Đông-phương cũng không biết chừng. Thế mà lại không biết đến cái tiếng quan-hệ của Đông-phương, không biết đến cái học cối-gốc của Đông-phương thì sao cho thành được.

Vậy ai có cái chí lớn, muốn có cái sự-nghiệp lớn về đạo nghệ đã nói như trên ấy, cho xứng-đáng với địa-vị với trách-nhiệm mà xã-hội nòi-giống đang chờ mình, thì ngoài cái công-phu luyện-tập tây-học ra, trong khi đang tòng-học, sau khi đã thôi học, phải nên bớt thì giờ mà học thêm về Hán-tự, Nho-học cùng sử-sách văn-chương bản-quốc. Thời-thường lấy đó mà thử so sánh với những cái đã biết trong tây-học lại thường thử dịch ra từng đoạn cho quen. Làm như thế không sợ ngăn-trở mất cái công-phu tây-học, chính làm như thế lại giúp cho mình chóng thông-hiểu tây-học một cách chân-thực đó.

Sống trong hoàn-cảnh, đứng trong thời-thế ngày nay, cái sự-nghiệp của kẻ học-giả chỉ có truyền-thụ được đạo-nghệ mà cải-tạo học-thuật, cải-tạo văn-hóa cho nước nhà là cần-thiết hơn cả. Nếu đã không làm nổi như thế thì cũng không nên bỉ-báng bạn Nho-học gần đây là hủ-bại làm gì nữa.

Phải biết hủ-bại là ở người đi học, chứ không có cái học gì hủ-bại bao giờ. Vô-luận Tây-học Nho-học, hễ kẻ theo học nó mà không thâm-đắc được chỗ tinh-thần, không suy-diễn làm ra của riêng mình, không truyền-thụ ra cho đất nước được thì đều là hủ-bại cả. Mà cái hủ-bại ấy mới là cái hủ-bại tầy-đình. Hủ-bại cho cả nòi-giống.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

NHÂN-VẬT TRONG LỊCH-SỬ TRUNG-HOA

So sánh nhân-vật ngày xưa ngày nay

Phàm nhân-vật đảm-nhiệm được đại-sự, kiến-lập được đại-công, mà thành được đại-danh ở đời, gọi là nhân-vật lớn. Những nhân-vật ấy khi xuất-hiện cho đến khi thành-tựu, có nhiều nguyên-do. Vì những hạng ấy tất có cái nguồn sâu-xa mà sản-xuất ra, không phải là phút chốc dễ-dàng mà đã có được hạng nhân-vật ấy. Nhưng tóm lại, có thể lấy ra mà làm căn-cứ được, thì cũng chỉ có mấy điều như sau:

Một là do cái khí thiêng-liêng của giang-sơn mà chung đúc ra, tức là nghĩa « Địa-linh nhân-kiệt », đất hay thì sản-xuất người hay.

Hai là do cái giáo-dục của lũy-thế mà truyền-thụ lại, như là người ấy vốn là con cháu ông ấy, người này vốn là học-trò ông này, khi phát-hiện với đời, vì có phúc mà con lại hơn cha, vì có tài mà trò lại hơn thầy.

Ba là do cái cơ-hội của thời-thế mà tạo-thành ra, người ấy vốn có đại-tài trác-kiến, lại gặp được có cơ-hội tốt, người ấy khéo tùy-thời thuận-thế, khác với những kẻ tài thiển trí thô.

Bốn là do cái sức học vấn mà đào-luyện ra, hàm-dưỡng một cách lão-luyện thâm thúy, biết cổ biết kim, khác với tục-học, tức là nghĩa bỉ-nho tục-sĩ chẳng biết thời-vụ, kẻ biết thời-vụ ở người tuấn kiệt.

Năm là do bề lịch-duyệt mà luyện-thành ra, nếm trải cuộc đời, giác-ngộ một cách hơn người, khác với những kẻ bị cái phú-quí nó làm tối mắt, bị cái phong-trào nó làm rối óc.

Bởi mấy cái nguyên-do ấy nó kết-hợp lại, mới thành ra được một hạng người vĩ đại nhân-vật. Hạng người ấy là số ít người, không phải là số nhiều người, có khi một đời chỉ có một người, cũng có khi năm mươi năm hay là một trăm năm mới thấy có một người, tức như lời ông Mạnh-tử nói: « *Kỳ-gian tất hữu danh-thế giả* 其間必有名世者»; nghĩa là trong cái thời-gian tịch-mịch ấy, tất có bậc nhân-vật lớn sinh ra để giúp đời vậy.

Trung-hoa là một nước lớn ở Á-châu, từ xưa đến nay, lúc thịnh lúc suy, lúc trị lúc loạn, đều có ảnh-hưởng với gần xa. Gần trăm năm nay thì cái vấn-đề Chi-na, hầu đã thành là một cái vấn-đề ở cửa miệng người ta, người trong thế-giới chẳng ai là chẳng để mắt về thời-cục Trung-hoa. Huống chi nhà lịch-sử-học có cái nhiệm-vụ quan-sát cổ kim, có cái thiên-chức phán-đoán nhân-vật, há lại tiếc gì một tí mực đó thay!

Xét trong lịch-sử Trung-hoa, tự hồi Tây-Châu trở về trước, thời-kỳ là thời-kỳ thượng-cổ, nhân-vật là nhân-vật kinh-điển không dám kể. Duy từ hồi Đông-Châu trở về sau, trải qua đời Xuân-thu đời Chiến-quốc, đời Tần đời Hán đời Đường đời Tống, đời Minh đời Thanh, trong cái thời-gian nhất-trị nhất-loạn, nhất-phế nhất-hưng ấy, đời nào cũng có nhân-vật lớn xuất-hiện, đúng như lời ông Mạnh-tử nói như trên. Khiến cho người xem lịch sử Trung-hoa, chẳng khác gì cầm quyển sách *Mạnh-tử* mà đếm lấy nhân-vật Trung hoa vậy. Kịp đến hồi mới đây, đế-chính nhà Mãn-Thanh đổ ụp, dân-quốc của Trung-hoa dấy lên, thời-thế không phải là còn chửa thay đổi, vạn-dân không phải là còn chửa lầm-than, tưởng chừng cũng nên có một hạng nhân-vật lớn

xuất-hiện để ứng với trong lịch-sử thì phải, nhưng mà xem ra thì đã có đấy hay chưa ? Điều đó thì còn phải xem xét trong lịch-sử Trung-hoa, mà so-sánh nhân-vật đời xưa đời nay, mới có thể bình-tình phán-đoán được.

Mới dây phàm người sĩ có học, ai là chẳng biết qua nhân-vật năm châu, nào cổ nào kim, nhân-vật Đông-tây thường thấy nhan-nhản xuất-hiện ở trong lịch-sử, biết bao là tài-liệu cho các nhà sử-học. Nên chi những nhà ngôn luận phần nhiều đem nhân-vật trong lịch-sử phương Tây ví với nhân-vật phương Đông, hay là đem nhân-vật trong lịch-sử phương Đông ví với nhân-vật phương Tây. Một là để khoe-khoang sự học của mình là rộng, hai là để chải-chuốt câu văn cho đẹp, câu chuyện cho vui, như là đem vua Thủy-hoàng nhà Tần so-sánh với vua Nã-Phá-luân nước Pháp, đem ông Chư-Cát Lượng nước Tục so-sánh với ông Da-phú-nhĩ nước Ý, hay là đem ông Lâm-Khẳng nước Mĩ, ông Tất-Sĩ-Mạch nước Đức so sánh với ông Quản-Trọng nước Tề, ông Tăng Quốc-Phiên nhà Thanh, vân-vân... Đó là cái sáo cũ của người Trung-hoa khoảng 30 năm về trước hồi bắt đầu duy-tân, các nhà ngôn-luận như bọn họ Khang họ Lương, đua nhau nói đông nói tây, nói mây nói sao, kỳ-thực cũng không thiết-đáng về lịch-sử-học gì cả, ngày nay chúng ta cũng không nên bắt-chước.

Chỉ nên biết rằng phàm những nhân-vật của nước nào sinh ra, tất có quan-hệ với giang-sơn của nước ấy và lịch-sử của nước ấy, cho nên phàm bàn nhân-vật tất phải căn-cứ ở trong lịch-sử mới trông thấy cái chân-tướng của một dân-tộc, khiến cho có đường mà so-sánh về cuộc cổ kim, không có thể đem đầu Ngô so-sánh với mình Sở mà trước-luận được. Vậy thì muốn bàn nhân-vật Trung-hoa, trước hết phải xét về lịch-sử Trung-hoa.

Song-le lịch-sử Trung-hoa cũng có nhiều vẻ phiền-phức, nhân-vật Trung-hoa cũng có nhiều vẻ li-kỳ, mà những hạng nhân-vật lớn cũng có nhiều hạng siêu-việt phi-thường, không hồ-dễ nhất-nhất đem ra mà so-sánh được. Nên chi những hạng cổ-thánh-nhân như là Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Cao, Quì, Tắc, Tiết, Văn, Vũ, Y, Châu, thì không dám kể, và những hạng đại-thánh-triết như là Khổng-tử, Lão-tử, Mạnh-tử, những hạng đại-nho như là Chu, Trình, Trương, Châu không dám kể, lại như những hạng lịch-đại đế-vương như là Hán Cao, Đường Thái, Tống-tổ, Minh-tổ, cũng không dám kể. Nay chỉ kể về những hạng đại-hào-kiệt hiện ra giúp đời trong một thời-kỳ mà xứng-đáng là nhân-vật lớn mà thôi. Kể ra đại-khái có mấy người như sau :

Quản Trọng 管仲

Đời Xuân-thu có Quản Trọng. Quản Trọng là người giúp vua Tề-Hoàn sáng-khởi lên bá-nghiệp ở sau đời Tam-hoàng Ngũ-đế Tam-vương ; về sau vua Tấn Văn, vua Tống Tương, vua Sở Trang, vua Tần Mục theo khuôn mẫu nước Tề mà nối gót dấy lên, đời gọi là Ngũ-bá. Đức Khổng-tử có lời rằng : « Nếu không Quản Trọng, ta tất biến ra làm kẻ mọi rợ, Quản Trọng nhân biết dường nào. » Thơ *Thiếu-tử* có câu : « *Hoàng-vương đế bá đại phô thư* », sẽ biết nhân-vật ông ở trong lịch-sử Trung-hoa không phải là nhỏ.

Ông là người tinh về xã-hội-học, bá-nghiệp của ông căn-cứ ở trong việc tứ-dân. Ông trị nước Tề, bốn hạng người dân như là sĩ nông công thương, ông không cho ở lẫn với nhau. Ông cho rằng tứ-dân mà ở lẫn với nhau thì tiếng nói ồn-ào mà công-việc chẳng chuyên, sở-dĩ chậm tiến-bộ, cho nên người sĩ phải ở riêng nơi nhàn-tĩnh, người làm thợ phải ở riêng chốn nghề-nghiệp, người đi buôn phải ở riêng chốn chợ-búa,

người làm ruộng phải ở riêng nơi điền-dã, người bé bắt-chước người lớn, người vụng đua với người khéo, như vậy thì cha anh giáo-dục chẳng đốc-trách mà thành, con em học-hành, chẳng khó-nhọc mà giỏi.

Nên chi ông chia vạch trong nước ra làm 21 khu tức là 21 hương. Công với thương ở 6 hương, sĩ với nông ở 15 hương, đều ngụ có cái tinh-thần xã-hội giáo-dục. Chẳng bao lâu nước Tề đã chợt tiến lên làm một nước giàu mạnh nhất thiên-hạ.

Lịch-sử ông cũng rất thú-vị. Ông xuất-thân là kẻ học-trò xác, rồi làm người lái buôn sắt, buôn muối; buổi sớm ông làm người tù nước Lỗ, buổi chiều ông làm tướng nước Tề. Chủ-nghĩa ông cũng rất sáng-sủa trang-nghiêm, dóng-dả chư-hầu, tôn vua nhà Châu, hỏi tội nước Sở, cấm răn chư-hầu không được quí vợ lẽ khinh vợ cả, lập con thứ bỏ con trưởng.

Ông là nhà chính-trị, nhà quân-sự, nhà ngoại-giao, hay đâu ông lại là nhà lý-học, nhà trước-thuật. Ông có sách gọi là sách *Quản-tử*, thịnh-truyền ở đời.

Thương-Ưởng 商鞅

Đời Chiến-quốc có Thương-Ưởng. Ông là một người khách lưu-lạc ở nước Nguỵ sang nước Tần, bắt đầu đem đế-đạo nói với vua Hiếu-công, bị Hiếu-công lắc đầu; nối đó đem vương-đạo nói với Hiếu-công, bị Hiếu-công chán tai ngồi ngủ gật; cuối cùng đem bá-đạo nói với Hiếu-công, được Hiếu-công cả đẹp lòng, dùng làm tướng để trị nước Tần. Nên chi cái phương pháp trị nước của ông, cũng bất-ngoại cái khuôn mẫu của Quản Trọng,duy bề cấp-thiết thì lại quá hơn.Phương-pháp của Quản Trọng còn thuộc về tinh-thần và vật-chất tham-bán, chứ phương-pháp của ông thì chuyên về vật-chất phú-cường mà thôi, cái cơ-sở thống-nhất của nhà Tần gây nên từ đấy. Vua Thủy-hoàng là người đắp lên bức Tràng-thành, nhưng ông chính là người gây móng cho bức Tràng-thành vậy. Nhà Tần sở-dĩ chóng mạnh là vì ông, mà nhà Tần sở-dĩ không bền cũng là vì ông, điều đó thì cũng không che được lỗi ông, nhưng nhân-vật ông thực cũng là một nhân-vật lớn trong lịch-sử Trung-hoa.

Ông là nhà đại-chính-trị, song chính-trị ông không hề phải kể nhiều, chỉ kể qua một điều có thú-vị như sau:

Ông trị nước chuyên-trọng ở chữ tín, nghĩa là dù thưởng dù phạt mệnh-lệnh mà đã ban-bố thì không nói dối dân. Khi ông mới trị nước Tần, bắt đầu để một cây gỗ ở cửa thành phía nam, mà ra lệnh rằng hễ ai dời được cây gỗ này sang cửa thành phía bắc thì thưởng cho nghìn vàng. Dân Tần thấy cây gỗ thì nhẹ mà món tiền thưởng thì to, ai nấy đều nghi-hoặc. Sau có kẻ thử đi dời cây gỗ, ông quả thưởng cho nghìn vàng. Đó là nói về sự thưởng, còn về sự phạt thì cũng đúng như thế, cho nên dân Tần cả nô-nức vui lòng và nơm-nớp sợ phép. Vương An-Thạch nhà Tống đã có câu rằng: « Người đời chửa nên chê Thương-Ưởng, Thương - Ưởng khiến được lệnh tất-hành ».

Trương Tử-Phòng 張子房

Đời Tiền-Hán có Trương Tử-Phòng. Tử-Phòng là một nhân-vật rất ly-kỳ ở đời Tần, Sở, Hán; ông có mấy cái lịch-sử như sau:

1°) Thanh-cao dòng-dõi quí-tộc, thong-dong khí-tượng nhà Nho, mà nhất-sinh chỉ những yếu ốm, không lúc nào hết tật-bệnh.

2°) Qua chơi Dĩ-kiều,cúi mình xuống đất nhặt chiếc giầy cho kẻ lão-nhân, để tiếp-thụ lấy phương-pháp trị việc đời.

3°) Tán-thành cho một vị đế-vương khoát-đạt đại-độ, để cứu giúp thiên-hạ trong cơn nước lửa.

4°) Công đã thành, danh đã toại, phẫn-uất đã thư, tức-khắc học lối tịch-cốc đi theo ông tiên Xích-Tùng, một chút thế-lợi phú-quí trên cuộc đời không mảy-may rây-rớm gì cả.

5°) Mời bốn ông lão đầu râu trắng toát ở Thương-sơn ra, để phá tan giấc mộng yêu sắc đẹp bỏ thái-tử của Hán-Cao. Khi Hán Cao mê thì tiên về chữa thuốc, khi Hán-Cao đã tỉnh thì tiên lại lánh xa.

Chư Cát-Lượng 諸葛亮

Đời Tam-quốc có Chư-Cát Lượng. Nhân-vật ông Chư-Cát thì người phương Đông ta ai ai cũng có thể nói được cả, không hề phải kể. Chỉ khi ông sắp-sửa đi đánh Ngụy, ông có dâng bài biểu lên vua Hậu-chúa. Xem bài biểu ấy, lại càng tỏ nhân-vật ông. Nhân-vật ông vốn là nhân-vật phi-thường, mà khi ông phát-biểu cái tâm-lý thủa bình-sinh của ông, lại xiết bao là khiêm-tốn thuần-túy, sẽ biết cái đức hạnh của những bậc đại-nhân-vật. Bài biểu lược dịch như sau :

« *Đấng tiên-đế dựng nghiệp chửa xong, nửa chừng đã khuất. Bệ-hạ nên mở rộng tai thánh, khiến cái di-đức của đấng tiên-đế được sáng-sủa ra. Ôi! Thân kẻ hiền-thần, viễn kẻ tiểu-nhân, đời Tiền-Hán sở-dĩ được hưng-bang ; thân kẻ tiểu-nhân, viễn kẻ hiền-thần, đời Hậu-Hán sở-dĩ bị suy-đồi ; khi đấng tiên-đế hãy còn, cùng tôi bàn đến những nông-nỗi ấy, chửa từng chẳng lấy làm đau-đớn thở-than. Tôi vốn là hạng người áo vải, cày ruộng ở đất Nam-dương, tạm yên tính-mệnh trong đời loạn, chẳng cầu hiển-đạt với chư-hầu. Đấng tiên-đế chẳng cho tôi là kẻ ngu-độn, chịu khó dạo chân, ba lần đoái tôi ở trong am cỏ, hỏi tôi những việc trên cuộc đời. Tôi vì thế cảm-khích, mới đem thân ra hứa với đấng tiên-đế để giong-ruổi việc đời, đến nay đã hai-mươi-mốt năm rồi vậy. Đấng tiên-đế biết tôi là người cẩn-thận, cho nên khi lâm-chung đem việc lớn phó-thác cho tôi. Tôi tự khi vâng mệnh đến giờ, ngày đêm lo-lắng, chỉ sợ rằng việc phó-thác không có hiệu-lực, để thương-hại cái đức tri-nhân của đấng tiên-đế, cho nên tôi giữa mùa hạ qua sông Lư, sấn vào chỗ đất hoang nước độc. Nay phương nam đã yên, nên tiến lên phương Bắc, ngõ-hầu hết sức nhỏ-mọn, để ngăn-ngừa kẻ gian, phò giúp nghiệp Hán, ấy là cái chức-phận báo ơn đấng tiên-đế mà tận-trung với bệ-hạ của tôi vậy* ».

Quách Tử-Nghi 郭子儀

Đời Đường có Quách Tử-Nghi. Tử-Nghi xuất-thân vũ-cử, đỗ khoa phụ-mễ, dẹp giặc An Lộc-Sơn, tái-tạo cho sơn-hà xã-tắc nhà Đường, một thân làm trụ-thạch cho quốc-gia 40 năm, sống lâu 80 tuổi, phong tước là Phần-dương-vương. Ấy lịch-sử ông như vậy.

Song ông cũng có nhiều tiểu-sử khác người. Phàm xem nhân-vật nên xem về tiểu-sử, sẽ thấy nhân-vật.

Ông có con là Quách Ái, lấy công-chúa. Vợ chồng cãi nhau, Quách Ái rằng : « Bố ta coi thiên-tử là nhỏ mà chẳng thèm làm đấy thôi ! » Lời ấy tuy là lời mắng nhiếc nhau nhưng chính là hợp về sự thực. Ông tức-khắc dùng gậy đánh Quách Ái, rồi chút mũ vào chầu làm người tù xin đương tội chết. Vua Túc-tôn lấy lời khôi-hài để yên-ủi ông rằng : « Chẳng ngây chẳng điếc, chẳng làm nổi được ông bố vợ ».

Ông có đức-độ hơn người, đủ cảm-phục lòng tướng-sĩ ; trị quân rất khoan-dung, không trừng-phạt ai mà ai ai cũng tuân lệnh phụng-pháp. Tướng-sĩ ở Linh-vũ Hà-bắc hễ có mặt ông thì

đều như cha như con như chân như tay, hễ vắng mặt ông thì làm loạn.

Bọn tiểu-nhân lộng quyền là lũ Ngư Triều-Ân lập mưu đặt tiệc mời ông, phục sẵn vũ-sĩ để thừa-cơ giết ông. Có người biết mưu ấy đến báo ông và khuyên ông đừng đi. Ông thản-nhiên nói rằng : « Không có mệnh-lệnh thiên-tử, lũ ấy sao dám giết ta. » Ông cứ đi. Người nhà lại khuyên ông nên đem vũ-sĩ theo hầu để phòng sự bất-trắc. Ông nói rằng : « Ta vào sinh ra tử, trải qua muôn trận đánh, chỉ tin ở mệnh trời, sở-dĩ có ngày nay ». Ông chỉ đi có một mình. Bọn Ngư Triều-Ân thấy ông tỏ lòng chí-thành dãi mình, khôn xiết cảm-động, phải khóc lên mà đem sự thú thực.

Ông tính-tình hòa-lạc, không muốn lập-dị với đời. Bên mình ông không lúc nào thiếu ca-nhi vũ-nữ mặt nguyệt miệng hoa, dùng để tiếp-đãi ân-khách. Song ông lại là người rất tinh-tế. Một hôm có Lư Kỷ vào tiếp-kiến, ông đuổi cả bọn ca-nhi vũ-nữ đi nơi khác, chỉ một mình tiếp Lư một cách gìn-giữ ôn-tồn. Kịp Lư lui về, bọn ca-nhi vũ-nữ hỏi ông, ông nói rằng : « Lư Kỷ mặt nó xấu mà tâm nó hiểm, thói nhi-nữ thấy nó tất nhiếc cười, ngày khác nó đắc-chí thì lũ chúng con tất không còn nòi giống. » Chẳng bao lâu Lư Kỷ làm tể-tướng, phàm những người thất-ý với Lư thuở bình-sinh quá nửa bị sát-hại.

Nhạc-Phi 岳飛

Nhà Tống có Nhạc-Phi. Ông thơ hay chữ tốt, hay chơi cuộc đánh đầu-hồ, nhã nhặn như một kẻ thư-sinh. *Đàm thủy hàn sinh nguyệt, tùng-phong dạ đái thu* 潭水寒生月◦松風夜帶秋.» đó là câu thơ của ông, kẻ thi-nhân xưa nay chửa mấy người đã vào được đến cõi hùng-hồn ấy. Ba-mươi tuổi làm tướng, trí-dũng hơn người. Giặc Kim đối với ông, vừa sợ-hãi vừa kính yêu, thường gọi ông là Nhạc gia-gia, nghĩa là đức cha họ Nhạc, ở trong tất có lý-do phi-thường, người thường không hiểu thấu. Ông là phái chủ-chiến triều Nam-Tống, bị kẻ gian-thần là Tần Cối chủ-trương việc hòa-nghị, vua Cao-tôn hạ chiếu triệu ông về, ông phải phụng chiếu đem quân về, tướng-sĩ trong quân đều khóc-lóc như mưa. Tần Cối biết ông là đại-biểu phái chủ-chiến, không khi nào ông chịu bỏ chủ-nghĩa ông mà theo chủ-nghĩa khác, ông mà chẳng chết thì việc hòa-nghị chẳng thành ; rồi ông bị giết ở trong ngục. Than ôi oan thay !

Ông nghề thơ giống họ Lý họ Đỗ, nghề võ giống họ Tôn họ Ngô, thói phong-lưu giống họ Vương họ Tạ, trung-nghĩa giống Quan Vân-Trường, trí-dũng giống Triệu Tử-Long, bấy nhiêu nhân-vật hay-ho trong lịch-đại chung-đúc lại một mình ông, nhân-vật ông sở-dĩ lớn là vì thế.

Vu Khiêm 于謙

Nhà Minh có Vu-Khiêm. Giữa đời vua Anh-tôn, nhà Minh chợt có đại-nạn, Vạn-lý-tràng-thành bị giặc Mông-cổ xâm-lấn, vua Anh-tôn bị tướng Mông-cổ là Giã-tiên bắt mất, quốc-đô ở Bắc-kinh sợ-hãi vỡ-lở, bách-quan văn-vũ kẻ thì nói sự đầu hàng, kẻ thì chực thoát-thân trốn chạy. Khi ấy có một mình ông đứng lại ra tay cán-tế. tự mình lĩnh chức Binh-bộ thượng-thư, chỉ-huy tướng-sĩ, dóng-dả bách-quan, lập ngay người em vua Anh-tôn lên làm Cảnh-đế, mà tôn vua Anh-tôn làm Thái-thượng-hoàng. Bách-quan văn-vũ lại phụng chức như cũ, thành Bắc-kinh lại vững-vàng như xưa. Kỳ-thủy tướng Mông-cổ còn cắp lấy vua Anh-tôn làm cái vật đại-giá mà yêu-cầu những điều vô-lý, ông đều cự-tuyệt. Cuối cùng tướng Mông-cổ biết quốc-thế

nhà Minh đã vững-vàng, mà để vua Anh-tôn lại cũng vô-ích, mới đem trả lại vua Anh-tôn cho nhà Minh để giảng hòa bãi-binh. Trong cái thời-gian nguy-nan chớp mắt, mà ông làm được những việc phi-thường như vậy, khiến cho chiếc kim-âu nhà Minh xuýt vỡ lại lành, sẽ biết nhân-vật ông. Về sau ông đã chết, bọn tiểu-nhân là lũ Thạch Hanh đắc-chí, lại rước vua Anh-tôn lên phục-tích, vu cho Cảnh-đế cái tội tiếm ngôi anh mà phế đi, lại vu cho ông cái tội bỏ vua trái đạo làm tôi mà tịch-biên gia-sản nhà ông. Nghĩ đời mà ngán cho đời, sẽ biết nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe. Hay đâu khi tịch-biên nhà ông thì chỉ có mấy bộ sách cũ là sách của ông thường đọc mà thôi, còn thì cũng không có cái vật gì khá tịch nữa, thanh-danh ông lại càng hiển-trứ.

Tăng Quốc-Phiên 曾國藩

Đời Thanh có Tăng Quốc-Phiên. Gần trăm năm nay Trung-hoa lại có một nhân-vật xuất-hiện, mà nhân-vật ấy thích-đương vào thời-kỳ hai cái văn-minh châu Âu châu Á bắt đầu gặp nhau, lại là thời-kỳ hai phương chính-trị Mãn Hán bắt đầu xung-đột nhau. Thời-cục Trung-hoa khi ấy nói ra thực đáng nguy-hiểm ghê-sợ. Kỳ-thủy thuộc về cuối đời Đạo-quang gây nên việc nha-phiến chiến-tranh, Quảng-đông Phúc-kiến Chiết-giang Nam-kinh, bị quân nước Anh tàn-phá mà đất Hương-cảng mất. Kế tiếp thuộc về đời Hàm-phong lại khởi lên việc tam-quốc liên-binh, Thiên-tân với Bắc-kinh bị quân nước Anh nước Mĩ nước Pháp giầy xéo, vua Hàm-phong phải tránh nạn chạy sang Nhiệt-hà mà đất Thượng-hải mất, đó là cái nạn ở ngoài; còn cái nạn ở trong thì bọn Phát-tặc là lũ Hồng Tú-Toàn, Dương Tú-Thanh, Lý Tú-Thành, Thạch Đạt-Khai khởi lên ở Quảng-tây, đánh phá Vũ-Hán, chiếm cứ Nam-kinh, lập lên Thái-bình-thiên-quốc, binh-lực rất mạnh, khí-thế rất hung-hăng. Bọn Nẫm tặc là bọn lưu-khấu, nay đây mai đó, sào-huyệt không nhất-định, quấy rối miền Sơn-đông, Sơn-tây, Hà-nam, Trực-lệ, Thiểm-tây chỗ nào cũng có, quan-quân không thể nào tiễu-diệt nổi.

Trong cái thời-kỳ nội-ưu ngoại-hoạn hai-mươi năm đó thì triều-đình Mãn-Thanh hủ-bại đã đạt đến cực-điểm, mà cái thái-độ của liệt-cường cũng thay đổi luôn; kỳ-thủy thấy triều-đình Mãn-Thanh hủ-bại, đã có ý mong-ngóng cho Thái-bình thiên-quốc, sau lại thấy Thái-bình thiên-quốc hủ-bại có phần lại quá Mãn-Thanh, bất-đắc-dĩ lại quay về Mãn-Thanh mà có ý đảm-nhiệm lấy việc tiễu-phỉ để đạt tới cái mục-đích hòa-bình thông-thương, ấy cái cơ-hội Trung-quốc bị qua-phân khéo chẳng chỉ còn có một cái chấy cẩn nữa đấy thôi. Nhưng khốn thay triều-đình Bắc-kinh lại không có một nhân-vật nào là đủ giao-thiệp thì cái bộ động-cơ về sự qua-phân khi ấy lại càng nhậy lắm.

May sao lại có một nhân-vật xuất-hiện giữa thời-kỳ ấy là Tăng Quốc-Phiên. Ông khi ấy không phải là một vị quan to trong triều, cũng không phải là một vị tướng trọng ngoài biên, ông là một kẻ nhà nho, đỗ tiến-sĩ, ở nhà trở tang mẹ, thấy thời-cục nguy-nan, mới luyện quân dân-dũng, ông làm lĩnh-tụ, em ông là Tăng Quốc-Thuyên, học-trò ông là bọn Lý Hồng-Chương, bạn ông là bọn Tả Tôn-Đường giúp việc. Ông là người Hồ-nam, cho nên hiệu quân ông gọi là Tương-quân, bắt-đầu thu-phục được Yên-khánh là tỉnh-thành An-huy. Khi đó ông đã có ba phương-diện: một là chia sẻ cái bình-thế sông Tràng-giang mà tuyên-bố đảm-nhiệm việc thảo-tặc; hai là tán-thành cái chủ-nghĩa Mãn-Hán hợp nhất với Triều-đình Bắc-kinh; ba là cầm cái danh-nghĩa Đại-Thanh đế-quốc để giao-thiệp với Liệt-cường. Ba phương-diện ấy

rất là khôn-khéo, công ông sở-dĩ chóng thành, cái chí cứu thiên-hạ của ông sở-dĩ chóng đạt mục-đích, cũng là vì đó.

Ông làm tướng khác với người thường, chỉ ở trong quân thung-dung viết chữ đánh cờ, không có thân-lý hàng trận, mà cái mưu-mô tất-thắng đã quyết-định ở ngoài nghìn dặm. Nối đó giặc Thiên-quốc diệt, giặc Nắm-phỉ tan, nền giao-thiệp vững, thiên-hạ cả yên định. Liệt-cường khi ấy ngõ-hầu chẳng biết có Bắc-kinh triều-đình mà chỉ biết có ông, ông thực đã xứng-đáng là Trung-hoa nhân-vật.

Thời-thế ông thật là thiên-nan vạn-nan, thủ-đoạn ông thật là vĩ-đại phi-thường. Thế mà bọn Hán-nhân sau này không khỏi có điều trách ông vì ông tán-thành cho triều-đình Mãn-Thanh. Nhưng điều đó chỉ là điều thiên-kiến đấy thôi. Phải biết rằng thủa ấy thời-cục đã nát như tương, nếu không cầm cái danh-nghĩa Đại-Thanh đế-quốc thì sao đủ giao-thiệp với liệt-cường. Nếu không đủ giao-thiệp với liệt-cường thì nước Trung-hoa tất bị qua-phân đã lâu rồi, chẳng còn đến ngày nay nữa. Nhân-vật ông thực cũng là nhân-vật chính-đáng, không hổ-thẹn gì cả.

Ông từng nói : « Người ta sự sống chết là bởi trời, sự vinh-hoa phú-quí là bởi người, duy một sự học làm bậc thánh-hiền là bởi mình. » Ông có sách lưu-hành ở đời là *Văn-chính-công văn-tập* và *Văn-chính công-gia-thư*, đều có ý-vị đạo-học quân-tử.

Xét ra học-vấn ông thuần-túy là học-vấn nhà Nho, sự-nghiệp ông thuần-túy là sự-nghiệp nhà Nho, mà nhân-vật ông cũng thuần-túy là nhân-vật nhà Nho vậy.

* * *

Những nhân-vật như trên đều là nhân-vật căn-bản ở chữ nhân, chữ nghĩa chữ tín là chữ trong ngũ-thường, và chữ hiếu chữ trung là chữ trong tam-cương mà sản-xuất ra, đều là nhân-vật chính-đáng cả. Ấy cái văn-minh cổ của Trung-hoa chẳng đã làm cho lịch-sử của Trung-hoa có giá-trị và có thú-vị rồi đấy dư? Mà nước Trung-hoa ngày nay lại chẳng phải là giang-sơn ấy, dân-tộc ấy, lịch-sử ấy hay sao? Tác-giả sở-dĩ nhất-nhất kể ra nhân-vật Trung-hoa ngày xưa, không phải là chuyên nói chuyện cũ đâu, chính là muốn đem so-sánh với nhân-vật Trung-hoa ngày nay vậy.

Trung-hoa từ hồi Dân-quốc thành-lập khoảng 20 năm nay, thời-thế bao nhiêu là thay đổi, nhân-vật bao nhiêu là xuất-hiện, mà chúng ta cũng hằng ngày được nghe lịch-sử của những nhân-vật ấy. Chữ rằng : « *Bàng-quan giả liễu, đương-cục giả mê* », nghĩa là trong cuộc đánh cờ thì người bàng-quan phần nhiều hiểu sáng, người đương-cục phần nhiều tối-mê. Tác-giả đây là kẻ ngu-độn, không dám nhận mình là hiểu-sáng, mà cũng không dám chê ai là tối-mê, chỉ xin đứng về phương-diện sử-học phương-diện bàng-quan mà bàn ra nói vào một đôi chút, để phát-biểu cái tâm-lý người sử-học và cho hết cái nghĩa-vụ kẻ bàng-quan đấy thôi.

Kìa tấn kịch Dân-quốc mới đây, thời-kỳ cũng không phải là còn chửa chê-chán dằng-dai, nhân-vật cũng không phải là còn chửa kế-tiếp xuất-hiện, nào Viên nào Lê, nào Tôn nào Đoàn, nào Trương nào Ngô nào Tưởng, đó là kể những nhân-vật có tư-cách chi-phối nước Trung-hoa trong khoảng 20 năm nay đấy thôi, còn thì cũng có nhiều nhân-vật thấp-thoáng trên vũ-đài, kể ra cũng không xiết.

Song-le thử đem tấm gương kim-cổ trong lịch-sử Trung-hoa mà xem xét một cách bình-tĩnh, thì cơ-đồ căn-cứ

ở giáo-dục, chủ-nghĩa sáng-sủa ở cương-thường, công-danh quang-hiển ở thiên-hạ hậu-thế, đã có nhân-vật nào như Quản Trọng hay chưa ?

Dùng một chữ tín trị nước, dùng hai chữ phú-cường gây nên cơ-sở thống-nhất nước Trung-hoa, đã có nhân-vật nào như Thương Ưởng hay chưa ?

Công-danh siêu-tuyệt một đời mà một chút vinh-hoa thế-lợi trong cuộc đời không mảy-may rây-rớm gì cả, đã có nhân-vật nào như Trương Tử-Phòng hay chưa ?

Là một nhân-vật vĩ-đại phi-thường mà khi phát-biểu tâm-lý thuở bình-sinh bất-ngoại hai chữ cẩn-thận, đã có nhân-vật nào như Chư-Cát Lượng hay chưa ?

Nhất-sinh cầm chữ mệnh đối với trời, cầm chữ trung đối với nước, cầm chữ khoan dung đối với tướng-sĩ, cầm chữ thành-thực đối với kẻ cừu-thù, một người mà trong ngoài đều tín-phục đã có nhân-vật nào như Quách Tử-Nghi hay chưa ?

Trung-nghĩa trí-dũng, phong-lưu nho-nhã, bao nhiêu nhân-vật trong lịch-đại chung đúc lại một mình, đã có nhân-vật nào như Nhạc-Phi hay chưa ?

Đối với nước thì công-nghiệp lấy trời, đối với nhà thì chỉ bảo-tồn mấy bộ sách cổ, đã có nhân-vật nào như Vu-Khiêm hay chưa ?

Đọc sách thánh-hiền, làm việc thiên-hạ, giặc-dã yên, đế-quốc vững, liệt-cường tin, đời sau phục là khôn-khéo, đã có nhân-vật nào như Tăng Quốc-Phiên hay chưa ?

Những câu hỏi đó, phàm người đã coi qua thời-cục và lịch-sử của nước Trung-hoa, chắc cũng trả lời được ngay, cũng không khó gì mấy. Thế thì nhân-vật cổ-kim trong lịch-sử Trung-hoa hơn kém nhau thế nào, chẳng đã so-sánh được rõ-ràng rồi đấy ư ? Đó là kẻ có mắt cùng xem, kẻ có tay cùng trỏ, kẻ có sử-học cùng xét, không phải là ý-kiến riêng gì của tác-giả vậy.

Hoặc có kẻ rằng : Thời-đại ngày xưa dễ, thời-đại ngày nay khó, điều đó cũng chửa lấy gì làm hợp lẽ. Phải biết rằng thời-đại nào cũng khó, cái khó của kim-nhân thì cổ-nhân chửa tất đã đương nổi, mà cái khó của cổ-nhân thì kim-nhân cũng chửa tất đã đương nổi, chỉ duy thắng được cái khó mà làm nổi việc đời thì là hạng nhân-vật lớn đấy thôi.

Duy người quân-tử lập-luận cũng không nên quá khắc, nên cầu lấy cái nguyên-nhân. Nước Trung-hoa ngày nay thích-đương về cái số-phận giao-thời, hai cái văn-minh mới cũ còn đương tranh nhau trong cơn mưa tạnh, tất-nhiên những điều để làm căn-cứ cho nhân-vật như trên kia đã nói, tránh sao cho khỏi được sự lung-lay.

Bảo rằng nhân-vật do ở cái khí thiêng-liêng của giang-san đấy dư, thì điều đó thuộc về lẽ thần-bí không dám bàn.

Bảo rằng nhân-vật do ở cái giáo-dục của lũy-thế đấy dư, thì hạng lão-đại, với hạng thanh-niên, tư-tưởng học-thuật chửa tất đã cùng nhau đi một đường.

Bảo rằng nhân-vật do thời-thế đấy dư, thì những kẻ đã có đại-tài trác-thức rồi, mới lợi-dụng được thời-thế.

Bảo rằng nhân-vật do ở đường học-vấn đấy dư, thì cái văn-minh cũ không khỏi đã bị suy-sút, cái văn-minh mới không khỏi hãy còn ấu-trĩ.

Bảo rằng nhân-vật do ở bề lịch-duyệt đấy dư, thì cái phong-trào của thế-giới còn đương làm rối óc, sự lịch-duyệt ở đời nay cũng chửa tất có giá-trị gì. Bao giờ cái văn-minh cũ lại hồi-dầu mạnh-mẽ như trước, thì đối với cái văn-minh mới sẽ giác-ngộ được cách sâu-xa.

Nước Trung-hoa sở-dĩ nhân-vật ngày nay còn kém xa nhân-vật ngày xưa, tưởng cũng là vì những nguyên-nhân ấy.

Tuy vậy, lịch-sử Trung-hoa há lại chẳng có một cái tia sáng? Ông Khổng-tử có nói rằng: « *Ân nhân ư Hạ lễ, Châu nhân ư Ân lễ, sở tổn ích khả tri. Kỳ hoặc kế Châu giả, tuy bách-thế khả tri dã* ». Ý là trong cái thời-kỳ nhà Ân với nhà Hạ và nhà Châu với nhà Ân giao nhau ấy, chỉ kinh-nghiệm ở những điều nên tổn-ích, sẽ hiểu biết được sự tiến-hóa của ba nhà. Còn về sau này hoặc lại có thời-kỳ nhà nào với nhà Châu giao nhau nữa, cũng chẳng qua xét đoán ở điều tổn-ích mà biết được sự tiến-hóa của trăm đời đấy thôi. *Tổn* nghĩa là giảm trừ bớt đi, *ích* nghĩa là thâu-thái thêm vào. Thí-dụ như là những dân-tộc gặp buổi giao-thời ngày nay, đối với cái văn-minh cũ, điều gì nên tổn thì tổn, điều gì không nên tổn thì chớ tổn. Đối với cái văn-minh mới, điều gì nên ích thì ích, điều gì không nên ích thì đừng ích, ở trong rất có quan-hệ về sự tiến-hóa. Nước Trung-hoa ngày nay còn đương ở về cái thời-kỳ tổn-ích, còn phải điều-hòa những sự học-thức, trải qua những cuộc gian-nan, bao giờ hai cái văn-minh mới cũ hoàn-toàn thích-đáng dung-hòa, bấy giờ sẽ lại có một hạng nhân-vật xuất-hiện, tức như lời ông Mạnh-tử trên kia đã nói. Cho nên phàm xét trong lịch-sử Trung-hoa, muốn hay lý-thuyết của ông Mạnh-tử, trước hết phải xem lý-thuyết của ông Khổng-tử vậy.

TÙNG-VÂN

GƯƠNG SĨ-HOẠN

Đẩu-quang tiên-sinh
斗 光 先 生

Ông Đặng Văn-Bính 鄧文柄 tự là Đẩu-quang, quán xã Hành-cung, nay đổi Hành thiện, phủ Xuân-trường tỉnh Nam-định. Sinh năm Bính-dần triều Gia-long thứ năm (tây lịch 1806). Ông người dung-tư to lớn, khí-vũ trọng-hậu, tinh-thần thanh-sảng, tính-hạnh thuần-hòa, đối với người ta không có điều gì tranh-cạnh, mười-ba tuổi bồ-côi. Bấy giờ bố mất, mẹ yếu, anh em chị em hãy còn bé nhỏ, phàm các việc ma-chay, tục-lệ trong làng trong xóm, đều nhờ họ-hàng bên nội bên ngoại lo liệu cho cả.

Nhà nghèo chăm học, dẫu ăn mặc không đủ mà vẫn yên lòng. Khi bé học ông đồ Dịch-diệp là Phạm Xuân-Cúc 范春菊 và học ông cậu là ông Nguyễn Bá-Nghi 阮伯儀 cử-nhân tri-phủ) ông Nguyễn Trọng-Vinh 阮仲榮 (ba khoa tú-tài). Sau lại học ông Dương Bá-Cung 楊伯恭 (người làng Nhị-khê, cử-nhân đốc-học), ông Nguyễn Đăng-Số 阮登數 (người làng Bảo-triện, hoàng-giáp đốc-học), ông Hoàng Quí-Đức 黄貴德 (người làng Kiền-bái, cử-nhân đốc-học), nhờ được giáo-trạch những nhà đại-gia, nên sự học-hành, ngày càng tiến-tới. Văn-chương bình-đạm mà có ý-vị, giản-dị mà có tinh-hoa, hai-mươi-ba tuổi đỗ tú-tài khoa mậu-tí, triều vua Minh-mệnh. Khi đỗ tú-tài rồi, lại theo cụ đốc Bồng-hải là Phạm Huy-Thục 范輝淑 (cử-nhân đốc-học), hai-mươi-sáu tuổi đỗ cử-nhân (khoa tân-tị Minh-mệnh). Khoa ấy Hà-nội, Nam-định, hai trường hợp-thí, lấy đỗ cử-nhân ba-mươi-nhăm người, ông đỗ thứ sáu, ưu văn-sách, thi hội dự trúng phân-số, về nhà nghỉ được một năm, thì được phái đi hậu-bổ Hải-dương. Khi mới xuất-chính, đối với người ta, nói rằng: « Làm học-trò ở nhà, thời

họa phúc tầm-thường mà thôi, duy có làm quan-lại, thời cái họa-phúc quan-hệ rất là to lớn, nên tục-ngữ có câu : « *Một đời tham-lại vạn đại ăn mày* ». Như thế thời người ta làm việc quan, nên phải nghĩ đến con cháu sau này. Đừng làm điều gì tàn-nhẫn để khỏi đắc-tội với thiên-hạ quỉ-thần.

Không bao lâu đi quyền huyện Nghi-dương sau lại quyền huyện Thanh-lâm. Gia-lộc, Thanh-miện, Thủy-đường (nay đổi là Thủy-nguyên) đi đến đâu việc quan chỉ cầm lòng công-chính, không có hà-khắc với ai, ai có oan-uổng, thì hết lòng thân-oan cho, nhưng không chịu ai thỉnh-thác điều gì cả.

Huyện Thanh-lâm có làng Đồng-ngọ gian chiếm bờ ruộng làng Vẫn-la, quan huyện cũ khám-biên, có ý hàm-hồ, chưa kết thành án, đến bấy giờ người làng Đồng-ngọ đem lễ vào kêu, nhưng ông không chịu nhận, cứ công-bằng mà trích sự gian ấy ra.

Làng Xuân-điểm huyện Gia-lộc có một nhà quyền-thế, nhân việc thù riêng mà xui giục thầy tớ kiện vu cho lý-trưởng tiêu mất tiền thuế. Khi đem đơn đến kiện, ông không chịu chấp đơn, sau đem nghĩa-lý hòa-giải mà gỡ cho lý-trưởng khỏi oan. Tự đấy hai bên đều được yên nghiệp không có thù-khích gì nữa.

Thuế huyện Thanh-miện, lệ trước phải nộp về tỉnh Hưng-yên, tổng-lý ở huyện ấy vì can cái án người thông-lại coi kho ở tỉnh ấy kiện, tổng-lý đều bị phạt tám-mươi roi, quan bản-tỉnh sức về phải đệ tiền phạt, ông thấy chung quanh huyện ấy đều có đê cả, mà bấy giờ giữa mùa nước lớn, ông bẩm tỉnh khất cho tổng-lý ở huyện coi giữ việc đê, còn như tiền phạt thì sẽ bắt nộp tại huyện. Khi thu được rồi xin bẩm nộp, quan tỉnh y lời. Tổng-lý ở nhà giữ đê may được vững-vàng không chỗ nào bị phải phá-hại. Sau bẩm lên quan trên lượng tha khỏi mất cái tiền thục trượng hơn nghìn quan tiền.

Huyện Thủy-đường (nay là Thủy-nguyên) quan trước để lại một cái án mạng về làng Ngọ-đông. Ông xét lời khám biên cùng lời cung không đúng, mới bác đi mà tra-khảo bên nguyên, đều thú là kiện vu, bẩm tỉnh tha cho bên bị, mà bên nguyên phải tội vu-cáo, nhưng đã thú nhận xin lượng tha cho một lần.

Người Lệ-mục làng Kiền-bái đánh chết con ở, lại đem vu tội cho một nhà giàu, mưu lấy tiền tiêu, đem việc án ấy ra xét lấy chứng-cớ phân-minh, thời đích là tên lệ-mục vu-cáo, bẩm tỉnh nghiêm-trị. Tên lệ-mục chực đút tiền, để khỏi tội, nhưng cứ giữ lẽ công-bằng không tha. Lại thừa tỉnh phái đi phúc-khám về việc làng Phong-lưu làng Hưng-học tỉnh Quảng-yên, hai làng tranh lấn địa-giới với nhau, hơn năm-mươi mẫu, cứ lẽ công-bằng mà khám xét lại thời việc đó quan trước khám biên không thật, vì làng Phong-lưu nhiều nhà giàu đem tiền lễ quan trước, khám-biên không thật, làng Hưng-học kêu xin phúc-khám, thừa tỉnh phái về, lúc ấy ở làng Phong-lưu có một người bạn học quen biết đã lâu, đến nói với ông xin cứ khám-biên như quan trước, rồi xin hậu tạ. Ông không nghe bảo rằng : « Việc điền-thổ là cái huyết-mạch của dân, lại là cái mối lợi thiên-vạn-niên, không phải lấy cái quyền-lực mà cướp lấy của nhau được. Việc này tôi chỉ cứ sự thực thế nào thì khám-biên thế vậy, còn như ruộng ấy về xã nào được thời quyền ở quan trên chuẩn-định, dù có nghìn tôi cũng không dám làm sai, xin quý-hữu bằng lòng vậy ». Người bạn nói hết lời ông nhất-định không nghe.

Khi ông hậu-bổ Hải-dương được đi quyền luôn năm phủ huyện, mà bà ở nhà phải làm hàng sáo mới đủ ăn, ở

huyện nọ đổi sang huyện kia, trong hòm chỉ có ba tiền kẽm, bấy giờ người nhà là Nguyễn Tất-Đạt đi theo hầu, có khi phải ăn đói. Một hôm có người lý-trưởng nhân việc quan nhờ ông làm ơn cho, đem tạ ba-mươi quan tiền, ông còn nằm nghỉ trong nhà, nhờ tên Đạt nhận cho và đãi riêng ba quan tiền. Tên Đạt nhận lấy cất vào trong hòm, rồi bẩm với ông, có tên lý-trưởng thành-tâm đem tạ một món tiền ba-mươi quan, nói mãi tôi chót đã nhận rồi, vả trong nhà tiền hết, may có món tiền ấy người ta tạ ơn, dẫu lấy cũng không phải là tham. Ông không nghe, bắt gọi lý-trưởng trả ngay lập-tức, chỉ cho tên Đạt nhận một quan mà thôi.

Ông lại đi chấm trường Hà-nội và Nghệ-an mấy lần, trong bảy năm trời mới được đi tri-huyện Tiên-minh, (bấy giờ ông đi chấm trường Nghệ-an, huyện ấy gặp khuyết, quan tỉnh thấy hậu-bổ lâu ngày, mới đệ sớ, xin cho thăng chức tri-huyện, đến lúc ông đi chấm trường về thì đã được giấy bổ rồi). Ở chức hơn một năm đi việc công ba lần, hai lần đi chấm trường thi Hà-nội, một lần đi xứ Bắc-cạn ; ở huyện có một năm, năm ấy vua Thiệu-trị mới lên ngôi xá thuế thiên-hạ. Ông thấy việc nghĩa thì làm, giúp người ta không có cầu báo, lấy liêm-cần làm cái chốt ở quan, lấy thanh-bạch làm cái gương để lại, phàm có kiện-tụng đến thưa thì lấy tình-lý mà dụ-bảo, hoặc tùy phải trái mà xử-phân, trong một năm chỉ có tra kết một cái án mà thôi, duy ông giữ mình cương-chính, chẳng sợ kẻ cường-hào, mà hóa lại phải người vu-hãm.

Hạt ấy ở làng Hán-nam có một viên cử-nhân họ Bùi làm tri-huyện Lập-thạch, anh là một người cai-tổng, làm trương huyện, thường hay cậy thế em, hống-hách xui người kiện-tụng, ông hằng trách bảo, hắn không bằng lòng, chực mưu kiện ông, ông biết nhưng không chịu khuất, khi gặp ở công-đường lấy lời-lẽ mà mắng cho một trận. Em hắn có hai-mươi mẫu ruộng ở quê vợ, lâu nay không chịu nộp thuế, nên làng ấy thiếu thuế, ông bắt quan viên huyện ấy lặc-hạn phải nộp đủ thuế, hắn lấy thế làm hiềm, chỉ giục anh trích nhặt mấy việc nha-lại, thêu-dệt thêm ra, rồi làm đơn đi kiện, trong có một việc kiện man là quan huyện mượn tiếng thôi-thúc tổng-lý lên tỉnh kêu xin đắp công-đê, rồi về đắp tư-đê, mà cùng cai-tổng thông-đồng lấy tiền lễ một trăm quan. Sau tra các tổng-lý đều cung là món tiền lễ ấy, quan huyện khước mà không nhận, duy có nha-lại biện việc thời cũng có đãi một hai tiền mà thôi. Án nghĩ tên cai-tổng kiện vu, phạt trượng một trăm,. bãi-dịch, mà ông thời bị lỗi không giác-xuất, nghĩ phải cách-chức, thân-hào trong huyện ai cũng phàn-nàn cho ông lắm. Ông nói rằng : « Việc này oan ư, chẳng oan ư, còn có trời kia, can gì mà sợ.» Chẳng bao lâu viên huyện Lập-thạch nhân việc tham-nhũng, quan tỉnh Sơn-tây cách về, ai nghe cũng lấy làm trời báo không sai.

Từ khi phải cách về an lòng nhàn-tĩnh, thường đi dạy học ở làng Dĩ-ninh, Chất-thành, Chân-định, Cồ-minh (thuộc huyện Kim-sơn) và làng Hạ-miêu, Hoành-nha ở bản-huyện, dạy dỗ học-trò, nhiều người thành-đạt, trong họ ngoài làng, đều là ăn ở hòa - mục, không lấy sự hay dở mà so-sánh ai bao giờ.

Năm Tự-đức thứ mười ba, có chỉ cho đòi vào tùy-phái ở Kinh, lượng tài lục dụng, ông vì nhà có mẹ già xin cáo ở nhà thị-dưỡng.

Năm Tự-đức thứ mười-tám lại vào ấp Ứng-luật huyện Kim-sơn dạy học. Gặp lúc huyện ấy khuyết huấn-đạo, quan tuần-phủ Ninh-bình là cụ Đặng Kim-Toán 鄧金算 (quán Hành-thiện

đỗ Phó-bảng) đề-cử là người học-hạnh đoan-chính, xin bổ cho chức huấn-đạo Kim-sơn, không bao lâu về đinh-gian mẹ, rồi sau lại ra huấn-đạo Thanh-trì, lại thừa phái đi quyền huyện Kim-sơn, huyện Thanh-trì, quan trên khen là người phác-thực, việc quan giản-dị không có nhiễu dân, trong hạt đều phục là quan nhân-chính.

Ông vốn là người thanh-liêm, không ưa thói cầu-cạnh, ông đỗ lâu tuổi cao, chiếu cho thăng giáo-thụ phủ Kinh-môn, quan phủ Kinh-môn bấy giờ là quan huyện Tiên-minh trước, ông hỏi đến truyện nhà tên cai-tổng kiện ông trước cùng viên huyện Lập-thạch bây giờ thế nào? Quan phủ nói: « Anh em tên cai-tổng ấy chết cả rồi, bây giờ con cháu đứa làm tuần-đinh, đứa ăn thuốc phiện, gia-sản đều về tay người khác chiếm nhận gần hết ». Thế mới biết đạo trời báo ứng không xa.

Đến hạn ông về trí-sĩ, từ đấy tang-du cảnh muộn, tùng-cúc vui nhàn, ngày đêm thường dạy con cháu mong cho thành-đạt.

Năm Tự-đức thứ ba-mươi-hai, (tây lịch 1879), khoa kỷ-mão, con trai ông là Đặng Văn-Tiêu 鄧文標 đỗ tú-tài, cháu đích-tôn ông là Đặng Hữu-Dương 鄧有楊 đỗ cử-nhân, cháu ngoại là ông Đặng Đức-Nhu 鄧德儒 cũng đỗ cử nhân, ông Đặng Ngọc-Kiểm 鄧玉儉 đỗ tú-tài, năm Thành-thái thứ nhất,(tây lịch 1889) khoa kỷ-sửu ông Đặng Hữu-Dương lại đỗ tiến-sĩ mà em ruột ông Dương là Đặng Hữu-Nữu 鄧有紐 cũng đỗ cử-nhân.

Ông Đặng Hữu-Dương sinh năm 1860, tư-chất thông-minh, học-vấn yêm-bác, hai-mươi tuổi đỗ cử-nhân, hai-mươi-sáu thi Hội trúng-cách, thi Đình thì văn đáng đỗ tiến-sĩ thứ ba, nhân kinh-thành thất-thủ, chưa kịp truyền lô, đến năm ba-mươi tuổi, đương làm giáo-thụ, quyền phủ Nam-sách, có chỉ được vào thi Đình đỗ tiến-sĩ thứ hai, vinh-qui xong, chiếu cho bổ tri-phủ Nam-sách, không đầy một năm được thăng hàm Hồng-lô-tự thiếu-khanh, bổ Án-sát Hà-nội, bị bệnh cáo về. Khi ông Dương đương chức Án-sát mời ông ra chơi, ông thấy bày tớ nhiều, ăn tiêu xa-xỉ, ông phàn-nàn bảo rằng: « Quan Án nên dùng ít bày tớ, việc chi tiêu nên tỉnh-giảm, nếu xa-phí quá thì bổng-lộc sao đủ, không đủ thì tất phải lấy của dân, lấy của dân thời tổn-hại đến âm-chất ». Ông Án lưu ông ở chơi, nhưng ông không chịu ở.

Ông là người đức-độ khoan-dung, tính-tình hòa-nhã, khoan-dung mà lại có vẻ uy-nghi, hòa-nhã mà lại có điều nghiêm-chỉnh, đi lại khuôn-phép, ăn mặc chỉnh-tề, tự lớn chí nhỏ không có chửi ai một lời nào, con cháu dẫu chăm dạy bảo, nhưng không bao giờ quát-mắng đánh chửi, điều gì không phải chỉ lấy lời lẽ êm-ái mà bảo thôi. Ông thường nói: « Lấy lời mà dạy con cháu không bằng lấy mình ăn ở phải đạo, để làm gương cho con cháu, có lẽ phải hơn ». Ông rất lưu-tâm về sự giáo-dục, con trai thì bắt học-hành, con gái thì bắt canh-cửi làm lụng, đều phải siêng-năng, không được lười biếng.

Ông lại có tính hiếu hữu, ngày còn nhỏ, ông thân-sinh mất sớm, bà mẹ ở vậy, nhà nghèo mà phải kéo vải bông bán lấy lãi để nuôi ông đi học, ông thấy vậy lại càng chăm học, ban đêm nhà không có đèn, ông học sáng trăng, không có trăng thì đốt nén hương mà học, hôm nào mưa gió, đường-sá lầm lội, thì lại cõng em đi học, mỗi hôm đi học về chỉ lẻ ngô bát cháo, chứ không được mấy bữa ăn no, anh thấy em đói thì lại nói dối đầy bụng để nhường cho em ăn. Khi ông đã thành-đạt, nuôi mẹ rất là kính-cẩn, trong làng ai cũng khen là người hiếu-nghĩa. Mẹ thọ được sáu-mươi-nhăm tuổi. Ông rất hiếu-cẩn,

lúc ở tang mẹ chưa từng đối với người nào cười to bao giờ.

Xem sự-trạng của ông trên này, đối cùng với thiên-địa quỉ-thần không có chút hổ, không những đáng làm gương cho con cháu, mà đáng làm gương cho cả người sau vậy.

Khen thay ông cũng là một người lạ, đi lại khuôn-phép, ăn mặc chỉnh-tề, phàm làm việc gì đều có tiết-độ, mỗi bữa ăn mấy bát cơm, uống mấy cốc rượu cho đến một ngày mấy miếng trầu, mấy điếu thuốc lá, mấy ấm nước chè, đều là có chương-trình nhất-định, đó cũng là hợp-cách vệ-sinh ; cho nên ông thọ đến tám chín mươi, mà người vẫn cân-cốt khỏe mạnh, từ trẻ đến già không phải mấy khi uống thuốc. Ông thọ được tám-mươi-chín tuổi, không có bệnh mà mất. Khi gần mất dặn con cháu rằng : « Phàm những việc làm lời nói của ta, con cháu sau này có ai hiền-đạt, cũng nên nhớ lấy mà làm gương, thời trước cũng được vẻ-vang tiên-tổ, sau cũng đủ tư-cách mà đối-đãi với xã-hội nhân-quần, con cháu nghe lời ta thời trăm năm ta cũng được thỏa cái linh-hồn ở dưới chín suối vậy »

GƯƠNG NỮ-GIỚI

Nương-hoàn phu-tử

Tây-lịch năm 1830, đương triều vua Minh-mệnh năm thứ mười-một, năm canh-dần, ngày mồng 6 tháng bảy là ngày Nguyễn Thị-Bích 阮氏璧 ra đời, tiểu-tự là Nương-hoàn 娘環, quán xã Đông-giang 東江, tổng Kinh-doanh 經營, huyện An-phúc 安福, phủ Ninh-thuận 寧順, tỉnh Bình-thuận 平順 (huyện An-phúc đến năm Đồng-khánh năm đầu, sáp-nhập tỉnh Khánh-hòa 慶和). Thị-Bích là con gái thứ tư ông Nguyễn Nhược-Sơn 阮若山, chức thừa-tuyên bố-chính, tỉnh Thanh-hóa 清化, kiêm hộ-lý tổng-đốc. Mẹ là Nguyễn Thị-Khuê 阮氏圭 tam-phẩm Cung-nhân, khi có thai, nằm mộng thấy sao Bích ở trên trời rơi xuống, há miệng đớp được, sau sinh ra thị, nên mệnh-danh là Bích, cùng với em gái khác mẹ là Nguyễn Thị-Huyền 阮氏玄 tính-nết dịu-dàng, đều có vẻ khuê-các.

Một nhà hai ả tố-nga,
Xuân-lan thu-cúc mặn-mà cả đôi.
Huyền xem trang-trọng khác vời,
So bề học-hạnh Bích thời giỏi hơn.

Năm mậu-thân triều vua Tự-đức năm đầu, đương tây-lịch 1848, Thị-Huyền hai-mươi tuổi, Thị-Bích mười-chín, sự học-hành ngày thêm tấn-tới, nổi tiếng tài-danh, cũng là nhờ giáo-trạch của bà Cung-nhân dạy-dỗ, thành ra một phái nữ-học-sinh xuất-sắc ở trong bọn thoa quần. Kìa sân ngọc-bội, nọ phường kim-môn, những bọn công-tử phong-lưu cũng chực kết duyên loan-phượng, nhưng chưa gặp tay bắn sẻ, nên cha mẹ chưa định gả cho ai ; bấy giờ quan Phụ-chính đại-thần Lâm Duy-Thiếp 林維浹 (cựu Duy-Nghĩa 維義 người Minh-hương 明鄉, tỉnh Bình-định 平定), nghe tiếng chị em Thị-Bích có tài văn-học, dâng sớ xin tuyển vào cung. Tháng chạp năm ấy vua y lời sớ, chiếu đòi hai thị cho vào bệ-kiến ; vua truyền rằng : « Trẫm nghe nói thị biết làm thơ, trẫm thử ra cho một bài ». Nhân trông thấy trước sân có cây mai mới nở, ngự-đề thơ Tảo-mai 早梅. Thị-Bích tâu rằng : « Tiện-kỹ xá chi, đội ơn thánh-hoàng rộng lượng bao-dung, dám xin mạo-muội, nên chăng xin thánh-hoàng lượng xá ». Liền cất bút viết thành một luật-thi đệ lên ngự-lãm.

Thơ rằng :

今夜輕寒少雪霜。
早梅欲放已凝香。
繽紛萬點含珠蕊。
瑩潔千枝炤玉堂。
獨占先春魁百卉。
肯隨上苑闘羣芳。
清芬彷彿浮金殿。
索笑堪迎小歲觴。

Diễn nôm :

Lạnh ấm đêm đông thuận tiết trời,
Cành mai lác-dác sắp đâm chồi ;
Hạt châu điểm nhị hương còn dượm,
Nụ ngọc liền cành sắc chửa phai ;
Sớm đã hoa-khôi xa nức tiếng,
Lọ là vườn cấm vội đua tươi ;
Gió đưa chín bệ thêm ngào-ngạt,
Mượn chén mua xuân chực gợi cười.

Ngự-lãm ban khen : « Không ngờ nữ-nhi lại có thi-cốt, đáng tài nhả ngọc phun châu, nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này ». Thưởng cho bạch-kim hai-mươi lạng, phong làm cung-nhân, sung chức thượng-trân-viện 上珍院, ngày tháng năm, năm canh-tuất thứ ba, Thị-Bích cùng với Thị-Huyền đều được ơn phong chức Cửu-giai-tài-nhân 九階才人.

Thị-Huyền đến năm Tự-đức thứ hai-mươi-sáu, ngày mồng năm tháng chín, tuổi bốn-mươi-nhăm, bệnh chết, chiếu quan Hữu-tư liệu việc tống-táng, mộ chôn ở phía nam gò Long-thọ 龍壽, xã Nguyệt-bầu 月瓢.

Thị-Huyền khi đã tạ-thế, Thị-Bích nghĩ tình huyết-mạch, thương nỗi biệt-ly, ruột tằm héo-hon, thân ve mòn-mỏi, nỗi-niềm càng nghĩ càng đau, lửa phiền khôn lấp, mối sầu khôn khuây.

Than ôi ! cái kiếp phù-sinh, mây trôi bèo giạt, nay hợp mai tan, dù cho gác tía lầu son, cái lòng hi-vọng bấy lâu, đến bấy giờ đã dần dần hôi-lãnh ; nhưng tưởng đến chị em mình, nhờ có phấn vua tô-điểm, mới hay mở mày mở mặt với bọn nữ-lưu ; không may em Huyền đã cam ngắn số, còn như mình chầu chực ở trong cung-cấm, trên sao khỏi phụ ơn thánh-hoàng uyến-ái, dưới sao khỏi phụ lòng đại-thần cử-tri, mong cũng có ngày ơn trả nghĩa đền, cho vẹn đạo thần-thiếp mới hời.

Tự đấy Thị-Bích ra vào cung-cấm, nữ-hạnh nữ-dung lại càng giữ-gìn hơn trước, vả lại độ-lượng khoan-hòa, đối với người ta, chưa có chút gì lộ khuê dác. Vua thường khen Thị Bích có tính hiếu-hữu, nết nhân-từ, thực là nền phúc-hậu, bậc tài-danh, văn-chương nét đất, thông-minh tính trời, vua ngự đi chơi đâu cũng cho đi hộ-giá, ngự-thi ứng-chế ngài vẫn phê bình.

Tiết thanh-minh đi hầu ngự có thơ tức-cảnh :

雲淡風輕欲曉天。
依依楊柳遍晴川。
九分春色逢三月。
廿度清明又一年。
接駕上方喧梵鼓。
迎鑾下里馥香烟。
細看此路經過處。
紅樹青山尚宛然。

Diễn nôm :

Gió lặng mây quang bóng rạng hồng,
Nghìn hàng dương-liễu rủ bên sông ;
Chín phần xuân-sắc gần sang hạ,
Một tiết thanh-minh cách mấy đông ;
Trống kệ vang-lừng chầu giá ngọc,
Lô hương nghi-ngút đón ngai rồng ;
Tới đâu quang-cảnh đều vui-vẻ,
Cây biếc non xanh chất mấy trùng.

Hầu ngự ra xem lúa hậu-viên (1) vịnh tức-cảnh :

幾回經代耜。
此日耤田功。
翠浪千塍上。
青雲數畝中。
辰和徵雨潤。
物樂卜年豐。
料得閭閻外。
重賡七月風。

Diễn nôm :

Tịch điền vua đã trước gia công,
Mừng được ngày nay lúa cấy xong ;
Sóng biếc mấy tầng lan khắp ruộng,
Mây xanh một áng tỏa đầy đồng ;
Mưa xuân đất thấm càng thêm nhuận,
Lúa tốt trời cho mới thỏa lòng ;
Chắc hẳn nhà nông ai cũng sướng,
Ngâm thơ Thất-nguyệt nối Mân-phong.

(1) Hậu-viên có ba mẫu ruộng, vua thường ra đó làm lễ tịch-điền, vua thân-hành cày ruộng để dân bắt-chước.

Đêm thanh cưỡi thuyền chơi qua bến Lợi-nông, vịnh thơ tức-cảnh :

一棹春風緩
新河月色清
蘆花霜外潤
竹影水邊明
岸帶青山遠
村移綠野平
憑窗方玩月
茅店已雞鳴

Diễn nôm :

Mái chèo dủng-dỉnh gió đưa quanh,
Trăng chiếu bên sông một vẻ thanh ;
Lau điểm màu sương hoa lốm-đốm,
Trúc lồng đáy nước bóng long-lanh ;
Non xa thẳng bến rêu in biếc,
Ruộng phẳng liền nhà lúa tốt xanh ;
Dựa sổ chờ trăng, trăng mới mọc,
Gà kêu điếm cỏ chợt sang canh.

Ngày mùa hạ theo ngự ra chơi vườn dừa kỷ-sự :

水清沙白萬椰蒼
十里濃陰送午涼
扈從不須愁夏熱
半天自有露盤漿

Diễn nôm :

Nước trong cát trắng khóm dừa xanh,
Mười dặm um-tùm gió thổi quanh ;
Hầu ngự lo chi trời nắng nực,
Nước dừa sẵn đó dượm mùi thanh.

Theo hầu đức Từ-thái-hậu 慈太后 ra chơi cửa Thuận-an 順安 kỷ-sự :

遠近雲山作畫屏
無邊風月望中醒
千舟擁從環江面
拱極渾如列衆星

Diễn nôm :

Mây núi như in bức họa-bình,
Nhìn xem phong-nguyệt cảnh càng xinh ;
Đầy sông thuyền chực đông nghìn chiếc,
Coi tựa vì sao hướng Đẩu-tinh.

Bài thơ nào cũng được tiến-lãm, vua khen thị có tài thông-tuệ, gặp buổi thanh-nhàn vua thường dạy cho làm các lối thi-văn điệu-khúc, gọi là Thiên-tử nữ môn-sinh 天子女門生, nghĩa là học trò gái của vua vậy. Sau chiếu cho thị đến cung Gia-thọ 嘉壽 hầu đức Từ-dụ bác-huệ khang-thọ thái-hoàng thái-hậu 慈裕博惠康壽太皇太后. Đêm ngày thường ở bên tả bên hữu. Đức Hoàng-thái-hậu tin yêu coi như là con đẻ vậy, không bao lâu thăng chức tiệp-dư lục-giai 婕伃六階.

Vua Nghị-tôn 毅尊, vua Cảnh-tôn 景尊 khi còn bé ở nơi tiềm-đề, sai bà đem các kinh-điển, dạy đọc truyền-khẩu, và dạy các bà công-chúa, và các mệ ở trong cung ; nhân thế cũng xưng là Tiệp-dư phu-tử 婕伃夫子, nghĩa là thầy đàn bà vậy.

Năm quí-mùi, ngày tháng sáu, năm thứ ba-mươi-sáu, tây lịch 1883, đức Dực-tôn 翼尊 hoàng-đế thăng-hà, vua Hàm-nghi nối ngôi, hai cung dự coi triều-chính, ý-chỉ của hai cung truyền phán thế nào đều ở một tay bà thảo-thiện.

Ngày tháng năm, năm ất-dậu, triều vua Hàm-nghi năm đầu, Tôn-thất Thuyết thay cầm quyền-chính, gây sự binh-biến, kinh-thành thất-thủ, hai cung phải ngự xe ra Cam-lộ 甘露 (thuộc tỉnh Quảng-trị 廣治), bà đi theo hầu, chiếc thân bồ-liễu, một bước bình-bồng, mưa gió dãi-dầu, non sông cách-trở.

Một vai trung hiếu đôi đường,
Phần lo việc nước phần thương nỗi nhà.
Bụi hồng lẽo-đẽo loan-xa,
Bơ-vơ nào biết đâu là hành-cung.

Lúc ấy thân gái dặm trường cực là gian-khổ, cũng thành một cái tấn kịch vô-hạn bi-thương vậy. Nhân ngụ ý cảm-hoài, làm bài quốc-âm *Loan-dư hạnh Thục* 鸞輿幸蜀, ý nói khi chạy ra Cam-lộ, đường lối hiểm-nghèo, nào nơi bãi cát quanh-co, nào nơi rừng gianh rậm-rạp, chẳng khác gì qua

đường nước Thục hiểm-trở là đường nào. Đọc đến đoạn ấy ai cũng gây một mối thương-tâm, dẫu cho dạ sắt cũng phải mềm, gan vàng cũng phải đứt.

Đương lúc hoàn-cảnh ấy, tiêu-điều ưu-uất, bỗng dưng tiếp được tin mừng, triều-đình cùng Đại-Pháp giảng-hòa, kinh-thành may được vô-dạng. Rồi các quan tới rước hai cung về Huế, bà theo xe loan vào cung yên nghỉ.

Đoạn rồi triều-thần văn-võ khâm-thừa thánh-chỉ tôn đức Cảnh-thuần Hoàng-đế đăng-quang, trăm quan hòa-mục, bốn bể âu-ca, nhà vua lại được yên-ổn như trước.

Bấy giờ hai nước giao-thiệp, chính-sự phân-phồn, văn thư rộn-rịp, tuân theo thánh-chỉ, một tay thảo-thiện, không lúc nào ngơi, thế mà công-việc cũng được thanh-thỏa, không có lầm lỗi chút nào, hai cung khen thị có tài mẫn-tiệp, đương lúc triều-đình hữu-sự, thực có công-lao, sắc cho ân thưởng cực hậu.

Thị-Bích tâu: « Lạy thánh-cung muôn lạy, chất bồ hèn-mọn, nương-tựa bóng dương mưa móc dồi-dào, chưa có chút gì báo-đáp. Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, gặp bước truân-chiên, dù khi cửa cáo hang hầm, nạn cũng không dám tránh; mũi tên hòn đạn, chết cũng không dám từ; chính là nghĩa thần-thiếp phải nên như vậy, nào dám kể gì công-lao, may mà xã-tắc được yên, cũng là nhờ có liệt-thánh uy-linh, giang-sơn a-hộ, mới có quang-cảnh ngày nay; đến như văn-thư giao-thiệp, chẳng qua vâng lời thánh-dụ mà tuân-hành, phận gái biết chi đến việc triều-đình mà dám nói, may nhờ đức trời lượng bể, rộng lòng quá thương, đội ơn muôn tạ ».

Năm nhâm-thân triều vua Thành-thái thứ tư, tây-lịch 1892, đức Từ-cung chiếu phong cho thị thăng chức tam-giai-lễ-tần 三階禮嬪, sai Binh-bộ thượng-thư sung cơ-mật-viện đại-thần Nguyễn Thân 阮紳 (người Thạch-trụ, tỉnh Quảng-nghĩa), cùng với Lễ-bộ đại-thần, đem tờ chiếu-sách đến điện Khiêm-cung 謙宮 tuyên đọc. Lễ rất long-trọng, cũng là một việc vẻ-vang ở trong nữ-giới vậy.

Ông Trọng-Khanh 仲卿 hiệu Nguyệt-đình 月亭, nhân lúc hữu-sự phải chạy trốn, khi hòa-ước đã định, mừng làm bài thơ thuật-hoài đưa bà Thị-Bích họa.

Thơ họa:

浮生寧識是前因。
有患由來未有身。
回首榆湖成廢地。
○○荔園○○○
月光自有盈還缺。
天性應無富與貧。
笑我猶爲名利鎖。
忘機誰是葛天民。

Diễn nôm:

Cái kiếp phù-sinh đã trải rồi,
Mang lo những lúc chửa ra đời;
Hồ Du (1) khách vắng coi hoang-mãng,
Lệ Phố (2) người về chiếm thảnh-thơi;
Khi khuyết lại tròn trăng vẫn thế,
Dù giàu hay kiết phận mà thôi;
Nghĩ mình còn vướng vòng danh-lợi,
Như Cát-thiên-dân (3) được mấy người.

Ngày tháng năm, năm đinh-dậu triều vua Thành-thái thứ chín, đức Trang-ý thuận-hiếu thái-hoàng thái-hậu 莊懿順孝太皇太后, gặp tiết thất-tuần đại-khánh, sắc phong cho thân-phụ Thị-Bích được khai-phục Gia-nghị-đại-phu Bố-chính-sứ.

(1-2) Trong cung có hồ gọi là hồ Tràng-du 長楡. Nguyệt-đình hiệu là Lệ-phố, tự-xưng là Lệ-chi động-chủ 荔枝洞主, vì trong vườn trồng nhiều cây vải, nên gọi là Lệ-phố.

(3) Cát-thiên-dân ở đời thượng-cổ, dân còn thuần-phác, không phải lo nghĩ, không cầu danh-lợi, nên gọi là dân Cát-thiên.

Khi trước triều vua Tự-đức năm thứ ba, Nguyễn Nhược-Sơn là thân-phụ Thị-Bích nhân việc công bị giáng chức về nhà, đến bấy giờ bà Thị-Bích có công-trạng mới được khai-phục. Sắc phong cho mẹ tứ-phẩm Cung-nhân. Tháng chín năm ấy chiếu dựng từ-đường để phụng-sự, rồi sắc cho cháu trai bà là Nguyễn Nhược-Hàn 阮若翰 ấm-thụ chánh bát-phẩm để coi giữ từ đường.

Sau bà Thị-Bích có tuổi, vua ban tiền cho làm nhà ở xã Dương-xuân 陽春, huyện Hương-thủy 香水 để được dưỡng-nhàn. Bà ở nhà lấy thư-tịch làm thầy, lấy bút nghiên làm bạn, lấy phong-nguyệt làm chị em, lấy cỏ hoa làm cách sinh-nhai, lấy thơ-ca làm cuộc tiêu-khiển, truyện đời gió Á mưa Âu, gác ngoài tai không nói chi đến.

Sớm trưa vườn cúc thảnh-thơi,
Ơn vua còn hậu tuổi trời càng cao.
Muốn lên tận chỗ tiên-tào,
Hỏi bà vương-mẫu bàn-đào để đâu?

Triều vua Thành-thái thứ mười-một, (tây-lịch 1897), khi bà tuổi tới bảy-mươi, tự nghĩ người ta ở đời không gì bằng thọ, vinh-hoa phú-quí người ta còn có thể làm được, đến như tuổi thọ trời cho mới được, cho nên gọi là tước của trời. Ta nay vừa tới thất-tuần cũng là ơn trời phúc tổ; dữ-kỳ mai sau bách-tuế, làm văn tế ruồi, chả thà bày một tiệc thọ, yến cùng thân-thích họ-hàng, chả vui-vẻ lắm ư?

Năm ấy vua chiếu viện Thái-giám chức Quản-vụ là Nguyễn Phụng 阮鳳 và quan Thị-vệ chỉnh-bị long-nghi cùng nhã-nhạc, rước tờ chiếu-dụ và vàng lụa đến tận nhà ban tứ thọ-phụ 壽婦, và sắc cho ba chữ: «Như-thị-quan 如是觀» để ở trước cửa. Khen thay nữ-lưu kỳ-ngộ, thiên-tải nhất-thời, xưa nay chưa mấy người đàn-bà được hưởng cái hạnh-phúc như vậy.

Than ôi! đàn-bà lấy nhan-sắc làm cho nghiêng nước nghiêng thành, chưa lấy làm lạ; lấy tài-hoa làm cho xiêu lòng quân-chủ, cũng chưa lấy làm lạ. Duy có đem cái văn-tự mà giúp được lúc xã-tắc gian-nguy, thế mới là lạ!

Nước ta bà Trưng, bà Triệu, những bậc cân-quắc anh-hùng 巾幗英雄 không dám nói đến; còn như văn-chương của Thị-Điểm hay thì hay thật, nhưng cũng chưa có gì bổ-ích cho đời; thơ-ca của Xuân-Hương tài thì tài thật, nhưng cũng chưa có gì là ích cho nước.

Khen thay bà Thị-Bích, nữ-hạnh đoan-trang, khuê-nghi yểu-điệu, vừa tài vừa sắc, mọi vẻ mọi hay, gác tía su-bồi, chẳng học tô hương điểm phấn, lòng son tinh-khiết, chưa từng cợt gió cười trăng, tưởng cái thân bà lịch-lãm bao nhiêu là cái vẻ phồn-hoa, hưởng-thụ bao nhiêu là cái quả hạnh-phúc, có khi thiên-tử gọi là môn-sinh, tôn-trọng là dường nào! Có khi cung-nhân tôn làm phu-tử, giá-trị biết là dường nào! Có khi theo xe tránh nạn, lặn suối trèo non, tinh-thần mạo hiểm biết là dường nào! Có khi cất bút viết thư, phun châu nhả ngọc, từ-khí hùng-hồn biết là dường nào! Cung chức gần năm-mươi năm, ngôi cao lộc hậu, thế mà không có sự gì khoa-trương; hưởng thọ hơn bảy-mươi tuổi, tóc bạc da mồi, thế mà không có sự gì lầm lẫn, cũng là một vị hoàn-nhân vậy

Tiếc thay bà sẵn nếp văn-thơ, đủ tài trứ-thuật, gặp khi binh-biến thất-lạc cũng nhiều, đến nay không được xem cả toàn bảo, thực cũng đáng phàn-nàn lắm thay! Tuy vậy, người mất mà thi-hồn chưa mất, chữ còn thời quốc-túy hãy còn, bà cách đây chưa đến sáu-mươi năm thời cái ảnh-hưởng vẫn còn ở tai mắt người ta vậy. Nên chép một đoạn lịch-sử này, khiến biết nữ-giới nước ta cũng có tài văn-chương kinh-tế vậy.

THIỆN-ĐÌNH

VẤN-ĐỀ QUỐC-VĂN (1)

II

B) **Ý-kiến người trong nước**

82. — Cái mục-đích của người học nếu cao hơn nữa, muốn học cho đọc được những sách Tàu cũ đời xưa cùng là những sách của người mình đã trứ-thuật bằng chữ Hán, để mà khảo-cứu hoặc về văn-học, hoặc về triết-học, hoặc về lịch-sử, làm nên một nhà văn-học, thì lại phải dụng-công nhiều hơn bội phần. Sự dụng-công ấy về sau, chớ còn ban đầu thì phải lấy sự đọc hiểu viết thông làm cái chước thứ nhất,

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 14-7-32

83. — Tác-giả nếu chỉ là một người viết văn Tây giỏi, giỏi mười mươi nữa, bạn văn-chương dẫu có lòng phục mà thật là không có lòng yêu-kính vậy. Đối với các bạn « tân-học trơn » tôi xin thú thật là có lòng ấy. Ai có đọc *An-Nam tạp-chí* tất thấy ông Thượng-Uyển là một người bạn rất hữu-tâm với văn-chương nước nhà, là một người tri-kỷ với Quốc-văn vậy.

«Nghĩa-vụ bạn tân-học đối với Quốc-văn», ông cho là một cái trách-nhiệm lớn. « Đối với việc làm cho Quốc-văn có lời-lẽ lề-lối mới, càng những người thuộc tân-học càng cẩn-trọng mà hiểu rằng : Nghĩa-vụ cần nhất là nghĩa-vụ khảo-cứu « học cho hi-thánh hi-hiền, theo lời cổ-nhân dạy để thêm tài, thêm sức mà gánh vác trách-nhiệm với Quốc-văn... Đem tư-tưởng mới vào văn nước nhà, thâu tình-cảm mới vào văn nước nhà, là hai cái nghĩa vụ mà bạn tân-học ta từ nay đã có thể gánh vác ngay ». Lời tác-giả ; *An-Nam tạp-chí* số 35.

Nước nhà mong cậy, nòi giống đợi chờ bạn tân-học chính là mong cậy đợi chờ những bạn tân-học như thế

ĐÔNG-HỒ

Phụ-nữ tân-văn, 14-7-32

84. — Sau rốt bài, kẻ phụ-bút của ông ước ao rằng : Nha học-chính đừng lẫn-lộn tiếng Bắc-kỳ với tiếng Nam-kỳ. Tôi tưởng rằng nha học-chính có cần hỏi ý-kiến thì sẽ hỏi những hạng người như CADIÈRE, CORDIER, PHẠM QUỲNH. Xin ai cũng cho phép tôi ước-ao một điều : là mỗi người Việt-Nam lo học tiếng mình cho thấu-đáo và sẽ thấy rằng tiếng Việt-Nam là hợp-nhất.

Dịch lời ông NGUYỄN NHO

L'Opinion, 19-7-32

85. — Trong khoảng vài mươi năm trở lại đây, nghĩa là từ khi sự học chữ Hán đã bị suy-vi và sự học quốc-ngữ bắt đầu thịnh-hành cho đến nay, thì những trang thức-giả trong nước ta đại-để ai nấy cũng đều nhìn nhận cho chữ Quốc-ngữ là cái chìa khóa để mở kho tri-thức cho người Việt-Nam mình. Mà cái câu « nước Nam ta sau này hay dở đều ở nơi chữ Quốc-ngữ » thật đã thành ra một câu nói ở khẩu-đầu, lâu nay vẫn thấy người ta nhắc đi nhắc lại hoài ở trên các sách các báo.

... Tóm lại thì đã là người Việt-Nam, cần phải học chữ Quốc-ngữ, mà muốn học Quốc-ngữ cho giỏi, lại cần phải biết qua chữ Hán nữa mới được.

Tựa sách Hán-văn độc-tu.

Phụ-nữ tân-văn số 161 ; 28-7-32

(1) Xem *Nam-Phong* số 181.

86. — Từ ngày mà cái ngòi bút sắt đắc-dụng đến bây giờ thì chữ quốc-âm tràn lan cùng trong nước, rất thịnh-hành mau chóng...

Tờ báo đối với quốc-dân thiếu chi là trách-nhiệm quan-hệ lớn lao. Nào là báo tin lạ xảy ra nơi nội-cảnh ngoại-biên; nào là truyền-bá những hột giống tốt đẹp văn-minh của Âu Mĩ, nhất là dân ta còn đương lúc bán-khai. Như vậy thời tờ báo đối với độc-giả không phải là không có ích về đường tinh-thần trí-thức.

THUẦN ĐỨC

Phụ-nữ tân-văn số 162 ; 4-8-32

87. — Cuộc sắp đặt giáo-huấn ở đây làm cho tôi hôm nay viết quốc-văn hết sức thô-kịch. Trong đó có phần lỗi tôi, tôi tự nhận và hết sức sửa đổi.

NGUYỄN THỊ-CHÍNH

Phụ-nữ tân-văn số 162 ; 4-8-32

88. — Chúng tôi đã tiếp được *Văn-học tạp-chí* số 2, có nhiều bài giá-trị như bài về Quốc-văn Nam-Việt của ông Đông-Hồ ở Hà-tiên cũng giống ý-kiến bản-báo chủ-nhiệm bày tỏ mới rồi.

Đuốc-nhà-nam, 10-8-32

89. — Vừa rồi trường Đại-học thành *Manille* có mở những lớp học Pháp-văn cho công-chúng vào học, tuy những lớp ấy mới mở lần này là lần thứ nhất mà số người vào học có tới 100 ; thật là một cái không ngờ. Viên lãnh-sự và viên phó-lãnh-sự Pháp và ông ZIALCITA, tốt-nghiệp trường Đại-học *Paris*, đứng làm giáo-sư các lớp này.

Thời-báo, 18-8-32

90. — Thanh-hà tuy không được cùng các bạn cũ tiếp-tục những câu chuyện còn bỏ lửng, nhưng hằng trông ở các bạn luôn và vẫn mong chị em biết lấy quốc-văn mà tô-điểm vườn hoa nữ-giới cho khỏi thành cỏ mọc bìm leo...

Riêng Thanh-hà thì đối với tiếng nước nhà đã sẵn tấm tình yêu, há dễ có dịp lại bỏ qua mà chẳng học ! Song nghĩ nỗi học quốc-văn mà không khỏi bâng-khuâng ngùi-ngậm. Ven trời góc biển chỉ vỏn-vẹn có được một nơi giúp cho ta học-tập ! Có một nơi mà còn là thừa vậy !

NGUYỄN-NỮ THANH-HÀ (Gia-định)
học-trò Trí-đức học-xá Hà-tiên

Trung-lập, 20-8-32

91. — Như ông Đông-Hồ đã nói rõ, trong khi phiên-dịch cái đoản-thiên tiểu-thuyết « Tình xưa » chủ-ý của dịch-giả là để giới-thiệu một người bạn tân-học có lòng yêu-mến quốc-văn.

Kẻ dịch bài diễn-thuyết về « Cuộc phục-hưng của văn-nghệ Việt-Nam » hôm nay cũng mang một cái ý-kiến giống như ông Đông-Hồ, bởi vì nếu ông tham-tá Nguyễn Tiến-Lãng đó bảo rằng « nghĩa-vụ của các bạn tân-học đối với quốc-văn là cái nghĩa-vụ cần nhất » thì ông giáo-sư Ưng-Quả cũng bảo rằng : « . . tiếng An-Nam là thứ tiếng vốn có sẵn và có thể sinh-tồn được, ấy chính là tiếng của ta, ta nên yêu-quí nó mà vun-trồng cho nó, bằng không thì chúng ta sẽ đi lạc nẻo lầm đường và e khi lại có sự hiểm-nghèo cho vận-mạng tương-lai của ta đến nỗi không thể vãn-cứu đặng ».

BÙI THẾ-MỸ

Phụ-nữ tân-văn số 165 ; 25-8-32

92. — Một cái phong-trào mà ai nấy cũng phải nhìn-nhận và có quan-hệ một cách rất lớn-lao, bởi vì chính nó đã giúp vào cho cuộc phục-hưng một phần rất trọng-yếu, ấy chính là cái phong-trào chấn-chỉnh quốc-văn trong hai chục năm sau này.

...Vào khoảng năm 1900, noi theo cái giống của Nhật-bản, nước Tàu bên phái người đi qua Âu-châu để học-tập theo cái văn-hóa mới. Kịp đến khi trở

về nước, bọn du-học Tàu hết sức lấy làm trầm-trồ khen-ngợi cái kho tri-thức phong-phú vô-cùng của người phương Tây. Bấy giờ họ mới đua nhau mà truyền-bá cái tư-tưởng Âu-Tây; họ đem những sách của MONTESQUIEU, VOLTAIRE, ROUSSEAU, DARWIN, AUGUSTE, COMTE mà phiên-dịch ra chữ Tàu. Úy chà! Khi mấy ông đồ nho của ta thấy được những tân-thư ấy, thì khoái biết bao nhiêu mà kể! Rồi đến phiên mấy ông lại hăng-hái xúm nhau đem những sách ấy mà dịch ra quốc-ngữ và chú-thích phê-bình! Bởi vậy cho nên chính đã nhờ chữ Tàu làm trung-gian mà tiếng ta mới thêm đặng một mớ rất nhiều những danh-từ về nghệ-thuật, triết-học và khoa-học.

Qua lối năm 1915, đã nhờ có một cái cơ-quan, một cái tạp-chí ghi-chép và sắp-đặt những chữ mới ấy lại để truyền-bá ra và làm cho quốc-văn ta được chấn-chỉnh cải-lương một cách mau chóng. Ấy chính là cái công của tạp-chí *Nam-phong* và của ông PHẠM QUỲNH, là chủ-bút báo ấy. Nhà cổ-học ấy đã có được cái ý-kiến, khá gọi tài-tình, là lật-đật thiệt-hành cái công việc « bảo-tồn và tô-điểm » cho quốc-văn Việt-Nam. Năm 1917, ông đã sáng-lập ra tạp-chí *Nam-Phong*, là một cái tạp-chí để truyền-bá văn-học, khoa-học và mĩ-thuật, và trong mười-lăm năm ròng-rã ông đã ra công giúp vào cho sự bồi-đắp cái nền văn quốc-âm ta được một phần rất to lớn. Phía sau mỗi số tạp-chí *Nam-Phong*, đều có mấy trương tiểu tự-vị, trong đó ông lượm dồn mấy chữ mới lại và có chua nghĩa bằng chữ Pháp rất rõ-ràng; vả lại chính ông Phạm Quỳnh trong khi viết cũng cố rán dùng những kiểu nói mới-mẻ và dựng nên một lối văn xuôi rõ-ràng và cứng-cát lắm. Chúng tôi không thể kể hết những người cộng-sự trọng-yếu của ông Phạm Quỳnh, nhưng tưởng nên nói ra đây cho bà con biết ông Nguyễn Văn-Vĩnh. Tuy không lưu-ý về mặt lý-luận cao-thâm, nhưng ông Vĩnh lại là một nhà dịch-giả rất có tài. Chính ông đã dịch bộ tiểu-thuyết « Những kẻ khốn-nạn » của VICTOR HUGO, những đoản-thiên tiểu-thuyết của PERRAULT và những chuyện ngụ-ngôn của LA FONTAINE ra quốc-ngữ; ông lại cũng đã dịch tuồng hát của MOLIÈRE, tiểu-thuyết của DUMAS của ABBÉ PRÉVOST. Những sách dịch ấy dồn lại thành một bộ mà ông Vĩnh gọi là « Tư-tưởng của phương Tây » (*La pensée de l'Occident*). Có lẽ trong đó cũng chưa ắt đã chứa hẳn cả cái tư-tưởng của phương Tây, song nhờ đó mà một mớ rất nhiều chữ mới đã lưu-hành trong tiếng nói của ta và hiệp với những chữ mới của *Nam-Phong* mà làm cho quốc-văn của ta được trở nên phong-phú,

Ấy đó, cuộc phục-hưng của văn-tự Việt-Nam ta đại-khái là vậy. Nhờ đó mà chúng ta mới được chấn-khởi về đường tinh-thần. Cũng nhờ đó mà văn-học của ta mới thấy ngày phục-hưng.

Lời diễn-thuyết Pháp-văn của ƯNG-QUẢ
BÙI THẾ-MỸ *dịch*
Phụ-nữ tân-văn, số 165; 25-8-32

93. — Chữ nho ta cũng cần phải học để giữ lấy quốc-túy, quốc-hồn...

Mình là người Nam, linh-hồn Nam, giọng nói, điệu văn Nam, nay học chữ nước người phải bỏ hết cả giọng điệu tự-nhiên của mình đi, mà theo giọng điệu của người, tức là đem cái hồn của mình mà sáp-nhập vào hồn người, cầu sao cho đúng vẻ tự-nhiên, như thế thực khó quá.

NGUYỄN THƯỢNG-CÁT
An-nam tạp-chí, 1-9-1932

94. — Con trẻ nói các trường sơ-đẳng tiểu-học cần phải học tiếng An-Nam. Có người nói: « Tiếng An-Nam, con trẻ mỗi ngày từ thuở còn nhỏ, học nói với cha mẹ, cô bác... đã biết nhiều rồi,

vào trường cần gì mà học tiếng ấy nữa. » Nói như vậy lầm lắm. Số chữ dùng trong gia-đình hẹp-hòi ít-oi, lại nhiều khi cha mẹ nói trại, làm cho con trẻ nói không đúng. Thầy giáo cần phải sửa lại,

Bao giờ con trẻ thông-hiểu tiếng An-Nam, thì chỉ đọc sách như : Luân-lý, Vệ-sinh, Cách-trí, Sử-ký, Địa-dư... ắt hiểu, rồi nhớ những điều dạy đặng sau lấy đó mà dùng

Học tiếng An-Nam còn lắm sự hữu-ích khác.

1°) Người đích-đáng là người khi nào muốn thuật một chuyện gì, hễ nói ra thì ai ai cũng hiểu.

2°) Nói năng rành-rẽ, dễ cho mình giao-thiệp với người một xứ.

3°) Tiên-nhân ta để lại nhiều thi-thơ hay vô cùng. Ngày nào ta đọc được, hiểu được thì vui biết bao nhiêu.

4°) Mỗi khi ta nói, nếu ta dùng chữ cho đúng, thì ta có dịp làm cho trí ta phải suy-nghĩ, phải luận xét, vậy có ích về trí-não.

Tóm lại : Con trẻ học tiếng An-Nam, chẳng những dễ bề ăn học, lại tiện trong đường giao-thiệp, cũng được đọc sách hay và có dịp tỏa trí khôn của mình.

DƯƠNG MINH-THỚI

Sư-phạm học-khóa Saigon ; Septembre 32

95.— Đại-phàm muốn thâu-thái một cái văn-hóa khác để bồi-bổ cho cái văn-hóa sẵn có của mình, thì một điều cần yếu trước hết là phải biết rõ cái văn-hóa sẵn có ấy ra sao, phải ngâm-ngấm trong cái văn-hóa ấy, phải lấy chính mình dính-dấp với nó mới được. Nói ví mà nghe, cũng như ta muốn sửa-sang một cái nhà cũ, thì tất-nhiên là ta phải thấy rõ trong cái nhà ấy, chỗ nào nên để, chỗ nào nên thay. Người Nhật, người Tàu họ hiểu cái lẽ đó, cho nên trước khi cho bọn thanh-niên xuất-dương, họ đã lấy giáo-dục bổn-quốc mà tạo cho mỗi người một cái tư-cách đứng-đắn rồi.

Nói riêng về nước Tàu. Ở trong nước, từ ấu-học nhẫn lên cho tới đại-học, đều dạy bằng chữ bổn-quốc. Từ trung-học trở lên mới có dạy tiếng ngoại-quốc, nhưng chỉ là phần phụ. Địa-dư, sử-ký, phong-tục, chế-độ của nước mình từ xưa đến nay ra sao, đại-khái một trò cao-đẳng tiểu-học trở lên đều hiểu hết ; và lên đến trung-học, đại-học lại còn hiểu nhiều hơn. Thường thường là một người đã tốt-nghiệp đại-học ở nước nhà rồi mới xuất-dương du-học. Trong khi họ học được điều gì ở ngoại-quốc, họ có thể đem mà so-sánh với điều đã học ở bổn-quốc mà thấy hơn thua lợi-hại thế nào, chớ không phải học tới đâu biết tới đó mà cho rằng đủ.

Bọn ấy, khi về nước rồi, làm gì thì làm, nhưng cốt nhất là họ không quên sự dịch sách và làm sách. Việc dịch-thuật của họ là việc làm có ý thức, cho nên cũng thâu được hiệu-quả rất lớn.

Nước ta thì khác hẳn. Giáo-dục của nước ta chưa hề cho thanh-niên ta ngâm ngấm trong văn-hóa cũ của xứ mình. Một người học-sinh từ ấu-học lên đến cao-đẳng (chỉ trường Cao-đẳng Hà-nội) vẫn có đọc sử-ký bổn-quốc, địa-dư bổn-quốc, vẫn có làm bài luận bằng chữ quốc-ngữ ; nhưng đó là một môn trong chương-trình ở lớp học mà thôi, chỉ vừa biết qua-loa mà thôi. Một người học-sinh tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng Hà-nội ra, đố ai dám bảo đó là một người Việt-Nam đứng-đắn, có đủ tri-thức về văn-hóa Việt-Nam đứng-đắn.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 13-10-32

96. — Hai ông họ Cao tuy đắc-tội với triều-đình thật nhưng đối với quốc-văn là hai người có công.

TIÊN-ĐÀM

Văn-học tạp-chí, 15-10-32

97. — Nếu chị em ta mà có lòng có chí, thì một ngày kia, lo gì chẳng có thể đem cái bột Pháp-học mà nặn ra những cái bánh quốc-văn cũng có vị ngọt mùi ngon, khiến cho người thức-giả nếm qua mà phải công-nhận là khoái-trá.

Phụ-nữ tân-văn, 20-10-32

98. — Ngày nay quốc-dân ta ai cũng biết lấy quốc-văn làm trọng, cần phải luyện-tập, phải bồi đắp. Mà muốn bồi-đắp nền quốc-văn, không thể không nghiên-cứu văn-chương các bậc tiền-bối được.

Quốc-văn có quan - thiết đến cuộc tương-lai nước ta, tiền-đồ dân ta, nên ta cần phải nghiên-cứu đến đã đành, song cũng không thể bỏ được các sách-vở văn thơ biên chép bằng chữ nho.

HẢI-LƯỢNG

Văn-học tạp-chí, 15-10-32

99. — Kẻ dân hèn này cũng là một phần-tử trong nước, cũng có chứa-chan đầy những hi-vọng sẽ được trông thấy những sự cải-cách cần-thiết sau khi Hoàng-thượng về nước trị-vì, nên chẳng quản tài sơ sức mọn, mạo-muội kính tâu Hoàng-thượng soi xét cho mấy điều nói riêng về việc Văn-học nước nhà như sau này.

Nước ta suốt từ khi lập-quốc đến giờ, đều theo thói học nhờ viết mướn. Khi xưa phụ-thuộc với Tàu, thì nhân-dân chỉ học có thứ chữ Nho, các giấy tờ và công văn đều dùng chữ Nho cả; thậm-chí cái tiếng nói riêng của mình, mọi người đều cho là nôm-na mách-qué, không ai chịu để ý nghiên-cứu đến. Than ôi! Một dân-tộc không có một thứ văn-tự để ghi chép những tư-tưởng của mình có thể nào mà lập thành một nước vững bền ở trên địa-cầu được chăng!

DƯƠNG TỰ-NGUYÊN

Văn-học tạp-chí, 15-10-32

100. — Ở Chợ-lớn, có bốn năm cái trường Khách mà tôi đi viếng trường Huệ-thành đây không phải là tại nó có cái vẻ đặc-biệt chi mà chính là nhờ dịp may.

...Trường dạy bốn thứ chữ : chữ Tàu, chữ Anh, chữ Pháp và chữ Quốc-ngữ.

... Một cái phòng rộng lớn có tủ kính lớn đựng đầy những sách và có ghế bàn cho học-trò ngồi đọc sách. Sách có nhiều cuốn đóng kheo chữ tốt, ngặt mình không biết chữ Tàu nên không đọc được cái tựa, nhưng cũng định chừng rằng bao nhiêu sách đó chứa không biết bao nhiêu là tư-tưởng đẹp.

L. N.

Đồng-nai, 15-10-32

101. — Người Việt-Nam có nên để thời giờ luyện-tập viết văn Pháp không? Trong vườn văn nước Pháp, thiếu một thợ vun-trồng, tôi tưởng cảnh vườn của họ cũng không vắng thêm, có lẽ cảnh lại tươi-tốt mát-mẻ hơn. Ai không biết rằng hiện-tại thợ vun-trồng văn-hóa ở nước Pháp nhan-nhản nhung-nhúc như kiến đen, làm chật cả cảnh đẹp tự-nhiên của tạo-hóa? Nhưng trong vườn văn nước Nam, được thêm một thợ thiện-nghệ và hữu-tâm với bông hoa non-nớt của nước nhà, thì may-mắn thay cho hoa thơm mới nở, hạnh-phước thay cho trẻ em về sau có cây cao bóng mát, an-dưỡng tinh-thần, gặp lúc mưa nắng bất-thường khỏi thẹn cho cái thân bơ-vơ phải đi nương tựa bóng người như đoàn thanh-niên chúng ta bây giờ? Người viết được văn Pháp là người có học-thức. Nếu lại là người có hữu-tâm với quốc-văn, đem học-thức ấy tu-bổ nền văn-chương nước nhà, hữu tâm với tương-lai vận-mạng của chỗ quê cha đất tổ, đem học-thức ấy truyền-bá trong đám dân em bằng tiếng « mẹ đẻ » ngõ-hầu nưng cao cái giá-trị của nòi giống, thời có lẽ đối với lịch-sử tiến-thủ của

cái xã-hội Việt-Nam nho-nhỏ này có ích-lợi hơn là cặm-cụi theo dấu chân vết bước của những thi-sĩ qui-quốc, nổi danh là văn-nhân thứ hai-mươi, ba-mươi trong làng văn đông-đúc, chen-chúc của Tây-phương. Đừng nói : tiếng nước nhà còn nghèo ; vì tiếng còn nghèo mới cần người học-thức. Đừng nói : dân nước nhà chưa hiểu những cảm-giác tinh-quang, những tư-tưởng cao-thượng ; vì dân chửa hiểu nên bản-phận của kẻ đã hiểu là phải chỉ lối dẫn đường. Chỉ lối dẫn đường không hơn là cặm-cụi cúi mắt đi theo ư ? Tôi nghĩ những người có tính tự cao, tự-trọng, có chút chí-khí anh-hùng, muốn thứ nhất, thứ hai trong làng xóm nho-nhỏ hơn là thứ năm-mươi, bảy-mươi chốn đô-hội ..

Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn.

Cho nên, tuy về đường chính-trị, tôi với ông Phạm Quỳnh có nhiều chỗ không đồng-ý, nhưng tôi không thể quên được ông là người biết tự-cao, tự-trọng và có công lớn đối với văn-chương nước nhà...

TÂN-HỦ-NHO
Đồng-nai, 1-11-32

102. — Nên nói thêm rằng chính sách giáo-dục của Chính-phủ Pháp ở đất Đông-dương rất là bấp-bông quá. Còn vấn-đề nào khó-khăn hơn là việc một dân-tộc văn-minh đi khai-hóa cho một dân-tộc khác cũng văn-minh, ở hai phương-cầu đối chiếu nhau cho đến ngày tình-cờ gặp-gỡ. Bên Pháp, là văn-hóa La-Hi, bên Nam là văn-hóa Trung-quốc, cả hai đều được đến mấy nghìn năm ! Mấy ông giáo Pháp trong buổi đầu đã dạy chúng tôi như thể là dạy các con trẻ nước Pháp, không kể gì các điều di-truyền về tâm-hồn về trí-não. Rồi phải bỏ cách quyết-đoán sơ-siển ấy là cách làm cho con trẻ Việt-Nam đồng-hóa trọn-vẹn với con trẻ Pháp-quốc.

BÙI QUANG-CHIÊU
La Tribune Indochinoise, 2-11-32

103. — Ông Phan Văn-Gia đã chết tình-cờ ngày hôm qua... Trước khi mồ... ông trạng-sư Vương Quang-Nhường dùng tiếng Việt-Nam nói vài lời từ-biệt thay mặt cho hội cựu học-sinh đã qua Pháp. Rốt lại, ông bác-sĩ Nhã cũng nói tiếng Việt-Nam thay mặt cho tạp-chí *Đồng-nai*.

La Tribune indochinoise, 16-11-32

104. — Bấy lâu tôi vẫn biết tiên-sinh (ông Đông-hồ) là người hướng-đạo nhiệt-thành trên đường Quốc-văn.

(Thơ ông Nguyễn Huỳnh-Mai gởi cho Trí-đức học-xá Phương-thành ngày 23-11-1932

105. — Ông Nguyễn Trác, hội-trưởng hội Nhân-dân đại-biểu, đọc một bài diễn-văn bằng quốc-ngữ. Ông tỏ lòng trung tín của quốc-dân, lòng dân thương mến nước nhà và vị quốc-trưởng...

l'Impartial, 23-11-32

106. — *Phụ-nữ tân-văn* số 169, ngày 22-9-32, nhân nói đến Sơ-đẳng giáo-dục có kết rằng hiện ở xứ ta « sự học quốc-văn là hữu-danh vô thiệt... cần phải cải-cách. »

Tôi mời qui-vị có lòng lo cho sự học của trẻ em coi bài ấy. Riêng phần tôi, thì tôi cho lời kết-luận của báo *Phụ-nữ* là phải. Bấy lâu, tôi vẫn đương ấm-ức về cái tình-hình giáo-dục Sơ-đẳng, nhất là từ lớp Sơ-đẳng (*cours Elémentaire*) sắp xuống, nay nhân thấy có dịp hả-hơi, cũng xin có mấy hàng hưởng-ứng. Trước tôi chỉ những duyên-cớ làm cho sự học của trẻ em ngày nay bị chậm-trễ, sau tỏ vài điều ước-vọng, để chất-chánh cùng các bậc trí-thức, nhất là các bậc đàn anh trong giáo-giới nước nhà.

...Thật môn gì dạy nơi trường cũng có ích cả. Song chúng tôi tưởng mỗi tuần về một kỳ, giảng một kỳ cũng đủ. Thà để cái thời-giờ tiết-kiệm ra mà bù cho giờ toán, giờ đặt văn là hay hơn. Năm ngày học mà có nửa giờ để cho Ám-tả quốc-ngữ, nửa giờ làm văn quốc-ngữ, thì thật ai cũng phải cho là ít quá và hẹp quá.

TỊNH-XUÂN

Phụ-nữ tân-văn, 1er-12-32

107.—Văn-học của bình-dân quan-hệ với xã-hội như vậy, dám khuyên văn-nhân học-sĩ trong nước bắt đầu từ đây, nên chú-trọng về lối văn-học ấy. Hãy nghiên-cứu nó, hãy luyện-tập nó cho càng ngày càng trở nên hoàn-toàn để tập thành cái nền văn-học chung cho cả nước.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 15-12-32

108. — Chúng tôi yêu-cầu những gì với nước Bảo-hộ?

Không yêu-cầu điều nào mà nước Pháp dân-chủ không thể chuẩn cho một dân-tộc văn-minh, khi mới sang cai-trị đã hứa một cách tự-do và long-trọng đưa dắt lên đường tiến-bộ vậy:

Điều 1, được tự-do tư-tưởng và viết báo bằng tiếng nước nhà, ngõ-hầu truyền-bá trong đám đồng-hương chúng tôi các ý-kiến mới và cái đại-cương các khoa học mới do bên Tây-phương dạy cho.

BÙI QUANG-CHIÊU

L'Indochine moderne 1925

109.— Nay nhân-tâm đương khuynh-hướng về văn hóa của Âu-tây, phép học cũng theo vận-hội mà thay cũ đổi mới. Cái ngọn lửa Pháp-văn bốc mạnh lên đến đâu thì cái tro tàn Hán-văn lại nguội lạnh đi đến đấy, gia-dĩ cái phong-trào chữ quốc-ngữ bây giờ mới nhóm lên, tuy rằng tự-điển chưa có, sách vở chưa nhiều, tay văn-chương minh-thế chưa có mấy người; nhưng đã có cái sức mạnh lạ thường là tam-kỳ không đâu không công-nhận là một thứ chữ Việt-Nam, nên chi học-giới ta ngày nay, Pháp-tự dương gặp thời, quốc-ngữ đương tiến-bộ mà Hán-văn thì đã như cảnh già lão về hưu không thích-dụng nữa,

...Bây giờ thể-lệ đã định các trường tư, cũng có một điều nhắc đến việc dạy chữ Hán. Suy thế thì chữ Hán bây giờ so với chữ Tây chữ quốc-ngữ tuy không đắc-dụng bằng, nhưng cũng là một môn học tự công chí tư không thể bỏ khuyết được.

N. C.

Thực-nghiệp dân-báo, 23-7-25

110. — Ở trên trái đất này, trừ riêng những bộ-lạc hãy còn mọi-rợ quá độ, với các đảo nhỏ dân-cư rất ít không thành quốc-thể không kể, còn những nước đã có chính-trị, có thể-thống, có pháp-luật, có điều-lệ, có giáo-hóa, có trật-tự, thì bất cứ nước lớn hay nước bé, nước mạnh hay nước yếu, văn-minh hay bán-khai, cộng-hòa hay lập-hiến, độc-lập hay phụ-thuộc, nước nào cũng có riêng một thứ chữ nước ấy cả. Văn-tự thịnh hay suy thực có quan-hệ đến vận-mệnh quốc dân rất là mật-thiết. Nếu nước nào đã suy-đốn đến nỗi không có chữ, tức là mệnh-mạch đến lúc điêu-tàn, nòi-giống đến ngày tiệt-diệt, dẫu có nước cũng như không vậy.

...Ai chả biết rằng học chữ Pháp thì vẫn là hay, trăm nghề nghìn nghiệp sau này tất phải nhờ có cái công phu Pháp-học mới mong có đường tấn-tới. Song-le cũng nên biết rằng nếu quốc-dân nhất-dai học chữ Pháp mà không màng tới quốc-văn, thì không những có cái hại xa là quốc-văn ta không đời nào có thể-thống, mà lại có cái hại gần là dẫu có công-phu học

chữ Pháp tiến-hóa cũng không chống nữa, vì học chữ Pháp cho đến lúc hiểu được khoa-học, làm được thực dụng, công-trình không phải không nhiều, tiền của không phải không tốn, vậy thì học chữ Pháp cho biết đến nơi đến chốn, chỉ những con nhà giàu-có mới có thể học được, chứ không phải quốc-dân ai cũng có thể học được. Nếu học đã thành-hiệu mà không đem chữ Pháp dịch ra quốc-văn, thì làm thế nào được lợi rộng cho nhiều người cùng biết. Ta chẳng từng thấy học-sinh Tàu, học-sinh Nhật đi học ở các nước bên Âu-Mĩ về, lại lấy các sách khoa-học ở các nước dịch ra chữ Tàu chữ Nhật để tiện cho người trong nước đều xem được đó dư.

C.

Thực-nghiệp dân-báo, 5-8-1925

111. — Tôi xin nói thêm một lần nữa rằng : người bản-xứ phải thật thông-hiểu tiếng nói của mình, lẽ ấy không thể chối-cãi được.

Theo ý-kiến hèn-mọn của tôi, cái thì-giờ hợp-cách hơn nhất để dạy thứ tiếng kia là thì-giờ trí-não đứa trẻ đã tiệm nảy-nở, đã biết ham-chuộng các sự-vật mới mẻ nó hăng-hái muốn biết, là vào khoảng nó đã thi xong bằng Sơ-học. Ngoài môn quốc-văn Việt-Nam, là môn người ta muốn tập-luyện cho nó, tôi lại mong-mỏi vừa dạy thêm một ít thi-phú, vừa dạy cho biết cỗi-rễ các tiếng mượn trong văn-chương Trung-hoa, các tiếng mượn ở ngoại-quốc đây phải chỉ rõ cái giá-trị, cái nghĩa-lý ra làm sao.

Trước khoản thời-giờ này, việc dạy quốc-văn Việt-Nam bậc cao-kỳ sẽ là một việc nhồi sọ đau đớn, không ích, không lợi gì cho ai cả.

LÊ LẠC-THỌ

l'Echo Annamite, 19-9-1925

112. — Chữ quốc-ngữ là cơ-quan giúp cho tiếng nói trong nước được thống-nhất, và nhân đó là cơ-qnan tăng bồi thế-lực người Việt-Nam về hai phương-diện xã-hội tinh-thần. Dẫu biết thế, nhưng việc hạn tuổi và thì-giờ rất ngắn, các con trẻ phải dùng để lo thi bằng Sơ-học, v. v., là bấy nhiêu điều ngăn-đón, việc học quốc-ngữ không được sung-mãn mãnh-liệt. Hiện-thời, chỉ nên xét các điều ngăn đón kia ta có thể vượt qua được không ?

H.

l'Echo Annamite, 24-9-25

113. — Đặt ra một bậc sơ-đẳng-học cưỡng-bách mà không lấy học-phí, và dạy bằng quốc-ngữ, thật là giúp cho hạng bình-dân được nhiều việc lắm.

Bậc học này mục-đích là dạy các con trẻ nhà quê Việt-Nam cho biết đại-khái cái hoàn-cảnh, cái xã-hội là nơi chúng nó ăn ở suốt đời và giữ các phận-sự làm người, làm dân trong nước.

Tập thỉnh-cầu đưa trình phái-bộ
của Hạ-nghị-viện Pháp.

l'Echo Annamite, 24-9-25

114. — Người Việt-Nam phải viết chữ Việt-Nam cho có thể-thống.

Thực-nghiệp dân-báo, 25-10-25

115. — Người Việt-Nam ai không biết tiếng Việt-Nam, có đâu đến nỗi thấy bài cách-trí chữ Việt thì buồn rầu, mà thấy bài cách-trí chữ Pháp thì nét mặt hoan-hỉ. Tiếng Việt-Nam là thứ tiếng tai hằng nghe, mồm hằng nói, có đâu đến nỗi nghe thấy lại như máu và vịt nghe kèn cùng nghe sấm.

. . . Không dám nói vị ông Quỳnh, ông xin cho học quốc-văn thế này là để anh em học, sau khi hết hạn học chữ Việt, đã có sẵn nền sẵn gốc mà nối theo cho dễ. Đối với chúng con thì có ích, chứ không không.

Đâu dám bì như ai: « Không học cũng làm được văn, chẳng ai ngọng ai câm hà-tất còn phải học ». Truyền bá cái ý-kiến cao thượng vô-song ấy, hẳn nhiều người cảm-phục. Nhưng có một điều là lạ thay các nước văn-minh trên hoàn-cầu, như nước Đức, nước Pháp, nước Nhật, v. v., sao họ chẳng chuyên-tâm về chữ ngoại-quốc, trước hết hãy cần học chữ nước nhà mà phải người đi học chữ nước ngoài lại ít,

HỨNG THỊ-ỒN, *nữ học-sinh*

Thực-nghiệp dân-báo, 6-11-25

116. — Trái lại, tôi rất đồng ý-kiến với quan Đốc-học chánh khi ngài nói rằng ở mấy lớp nhỏ chẳng những không cấm mà lại còn buộc dạy học tiếng Pháp, duy chỉ có việc dạy học bằng tiếng Pháp là cấm mà thôi, *(l'enseignement du français, l'enseignement en français)*.

Quả thiệt như thế, về phương-diện giáo-dục dạy các món phổ-thông cho con trẻ mà dùng một thứ tiếng khác hơn tiếng bản-xứ là một điều trái-ngược, dạy bằng tiếng Pháp lại càng trái ngược lắm, vì tinh-thần tiếng này cách-biệt hẳn với tinh-thần tiếng Việt-Nam.

Muốn đi xa hơn Chính-phủ trên con đường mới-mẻ đây, tôi xin cưỡng-bách dạy món Pháp-văn, còn các món khác thì dạy bằng quốc-văn. Như thế thì kỳ thi Sơ-học có mấy bài về Pháp-văn và mấy bài về quốc-văn như sử-ký, địa-dư, v. v.

Dịch lời diễn-thuyết của ông Nguyễn Phan-Long ở Quản-hạt Nghị-viện.

l'Echo Annamite, 21-11-25

117. — Nước ta đã mấy nghìn năm nay, nhờ có cựu-học mà có phong-hóa thuần mĩ, luân-thường phân-minh, gia-đình có thể-thống, nhân-tâm chuộng liêm-sỉ, đào-tạo nên những đấng anh-tài hiền-triết, yêu nòi mến nước, gây dựng nên công nọ việc kia, đã có nhiều đoạn lịch-sử vẻ-vang trên thế-giới, nước Nam mới thành ra nước Nam. Vậy thì cựu-học chẳng phải là một cái nguồn gốc văn-minh cũ của nước nhà dư?

... Đây tôi nói bảo-tồn cựu-học không phải là còn tiếc gì cái lối hư-văn vô-dụng, như những câu ngâm-nga sướng miệng, dắc-chí rung đùi dâu. Cái học cử-nghiệp, cái lối phù-văn là cái bã-giả cựu-học, chứ không phải cái tinh-thần cựu-học. Nay ta chỉ nên bảo-tồn lấy cái tinh-thần cựu-học mà thôi.

... Nếu ta không biết bảo-tồn cựu-học, thì cái căn-bản của ta trước mất hẳn, căn-bản làm người dã không có thì dẫu cái học khôn-ngoan tài-giỏi đến mực nào cũng vẫn không thoát khỏi là một giống người nhân-phẩm hèn-kém, còn mong bảo-tồn quốc-túy, phát-siển quốc-hoa được sao.

N. C.

Thực-nghiệp dân-báo, 29-4-26

118. — Nói về bản-xứ, thì các học-sinh Cao đẳng này chỉ học một ít sử-ký địa-dư, còn văn-chương, cổ-điển, luân-lý, hoặc là không dè có các món ấy, hoặc là tỏ ý khinh rẻ.

La grave question de l'Enseignement indigène

L'Echo Annamite, Octobre 1926

119. — Sự dịch sách là một cái phương-pháp duy-nhất để làm cho nước mình theo-đuổi các nước văn-minh, cũng là một cái nghĩa-vụ tối-cao của các nhà học-thức báo đền nợ nước.

THƯỜNG THỨC

Thực-nghiệp dân-báo, 7-12-26

120. — Quốc-văn là cái hồn của một quốc gia. Có tài-bồi cho nó, cái tinh-thần quốc-gia mới khỏi mai-một với thời-gian. Cho nên, ở thư-viện ở học-đường tôi muốn cho ông lo góp trữ báo-chí sách-vở quốc-văn đặng cùng với cái học ở học-đường gây nên một cái quan-niệm sâu-xa về quốc-gia chủng-tộc.

...Ai cũng dư biết rằng quốc-văn là tiếng mẹ đẻ, biểu-dương cái dây liên-kết bền-chặt của một chủng-tộc và phát-hiện cái tinh-thần cố-hữu của một quốc-gia. Cho nên, lo tài-bồi quốc-văn có một nền nếp đích-đáng là phận sự tối-trọng của những ai ở học-đường, mà ông giáo Nguyễn... đây là một.

TRƯƠNG LẬP-TẠO
Đuốc-nhà-nam, 9-4-32

121. — Tạp-chí *Indochine* có đăng bài đại-luận của ông Đoàn Quan-Tấn, cử-nhân văn-chương, về việc học sơ-đẳng ở các trường Pháp-Việt, dùng tiếng Pháp làm tiếng cơ-quan.

Tác-giả bàn giải lời yêu-cầu sau đây trích ở tập Thỉnh-cầu đưa trình quan PAUL REYNAUD khi ngài sang kinh-lý đất Đông-Pháp, lời yêu-cầu về việc cải-cách nền học sơ-đẳng Pháp-Việt:

1° Xin dạy luân-lý và các môn phổ-thông bằng tiếng Việt-Nam, dùng sách quốc-văn cho thật nhiều.

2° Tiếng Pháp sẽ cùng dạy với tiếng Nam ở năm lớp tiểu-học. Số giờ học càng lên lớp cao càng tăng thêm nhiều, ngay ở năm thứ nhất mỗi tuần phải dạy ít nữa là 5 giờ. Ban sơ, học tiếng một cho được thiết-dụng và dần dần học thêm nhiều thì tập dịch-văn, tập làm bài dịch và dịch miệng.

3° Chứng cho bậc học này, xin đặt lệ thi sơ-học Pháp-Việt có bài viết và bài vấn-đáp bằng tiếng Việt-Nam, ngoài ra có hai bài bằng tiếng Pháp: bài ám-tả và bài luận-văn về một đầu-đề dễ-dàng.

4° Xin đặt thêm lớp chữ Pháp-học một năm để giúp cho các học-sinh đã thi sơ-học có thể học nhiều thêm lên bậc Cao-đẳng tiểu-học và Trung-học, là nơi dùng chữ Pháp làm cơ-quan.

Ông Đoàn Quan-Tấn chẳng những diễn-giải về điều yêu-cầu đó mà thôi; ông trình-bày được rõ-ràng, hoa-mĩ và tài-tình, ông nói rõ ít điều sở-đắc trong cuộc kinh-nghiệm riêng của ông. Bài thuyết-minh này, dẫn bằng-cớ chắc-chắn, đối với các phương-pháp ngang-trái hiện-hành là một bản cáo-trạng khốc-hại, vững-vàng. Các nhà chức-trách xin để tâm xét kỹ cho.

La Tribune indochinoise, -20-4-32

122.—Thứ 1— Dạy luân-lý.
Thứ 2— Dạy thể-thao và vệ-sinh.
Thứ 3— Dạy các điều sơ-học.
Thứ 4— Tập các việc thủ-công.
Thứ 5 – Truyền-bá tiếng Pháp.

Điều 132 trong Học-qui định rằng: bậc học ban-bố trong các trường Sơ-đẳng quyết đeo-đuổi năm mục-đích kể trên. Nhưng nói thế là không đúng. Bậc học này chỉ chuyên một mục-đích mà thôi, mục-đích biên sau rốt đó.

Trong tổng-số một tuần học hai-mươi-bảy giờ rưỡi, phần thì giờ để học tiếng Pháp (tập đọc, học thuộc lòng, tập viết, ám-tả, mẹo, luận-văn) ít nữa phải được mười-hai giờ ở lớp Cao-đẳng và trung-đẳng (học-qui, điều 137, khoản 5) và bởi các bài cách-trí, sử-ký, địa-dư, v. v.., như ta vừa thấy ở trên, toàn là bài dạy tiếng Pháp, thì các ông cũng đành cho rằng chúng ta thật cách xa « năm cái mục-đích » trong chương-trình.

... Cả các bài học rốt lại cũng chỉ là học môn Pháp-văn, — chúng ta đã thuyết-minh trong mấy bài luận trước, —cậu học trò sẽ đem cả công-phu tinh-lực mình vào việc học Pháp-văn vậy. Cậu khinh cái môn phải học mà trọng tiếng cơ-quan để dạy học, khinh món chính mà trọng món phụ, khinh cái cứu-cánh mà trọng cái phương-tiện. Điều quan-thiết cho cậu không phải là thông-hiểu bài ấy mà là « trả » (*réciter*) bài ấy bằng tiếng Pháp cho được trôi chảy, Và muốn trả bài cho trôi chảy, cậu học cho nằm lòng.

— Học phép làm văn, học phép cân lường, học vệ-sinh hay sử-ký, địa-dư hay luân-lý, đối với cậu học-trò Việt-Nam bé con kia cả thảy các bài đều là bài học nằm lòng.

Việc đời bất-di bất-dịch, thật lạ-lùng thảm-hại thay ! Ngày xưa ông cha ta thâu đêm ngâm-nga sách cổ-điển Tàu ; hiện giờ con em ta, trong khắp cõi, khi nghe tiếng gà đã lo dậy ngâm-nga sách Pháp !

Thuần là tập-luyện trí nhớ mà thôi. Trí phán-đoán hẳn phải khu-trục ra ngoài việc giáo-dục đất Việt-Nam rồi.

Dịch lời ông ĐOÀN QUAN-TAN

Indochine mars-avril 1932

123. — Tờ hòa-ước này (hòa-ước ký giữa hai xứ Nhật-bản và Mãn-châu ngày 15-9-32) sẽ thi-hành bắt đầu ngày ký tên.

Có viết ra bằng chữ Tàu và bằng chữ Nhật hai bản giống hệt nhau, mỗi thứ chữ một bản. Nếu cắt nghĩa hai bản chữ Nhật chữ Tàu mà xảy ra sự cãi-cọ, thì bản chữ Nhật sẽ được phần hơn.

Tin các báo, tháng 9 ; 1932

124. — Tuy Ngài bận về việc học-vấn Tây-phương, nhưng Ngài không bỏ qua việc học chữ Hán, Ngài học rất thấu-đáo. Tôi có thể nói rằng hiện nay đức Đại-Nam Hoàng-đế ở trong nước là người tây hơn cả là nhờ Tây-học rộng và là người nho hơn cả là nhờ Hán-học thâm. Ở người thanh-niên ấy, thông-minh sớm và sau này phải đối-phó với cái trách-nhiệm nặng-nề, hai cái văn-minh gặp nhau rất mật-thiết, — đó là một điều ít khi thấy nói người Việt-Nam có học-vấn. Thí-dụ như về phần riêng tôi đây, tuy tôi có chút ít Tây-học, nhưng tôi không biết, không thông chữ Hán và bởi đó nên không hiểu cái văn-minh tổ-truyền của tôi.

Trích-dịch thơ ông X. gởi cho ông

JACQUES DANLOR

(*La Tribune indochinoise* 2-12-32)

• • •

C) Ý-kiến các lương-hữu báo Nam-Phong

125. — Về việc đoàn-luyện quốc-văn, chúng tôi nghiệm ra vận-văn của nước ta, nhờ các tiền-nhân tập-luyện, đã đến bậc tinh-xảo lắm. Thi-ca mà như truyện *Kiều*, thì sánh với thế-giới tưởng cũng không kém. Duy tản-văn xưa nay hầu như chưa có. Mà tản-văn mới là văn nghị-luận, văn thuyết-lý. Vậy việc cần-cấp là phải gây ra một lối tản-văn thích-dụng cho sự truyền-bá tư-tưởng ngày nay. Cái khuyết-điểm thứ nhất của văn quốc-ngữ là còn thiếu các danh-từ mới để chỉ những sự-vật cùng nghĩa-lý mới. Bởi thế nên trong mấy năm chúng tôi hết sức tra-cứu các sách Tây sách Tàu mà nhặt lấy hoặc dịch ra những chữ cần dùng, « phát-hành » kể có hàng nghìn tiếng mới, chắc lúc đầu cũng lạ tai lạ mắt, nhưng chẳng bao lâu thành thông-dụng. Ngày nay các bậc thức-giả trong nước đều thừa-nhận rằng báo *Nam-Phong* thật đã có công « nhặt chữ » cho văn quốc-ngữ được thêm giàu vậy.

Nam-Phong báo-quán đồng-nhân số 119

126 — Tiếng nói trong một nước mà nói tiếng này sang tiếng khác được, viết lẫn chữ này sang chữ khác được, thế thì tiếng nói không có thể một ngày một giàu thêm lên mà lại phải nghèo bớt đi, như vậy có thể gọi là sai-lầm hay là không đúng.

Tuy vậy, chữ quốc-ngữ phổ-thông ở trong Nam trước ngoài Bắc, những sách và tự-điển trong Nam ngày trước in đúng hơn các sách trong Nam ngày nay, thế thì cái sai đó có lẽ tự tại ngày nay không để trí đến. Nay quốc-ngữ đã thành một lối chữ riêng của cả nước Việt-Nam ta, muốn cho Nam Bắc một nhà, tâm-đầu ý-hợp, tưởng về phương-diện quốc-âm ta cần phải lưu-tâm lắm.

NGUYỄN TỬ-LĂNG

N.-P. 152

127 — Duy nước Việt-Nam ta mấy nghìn năm nay, không những quốc-âm chưa được làm tiếng phổ-thông học-vấn, mà đến quốc-sử cũng chưa được làm sách phổ-thông ở học-đường bao giờ. Vậy bây giờ đề-xướng và biệt ra làm một khoa để nghiên-cứu riêng cũng là cấp-vụ vậy. Nếu mà có làm thì công-việc tưởng bất-ngoại những nguồn như sau này :

Quốc-sử, quốc-văn, quốc-thần, địa-dư-chí, cổ-điển, ngạn-ngữ, ca-dao và văn-thi.

... Lúc ấy, Hồ Quí-Ly lại thực-hành chủ-nghĩa Hoa-Việt Nho-học thì biết cái tư-tưởng tự-giác tự-tín của người Việt-Nam bấy giờ đã đạt tới cao-độ vậy. Tội-vạ họ Hồ thế nào đã có nhà lịch-sử, ta bàn học-vấn ta không nên vì người mà bỏ mất cái tư-tưởng hay. Bấy giờ ông làm Tể-tướng nhà Trần, dịch thiên *Vô-dật* trong kinh *Thư* ra quốc-âm để dạy Thái-tử. Tiếng ta dùng để dịch sách triết-học như *Vô-dật* là một sách rất khó nghĩa từ đó. Mà học sách của nước ngoài, có dịch được như thế mới là có sở-đắc. Ông lại lấy ý mình giải nghĩa kinh *Thi* bằng chữ quốc-âm để cho nữ-giáo-sư dạy cung-nhân, hậu-phi.

... Triều Tây-sơn thì đổi phép thi, đầu bài lấy chữ nho mà bài viết bằng chữ nôm, công-văn công-điệp cũng dùng chữ nôm. Song mới thí-nghiệm được một việc dùng quốc-âm, thì triều Tây-sơn lại đoản-mệnh.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

N.-P. 167

128 — Cái hình-thức sự học ở xứ này bề ngoài coi tựa-hồ cũng như thế; nhưng xét kỹ đến cái thực-tế bề trong thì gần hóa ra bánh vẽ mất cả. Nay như bậc sơ-học với bậc tiểu-học trước kia, phần nhiều đều dạy bằng tiếng Pháp, sách vở dạy phần nhiều dịch ở chữ Pháp ra hoặc lại chính do tay người Pháp làm bằng chữ Pháp cả, thầy giáo cấp cái văn-bằng được quyền dạy trẻ thì là cái văn bằng thi đỗ các kỳ thi chữ Pháp, nên trong trường dạy trẻ gần hầu như không có chút gì để ý đến những lề-thói cư-xử, công chuyện làm ăn thiết-thực của người bản-xứ cả ; và lại dạy bằng chữ Pháp thì trẻ học còn phải để chí cố công về sự nhớ lấy chữ Pháp đã, có lĩnh-hội đâu được những điều tri-thức dạy ở trong văn chữ Pháp ; thử nghĩ một đứa trẻ người Pháp học ở một cái trường mà nhất-nhất cái gì cũng dạy bằng tiếng Tàu cả, học lịch-sử nước Pháp, học địa-dư nước Pháp, học phong-tục luật-lệ luân-lý đạo-đức người Pháp mà sách lịch-sử, sách địa-dư, sách chép phong-tục luật-lệ nước Pháp, sách dạy luân-lý người Pháp đều làm bằng chữ Tàu hoặc theo ở sách Tàu dịch ra cả ; lại thầy dạy các món ấy cũng dạy bằng tiếng Tàu cả, thì có phải rất là lố-lăng kỳ-quặc không ? Mà trẻ người Pháp học như thế phỏng còn có ích-lợi được tí gì không ? phỏng có thể nhờ những trường dạy như thế mà rèn-tập nên được cái tư-cách làm người, làm dân Pháp hay không ? Quyết rằng không. Nay một đứa trẻ người Nam mà học ở một cái trường nhất-nhất cái gì cũng dạy bằng tiếng Pháp cả, thật cũng không khác gì thế. Gần đây tuy đã có sửa đổi, đặt riêng ra một bậc sơ-học yếu-lược chuyên dạy bằng tiếng Nam; nhưng ở các trường dạy vẫn còn kèm vào rất nhiều bài chữ Pháp ; và tiếng nói rằng dạy bằng tiếng Nam mà sách dạy bằng tiếng Nam chưa có, có được một số rất ít cuốn thì phần nhiều cũng là dịch ở chữ Pháp ra ; tệ nhất là không định ra cái kiểu-cách dạy chữ Nam phải dạy thế nào, như là kiểu-cách dạy chữ Pháp, phải có dạy chữ một, dạy mẹo ghép chữ, mẹo đặt câu, dạy tập dùng chữ chắp câu mới được ; lại tệ nhất là chính các thầy giáo dạy bằng tiếng Nam ở các trường sơ-học yếu-lược bây giờ

là chỉ có cái văn-bằng thi đỗ các kỳ thi bằng chữ Pháp cả, phần nhiều thật quả chưa biết hết được tiếng Nam, chưa từng học qua kiểu-cách dạy chữ Nam, chưa viết nổi một bài văn chữ Nam mà bảo dạy học bằng chữ Nam thì trẻ học không còn được một tí gì cả ; cho nên tiếng nói là học sơ-học yếu-lược bằng chữ Nam, mà kỳ-thực chỉ học được có cái biết đánh vần, biết dịch tiếng mà thôi chứ chẳng có được một tí gì cái « sơ-học yếu-lược » bằng chữ Nam sốt ; như thế rồi lên học mấy lớp tiểu-học thì lại phải húc đầu vào chữ Pháp để thi lấy bằng tiểu-học, rút cục là cái trí-thức nhu-yếu về sau có thể có cái tư-cách làm người làm dân, những kẻ đã đỗ tiểu-học rồi vẫn cũng chẳng có một tí gì cả.

Lời điều-trần cùng quan Thuộc-địa Thượng-thư.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

N. P. 167

129. — Từ Trần trở đi, thì thứ chữ nôm là thứ chữ thông-dụng thứ nhất, văn-thơ và sách-vở in ra bằng chữ nôm là phần nhiều, nếu nước nhà ta cứ dụng thứ chữ dễ phổ-cập ấy, mà dạy bảo cho dân thì nước ta từ xưa đã chóng tiến-bộ biết chừng nào.

SỞ-CUỒNG

N. P. 172.

130.— Muốn tăng-bổ cho phần tinh-thần, tưởng có hai ý-kiến như sau : một là tùy lớp từ dưới trở lên hoặc bỏ cả hoặc bớt nhiều phần Pháp-văn đi mà thay phần quốc-ngữ vào ; hai là dịch-biên đủ những sách triết-học, đạo-đức-học và văn-học của các đấng hiền-triết Đông Tây, chia ra từng lớp, tường-lược cao-hạ khác nhau.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

N. P. 174

131. — Xét về phương-diện tiểu-thuyết, quốc-văn ta thật đã có tiến. Thế là một điều đáng vui mừng cho những người đã gia-công nỗ-lực phụng-sự quốc-văn trong bao nhiêu năm, có thể coi như một phần thưởng thiêng-liêng xứng-đáng,

Năm 1921, ông PHẠM QUỲNH diễn-thuyết tại hội Trí-tri ở Hà-nội nói về văn-học nước Pháp, cuối bài văn ấy, tôi còn nhớ một lời nói thiết-tha đau-đớn, thổ-lộ bởi một mối hoài-nghi và tấm lòng nhiệt-thành của ông đối với quốc-văn, ông nói rằng : «...Như vậy thì ta đối với quốc-văn cũng chớ nên thất-vọng. Từ nay đến 20, 30 năm nữa, nếu thấy văn quốc-ngữ không tấn-tới, thời quả là tiếng An-Nam mình đành bỏ vào cái địa-vị đào-thải rồi, không còn mong-mỏi gì nữa. Bấy giờ chỉ nên ngậm đắng nuốt cay mà lại cứ cắm đầu đi học mướn viết nhờ như xưa. Nhưng mà từ nay đến đấy, ta nên cố công cùng sức mà tập-luyện cái tiếng quốc-âm của ta, xem có thể thành quốc-văn được không ».

— Được không ?

Thiết-tưởng hiện-tại đã giải-quyết mối nghi-ngờ ấy rồi, phá tan mọi nỗi ưu-tư của những người trồng cây đắp nấm, đem cho ta cái sức tự-tin mạnh-bạo đối với công-việc hiện-thời và bày ra cái chứng-cớ xác-thực để đối-chiếu lời di-ngôn của một bậc tiền-bối :

« Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ ».

TRÚC-HÀ

N. P. 176

132. — Nó vốn là đứa thông-minh, tiếng mẹ đẻ rất sõi, kịp đi học mấy năm thì tiếng mẹ đẻ thấy ngọng dần đi, học mấy năm nữa thì tiếng mẹ đẻ thấy ngọng lắm, lại đi học mấy năm nữa thì tiếng mẹ đẻ thấy câm đặc. Cũng là vì thói khinh tiếng mẹ đẻ ít khi nói đến, lâu ngày quên dần đi, kịp khi tiếp

chuyện người đồng-bang thì chỉ đú-đớ mà chẳng buồn nói, tựa như người câm. Thế là do cái thời-kỳ trẻo-lẻo chuyển vào thời-kỳ líu-lo, do cái thời-kỳ líu-lo tiến vào thời-kỳ đú-đớ.

. . . Thế-giới có thứ chữ gì mặc lòng, đã là quốc-dân phải lấy chữ bản-quốc làm việc trước, rồi mới học chữ nước ngoài. Khi học chữ tây đã giỏi rồi, lại biết rằng người phương Đông không có tinh-thần chữ Nho không được, lại nghiên-cứu chữ Nho ít nhiều. Hay hoặc đứng về phương-diện cổ-học, học chữ Quốc-ngữ chữ Nho cho thật giỏi, khiến mình làm một nhân-vật thuần-thúy phương Đông, rồi lại khảo-cứu chữ tây ít nhiều, tương-lai sẽ trở nên một hạng nhân-vật chính-trị, nhân-vật khoa-học, nhân-vật giáo-dục cho xứng-đáng. Đương cái thời-buổi mới cũ giao nhau này, thì hạng người chữ tây cao-thượng ấy là yếu-cần thứ nhất.

TÙNG-VÂN

N.-P. 178

. .

D) Ý-kiến ông Phạm Quỳnh chủ-bút báo Nam-Phong

133. — Nay trong tạp-chí *Revue du Pacifique* có một bài nói về chính-sách nước Nhật ở Triều-tiên. Xem đó thì biết rằng người Nhật cũng khôn-khéo lắm và đối với người Triều-tiên cũng có công ơn, chứ không phải không.

...Chính-phủ hết sức dạy tiếng Cao-ly trong nước. Hiện đã xuất-bản được 700 vạn sách giáo khoa cho các trường tiểu-học.

N.-P. 80

134— Mình nghĩ bụng rằng không những người Pháp học tiếng An-Nam không có sách, mà cho đến người An-Nam muốn học tiếng « mẹ đẻ » cũng là vô-sư vô-sách nữa, một là bởi chính người An-Nam đối với tiếng nước mình vẫn chểnh-mảng, hai là bởi các trường nhà-nước không chịu cho tiếng An-Nam được một cái địa-vị xứng-đáng, nên dẫu có nhà làm sách cũng ngại không dám xuất-bản, sợ in rồi bỏ đó không ai mua !

N.-P. 80

135— Từ khi người ta học chữ Pháp đến giờ, chỉ thuần theo về mặt « Tây-học » cả, tự nay mới có một phần « Đông-học » nghĩa là học về tôn-giáo, mĩ-thuật, chế-độ, văn-chương các nước Á-đông, và nhất là nước Nam ta. Trong các khoa đó, có một khoa Hán-Việt văn-chương lại là mới lắm. Chính-phủ đặt khoa ấy vào chương-trình, thế là đã công-nhận rằng văn-chương Tàu và văn-chương ta cũng đáng học và đáng dạy.

N.-P. 87

136— Từ khi Á-Âu xung-đột, thời cái văn-hóa mới mỗi ngày một tràn sang, dần-dần làm cho giải-tán cả cái văn-hóa cũ, khiến cho bao nhiêu những cốt-cách tinh-thần gây dựng ra cái hồn một nước rời-rạc tan-tác cả, mà nước ấy hầu như không đủ nghị-lực mà tự cải-tạo lại cho thích-hợp với cách sinh-tồn đời nay. Trông người lại ngẫm đến ta ; nói đến nước Tàu ta không thể không nghĩ đến nước ta ; dẫu cái tình-thế chính-trị có khác, mà cái trạng-thái tinh-thần cũng một. Nước ta cũng đương vào buổi chịu sự kích-thích của văn-hóa mới mà cái cốt-cách tinh-thần cũ đương giải-tán dần. Cái nền-nếp cũ đã mất dần mà cái nền-nếp mới chưa gây thành, ấy mới nguy.

N.-P. 88

137— Ông Gorai, giáo-học ở trường Đại-học *Waseda*, làm chủ mấy cái nhật-báo và tạp-chí ở Nhật, thông-hiểu tiếng Pháp lắm. Ông có ý muốn nghiên-cứu về chữ nôm và chữ quốc-ngữ của

ta, nói rằng bên nước ông hiện có cái phong-trào muốn dùng vần tây để phiên-dịch các âm Nhật, chế ra một thứ chữ « quốc-ngữ » Nhật, vì chữ Nhật bây giờ không tiện lắm, nhưng chưa thể làm được, nay muốn xét xem chữ quốc-ngữ An-Nam thế nào để bắt-chước.

N.-P. 90

138— Sau bàn đến vấn-đề giáo-dục ở bên ta. Đề này chính là cái đề mình định diễn ở hội Hàn-lâm nay mai ; lại là cái đề vẫn thường thảo-luận với cụ V., cụ rất đồng-ý với mình ; phần tiểu-học cần phải dạy bằng quốc-ngữ, không thể dạy bằng ngoại-ngữ được, đó là một lẽ tất-nhiên. Một đứa con trẻ tiếng nước mình không thuộc thì học tiếng nước nào rồi cũng khó ; trước hết phải dùng quốc-ngữ để vỡ-vạc trí-khôn của con trẻ đã, nhiên-hậu học tiếng ngoại-quốc mới mau hiểu. Ông SEMBAT thời lại xét cái vấn-đề ra một phương-diện khác, ra phương-diện chính-trị...

Người An-Nam ở dưới quyền chính-trị nước Pháp, muốn vận-động về đường chính-trị tất phải biết tiếng Pháp, đó là một điều cố-nhiên rồi. Nhưng có phải là nhất-ban quốc-dân An-Nam đều có thể vận-động về chính-trị được không ? Chẳng qua chỉ là một bộ-phận gồm những người tai-mắt, kẻ thức-giả trong nước, mới có tư-cách vận-động mà thôi ; bọn đó thời biết tiếng Pháp cho thật thông, dẫu tốn công-phu đến đâu cũng phải học cho kỹ được. Còn phần nhiều người thì cần nhất bây giờ là học lấy cho mau biết những điều thường-thức cần cho người ta ở đời này. Những điều ấy dạy bằng cách nào mau hơn, dạy bằng tiếng Pháp hay dạy bằng tiếng Nam ? Nếu dạy bằng tiếng Pháp mà dễ hiểu, mà mau biết, thì cả dân An-Nam chỉ nên học tiếng Pháp mà thôi. Nhưng ngặt thay, chữ Pháp là một thứ văn-tự rất hay mà cũng rất khó, muốn cho tiềm-tiệm thông cũng phải đến mười năm học-tập, người An-Nam không phải ai cũng có tài có sức mà theo đuổi được như thế. Nay lại đem cái văn-tự khó ấy mà dạy những điều thường-thức cần dùng thời chẳng phải là uổng công vô-ích mà « xôi hỏng bỏng không » ư? Vì là kết-quả tất đến rằng những điều thường-thức ấy không học cho đến nơi đến chốn được, vì có học mà không có hiểu, mà tiếng Pháp tiếng Nam đều cũng dở-dang không sõi cả. Người mà không biết sõi một thứ tiếng nào, kể ngay từ tiếng tổ-quốc mình, thì người ấy không bao giờ có nhân-cách hoàn-toàn được....

Cho nên dù thế nào mặc lòng, số người An-Nam học được tiếng Pháp vẫn là số ít, còn phần nhiều phải học bằng tiếng nước nhà mới mau biết những điều thường-thức. Số ít người trên là số thông-minh lọc-lõi, về đường chính-trị phải thay quốc-dân mà vận-động với nước cầm quyền, về đường giáo-dục phải vì quốc-dân mà truyền-bá học-thức mới. Cái quan-niệm ấy có lẽ không được bình-đẳng cho lắm, nhưng mà sự thế như thế, không thể sao được.

N.-P. 93

139. — Diễn-giả (ông Phạm Quỳnh) sợ cách giáo-dục của Chính-phủ Pháp ở nước Nam không phải đường, kết-quả đến làm mất hết cả cốt-cách tinh-thần của dân-tộc An-Nam, làm « mất giống » An-Nam đi. Cái hiện-tượng đó cũng đáng lo thật ; diễn-giả muốn hỏi tòa Hàn-lâm nên làm thế nào cho tránh khỏi. Vấn-đề phiền-phức không thể trong một buổi thảo-luận mà giải-quyết ngay. Nhưng tòa Hàn-lâm xin chú-ý ; vấn-đề đã trình-bày ra như thế, hoặc có ngài nào trong ban muốn nghiên-cứu, sẽ có thư-từ bàn-bạc với diễn-

giả, và thử nghĩ xem có cách nào giải-quyết được ổn-thỏa cả mọi đường; nếu quyết-định được một cái chương-trình thỏa-đáng, mà cả ban thuận-nhận thời lâm-thời hội Hàn-lâm sẽ sẵn lòng vận-động với Chính-phủ Đại-Pháp cho có thể thi-hành được.

Lời ông LACOUR-GAYET, trưởng ban Luân-lý Chính-trị viện Hàn-lâm; do ông Phạm Quỳnh tóm thuật.

N. P. 93

140. — Vấn-đề chấn-hưng cổ-học là một vấn-đề quan-hệ đến văn-hóa nước nhà. Nhưng ngày nay, tân-học còn khiếm-khuyết, đã nói đến bảo-tồn cổ-học, tựa-hồ như một lời bàn không thiết-thực. Song nếu cả trong nước không bảo-tồn được, thì một chốn kinh-đô cũng cần phải bảo-tồn lấy. Nay thấy báo *Trung-bắc* nói về sự tổ-chức « Cổ-học-viện » ở Huế, cũng là một tin hay cho học-giới...

N. P. 94

141. — Ông Phan Chu-Trinh mà phản-đối tiếng quốc-âm, chữ quốc-ngữ, thì thật lạ-lùng quá, không ai hiểu ra làm sao. Chắc là tiên-sinh đột-ngột mới về, chưa rõ đầu đuôi việc vận-động này thế nào, theo ý-kiến của phái cấp-tốc, tưởng rằng dạy bằng quốc-ngữ thì ngăn trở sự tiến-bộ của con trẻ thật. Nhưng đối với một việc dễ-dàng như việc này, mà còn có người ngộ-nhận như thế, ý-kiến còn phân-vân như thế, kẻ Nam người Bắc còn không thể đồng-tâm hiệp-lực nhau như thế, nghĩ cũng tiếc và cũng ngán thay! Việc dễ, việc nhỏ còn thế; việc lớn, việc khó thời thế nào?

Vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ này, bàn-bạc đã lắm rồi, tưởng không cần phải nói lại nữa. Nay chỉ xin trích một đoạn trong bài diễn-thuyết của ông giáo CHALLAYE đã nói trên kia, là người có chân trị-sự hội « Bảo-hộ Nhân-quyền » ở *Paris*, tư-tưởng rộng-rãi, chắc Phan tiên-sinh đã biết, không phải là người có cái dã-tâm, bó-buộc gì người Nam mình, ông phán-đoán về vấn-đề ấy như sau này: « Những món thường-thức dạy ở trường tiểu-học mà phải học qua bằng một thứ tiếng ngoại-quốc, thì cái phạm-vi nó bị nhỏ hẹp đi quá, không khác gì như con trẻ nước Pháp học những món cách-trí và tạp-vật mà phải học bằng tiếng Đức hay tiếng Anh vậy... Vả lại không phải là bỏ hẳn tiếng Pháp không dạy ở trường tiểu-học đâu; duy dạy làm thứ tiếng thứ nhì mà thôi, khiến cho những học trò có tư-chất thông-minh hay ham-mến tây-học có thể học lên bậc trên bằng tiếng Pháp được ».

Ai bình-tĩnh mà quan-sát cũng đồng một ý-kiến như thế cả. Rút lại cái vấn-đề chỉ có thế này: bậc tiểu-học là bậc học phổ-thông, cần phải ban-bố khắp trong nước, khiến cho hết thảy con trẻ, vừa trai vừa gái, đều có được một mớ trí-thức thông-thường cần-dùng cho người làm dân ở đời này; ban-bố có hai cách: một là dùng tiếng Pháp là tiếng ngoại-quốc, hai là dùng quốc-ngữ là tiếng nước nhà để làm cái cơ-quan dạy các món phổ-thông: toán-pháp, cách-trí, địa-dư, lịch-sử, luân-lý, vệ-sinh, v. v.. Nếu dạy bằng quốc-ngữ thì con trẻ trực-tiếp hiểu ngay, vừa mau và vừa dễ. Nếu dạy bằng tiếng Pháp thì cách đi một tầng, tất là khó-khăn lâu dài. Song tiếng Pháp cũng cần, vì có biết tiếng Pháp mới có thể bước lên bậc cao hơn được, vào trung-học, đại-học. Cho nên ngay ở tiểu-học cũng không thể khuyết tiếng Pháp được, duy phải dạy làm một « món » như các món khác, không thể dùng làm « cơ-quan » để dạy các món khác, chỉ khác nhau có thế mà thôi. Tỉ như trong chương-trình định rằng ngoài các món khác dạy bằng quốc-ngữ, mỗi tuần lễ để ra mấy

giờ, càng lên lớp trên càng nhiều hơn, để chuyên học « môn » Pháp-ngữ, coi là thứ tiếng ngoại-quốc, phải tập đọc tập viết, tập nói, tập dịch cho thông, như người Tàu hay người Nhật học tiếng Anh tiếng Đức vậy. Người Nhật hay người Tàu học tiếng Đức tiếng Anh có cần phải bỏ tiếng nước mình không ?

PHẠM QUỲNH

N. P. 95.

142. — Nay xét đến cái phương-pháp dạy, thời trước hết phải giải-quyết vấn-đề như sau này : trong các tiếng thổ-âm dùng tiếng nào làm cơ-quan dạy học ? Tiếng *bengali*, tiếng *hindoustani*, tiếng *urdu*, đều có hàng mấy triệu con trẻ nói không thể dùng tiếng nọ mà bỏ tiếng kia được, tất phải dùng cả ba thứ tiếng đó cùng với vô-số các thứ tiếng khác về Bắc-phương cùng Nam-phương nữa, như thế thời phiền-phức và tốn phí mất bao nhiêu.

N. P. 97.

143. — Trường học của ông (LALA HANS RAJ) chủ-trương ngày nay coi là một sở nghiên-cứu về cổ-học Ấn-độ có tiếng,

— Ông (BANKIM CHAUDRA CHATTERJEA) làm văn làm sách bằng tiếng Anh, nhưng lại ưa viết bằng tiếng quốc-âm của ông là tiếng *Bengali* hơn. Những thi-ca của ông soạn ra phổ-thông trong dân-gian nhiều lắm,

— Ông (bác-sĩ MADAN MODAN MALAVIYA) là một người khởi-xướng ra trường Đại-học Ấn-độ ở *Bénarès*, trường này chuyên-trị về cổ-học Ấn-độ có tiếng lắm.

N.-P. 103.

144. — Ở bậc tiểu-học phải dạy những gì ? Bậc tiểu-học nước nào cũng cốt nhất là dạy quốc-văn, quốc-sử, luân-lý, toán-pháp, mấy môn đó là cần nhất. Mà phải dạy bằng tiếng nước nhà, không thể dạy bằng tiếng nước ngoài được. Điều đó là quan-hệ nhất, nếu sai thì hỏng cả. Đã gọi là phổ-thông giáo-dục mà lại chuyên-trị ngay một thứ tiếng nước ngoài, thời còn gì là phổ-thông nữa ? Đã gọi là quốc-dân giáo-dục mà lại phỏng theo tính-tình tư-tưởng người nước khác, thời còn gì là tính-cách quốc-dân nữa ? Cho nên bậc tiểu-học ở nước ta phải lấy quốc-ngữ làm gốc, chữ Pháp coi là tiếng ngoại-quốc mà thôi.

... Lên đến bậc Cao-đẳng tiểu-học thời phần chữ Pháp phải càng ngày càng nhiều lên, vì đã qua bậc phổ-thông mà có thể bắt đầu chuyên-trị tiếng ngoại-quốc được. Nhưng phần quốc-ngữ vẫn phải có một cái địa-vị quan-trọng không thể lơ-láo một tuần-lễ một vài giờ như bây giờ được.

... Trong các môn trí-thức cần cho sự sinh-hoạt của người Việt-Nam ngày nay, môn chữ Pháp cũng là một môn trọng-yếu, một là về đường giao-thiệp, điều đó ai cũng đã rõ, hai là về đường học-vấn, vì có thông tiếng Pháp mới có thể học cao lên các bậc trên đến trung-học, đến Đại-học được.

N.-P. 105.

145. — Vẫn biết rằng những bậc thông-minh tuấn-tú ở nước Tàu đi học ngoại-quốc về đã nhiều, tựu-trung cũng có người thành-tài xuất-sắc, thí-dụ như ông Trần Hữu-Nhân (LUGÈNE TCHEN) hiện làm ngoại-vụ tổng-trưởng cho Chính-phủ Nam-phương, các nhà ngoại-giao Âu-Mĩ cũng phải chịu là người giỏi, nhưng mà những hạng như thế, một là hãy còn ít lắm, hai là đại-để đi học ngoại-quốc từ tuổi còn nhỏ, học dẫu thành tài mà về đến nước nhà dân-tình phong-tục có khi mang-nhiên không hiểu, chính như ông Trần nghe đâu chỉ nói tiếng Anh là thạo, còn tiếng Tàu nói không được sõi, như thế thì

giao-thiệp với người ngoại-quốc được, nhưng cai-trị người bản-dân mình phỏng có được không?

N.-P. 113

146.— Việc các trường ở *Haute-Silésie* thời quan-trọng hơn, vì đất này trước của Đức nay sáp-nhập về *Pologne*, hiện người Đức và người *Pologne* vẫn ở tạp đấy với nhau. Cứ theo điều-ước sáp nhập thì đã nói rõ rằng những con em dân Đức ở đấy sẽ đặt trường riêng cho mà học không phải cưỡng-bách học trường nhà nước và học tiếng *Polonais*. Nay ở hạt *Haute-Silésie*, phần nhiều các công-nghệ lớn đều ở trong tay người Đức cả, các chủ công-nghệ xui-giục những thợ có con đi học, bất-cứ là người Đức người *Pologne,* nên cho con theo học trường Đức hết. Cách giáo-dục ở các trường Đức ấy chỉ chủ cổ-động cho nước Đức, không hề dạy gì đến quốc-sử của *Pologne*, có ý-khiến cho bọn con trẻ *Pologne* ấy quên nước mình mà theo nước Đức. Chính-phủ *Pologne* thấy thế cho điều-tra sát-hạch kỹ lại thì thấy trong tám nghìn năm trăm đứa trẻ cho biên tên vào trường Đức thời năm nghìn đứa chính là con người *Polonais*, bèn hạ lệnh bắt về học trường nhà nước không được học trường Đức.

N.-P. 117

147.— Ngoài những việc cải-cách lớn về chính-trị..., nước Thổ lại còn định sửa-sang chỉnh-đốn nhiều việc khác nữa, mới xét thì tưởng là việc thường mà thật là quan-hệ vô-cùng: một là việc đặt sổ sinh-tử giá-thú..., hai là việc điều-tra hộ-tịch...,ba là việc dùng mẫu-tự La-mã để viết tiếng Thổ (tức là đặt ra một lối chữ như chữ quốc-ngữ của An-Nam ta), để thoát-ly hẳn cho tiếng Thổ khỏi cái quyền chuyên-chế của các cổ-văn Ba-tư và Á-rập.

N.-P. 126

148.— Về phương-diện thứ ba thời RABELAIS khéo điều-hòa cái cổ-học La-Hi với cái tân-học hiện-thời, khéo lợi-dụng quốc-âm của mình mà dung-hòa với văn-tự đời trước, gây dựng ra được một nền quốc-văn có đặc-sắc,đáng đời sau tôn là ông tổ văn-học trong nước; người An-Nam nên bắt-chước đó mà điều-hòa cái tư-tưởng của Âu-châu và của Trung-quốc cùng với cái quốc-túy riêng của giống mình, ngõ hầu cũng có thể gây-dựng được một nền quốc-văn xứng-đáng sau này.

N.-P. 140

149.— Ở Hà-tiên có một trường tư-thục tên là Trí-đức học-xá, do mấy nhà giáo-dục nhiệt-thành về quốc-văn khởi-xướng lên, mục-đích là dùng quốc-văn để dạy học-trò, muốn bày tỏ cho thiên-hạ biết rằng tiếng nước nhà có thể dạy được con em nước nhà, bất-tất phải mượn đến tiếng ngoại-quốc vậy.

N.-P. 150

150.— Bản điều-ước làm một bản bằng chữ Pháp và một bản bằng chữ Hán, văn-tự hai nước đều phải trọng cả.

(Bản điều-ước Việt-Nam của hai nước Trung-Pháp)

PHẠM QUỲNH *dịch*

N.-P. 150

151.— Điều ước này sẽ thay cho các bản hiệp-ước ngày 15 tháng 3, 31 tháng 8 và 23 tháng 11 năm 1874. Hoặc có dị-nghị thì duy lấy bản Pháp-văn làm bằng.

(Điều-ước Bảo-hộ năm 1884)

N.-P. 152

152.— Tôi thiết-nghĩ rằng muốn cho nước nhà được tiến-bộ thì phải gây lấy khí-cụ để tuyên-truyền giáo-

dục. Cái khí-cụ để tuyên-truyền giáo-dục là ngữ-ngôn văn-tự trong nước. Bởi thế nên trong mười-lăm năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả ; chỉ cúc-cung tận-tụy về một việc, là cổ-động cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-văn, gây-dựng cho quốc-văn thành một nền văn-chương đích-đáng, có thể dùng làm cái lợi-khí để truyền-bá văn-minh trong nước. Các bạn đồng-chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã từng công-nhận cho cái công-phu ấy không phải là vô-ích.

N.-P. 152

153.— Người Việt-Nam sẽ học được của nước Pháp những phương-pháp phê-bình nghiên-cứu đích-đáng, kiêm cả cái trí tinh-nhuệ cùng cái trí khúc-triết, đem cái luận trực-giác tuyển-chuyển mà chế cho cái luận duy-lý nghiêm-khắc, rồi dùng những phương-pháp đó mà khảo-sát về căn-nguyên lịch-sử, tôn-giáo, tư-tưởng, mĩ-thuật của nước mình, cùng những kỷ-cương luân-lý làm bản-lĩnh cho cá-nhân cùng dân-tộc mình, những chế-độ xã-hội chính-trị đã làm cho quốc-gia mình được lâu bền thuần-túy vô-cùng.

N.-P. 154

154.—(Ngày 23-8-1930) Tổng-trưởng bộ Học nước Hi-lạp hạ lệnh cấm con trẻ Hi-lạp không được học các trường tiểu-học dạy bằng tiếng ngoại-quốc.

N.-P. 154

155. — Hội-đồng chính-phủ nước Tây-ban-nha quyết-nghị rằng ở xứ *Catalogne* thì con trẻ mới đi học được phép học bằng tiếng bản-xứ là tiếng *Catalan*, nhưng từ 8 tuổi trở đi thì hết thảy phải học tiếng Tây-ban-nha cả.

(*Tin ngày 29-4-1932*)

N.-P. 162

156— Nay quốc-học với quốc-văn là hai cái nguyên-tố thiết-yếu của quốc-gia. Thử hỏi trong các nhà chính-trị mấy người là để ý đến ?

Vì tình-thế khiến nên mà những người ra làm chính-trị bây giờ tất phải là người có Âu-hóa, những tay sành-sỏi lỗi-lạc lại là những người « tây hơn tây ». Nếu cứ thế mãi thì những kẻ tai mắt cho dân cho nước càng ngày càng cách-biệt với dân mình nước mình, hầu thành như người ngoại-quốc ở giữa nơi xứ-sở còn mong có ảnh-hưởng gì và có lợi-ích chi cho nước nhà nòi-giống nữa...

Người tai mắt trong một nước mà đến nỗi không quan-niệm được phân-minh về nước nữa, đến lẫn nước mình với nước người, lấy nước người làm nước mình, tự xưng là con cái của người, thì còn gì nguy bằng nữa !

N.-P. 165

157— Phàm chủng-tộc, hoặc là bởi thiên-nhiên, hoặc là bởi lịch-sử mà thành ra, chính là những bản-vị tuyệt-đối, không thể đem cái nọ hóa theo cái kia được, không thể mượn phong-tục, tập-quán, văn-chương, chế-độ, tôn-giáo, mĩ-thuật của nhau được.

N.-P. 170

158— Ông (Maurice Barrès) đã chỉ rõ cái bệnh-căn rồi, ông bèn bày phương thuốc chữa : bệnh là bệnh «vong-bản», thời nay phải « hồi-bản », như cái cây bật rễ, nay phải trồng nó lại, trồng nó vào trong đất nước của tổ-tiên, là nơi đã dề-tạo ra mình, đã như in dấu-vết vào trong tâm-hồn mình vậy...

Coi đó thời biết, ở đời này cốt là phải quyết theo một bề nào. Nay ta thế nào, ta không thể làm khác đi được. Ta sinh-trưởng là người An-Nam, thời sống là người An-Nam, mà chết cũng vẫn

là người An-Nam. Đừng có mơ-mộng thành ra người khác được; đừng có kiếm-cách tự mình không nhận mình được.

N.-P. 172

159— Theo một cái học của nước ngoài đem lại, cùng với cốt-cách tinh-thần của giống mình không có mật-thiết gì cả, thành ra càng học thì càng xa-cách với giống nòi, cho dẫu thành-tài cũng chưa có ảnh-hưởng gì với quốc-dân, huống phần nhiều hãy còn mơ-hồ sốc-nổi vậy ..

Cuộc cách-mệnh đó là phải bãi bỏ cái Nho-học tiểu-thừa mà đề-xướng cái Nho-học đại-thừa; là phải đả-phá cái tâm-lý hương-nguyện mà đề-tỉnh cái tâm-lý chân-nho ; là phải đem đạo Nho ra mà hòa-đồng với các phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, chứ không thể giữ khu-khu trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân; là phải làm cho tinh-lý thắng được cái tử-văn chứ không để cho cái tử-văn tiêu mất cả tinh-lý; là phải đem ông Khổng ông Mạnh ra mà tiếp chuyện với các hiền-triết Đông Tây, chứ không nên để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Trong cuộc hội-đàm với các bậc đại-trí trong thế-giới đó, ở cái « Hội-nghị bàn-tròn » có ông Gia-tô, ông Phật-tổ, ông Lão-tử, ông SOCRATE, các thầy Bà-la Ấn-độ, các nhà Triết-học Thái-tây, cái đạo xử-thế của ông Khổng, cái tài hùng-biện của thầy Mạnh vị-tất đã kém ai.

N.-P. 172

160— Các bậc học có thể tổ-chức theo cái chương-trình như sau này, kể cũng không khó gì lắm, vì hiện nay cơ-sở đã có, tài-liệu đã sẵn cả.

I.— Bậc tiểu-học. Có hai bậc :

Bậc tầm-thường tiểu-học (đại-khái từ 6 đến 10 tuổi).

Bậc cao-đẳng tiểu-học (đại-khái từ 10 đến 14 tuổi).

Dạy thuần dùng tiếng bản-quốc, và học thêm ít chữ Hán cùng chữ Pháp cần dùng.

II.— Bậc trung-học. Có hai bậc :

Dạy bằng tiếng Pháp, có thêm khoa cổ-điển Hán-Việt thay vào khoa cổ-điển La-Hi.

N.-P. 173

161— Hiện nay việc dịch sách là việc cần hơn cả. Việc dịch sách ở Pháp-văn ra quốc-ngữ lại là cần hơn nữa. Các tư-tưởng, các học-thuyết mới ở trong sách tây; muốn truyền-bá cho được phổ-thông, tất phải phiên-dịch ra tiếng bản-quốc.

PHẠM QUỲNH

N.-P. 174

NGUYỄN VĂN-KIÊM *sao và dịch*

SƯU-TẬP THƠ-VĂN CỔ

IX

Văn tế mẹ

(Bài này nguyên của ông Thám-hoa Vũ Huy-Dực người làng Quảng-lãm, huyện Quế-dương, tỉnh Bắc-ninh, đỗ khoa tân-hợi, (1851) triều vua Tự-đức, làm ra để tế mẹ).

Than ôi! Tình mẹ con nặng lắm, gươm âm-dương trách kẻ khéo đang tay; phẩm tiên-tục khác gì, lối Bồng-lãng không gai sao lấp ngả.

Ấy ai xui thương-uyển xuân về? Ấy ai khiến Dĩ-sơn khói tỏa?

Bà mụ nặn nên khuôn khuê-khổn, công, ngôn, dung, hạnh, nở-nang; ông tơ xe lại cửa trâm-anh, chung, cổ, sắt, cầm, giăn-giở.

Thờ nghiêm-từ đem « hiếu kính » ghi lòng; việc gia-thất lấy « kiệm-cần » để dạ,

Tay tàm-chức giúp công đèn sách, Kê-minh từng đọc khúc Tề-phong; *sân hủy-hùng chen khóm chi lan, Ti-can lại vịnh thơ* Đại-nhã.

Thờ chồng thì đạo vợ vẹn tròn; dạy con cứ phép nhà dóng-dả.

Cũng có lúc cửa nho thanh-bạch, bắt theo ngọn gió giữa đường không; cũng có khi việc thế chông-chênh, chẳng giã tay chèo cơn sóng cả.

Vàng tốt trăm vành; ngọc lành một giá.

Buổi vinh-hiển tuy rằng chưa mấy, nhưng mùi « hoạn-vị » nếm qua rồi; nếp văn-chương giữ lại về sau, trông chữ « dư-khương » nghe cũng đã.

Dần-dà cõi thọ thanh-thơi; ngán-ngẩm tình nhà dối-giá!

Mấy năm trước chăn đơn gối chiếc, những thương kẻ bút nghiên chưa hết nợ! khi văn-trường, khi học-quán, dứt cửi đi theo dấu bà Châu; trải đôi phen quế héo liễu khô, thêm xót người măng sữa đã bồ-côi, đứa thừa-trọng, đứa ngoại-tôn, ngậm đường lại nặng lòng họ Mã.

Lom-khom vừa tóc bạc điểm mồi; hiu-hắt bỗng gió vàng đổi lá.

Bảy-mươi mốt huyên già thềm bắc, ả Phong đi sao vội hái năm hoa; ba nghìn năm đào chín bể tây, mụ Vương-mẫu nỡ chẳng chia một quả.

Ôi! Kiếp trần ngắn-ngủi, chợt phút có không; con dối thập-thò, biết ai thực giả.

Đạo phụng-dưỡng trông vào thẹn mặt, vị « chân-cam » một có lại mười không; lúc biệt-ly tưởng đến đau lòng, lễ «tang-tế» muôn phần chưa chút thỏa.

Luống những phàn-nàn! khôn sao khuây khỏa!

Cháu ở với bà là chuyện cũ, hãi thử trông đàn trẻ bé, cõi nhân-gian dứt bước đã đành chưa? con nhờ lộc nước họa mai ngày, sao không rốn ít nhiều năm, thợ Tạo-hóa thù nhau chi mấy tá.

Nghĩ đi nghĩ lại, khôn xiết băn-khoăn! Tính quẩn tính quanh, càng thêm buồn-bã.

Hay bút son khi nhầm một nét, chẳng cậy ai lên đổi sổ Nam-tào; hay thuốc tiên giá những nghìn vàng, chẳng có của chưa gặp thầy Kỳ-bá.

Hay nguyền xưa nhớ đến bổng sai đòi; hay kẻ khuất rước đi mà hầu-hạ.

Hay là mẹ gian truân đã lắm, tìm nơi động biếc để xa chơi; hay là con bất-hiếu đã nhiều, bước xuống suối vàng vì giận quá.

Thôi thì thôi! Dưới sông Thiên-đức nước chảy xanh rì; trên núi Nhất-hằng, mây che trắng xóa.

Trời già chẳng cho ai phương-tiện, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, chữ «đỗ-hoàn» nào riêng cuộc xưa nay; người ta là mấy lúc hiền-dương. cây muốn lặng gió chẳng đừng, câu «bất-đãi» vẫn bền gan sắt đá.

Bối tơ kia con nhện khéo vò; tấm son nọ nước chanh khôn giã.

Trung-đình lâm-le ngày hãy trẻ, nào biết lưng cơm trả nghĩa, ba xuân bóng sáng thẳm ba xuân; đấu thưng lần lữa tuổi gần già, mới hay hạt gạo đền ơn, mấy đóa tóc sương sầu mấy đóa.

Giật mình khi bóng nắng vật-vờ; đứt ruột thuở hạt mưa tầm-tã.

Lối bước đường ra còn mới đó, chợt lúc đêm thanh nhìn lại, thần đi đâu tá? trăng vẫn lờ-mờ; lời ăn nết nói những bao giờ, đè chừng non Thứu trông theo, phật ở phương nào? mây tuôn dần-dã.

Chiều hôm tưởng vọng, cánh nhạn loi-thoi; ban tối ngóng-mong ngọn cây tơi-tả.

Mảnh áo có mũi kim để sót, nhìn xem mắt ấy nghĩ tần-ngần! chiếc bôi còn hơi miệng chưa phai, cầm đến tay nào không rời-rã.

Đau-đớn nhẽ! Trời che đất chở, khôn kể cao dày; bể rộng sông khơi, biết đâu xa lạ.

Còn gần-gũi một vài hôm đấy nữa, dẫu dấu «u-minh» có cách, hằng ra vào soi dãi tấm «tinh-thành»; rồi xa-xôi nghìn muôn kiếp sau này, vì ơn «cốt nhục» còn sâu, lại xum-họp cũng nhờ duyên «sinh hóa».

Nhời vần kể hết, khúc thảm bồi-hồi; chén rượu dâng lên giọt sầu lã-chã.

Lệ tang-sự vừa ngoài ba tháng, con lấy gì đủ lễ, luống hổ cùng áo bả mũ gai; tiết khai-quàn kính đặt một tuần, mẹ dẫu nhẫn đoái tình, chớ nệ ngọn rau nước lã.

Thương ôi! thượng hưởng.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG *sao-lục*

Dịch thơ trạng-nguyên nói về học-trò thi đỗ

Nay mừng vua mở khôi-khoa,
Đường giong vó ký gió đưa cánh buồm.
Xem hoa bẻ quế thiềm-cung,
Mới hay quyết chí tang-bồng nên trai.

天子重賢豪
文章教爾曹
萬般皆下品
惟有讀書高

Ơn vua trọng kẻ hiền-tài,
Văn-chương vàng ngọc dùi-mài trẻ ta.
Muôn điều đều dưới bậc xa,
Chỉ nghề đọc sách ấy là cao hơn.

少小須勤學
文章可立身
滿朝朱紫貴
盡是讀書人

Trẻ-trung gắng sức tập rèn,
Văn-chương thông-thái khá nên tới mình.
Đầy triều đỏ tía hiển-vinh,
Dặt người tài-tử học-hành làm nên.

教子以詩書
何勞更外鬮
但教仙桂在
終是勝耕耡

Dạy con đọc sách thánh-hiền,
Bề ngoài những việc chớ phiền lo-toan.
Quế tiên đã sẵn tay vin,
Lắm giàu ở đó hơn bên làng cày.

詩書宜廣讀
今古要多知
富貴皆由命
榮華自有期

Thi Thư rộng đọc cho hay,
Trải xem nhiều biết xưa nay sự đời.
Giàu sang đều bởi số trời,
Làm trai có lúc ở đời vinh-hoa.

白日莫閒過
青春不再來
牕前勤苦學
馬上錦衣囘

Bóng mặt trời chớ để qua,
Xuân-xanh hầu dễ người ta mấy lần.
Trước song khổ học chuyên-cần,
Mong khi áo gấm trở chân ngựa về.

學者如禾稻
愚夫似草萊
草萊人所惡
禾稻國之財

Học trò như lúa đạo kia,
Đứa ngây chẳng khác chi bề thảo-lai.
Thảo lai ai cũng ghét hoài,
Hòa-đạo là cái quốc-tài ở trên.

教子學前賢
休令恃少年
吾家無重寶
經史是良田

Dạy con chăm học thánh-hiền,
Chớ cậy trẻ tuổi mà liền mảng quên.
Nhà ta chẳng thiếu bạc tiền,
Sử kinh là ruộng phải chuyên mà cày.

遺子滿金箱
何如教一經
姓名書桂籍
朱紫列朝卿

Cho con một tủ vàng đầy,
Sao bằng pho sách để rầy dạy con.
Họ tên sáng chép sổ son,
Rỡ bày đỏ tía ngôi tôn triều-đình.

養子教讀書
書中有金玉
一子受皇恩
全家食天祿

Nuôi con dạy đọc thánh-kinh,
Sách có vàng ngọc đã dành để cho.
Một con rầy đội ơn vua,
Lộc trời cùng hưởng một nhà đỉnh-chung.

養子切須教
莫言家裡貧
手拈一管筆
到處不求人

Nuôi con dạy thuở ấu-trung.
Chớ rằng nhà khó mà dung sa-đà.
Tay cầm một quản bút hoa,
Đến đâu có lụy người ta bao giờ.

七歲應神童
天生我性聰
有才朝聖主
何必謁侯公

Thần-đồng bảy tuổi đương thơ,
Tinh thông vốn sẵn trời xưa sinh-thành.
Có tài chầu chực đế-đình,
Cớ chi khóm-nóm vào dinh công-hầu.

朝爲田舍郎
暮登天子堂
將相本無系
男兒當自強

Sớm còn vui thú ruộng màu,
Ban chiều bỗng được lên chầu thánh-cung.
Làm quan nào hạn có dòng,
Chí trai phải lập nên công anh-hùng.

鑿山通大海
鍊石補青天
世上無難事
人心自不堅

Đào non thông tới bể đông,
Rèn đá vá được mấy trùng trời cao.
Việc đời có khó đâu nào,
Lòng người nghỉ giữ làm sao cho bền.

學行方始正
消字未能全
問設何經史
朗然詩百篇

Học-hành vừa mới chính-chuyên,
Song mà chữ đạo dễ tuyền được đâu.
Hỏi rằng kinh-sử chốn nào,
Trăm bài thơ với thi-hào sáng sao!

昔日一貧儒
今乘四馬車
鄉人皆歎惜
養子教詩書

Thuở xưa là học-trò nghèo,
Ngày nay xe ngựa võng đào làm quan.
Người làng đều thấy ngợi than,
Nuôi con chăm dạy theo làn thi-thư.

囑付孩童子
常令入學初
要涵今古事
須讀五車書

Đêm ngày dạy trẻ ngây thơ,
Bắt đầu vào học bấy giờ phải chăm.
Xưa nay mọi việc suy tầm,
Đọc năm xe sách ngượi ngâm phải tìm.

刮鏡光方徹
淘沙始見金
世人如欲學
須用下真心

Soi gương cho sáng như in,
Lọc cát cho hết mới tin thấy vàng.
Người học như thế mới ngoan,
Dốc lòng tin thật mới toan ra dùng.

年生方七歲
背讀五車書
多少辛勤學
光榮盡不如

Sinh vừa bảy tuổi ấu-trung,
Đọc năm xe sách khắp cùng trước sau.
Ít nhiều siêng học cho lâu,
Vinh-hoa ai dễ sánh hầu bằng ta.

少年初登第
皇都得意回
禹門三汲浪
平地一聲雷

Trẻ tuổi thi đỗ khôi-khoa,
Ơn vua thích ý về nhà ngựa giong.
Ba tầng cửa Vũ hóa rồng,
Đất bằng một tiếng sấm đùng khắp nghe

及第待何時
春來折桂枝
名標金榜上
端的是男兒

Thi đỗ chẳng còn đợi chi,
Sang xuân quyết bẻ quế-chi một cành.
Bảng vàng trước yết tên mình,
Làm trai thế ấy mới đành nên trai.

青青荷葉蓋
裊裊柳絲鞭
步步搖金勒
聲聲謁狀元

Xanh xanh kìa lọng sen ai,
Dìu-dìu roi liễu chen vai đường cù.
Nhạc rung lần bước ngựa câu,
Bỗng nghe những tiếng tới hầu trạng-nguyên.

玉殿傳金榜
君恩賜狀頭
英雄三百輩
隨我步瀛洲

Tên treo đền ngọc lệnh truyền,
Ơn vua cho trạng đỗ trên bảng rồng.
Ba trăm dư lũ anh-hùng,
Theo ta lên chốn non bồng cõi tiên.

金榜題名日
青雲得路時
文章方顯貴
天下謁聲知

Bảng vàng chói-chói đề tên,
Mây xanh nhẹ bước được lên đường dài.
Ngậm châu phun ngọc đua tài,
Lẫy-lừng đều khắp dưới trời tiếng vang.

詩書傳家寶
文章冠世師
名標龍虎榜
身到鳳凰池

Truyền-gia dành để thư-hương,
Suốt đời có một văn-chương ai tề.
Bảng rồng xem rõ tên đề,
Mình vào tắm mát phượng-trì vẻ-vang.

清世文章客
他年折桂香
金園池上路
爭看綠衣郎

Đời bình-trị khách văn-chương,
Ra năm liền bẻ quế hương đền vàng.
Chen chân áo biếc trên đường,
Đua xem cho được thấy chàng áo lam.

獨占一名高
風流壓衆豪
探花歸去晚
香氣滿藍袍

Tên cao nguyền ước đã cam,
Phong-lưu rất mực khác xem chúng hào.
Xem hoa dời gót vườn đào,
Mùi hương sực-nức áo bào nhuộm thơm.

雷震驚天地
宏聲徧九州
江南生瑞氣
翻水出鰲頭

Sấm ran trời đất ầm-ầm,
Khắp ngoài chín cõi dồn rầm tiếng xa.
Giang-nam điềm nở tài-hoa,
Cá ngao nhảy nhót đầu ra cửa dòng.

御墨披紅錦
春風動綠衣
盧花輕拂馬
桂影弄斜暉
長安春色好
攜酒賞花枝

Bút vua ban mở gấm hồng,
Gió xuân phới động áo lồng sắc xanh.
Bông lau phất ngựa đầu thành,
Loi-thoi bóng quế lung-linh bóng tà.
Tràng-an vui tiết xuân-hòa,
Say mang bầu rượu mua và cành hoa.

昨日堯階試
今朝掛綠袍
歸去親未老
方信讀書高

Thềm rồng thi đỗ hôm qua,
Sớm mai được mặc áo hoa về nhà.
Lại mừng cha mẹ chưa già,
Mới tin đọc sách thật là cao hơn.

直上蟾宮去
藍袍惹桂香
花衢紅粉女
爭看綠衣郎

Thẳng lên tới chốn cung thiềm,
Áo lam thơm nức mùi hương quế nồng.
Đường hoa lũ gái phấn hồng,
Giành xem áo biếc lạ-lùng người tiên.

一舉登科日
雙親未老時
歷階趨宰輔
猶掛老萊衣

Đương khi một bước đỗ lên,
Song-thân vừa buổi bình-yên chửa già.
Trâm đai dạo tới xem hoa,
Xênh-xang còn múa áo nhà Lão-Lai.

衫長堪掃地
袖大好搖風
有志朝天子
無心謁相公

Áo đơn quét đất còn dài,
Ống tay rộng-rãi bẻ-bai gió lồng.
Một lòng vào lạy đền rồng,
Há rằng chầu-chực trước cùng tướng-công.

有志朝天子
雙鬟猶未梳
腰間纏紫袋
也學帶金魚

Sinh con bảy tuổi thần-đồng,
Tóc son đôi mái chửa chùng chấm vai.
Ngang lưng dải tía thắt đai,
Cá vàng đã học đeo chơi mới kỳ.

七歲神童子
詩書六藝通
殿前先射策
紫詔拜三公

Bảy tuổi thực đích nam-nhi,
Sáu nghề biết suốt thư-thi thuộc lầu.
Trước đền thi sách đỗ đầu,
Chiếu ban cho chức ở tào tam-công.

神童衫子短
袖大惹春風
未去朝天子
先來謁相公

Áo ngắn kìa gã thần-đồng,
Ống tay rộng rãi nức nồng gió xuân.
Chửa đi chầu đức thánh-quân,
Trước đà ra mắt thử gần tướng công.

年幼自心聰
當時七歲終
名標金榜上
古作小神童

Tuổi bé lòng đã sớm thông.
Ấy đương lên bảy người không phải thường.
Trên cao tên đậu bảng vàng,
Trẻ kia thuở trước làm chàng tinh-anh.

天賦聰明性
神童七歲初
早追今古學
背讀五車書

Thợ trời đúc tính thông-minh,
Tuổi vừa nên bảy vốn sinh thần-đồng.
Xưa nay mọi việc sớm thông,
Thuộc lòng trong sách khắp cùng năm xe.

負笈三千里
桃書一百通
育才思聖主
釋褐有神童

Tráp mang mấy dặm đường hòe,
Sách đào trăm quyển xem bề lẩu thông.
Nuôi tài nhớ đức cửu-trùng,
Giải manh áo cát thần đồng trở ra.

來歲春三月
花香襯馬蹄
有人在平地
看我上雲梯

Sang xuân thì tiết tháng ba,
Lăm-săm chân ngựa rặt hoa thơm nồng.
Cõi trần người ở tây đông,
Xem ta lên đỗ bảng rồng trên cao.

後園梨落羅
神童知不知
不是風搖動
便是鵲驚枝

Quả Lê rơi xuống vườn sau,
Hỡi thần-đồng trẻ người nào biết không.
Chẳng rằng gió thổi lay-lung,
Chính là chim thước nó rung cái cành.

騎馬執玉鞭
平步上青天
莫訝登科早
姮娥愛少年

Cầm roi ruổi ngựa bên thành,
Thung-dung lên tới trời xanh rõ-ràng.
Chớ rằng sớm đỗ khoa trường,
Nàng Nga vốn vẫn yêu chàng thiếu-niên.

映日浮金殿
風和動玉除
宮娥調雅樂
帝子誦詩書

Mặt trời sáng ánh trong đền,
Gió đưa thấp-thoáng tới trên sân rồng.
Nàng Cung-nga tiếng nhạc rung,
Con vua đọc sách khắp cùng thi-thư.

一看欄杆絕
清風水際間
白雲飛過去
天外見青山

Câu-lơn sẽ tựa trông xa,
Phút đưa gió mát thổi qua giữa dòng.
Đám bay mây trắng trên không,
Ngoài trời đã tỏ thấy dòng núi xanh.

花開蝶滿枝
花謝蝶還稀
惟有堂前燕
主人貧亦歸

Hoa thơm bướm liệng đầy cành,
Hoa còn ngậm nhị ra hình bướm thưa.
Trước nhà yến nói đong-đưa,
Chủ-nhân dù khó cũng thừa thú vui.

詩酒琴棋客
風雲雪月天
有名閒富貴
無事小神仙

Đàn thở cờ rượu khách chơi,
Gió mây trăng tuyết một trời phong-lưu.
Có tiếng thế là sang giàu,
Thanh-nhàn gọi chút ở lầu tiên cao.

往事多如夢
流年只斷魂
不堪春日盡
細雨又黃昏

Việc qua như nhấp chiêm-bao,
Năm thấm-thoắt sợ khác nào hồn bay.
Há cho xuân được hết ngày,
Ngoài trời phơi-phới mưa bay lại chiều.

盡直春多雨
催殘花易空
不知春態度
猶在雨陰中

Mưa xuân kia hãy còn nhiều,
Giục đòi hết sạch bao nhiêu hoa tàn.
Nết xuân tưởng lại mơ-màng,
Điểm-trang còn ở trong hàng mưa trơn.

人皆苦炎熱
我受夏日長
薰風自南來
殿閣生微凉

Nực nồng ai cũng giỗi hờn,
Ta yêu ngày hạ bóng dương lâu tà.
Gió nam dục-dạo thổi qua,
Trên lầu đưa ngọn gió hòa thảnh-thơi.

向曉鋪塔濕
如烟障碧天
幾回芳草上
珠樣不勝圓

Sương thu đằm ướt hiên mai,
Lờ-mờ như khói ngăn trời biếc xanh.
Mấy lần hoa thảo đầu cành,
Bóng soi lấp-lánh dường hình hạt châu.

楓落吳江冷
霜橫楚岸寒
晴烟飛水面
愛日上雲端

Lá phong lác-đác sông Ngô,
Sương che bể Sở mịt-mù ngàn đông.
Khói bay phất-phới đầu dòng,
Ngọn mây chói lọi vằng hồng chiếu-lâm.

任人舒復卷
筆落似霆聲
寫盡相思字
因風寄有情

Mặc người lo-nghĩ âm-thầm,
Bút thiêng viết chóng tiếng tằm ăn dâu.
Mấy lời tư-tưởng với nhau,
Sẵn nhân dì gió gửi câu hữu-tình.

七札弓何勇
千鈞弩不強
手持七寸管
容易達朝堂

Bảy lần bắn suốt cung lanh,
Nghìn cân nỏ ấy há giành tài hơn.
Tay cầm bảy tấc bút lan,
Bước lên sân ngọc nhẹ nhàng gót tiên.

香膠和汞烟
擣作方圓片
日日漸消磨
自身却不見

Keo thơm hòa với muội than,
Đóng khuôn thành phiến vuông tròn tùy-
Ngày dùng mài hết dần đi, [nghi.
Tự mình thì chẳng thấy khi tiêu mòn.

紫石爲奇硯
無痕妙處多
煩君收拾取
免被別人磨

Đá tía chế làm hộp nghiên,
Trong nhiều thú-vị vui miền thư-trai.
Dặn người chăm lấy rùi-mài,
Chớ cho ai viết ai mài của ta.

有過不能改
知賢不肯親
雖生人世上
未得謂之人

Làm người có lỗi không chừa,
Biết ai có đức chẳng ưa bạn gần.
Dẫu rằng sinh ở cõi trần,
Đã ra thế vậy lòng nhân đâu còn.

荷德如山重
承恩似海深
莫將風火性
燒斷歲寒心

Đội đức coi nặng bằng non,
Chịu nhiều ân hậu giống nguồn bể sâu.
Chớ đem gió lửa tính đâu,
Tấm lòng hàn-tuế nỡ mau đốt tàn.

山色無遠近
看山終日行
峯巒隨處改
行客不知名

Vẻ núi thu lại xa gần,
Ngó trông chưa dễ trọn ngày lần đi.
Mấy tầng theo chốn cải-di,
Khách đi nào biết núi gì mà kêu.

九日龍山飲
黃花笑逐臣
醉看風落帽
舞愛月留人

Núi rồng mở tiệc xôn-xao,
Hoa vàng chiếng nở cười trêu thị-thần.
Say-sưa ngỡ mũ gió lăn,
Múa chơi yêu bóng mặt trăng kèo người.

一日今年始
一年前事空
淒涼百年事
應與百年同

Năm nay mới một ngày nay,
Những điều năm ngoái chẳng dài cùng
Buồn thay những sự trăm năm,[năm.
Cũng cho đồng với trăm năm cho rồi.

日月光天道
山河壯帝居
太平無以報
願上萬年書

Hai vầng sáng suốt đường trời,
Núi sông quanh bọc vững nơi kinh-
Lấy chi báo thủa thái-bình, [thành.
Muôn năm dâng chúc thánh-minh trị
[đời.

國正天心順
官清民自安
妻賢夫內助
子孝父心寬

Nước chính ấy thuận lòng trời,
Quan thanh dân được nghỉ ngơi yên
Vợ hiền chồng được cậy trông, [lòng.
Con mà có hiếu ấy lòng cha khoan.

道院迎仙客
書堂隱相儒
庭栽棲鳳竹
池養化龍魚

Đạo-viện để rước khách tiên,
Thư-đường dành để người chuyên học-
hành.
Sân trồng trúc phượng đỗ cành,
Dưới ao nuôi cá sinh-linh hóa rồng.

春遊芳草地
夏賞綠荷池
秋飲黃花酒
冬吟白雪詩

Ngày xuân chơi dạo vườn hồng,
Thanh-thơi tiết hạ vẫy-vùng ao sen.
Rượu cúc vui tiệc thu-thiên,
Qua đông bạch-tuyết ngươi nghiền thơ
ngâm.

春水滿四澤
夏雲多奇峯
秋月揚明輝
冬嶺秀孤松

Nước xuân lai-láng bốn đầm,
Mây hè nhiều vẻ lạ-lùng nước non.
Trăng thu treo tấm gương tròn,
Tiết đông tươi tốt đầu non cỗi tùng.

久 旱 逢 甘 雨
他 鄉 遇 故 知
洞 房 花 燭 夜
金 榜 掛 名 時

Nắng lâu gặp trận mưa dòng,
Xa quê lại gặp bạn cùng chi-lan.
Đuốc hoa giong sáng buồng hương,
Sớm mừng tên đỗ bảng vàng hiển-vinh.

兎 邊 分 玉 樹
龍 底 躍 銅 儀
雨 餘 常 同 澡
不 復 問 官 私

Thỏ bên cây ngọc lung-linh,
Rồng phun róc-rách điểm canh giọt đồng.
Mưa rồi đâu cũng sạch không,
Có chi lại hỏi riêng chung một lời.

位 正 上 中 下
才 分 天 地 人
五 行 生 父 子
八 卦 定 君 臣

Trên trời dưới đất giữa người,
Tam-tài chia đặt từ đời Hỗn-độn.
Năm hành sinh có cha con,
Vua tôi đã sẵn khuôn tròn định ra.

*
* *

Thư-trai giảng khúc thi-ca,
Mấy lời dạy bảo trẻ ta học-hành.
Cung tên cho thỏa chí mình,
Làm nên rỡ sáng môn-đình trước sau.

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣義省誌

II

CHÍNH-TRỊ

A. — Lịch-sử các dân-tộc

I. — Tỉnh Quảng-ngãi trải qua có bốn dân-tộc ở.

Từ Thượng-cổ đến thế kỷ đầu sau kỷ-nguyên. Tỉnh Quảng-ngãi thuộc về nước Lâm-ấp của một dân-tộc thổ-trước. Từ thế-kỷ đầu sau kỷ-nguyên đến năm 1470, Quảng-ngãi lại thuộc về nước Lâm-ấp, sau cải làm Hoàn-vương-quốc và Chiêm-thành của người Chàm.

Từ năm 1470 đến nay Quảng-ngãi thuộc về An-Nam, có dân-tộc An-Nam và dân-tộc Mọi ở.

Nguồn gốc tỉnh Quảng-ngãi thật là mù-mịt. Cái thời-đại tối-cổ mà nhờ sách-vở ta lần phen theo dòng thế-kỷ khảo-cứu đến được là thời-đại đất nước này đương làm căn cứ cho một dân-tộc thổ-trước, mà ngày nay không còn thấy biên-chép trong sử-sách nữa. Quyển « Địa-dư nhất-thống-chí » của ông Cao Xuân Dục chép tỉnh này thuộc về đất Việt-thường là một bộ ở về cực-nam nước Văn-lang của họ Hồng-bàng, bộ này gồm tỉnh Quảng-bình và Quảng-trị bây giờ.

Dân thổ-trước gọi nước là Lâm-ấp, tuy trên nói thuộc về Việt-thường, nhưng thật ra là thuộc về nước Tàu. Phải biết rằng đời Thượng-cổ văn-minh nước Tầu đã chói rạng, các nước lân-cận hãy còn dã-man, nên đều phải thụ phong cống-hiến, hoặc phải bị người Tàu chinh-phục lập thành các nước chư-hầu ; có lẽ bấy giờ nước Lâm-ấp gồm cả tỉnh Quảng-ngãi phải thuộc về Tàu, trong các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, kế đến bản-triều chỉ phải thụ-phong và cống-hiến thôi, vì địa-thế rộng mênh-mông, trong nước người Tàu tự-

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 181.

trị chưa thống-quát được, nữa là lo sắp đặt các nước Chư-hầu xa cách như Lâm-ấp, thành-thử vua Tàu hoặc phong cho con cháu, hoặc bắt các nước ấy cận-thuộc về một châu-quận trong lãnh-thổ mình, hoặc là một nước do người Tàu đánh lấy sai quan cai-trị như Tượng-quận, Nhật-nam sẽ nói sau.

Theo lẽ ấy mà đoán thời bấy giờ Lâm-ấp (gồm cả Quảng-ngãi) tuy thuộc về Tàu nhưng sau vua Thần-nông phong cho con là Lộc-tục tức là Kinh-dương-vương khai-sáng họ Hồng-bàng, thành-thử Lâm-ấp và Quảng-ngãi cận-thuộc về Việt-thường. Nhưng về thời-đại ấy đất nhiều người ít, đường-sá chưa mở-mang, đi lại trăm bề không tiện, và lại nhân-trí còn dã-man, nên họ Hồng-bàng chẳng qua chỉ có một cái tiếng thống-trị thôi. Song đó là kẻ làm sách theo lý-lẽ mà đoán, còn sự thật thế nào, sách vở mù-tăm không bàn đến, mà chính lúc ấy nước ta còn nằm về thời-kỳ nghi-sử, chép những truyện hoang-đường, nên không lấy gì làm căn-cứ mà quyết là trái hay phải.

Ta thử xem hình-thế nước Lâm-ấp lúc bấy giờ ra thế nào? Chỉ là một dải đất dài dằng-dặc, bên thời núi, bên thời bể, tuy rằng có gió mùa thổi lan khắp cả, nhưng khí-hậu mỗi nơi một khác. Rừng rú rậm-uất, sông núi eo hiểm. Dẫy núi Hoành-sơn đâm nhánh ra phía đông đến tận bể, làm thành kho-hộc, ngăn-trở sự giao-thông. Các con sông cũng vì địa-thế chật-hẹp ấy mà rất ngắn-ngủi, đến mùa mưa thì nhảy tràn lên, thành ra bấy nhiêu suối, bấy nhiêu thác. Cũng vì địa-thế ấy nên dân thường ở dọc theo bờ biển, tuy có nhiều chỗ gành đá treo-leo không làm gì được, mà cũng có chỗ thấp sủng phì-nhiêu như gần các hải-khẩu. Thổ-dân tính-chất hiền-lành yêm-tĩnh, ở bên nước Văn-lang mà không thấy đánh phá bao giờ. Tiếc thay không được biết rõ nguồn gốc và cách sinh-hoạt của dân ấy. Vả lại chẳng bao lâu vì ngọn lửa chiến-tranh mà cuộc thế chuyển truyền mà dân-tộc ấy phải tiêu-diệt, một dân-tộc khác thế vào gọi là người Chàm. Họ Hồng-bàng suy-mạt, nhà Thục giành ngôi, năm thứ 33 niên-hiệu Tần Thủy-hoàng (214 trước kỷ-nguyên), vua Tàu mới sai Triệu Đà đánh lấy đất Lĩnh-nam, chia làm ba quận: Nam-hải, Quế-lâm và Tượng-quận. Tượng-quận là đất Giao-chỉ, tức là miền Trung-châu sông Nhĩ-hà, sông Thái-bình và gồm cả tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Lâm-ấp gồm cả địa-phận Quảng-ngãi cận thuộc về Tượng-quận.

Sau Triệu Đà đánh lấy luôn đất Âu-lạc của nhà Thục, nhập vào mấy quận nói trên làm thành nước Việt-Nam, rồi năm 206 trước kỷ-nguyên đem quân đánh Lâm-ấp, lấy đến Đà-nẵng (*Tourane*) bây giờ.

Khi Triệu Đà cường-thịnh thì vua Tàu Hán Cao-đế nhận cho tự lập và phong tước An-Nam quốc-vương. Nhưng đến năm 111 trước kỷ-nguyên, họ Triệu suy-đồi trong nước nội-loạn, vua Tàu Hán Võ-đế lại sai tướng Lộ-bác-đức đánh lấy nước Nam chia làm chín quận, mà quận cuối cùng là Nhật-nam gồm các miền nam Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ bây giờ. Bản-tịch Lâm-ấp và Quảng-ngãi cứ giữ nội-thuộc về Tàu, nhưng về phương-diện chính-trị lại cận thuộc về Nhật-nam. Từ ấy về sau Quảng-ngãi cũng đồng một lịch-sử với Lâm-ấp, nên mỗi khi dùng chữ Lâm-ấp là có gồm Quảng-ngãi cũng đồng một lịch-sử với Lâm-ấp, nên mỗi khi dùng chữ Lâm-ấp là có gồm Quảng-ngãi vào nữa.

Từ năm 206 trước kỷ-nguyên là khi Triệu Đà chinh-phục Lâm-ấp, đến bảy-mươi tám-mươi năm sau kỷ-nguyên, vì thổ-dân ưa tĩnh, nên Lâm-ấp được yên-ổn và tránh được cái nạn chiến-tranh, vua Tàu không cần phải sai quan cai-trị, nhưng độ 80 năm về sau, dân Lâm-ấp lại hung-hãn, hay đánh phá Nhật-nam và có khi dám ghe đến Quảng-đông mà cướp nữa, thành-thử đến năm 102 sau

kỷ-nguyên, vua Tàu Hán Hòa-đế phải đặt một quan Tướng-binh Trưởng-Sử ở huyện Tượng-lâm là nam-giới của Nhật-nam. Từ ấy các quan Cai-trị đều rất hung-dữ để trị loạn, nhưng chẳng hiệu-quả gì. Đến năm 137. Khu-Liên người Tượng-lâm đánh quận huyện giết Trưởng-Sử, tự lập làm vua nước Lâm-ấp, rồi thì cứ đem quân đánh phá các miền bắc mãi.

Lịch-sử Lâm-ấp về phương-diện chiến-tranh đối với dân ta khởi đầu từ đấy.

Nhưng đến đây ta xin đánh một cái dấu hỏi. Vì sao khi trước dân Lâm-ấp là êm-thắm, mà nay lại sinh ra phá-tán, cướp bóc, nguyên do bởi đâu. Không thể theo luật tự-nhiên mà giải rõ được. Chỉ có một cách trả lời là lúc bấy giờ nước Lâm-ấp không phải người thổ-trước ở nữa, hay là thổ-dân ấy đã bị một dân-tộc hung-hãn đánh đuổi đi lên các miền núi rồi.

Mà dân-tộc mới này là ai ? ở đâu đến, và đến lúc nào ?

Tác-giả (Vô-danh) một quyển *Nam-sử* chép rằng: Mấy trăm năm về trước kỷ-nguyên, miền Trung-châu sông Cửu-long tức là Cao-man bây giờ có người Chàm ở. Sau cứ theo lịch-sử chép về các vua xưa Cao-miên thời năm 289 trước kỷ-nguyên, vua Chàm Aschay bị người Khmers là ông bà người Cao-miên bây giờ, đánh lấy mất nước Chân-lạp (Cao-miên) thành-thử người Chàm phải tràn qua phía đông-nam, rồi theo bờ bể mà tràn mãi ra phía bắc khắp các tỉnh trung-nam Trung-kỳ bây giờ, lần lần đến nam-giới Nhật-nam là huyện Tượng-quận nói trên.

Sử sách không chép đến khi nào, nhưng có thể phỏng-đoán trong thế-kỷ đầu, sau kỷ-nguyên sau khi Triệu Đà chinh-phục Lâm-ấp, vì là nếu người Chàm đến trước Triệu Đà thì Triệu Đà khó nỗi dẹp yên được Lâm-ấp, và ít nữa sử sách cũng chép rằng khó-khăn, hay cũng tặng cho Triệu Đà một vài thuật-phép gì mới thắng nổi ; và trước vua Hòa-đế là vì các vua trước Hòa-đế đã phải đánh dẹp nước Lâm-ấp rồi.

Các vua nối-nghiệp Khu-Liên cứ xâm-phá Nhật-nam mãi, đến năm 220 sau kỷ-nguyên, nhân nhà Hán suy-đồi và Tam-quốc chiến-tranh, người Chàm nổi lên cõi Lâm-ấp khỏi cái ách nội-thuộc nước Tàu. Vua Tàu bèn cắt quận Nhật-nam phía bắc núi Hoành-sơn thuộc về Tàu, còn từ Quảng-bình dẫn vào phía nam Trung-kỳ đến các tỉnh phía bắc Nam-kỳ bây giờ thì thuộc về đất Lâm-ấp, lấy núi Hoành-sơn làm giới-hạn. Thế thì trong cái thời-đại mà dân thổ-trước Lâm-ấp còn thuộc về Việt-thường thì tỉnh Quảng-ngãi này làm một cái khu-vực phía bắc của Lâm-ấp. Đến khi người Chàm đã chiếm Lâm-ấp, mà vua Tàu cắt đất giao cho, thì tỉnh Quảng-ngãi này thành ra Trung-tâm nước Lâm-ấp của người Chàm.

Từ ấy trong một thời-gian khá dài, đất nước Lâm-ấp sẽ làm chiến-trường cho sự xung-đột kịch-liệt của người Nam và người Chàm, xung-đột cần-thiết vì cuộc sinh-tồn, xung-đột dữ-dội đến nỗi phe thất-bại gần bị tiêu-diệt hết không còn tên trên lịch-sử của dân-tộc. Người Chàm thất-bại nhiều lần mà cứ vẫn không chịu ở yên, mỗi lần thua về tức thì sắp-sửa quân lính đánh lại.

Năm 353, Thứ-sử Giao-châu Nguyễn Phụ đánh đuổi vua Chàm Phạm Phất lấy được nhiều thành-phố, nhưng ít năm sau người Chàm lại tràn ra đất Nhật-nam và Cửu-chân cướp phá.

Năm 420, Thứ-sử Đỗ Tuệ-Độ đại-phá, chém giết và bắt cống-hiến nặng. Năm 433 vua Chàm Phạm Dương-Mại lại xâm-chiếm đất Nhật-nam và Cửu-chân rồi sai sứ sang Tống xin cai-trị Giao-châu, Tống không cho, nên đánh phá càng dữ-dội hơn nữa. Vua Tàu mới sai Đàn Hòa-Chi đánh đuổi Dương-Mại lấy được nhiều vàng bạc và ngọc báu. Người Chàm đại-

bại phải yên-tĩnh mà mang cái ách nội-thuộc nước Tàu, đến năm 605 khởi lại mới bị Lưu Phương đánh phá.

Năm 606 Lưu Phương tướng nhà Tùy bình được nước Nam rồi, sang đánh Lâm-ấp, vua Chàm Phạm Phàn-Chi đem binh kháng-cự. Lưu Phương bèn sai đào nhiều hầm sâu, trên lấy cỏ và nhánh cây tủ lại, rồi sai quân đánh giả thua chạy về ; người Chàm lầm mưu đuổi theo, voi sụt hầm té xuống lôi theo nhiều binh tướng, người Tàu chém giết đến hàng vạn và đuổi Phạm Phàn-Chi đến tận Kinh-đô, đánh trận ấy rồi về giữa đường Lưu Phương thụ bệnh mà chết, Phạm Phàn-Chi biết thế-lực nước Tàu cường-thịnh chống-cự không nổi, bèn nghĩ nên làm bạn hơn là làm thù-nghịch, mới xin dâng sớ tâu nhà Đường thực-hành bảo-hộ và xin cống-hiến thường-niên. Từ trận thất-bại ấy người Chàm phải nhớm thoái về phía nam, còn người An-Nam thì lần lần man theo bờ bể mà tràn đến Đà-nẵng (Tourane) bây giờ.

Người Tàu đặt nước Nam làm An-Nam Đô-hộ-phủ lấy tỉnh Quảng-nam bây giờ làm man-giới, rồi đặt Quảng-nam làm Nông-châu, sau cải làm Hải-âm-quận ; Quảng-ngãi bấy giờ phải lệ-thuộc về Quảng-nam tức là Nông-châu Hải-âm-quận, sau đến nhà Tùy năm 806 lại thuộc về Sơn-châu. Phạm Phàn-Chi chết, Chư-Cát Địa cải tên Lâm-ấp làm nước Hoàn-vương. Chàm cống-hiến cho Tàu đến năm 808, rồi khởi lên thi-hành thủ-đoạn cũ, đánh phá xâm-lấn hai châu Hoan và Ái, tức là Thanh Nghệ bây giờ. Người An-Nam đương cày bừa yên-tĩnh mà bị đánh bất-ngờ như vậy, nên phải chạy cả, thành-thử người Chàm kéo thẳng ra La-thành rồi hạ thành không cần phải tốn một mũi tên. Nhưng sau người An-Nam hồi-ngộ lại mà hiệp nhau kháng-cự. Trong năm 808 quan Đô-hộ Trương Chu đem quân đánh nhiều trận kịch-liệt, sau người Chàm thua bị giết hết nhiều và bị đuổi phải dời kinh-đô vào nam và cải tên nước làm Chiêm-thành, từ ấy Quảng-ngãi mới thực làm căn-cứ cho người Chàm. Người Chàm mới xây thành đắp lũy để phòng-ngự, đắp động Cổ-lũy và xây thành Châu-sa. Nay ở hai làng ấy hiện còn di-tích rõ-ràng ; hình như thành Châu-sa làm lỵ-sở, còn động Cổ-lũy ở phía trước, bên kia sông, ngang cửa bể hình như để làm cái đồn ngự giặc. Quảng-ngãi và Quảng-nam đều làm đất của động Cổ-lũy, lần này Quảng-nam lại thuộc về Quảng-ngãi.

Nhưng chúng nó đã chịu ở yên đó đâu. Trong các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê cứ làm giặc mãi cho đến kỳ-cùng, nghĩa là đến lúc vì chiến-tranh mà phải gần tiêu-diệt hết và không thể làm giặc nữa mới thôi.

Năm 984 người Chàm bắt sứ An-Nam, vua Lê Đại-Hành sai quân đánh tận kinh-đô Chàm là Chà-bàn ở Bình-định, dẫy cả thành-trì cầm bắt nhiều tù ; sau người Chàm phải cống-hiến.

Kế đến đời Lý, phải ba lần đề-binh : lần đầu năm 1044 do vua Thái-tôn cầm quân đánh phá tan hết và bắt vua Chàm là Sạ-Đẩu ; lần thứ hai năm 1069 do vua Thánh-tôn cầm quân, sau trận này người Chàm phải nhượng hai tỉnh Quảng-bình và Quảng-trị.

Lần thứ ba năm 1104 đời vua Nhân-tôn, đại-tướng Lý Thường-Kiệt đánh bắt được vua Chàm là Chế Củ, người Chàm phải ở yên một chỗ.

Qua đến đời Trần, ban đầu nhà Trần còn cường-thịnh, chúng nó chưa dám động đậy. Năm 1306 vua Trần Anh-tôn lại gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chàm nữa, nên người Chàm mới cắt hai châu Ô, Lý (tức là Thừa-thiên bây giờ) nhượng cho An-Nam, chỉ còn giữ Quảng-nam, Quảng-ngãi vào nam. Từ đấy Quảng-nam, Quảng-ngãi thành ra bắc-bỉ của nước Chiêm-thành, mà có lẽ địa-giới Chiêm-thành giáp với Thuận-hóa ở về sông Chợ-củi tỉnh Quảng-nam, vì xem

trong quyển « *Phương-đình địa-chí* » phủ Điện-bàn thuộc về Thuận-hóa. Đến năm sau vua cải hai châu ấy làm hai châu Thuận, Hóa rồi mang ông Đoàn Nhữ-Hài sang trú dụ dân.

Năm 1311 vua Anh-tôn thân-chính Chiêm-thành bắt được vua Chàm là Chế Chí. Kể từ đời vua Dụ-tôn về sau, nhà Trần suy-đồi, Chiêm-thành lại khởi lên làm giặc, khi thì đánh phá hai châu Thuận, Hóa, khi thì ra đến Thanh-hóa Nghệ-an mà cướp bóc. Năm 1390, vua Thuận-tôn sai Trần Khát-Chân đánh giết chúa Chế Bồng-Nga tại trận. Kế đến đời Hồ Hán - Thương con Quí-Ly, sai Đỗ Mãn đánh phá Chiêm-thành phải nhượng động Cồ-lũy.

Hồ Hán-Thương chia động Cồ-lũy làm bốn châu, hai châu Thăng, Ba về Quảng-nam, và hai châu Tư, Nghĩa về Quảng-ngãi, rồi lại chia hai châu này làm năm huyện, châu Tư hai : Trì-bình và Bạch-ô ; châu Nghĩa ba : Nghĩa-thuần, Nga-bôi và Khê-cẩm, cũng trong năm ấy, nhà Hồ đắp đường thiên-lý từ Tây-đô (Thanh-hóa) đến châu Hóa, rồi năm sau thiên dân vào Thăng-ba.

Năm 1414 nhà Minh sai Trương Phụ đem quân Tầu đánh lấy nước Nam rồi cướp luôn Chiêm-thành. Đồng với nước ta Chiêm-thành (Quảng-ngãi) lại phải nội-thuộc về Tàu trong 13 năm. Tàu bắt Quảng-ngãi lệ thuộc về Thăng-ba, nhưng thật ra đất nước cứ vẫn làm căn-cứ của người Chàm, Tàu chỉ giữ cái hư-danh mà thôi.

Năm 1418 Lê Lợi khởi-nghĩa Lam-sơn, đến năm 1427 mới đánh đuổi người Tàu ra khỏi đất nước An-Nam. Nước Chiêm-thành cũng nhờ đó mà thoát khỏi cái ách nội-thuộc về Tàu. Năm ấy vua Chàm sang cống. Nhưng cống đó rồi đánh cướp đó không chừng, nên năm 1445 vua Lê Nhân-tôn sai tướng Lê Thụ, Lê Khả và Lê Khắc-Phục đánh hạ Chà-bàn là Kinh-đô Chàm và bắt được chúa nó là Bí-Cai. Từ ấy Quảng-nam Quảng-ngãi làm đất « ky-lữ » nghĩa là đất mà người mình giàng buộc để dành đó, đợi khi nào cường-thịnh có thể quyết-bại người Chàm và đuổi hẳn đi được mới sai quân chiếm-cứ.

Đến triều vua Lê Thánh-tôn Chiêm-thành nội-loạn, Trà Duyệt người Thi-nai giết chúa nó là Bí-Điền, cướp nước rồi truyền cho em nó là Trà-Toàn. Nhưng Trà-Toàn là con người dâm-bạo, người Chiêm phẫn cả, vả lại không sang cống, còn sai sứ đến thời nó lại mắng nhiếc xỉ-mạ, rồi lại nói dối với Tàu xin quân cầu-viện để làm giặc, các biên-giới cứ bị đánh cướp mãi. Tháng ba năm quang-thuận thứ hai (1469) Trà-Toàn man theo bờ bể lên đánh Hóa-châu, kế đến năm sau trong tháng tám, tự đem quân xâm chiếm châu ấy. Vua Lê Thánh-tôn sắp sửa binh-bị, bắt làm kho trữ lương, rồi sai sứ sang Tàu cáo trước rằng sẽ đi đánh dẹp Chiêm-thành và giải rõ nguyên-do, vì người Chàm cứ xâm-chiếm biên-giới mãi. Đến ngày mồng 6 tháng 11 vua tuyên-cáo cho người Chàm rằng : « Một tháng nữa thiên-hạ sẽ thái-bình, giờ lâm-chung của các người đã đến ».

Ngày 16 tháng 11, khởi 150.000 binh đi. Nhân có mưa phùn gió bấc, quan Tư-thiên-giám tâu rằng : Mưa gió để cho quân mát-mẻ, thật là một điềm tốt, vua mới đặt câu thơ rằng :

Bách vạn sư-đồ viễn khải hành,
百 萬 師 徒 遠 啓 行
Bồng môn xao vũ tác quân thanh.
蓬 門 敲 雨 作 軍 聲

Nghĩa là :

Sư-đồ muôn dặm đi xa,
Tiếng mưa sầm-sụt giúp hòa tiếng quân.

Ngày mồng 6 tháng chạp đến núi Thiết (Nghệ-an) hiệp với toán thủy-quân tiền-đạo mười vạn người rồi thẳng vào Nam, đến ngày 18, đến địa-phận Chiêm-thành.

Ngày mồng 2 tết năm Hồng-đức thứ hai, tiến quân tới cửa Tam-yềm và Cửu-tọa (Quảng-nam), ngày đầu tháng 2, Trà-Toàn sai em đem năm ngàn tượng-quân lấn đánh. Nghe tin ấy vua sai ba toán quân vào cửa Sa-kỳ (Quảng-ngãi) để đón đàng, một toán khác đem lục-quân lên miền Thượng-du, còn vua thì đổ lên bộ, đánh trống phất cờ, tiến 7.000 quân lính vì người Chàm chạy về kinh-đô (Chà-bàn). Chạy đến Sa-kỳ, bị quân An-Nam phục ở đó áp đánh, hoảng-hốt chạy lên núi ; đến núi lại cũng gặp quân An-Nam ở đó nữa, còn phần thì vua Thánh-tôn vi sau lưng nên tản hết. Trà-Toàn sợ-hãi xin hàng, mà vua không nghe cứ tiến mãi, đến ngày 29 tháng hai đến Chà-bàn bao vây, rồi ngày mai (mồng 1 tháng 3) đánh phá. Người An-Nam vào đánh giết sáu vạn người Chàm và cầm tù ba vạn. Còn Trà-Toàn thì bị bắt rồi chở ghe đem về Bắc, giữa đường sợ-hãi thụ-bệnh mà chết.

Vua lấy mấy tỉnh phía bắc Chiêm-thành từ Quảng-nam đến Phú-yên làm đạo Quảng-nam nhập vào nước ta, từ ấy Quảng-ngãi mới thành đất nước người An-Nam. Trước nói tỉnh Quảng-ngãi gồm hai châu Tư và Nghĩa, nay hai châu ấy lại thúc-nhập làm phủ Tư-nghĩa, lại chia làm ba huyện : Nghĩa-giang, Bình-sơn và Mộ-đức, lệ Quảng-nam thừa-tuyên.

Tục truyền rằng khi ấy lấy thành Châu-sa làm ly-sở, ngày nay tại đình làng Châu-sa còn giữ các triều-phục, xưng là của các quan đời Lê.

Lúc bấy giờ tỉnh Quảng-ngãi ít người ở và nhiều đất hoang, vì trước người Chàm ở, tính hiếu-chiến hơn im tĩnh, ưa ăn cướp hơn cày cấy, nên chẳng khai-phá gì. Thành thử khi thu-phục xong rồi, vua Lê Thánh-tôn trước hết lo việc thực-dân và khai-phá sản-vật. Một bên thời vua khiến ông quan đầu tiên Quảng-ngãi là Lê Ý-Đà mộ dân Bắc-kỳ đem vào khai-phá; một bên thì mấy mươi vạn quân lính đem theo đánh giặc, đánh giặc xong đều đóng ở lại lập đồn-điền khai-khẩn.

Cách khai-khẩn của ông bà ta thiệt là khôn-khéo, lính đánh giặc đi trước, vợ con gồng gánh theo sau, lấy được đâu chiếm-cứ đó làm căn-bản đó, còn các quan đi trấn thì đem vợ con đầy tớ đi theo, làm nhà cửa, sinh-trưởng ở đó. Mục-đích nhà nước là để khuếch-trương ruộng đất và khuyến-khích nhân-dân yêu-mến, quyến-luyến đất nước mới lạ này để cho xa quê hương mà vui lòng cày cấy làm ăn, nên mỗi người đều được quyền tự-do muốn vỡ phá đâu thời phá, chỉ trình lên quan trên một tiếng là đủ ; mà khi trưng-khẩn không cần phải đo rộng hẹp là bao nhiêu, khai phá năm ba năm thành điền mới trước tịch nộp thuế. Một vài năm đầu Nhà-nước còn cấp lương giúp sức cho, còn sau thời tự mình phải tìm phương-kế mà doanh-sinh.

Nhưng các dân mới ấy hoặc là có tính mạo-hiểm lìa quê hương đất tổ mà quyết đem thân gửi nơi rừng rậm, hay là đã từng-trải đầu tên mũi đạn, tắm gội gian-nan, thời hai con người ấy cực-khổ gì mà không chịu nổi, đem cái chí kinh-doanh đã giàu sẵn trồng nơi đất tốt mới-mẻ này, chẳng bao lâu mà đâm nhánh nứt chồi mở rộng ruộng đất, đắp ao đầm, phát rừng rú làm nhà cửa tụ-tập thành làng, thật Nhà-nước chẳng tốn chút công-lao, mà khi nào có giặc-giã cũng có thể bỏ cái cày ra cầm cái giáo gìn-giữ nước non.

II. — Bản-triều

Năm 1558 đức Gia-dụ hoàng-đế vào trấn Thuận-hóa. Đến năm 1570 vua Lê rút quan cai-trị đạo Quảng-nam về bắc, Quảng-nam, Quảng-ngãi đều thuộc về Bản-triều. Năm 1602 mới đặt tên là Quảng-ngãi-phủ (nguyên trước là Tư-nghĩa-phủ) và đặt quan Tuần-Vũ cai-trị, nhưng còn đương lệ-thuộc về Quảng-nam dinh, lúc bấy giờ ông Hoàng thứ sáu làm

Trấn-thủ Quảng-nam. Năm mậu-tí (1648) quân Trịnh đánh phá Quảng-bình, Bổn-triều đuổi bắt được 30.000 quân lính, bèn đem chia ở, từ địa-đầu Quảng-nam bây giờ vào nam, 50 người làm một ấp ở dọc theo bờ bể nhà liền kế nhau, cấp cho lương nửa năm, còn thì hái củi, làm cá, cày cấy làm ăn, khi ấy lại khai phá thêm ra như ở đời Lê, sau mới trước vào bạ để chịu thuế.

Từ năm 1773 đến 1802 Tây-sơn chiếm-cứ cải tên làm Hòa-nghĩa phủ-Lưu, đức Thế-tổ (Gia-long) thu-phục đất đai lại đổi làm Quảng-ngãi-dinh, thiết quan lưu thủ cai-trị, một quan Cai-bộ (Bố-chính bây giờ) coi về việc hộ và một quan Ký-lục (Án-sát) coi việc hình. Đến năm 1808, cải dinh làm trấn, năm 1811 cải chức Lưu-thủ làm Trấn-thủ Niên-hiệu Minh-mệnh (1826), chức Cai-bộ và Ký-lục đổi làm Hiệp-trấn và Tham-trấn.

Năm 1832 mới đặt tên là Quảng-ngãi tỉnh, phân thiết tỉnh hạt và đặt chức Bố-chính Án-sát thế Hiệp-trấn và Tham-trấn, cứ vẫn thuộc về Quảng-nam. Từ ấy đến năm 1899, tỉnh này đều do quan Bố-chính và quan Án-sát cai-trị. Rồi đến năm 1834 lại cải tên làm Nam-trực tỉnh.

Đến năm 1884, cũng đồng với nước An-Nam ta, tỉnh Quảng-ngãi phải thuộc về Bảo-hộ.

Bấy giờ Quảng-ngãi chỉ có một phủ Tư-nghĩa với hai huyện Bình-sơn và Mộ-đức.

Năm 1890 Thành-thái thứ 2, trên miền Thượng-du thiết lập ba châu : Sơn-tịnh Nghĩa-hành và Đức-phổ, thuộc về Nghĩa-định Sơn-phòng.

Đến năm 1899, Thành-thái thứ 11, triệt bỏ Sơn-phòng, lập ba đồn trị Mọi, Còn mấy tổng An-Nam nguyên trước thuộc về ba châu ấy trích ra nhập với các tổng thượng-bạn, ba hạt Bình-sơn Tư-nghĩa và Mộ-đức cải ba huyện :

1.— Huyện Sơn-tịnh gồm có hai tổng : Tịnh-thượng và Tịnh-trung, do lấy 54 xã của ba tổng Bình-thượng, Bình-trung và Bình-hạ. Huyện Bình-sơn hiệp với các làng An-Nam châu Sơn-tịnh, sau thêm hai tổng nữa là bốn tổng.

2.— Huyện Nghĩa-hành gồm có hai tổng : Hành-thượng và Hành-trung đều lấy của phủ Tư-nghĩa hiệp với các làng An-Nam châu Nghĩa-hành, sau thêm một tổng nữa là ba tổng bây giờ.

3.— Huyện Đức-phổ gồm có ba tổng : Cảm-đức Qui-đức và Lại-đức đều lấy của Huyện Mộ-đức hiệp với các làng An-Nam châu Đức-phổ.

Mỗi huyện có đặt một tri-huyện, thuộc quyền quan tỉnh cũng năm ấy giảm chức Bố-chính đặt chức Tuần-vũ.

Tên các quan Tuần-vũ từ ngày ấy đến nay là :

Huỳnh Côn	*Thành-thái*
Nguyễn Xuân-Triêm	—
Lê Từ	*Duy-tân*
Nguyễn Xuân-Triêm	—
Đoàn Đình-Duyệt	—
Từ-Thiệp	—
Trần Tiễn-Hối	*Duy-tân, Khải-định*
Trần Đình-Bá	*Khải-định*
Đặng Ngọc-Oanh	—
Nguyễn Đình-Hiến	—
Tôn-thất Chữ	—
Phạm Liệu	*Bảo-đại*
Ngô Đình-Khôi	—

(*Còn nữa*)

HÁT TUỒNG

VĂN-PHÒNG TỨ BẢO

HỒI THỨ NHẤT

Thừa Tống-chúa xuân-khoa ứng thí
承宋主春科應試
Phụng tiên-sư đồ-đệ giáng trần
奉仙師徒弟降塵

Minh-Châu bạch :

Sông Ngưu trổ thụy; non Thái trình điềm. Chúa Nghiêu Thuấn áo xiêm; tôi Cao Quì cài dải. Sinh gặp đời Tống Thái; mỗ biểu-tự Minh-Châu. Chăn dân đen cha dự công-hầu; đeo ấn đỏ vua phong thượng-lại. Như tôi: Muốn dục tri học-hải; phải hết sức công thư. Thừa nghiêm-thân lời dạy chẳng ngơ; tầm sư-trưởng gắng tau theo học. Ra công bừa gai-góc; mới thấy đặng cao xanh. Hề! Bút nghiên mau khá sắm-sanh; thầy tớ kíp tua dời gót, con ạ.

Nam xướng :

Kíp tua dời gót,
Thẳng dặm hòe mấy khúc quanh-co.

Con đi cùng cậu biết lý bất chi cho vui con?

Hề nói :

Thưa cậu, lời ngạn có nói rằng: « Gần mực thì đen; gần đèn thì sáng ». Trên cậu dầu biết đặng mười phân; dưới tôi cũng thông vài ba lẽ.

Nam xướng :

Sâu thì vén cạn thì dò,
Ngày đua tấc dạ đêm mò đèn trăng.

Minh-Châu nam xướng :

Tới con: Ra công săn-sóc nghề văn,
Âu Tô Đồng Giả lăm bằng hiền xưa.
Đoái nhìn bóng ác đã trưa,
Trông chừng Lộc-động dấu xưa hầu gần.

(*Hạ*)

Mai-Trang nói :

Như mụ, Quê ngụ chốn Dương-xuân; tự Mai-Trang là mụ. Phận đói khó lo bề lam-lũ; chữ giàu sang khó nỗi ước mơ. Chồng về quê bỏ mụ bơ-vơ; trẻ còn dại không cha dạy dỗ. Con! Mẹ vài lời thổ-lộ; con tua khá thuận tòng. Nghe đạo-nhân ở chốn lĩnh-cung; khuyên ấu-tử học đường kinh-sử, nghe con.

Hàn-Tùng nói :

Thưa mẹ, Hễ đứng làm nam-tử; phải lo chữ sự sinh. Nếu mà lo công toại danh thành; chẳng khuất chữ thần-hôn định tỉnh. Mà chi cho bằng: Lòng thương mẹ thêm vì thêm kính; ở với con bữa cháo bữa rau. Lo phải học cung-dâu; chăng mất chưng tình thảo.

Mai-Trang nói:

Con, Mẹ đã đủ bề tần-tảo; con nên giữ đạo trác-ma. Dù mà danh chiếm khôi-khoa; chăng trổ tài cao thủ-đoạn, chăng con.

Hàn-Tùng nói :

Dạ, trên mẹ đã cạn lời phân-đoán; dưới con đà thấu lẽ cơ-quan. Chịu lời vàng mấy tiếng mẹ truyền; ghi dạ ngọc nghìn năm con giữ.

Nam xướng :

Nghìn năm con giữ,
Lạy mẹ già ấu-tử dời chân.

Mai-Trang nói :

Con: Thiếu tiểu tu cần học 少小須勤學; văn-chương khả trí thân 文章可致身. Mãn triều chu tử quí 滿朝朱紫貴; tận thị độc thư nhân 盡是讀書人, chăng con.

Nam xướng :

Mấy lời đã dạy ân-cần,
Đoạn-cơ giáo-tử sánh gần người xưa.

Hàn-Tùng nam xướng :

Đáng lẽ hồ phận ngây thơ,
Phận con cam lỗi sớm trưa phụng thờ.

Mai-Trang nam-xướng :

Như mẹ là : Chi sờn ngày nắng đêm mưa,
Con nghe mẹ dặn : Ao nghiên hết sức cày bừa gắng công.

(*Hạ*)

Hàn-Tùng nói :

Đoái nhà li quạnh-quẽ băn-khoăn ; chi nữa, âu là : nương trường-ốc bôn-ba vượt dặm.

Nam-xướng :

Bôn-ba vượt dặm,
Cám mẫu-từ lắm-cắm nhà đơn.
Mảng còn lo nỗi thiệt hơn,
Rối người buộc tóc vì trang đàm đùi.
Chí lăm bến thánh chau giồi,
Rồng mây có thuở nức mùi văn-phong.

(*Hạ*)

Truyền hạch-quân nói :

Chư tỉnh, chư hạt, chư huyện, chư châu, nghe ta dặn : Ngã phụng mệnh triều ban 我奉命朝頒 ; sắc văn truyền nội-quốc 敕文傳內國. Tư-hữu Thánh-hoàng đăng thọ-vực 茲有聖皇登壽域 ; truyền nhân-dân tam dạ trương đăng 傳人民三夜張燈. Khả tuân thử trát-văn 可遵此札文 ; chớ sai chưng điều-lệ. (*Hạ*).

Xã Khế nói :

Như ta : Mĩ-tự xưng xã Khế ; chính quán tại rạch Chanh. Việc bua-quan ăn nói lợi-lanh ; nộp thuế-khóa cũng đà thanh-thỏa. Có việc chi mà lại quên ! Ờ phải : Rầy có trát truyền cho các xã ; phải rao ra các ấp đặng hay. Vậy thì đánh mõ lên trùm trưởng chạy ngay, nó lĩnh trát phát cho các ấp.

Trùm Bầu trưởng Bi cùng nói :

Thưa cậu : Mõ đánh không hồi không chặp ; chúng tôi trưởng Bi trùm Bầu, đây.

Xã Khế nói :

Trùm trưởng đó sao hay ? Hay có nghe việc chi hay không ? Rầy có trát truyền cho các xã, nên tin ra mấy ấp đặng hay. Rằng vạn-thọ đến ngày ; phải ba đêm đèn đốt. Hỏi tới việc quan cứ nói không nghe hoài ?

Trùm trưởng cùng nói :

Thưa cậu, chúng tôi rao các ấp đã rồi.

Xã Khế nói :

Ừ, trùm trưởng ơi ! Cảnh châu-thành rất tốt ; nơi thị-phố thêm xuê. Như tao là : Muốn cho sung-sướng đủ bề ; thì tới đó ăn chơi cho toại, mà thôi.

Trùm trưởng xã nói :

Khứ khứ hè !

Nam xướng :

Tới đó ăn chơi cho toại.
Tớ thử liều trải chốn phồn-hoa.
Đêm thanh đèn đốt sáng lòe.
Lầu cao rực-rỡ mấy tòa ngói to.
Lao sao kẻ nói người phô.
Đường ra Tây-cống nẻo vô châu-thành.

Trưởng Bi nói :

Vui thiệt, trên ni là cầu sắt cầu đinh ; dưới nọ thật cầu tre cầu khỉ. Đèn chói lọi có hơi dầu khí, đường thẳng băng mặc sức xe đua.

Trùm Bầu nói :

Còn nhiều vật lạ nữa mà : Đất trong Kinh chở có xe vua, cầu bên lộ có cây song ngáng. Trưởng, mi có thấy : Khói tàu chạy giáp ngày giáp tháng ; xe lửa đi như gió như mưa. Mặc dầu đi sớm về trưa, đã có quán cơm hàng nước.

Xã Khế nói :

Trùm trưởng ơi ! Ngại nỗi không tiền không bạc ; thiếu chi miếng ngọt miếng ngon.

Trưởng Bi nói :

Trên ni lập thổ-chủ làm chi nhiều chốn vậy a cậu ?

Xã Khế nói :

Chú trưởng dại quái ! Mấy chỗ đó là nhà tiêu đó mà.

Trưởng Bi nói :

Chỗ ni ông vua, phải không cậu ? Nam lâu một cảnh kiều-nghiêu ; bắc-điện bốn phương cung điện. Phải chỗ lâu-dài ông vua không cậu ?

Xã Khế nói :

Chỗ này là dinh quan Đốc đó mà, Trước mặt ngẫm đà hảo-cảnh ; trong lòng không vật điểm-tâm. Trên Mĩ-nam thì mằn-thắn cơm chăm ; dưới Hàng-cái thì bánh mì rượu chát. Sớm thì qua rạp hát ; tối tới xóm lồng đèn. Có nhiều bạc leng-keng, mới ra tuồng chém-lém.

Thượng-lại nói :

Như ta : Thượng-lại triều-trung nãi chức 上吏朝中乃職 ; minh-công các-hạ hiển danh 明公閣下顯名. Nhĩ hà nức tiếng oai-linh ; triều quận vinh-danh kinh-tế. Như lão nay : Một trai dạy học Thi học Lễ ; một gái thì nữ-hạnh nữ-công. Trâm-anh rỡ tiếng môn-phong ; phiệt-duyệt lòe danh thế-tộc. Thời như lão nay : Chung đỉnh đã ba đời thực-lộc ; trung trinh dư mấy kỷ huân-thần. Đã vào bậc gác lân, chăng tốt trang phụ phượng. Nay Thánh-hoàng lễ trọng ; khánh-tế chẳng dám khinh. Sửa mũ tới đan-đình ; cùng bách-quan khánh-hạ.

(*Hạ*)

Tạ Trường-Xuân nói :

Lão nay tính Tạ ; tên gọi Trường-Xuân. Dưới cũng biết thương dân ; trên cũng hay trí chúa. Ấn Tam-công sắc phó ; quyền Thượng-tướng nãi ban. Đã ghê phen xông lửa đỏ đột than đen ; lại nhiều thuở đỡ giậu thưa ngăn thành mỏng. Xa cũng biết một tay cảm-dũng ; gần có kiêng một tiếng hữu-uy. Vẻ các lân đà chói tiếng đan-trì ; vẩy trướng-phủ lại vẫn sinh hùng-mộng. Nhưng vậy mà may : Sinh một gái công dung khác chúng ; học đủ nghề thi họa gồm tài. Vườn thanh-xuân còn cửa đóng then cài ; đợi khách ngó mới tin ong sứ điệp. Nhẫn mảng gia-trung luận liệt ; phút đâu công-sự cận kỳ. Chỉnh y-cân mau tới triều-nghi ; sửa đai mũ vào hầu phượng-các.

(*Hạ*).

Lý Lâm nói :

Như ta : Thái-sư quyền bạt trạc ; mỗ biểu tự Lý-Lâm. Hại trung-thần phải dụng mưu thâm ; giết lương-tướng hằng toan thuốc độc. Như ta : Hai em đã phong quyền Đô-đốc ; một chị thì phẩm lĩnh tam cung. Dòng Lý-gia ai dám sánh cùng ; nhắm Tống-tộ hầu tranh mối nước. Ngôi chín trùng chẳng sau thì trước ; trên muôn dân chẳng kíp thì chầy. Nay đà sẵn cánh sẵn vây ; mặc sức vẽ rồng vẽ rắn. Ừ : Rày thánh-hoàng cát-đản ; dữ khanh-tể tương tùy. Sửa đai tới triều-nghi ; cùng bách-quan la bái.

Thái-tổ nói :

Hiệu xưng Tống-tổ ; chính trị vạn dân. Bá Nghiêu Thuấn chi nhân ; phế Kiệt Trụ chi chính. Tâm bác-thí thị chi do bệnh ; dân cơ hàn tự dĩ vi ưu. Tứ-di ngoại bất khoáng-phu ; bách-tính nội vô oán nữ. Tam kỳ đồng yến lạc ; ngũ tuần dĩ đáo kỳ. Nội-thị : Truyền nữ-nhạc nhất chi ; ca nam-phong sổ cú.
號稱宋祖。正治萬民。播堯舜之仁。廢桀紂之政。心博施視之猶病。民饑寒自以爲憂、四夷外不曠夫。百姓內無怨女。三圻同宴樂。五旬已到期。內侍。傳女樂一支。歌南風數句。

Ca rằng :

Hoàng-triều ngũ bách ; thánh xuất hà thanh Hải nội thăng bình ; chư dân án đổ. Gia vô bế hộ ; lộ bất thập di. Thánh thọ đáo kỳ ; thần dân hạ khánh
皇朝五百。聖出河清。海內昇平。諸民案堵。家無閉戶。路不拾遺、聖壽到期。臣民賀慶。

Vua nói :

Nội thị : Truyền trẫn tửu-lệnh ; thượng hạ đồng hoan. Sơn-trân hải-vật số bàn ; nguyên thủ cổ quăng yến hưởng 傳陳酒令。上下同歡。山珍海物数盤。元首股肱燕享。

Bách-quan cùng bắc-xướng :

Hảo tửu a : Ngưỡng mông tứ yến chước hồ tràng, khánh chúc thăng bình đế thế xương 仰蒙賜宴酌壺觴。慶祝昇平帝世昌。 Thánh trạch quảng phu, ngũ tuần lai nhi ngũ phúc chí ; thiên tâm mặc hựu, bát thiên xuân hề bát thiên thu 聖澤廣敷。五旬來而五福至。天心默佑。八千春兮八千秋。

Nữ-nhạc ca.

Nội ngoại ca cù, lê-dân kích nhưỡng. Tiên ban tửu lượng, chước đãi diên liêu. Quân thị Thuấn Nghiêu, thần giai Tiết Tắc. Nhất tâm nhất đức, thị thánh thị thần. Đế-thế như xuân, hoàng-đồ củng-cố 內外歌衢。黎民擊壤。先頒酒量。酌待筵僚。君是舜堯。臣皆契稷。一心一德。是聖是臣。帝世如春。皇圖鞏固。

Vua nói :

Trong đã yên bảo-tộ ; ngoài lại vững phong-cương. Quân thần cộng lạc nhất đường ; ngư thủy duyên hài thiên tải. Long-các quả-nhân trở lại ; lan-đình khanh-đẳng lui chân.

(*Hạ*)

Từ-Thức nói :

Mảng vui chốn cao-sơn ; đã quên về thạch-động rồi con, vậy thì. mau mau ruổi ruổi, trở lại thảo-đường, Con hẹ.

Phú xướng :

Vạn lý vân khai sắc tử hường ; kỳ hoa thụy thảo thập phần hương. Chi thượng điểu đề, cá cá hòa minh thôi nhã-ý ; khê-biên thủy-lộng, dương dương họa vận khoái hồ trường. Dao vọng sơn-nhai, tứ-tự vịnh ngâm vô hạn lạc ; nhiêu tha. đồng-lý, nhất thiên phong-cảnh hữu dư nhàn 萬里雲開色紫紅。奇花瑞草十分香。枝上鳥啼。个个和鳴催雅意。溪邊水弄。揚揚和韻快壺場。遙望山涯。四序詠吟無限樂。饒他洞裡。一天風景有餘閑。

Lại nói :

Nàng ta : Nương ngụ chốn sơn-trang, mĩ tự xưng Từ Thức. Văn dạy trẻ cửu-khưu bát-sách ; vũ truyền người tam-lược lục-thao. Đoán trong tay đã biết thấp cao ; lo há miệng mới tường không có. Giày lông hồng ruổi gió, gậy móng thỏ cởi trăng. Máy âm-dương đã thấu lẽ hằng ; đường sinh-tử lại thông phép nhiệm. Hàn Tùng : Hàn Tùng xá kíp, thảo-ốc dời chân. Mẹ già ở nhà thăng bệnh-sàng, mà : Số vô-thường mẹ khá khôn lường ; chữ hữu-hạnh con đà thấy mặt.

Hàn Tùng nói :

Dạ, trăm lạy thầy, nghìn lạy thầy. Mẹ dù mang bệnh ngặt ; con phải chuộc thuốc màu. Có phương-hiệu xin trao ; may tật nghèo đặng khỏi.

Từ Thức nói :

Con : Thuốc nghiệm dễ ngăn chín suối, thảo-thân khó hẹn ba năm. Cho sách thiêng một vật tay cầm, gặp cơn ngặt ba điều ước đặng.

Hàn Tùng nói :

Dạ dạ : Chịu sách nghìn vàng nghĩa nặng ; thảo thân tấc dạ nào phai. Lạy tôn-sư an tại cao-đài ; cho đệ-tử phản hồi cố-lý.

Từ-Thức nói :
Ha, con tới. (*Hạ*).

Hàn Tùng nam xướng :

Đệ-tử phản-hồi cố-lý,
Cảm mẫu-thân bệnh quỉ khôn phương !
Phải chi chuộc đặng nghìn vàng,
Bán mình quyết trả cưu-mang những ngày.

Non sông kia hỡi cao dầy,
Sánh câu sinh dục nghĩa tầy thẳm sâu.

Tán rằng :

Thốn tâm tư mẫu thậm quan hoài 寸心思母甚關懷, thiên-lý hành-trình nan phóng-bộ 千里行程難放步, tất-suất dạ đề tăng tứ khổ 蟋蟀夜啼增思苦, Phù-du nhật loạn bão tâm-hoài 蜉蝣日亂抱心懷, thiên cao địa hậu nhẫn tình mai 天高地厚忍情埋, hiếu-tử trung-thần hà nhật-báo 孝子忠臣何日報. Như tôi từ tư nỉ là : Tam thiên chi hình, mạc đại ư bất-hiếu đây.

Nam xướng :

Bất-hiếu đã đành phận lỗi,
Nghĩa sinh thành khô héo lá gan.
Vin cây lệ ứa hai hàng,
Non giàng mạch thẳm sông chàn giọt châu.

(*Hạ*)

Mai-mẫu than :

Mãn thiên sầu tỏa mộ vân thu 滿天愁鎖暮雲收, tứ bích thê lương thảm tứ sầu 四壁淒凉慘思愁. Bão bệnh dũ thâm, ngô tử tòng sư thiên-lý-ngoại 抱病愈深。吾子從師千里外; tại gia lãnh đạm, ngã phu tị tục thốn tâm sầu 在家冷淡。我夫避俗寸心愁。

Lại nói :

Như mụ : Bệnh vô y tuế nguyệt luân lưu 病無醫歲月輪流, chứng bất trị bệnh căn nan bảo 症不治病根難保. Ai có : Tứ bích tiêu sơ đồ lạo thảo 四壁蕭疎徒潦草, bán thiên phong vũ não tình nhân 半天風雨惱情人。 Trông tin con tấc dạ băn khoăn, mang bệnh trọng tấm lòng bộn rộn.

Hàn Tùng nói :

Dạ, thưa : Con trẻ đà phản bổn ; mẹ già hãy an tâm.

Mai-Trang nói :

Con đã về đó sao con ? Bệnh mẹ già dù trệ dù trầm ; mừng con trẻ cũng thuyên cũng giảm. Mẹ hỏi : Vũ đà thông trận tám; văn lại trải xe năm chưa con ?

Hàn Tùng nói :

Thưa mẹ như con là : Thập niên đăng-hỏa công thâm 十年燈火功深 ; nhất lộ thanh-vân chi nguyện 一路青雲志願. Như con : Văn chi nhường Tử-Kiến; vũ chẳng kém Tôn Ngô. Con về đây thang thuốc tiện đồ; mẹ ngồi đó cho an quí-thể.

Mai Trang nói :

Như mẹ : Mệnh tương dục thệ 命將欲逝; thiên số nan đào 天數難逃. Đường mây vội giục tới động đào; bóng thỏ mơ-màng nơi địa-phủ. Con nghe mẹ dặn : Hễ đấng làm nam-tử; nên gắng sức lập công. Trung quân-vương phải giữ tấm lòng ; hiếu phụ-mẫu chớ câu thần tỉnh. Ôi ! Tâm-thần bất-định bất-định; phế-phủ hôn mê hôn mê. Nương theo ngọn đèn hoa; bỗng xa nơi cõi thọ. (*Chết...*)

Hàn-Tùng nói :

Ta thiên-số ta thiên-số ; thán mẫu-thân thán mẫu-thân ! Con còn đây ở chốn dương-trần ; mẹ bao nỡ đành về âm-cảnh ! như cơ-sự này : Thụ dục tĩnh nhi phong bất tức ; tử dục dưỡng nhi thân bất tồn 樹欲靜而風不息。子欲養而親不存。

Than rằng :

Kham ta nhất đáo Vụ-tinh trì, kim cổ nhân tình hận biệt-ly ; Dĩ-lĩnh vân xâm song nhỡn lệ, cức tâm vũ sái lưỡng hàng bi 堪嗟一到婺星馳。今古人情恨別離。屺嶺雲侵雙眼淚。棘心雨洒兩行悲。

Lại nói :

Như tôi : Bần vô sở y, cư vô định xứ 貧無所依。居無定處。 Thánh-nhân có nói rằng : Tử dã táng dã tàng dã, chi nữa, bão cốt hài thân mẹ vai mang, cận sơn lĩnh ngõ dùng mai táng, mẹ mẹ ơi.

Nam-ai :

Ngõ dùng mai táng,
Phải đền bồi chín tháng cưu mang.
Nghĩ mình thêm héo lá gan,
Bao giờ trả thảo mới an tấm lòng.

Lại nói :

Đây đã tới Sơn-đông; đem hài-cốt táng an phần mộ. Ới mẹ ơi! Xương thịt mẹ nỡ giao cho đất; ruột gan con lại thấu đến trời. Cúi đầu bốn lạy xin dời; cách mặt nghìn năm cảm-tưởng, đi mẹ.

Ai-xướng :

Nghìn năm cảm-tưởng,
Đoái mộ phần mường tượng dung nghi.
Cách nghìn luống những sầu bi,
Chín triều quặn đứt biết đi đường nào!

(*Hạ*)

Từ Thức nói :

Như ta : Thị phú quí như thảo-mao 視富貴如草茅; lạc thần tiên ư thạch-động 樂神仙於石洞. Chướng mắt thấy phong ngâm nguyệt lộng; nhàm tai nghe hoa lạc điểu đề. Ngâm-nga mấy khúc sơn khê; thưởng ngoạn một hồ thủy nguyệt. Nhớ những thuở đào lâm phóng mã; tưởng lại khi sơn tiểu trụy lư. Phong quang đắc ý hữu dư; cảnh vật di tình vô hạn 風光得意有餘。景物怡情無限。 Minh-Châu, Nay thánh-hoàng quải bảng; cho sĩ-tử tựu tràng. Này : Trao kiếm linh vật ấy phi thường; để giúp nước ngày sau trừ loạn.

Minh-Châu nói :

Dạ, Chịu linh-kiếm thầy trao đã hẳn; chốn khoa tràng tớ kíp xuống thi. Tràng đồ phấn dực bằng phi 長途奮翼鵬飛。 tráng-sĩ quyết tranh hổ-bảng 壯士決爭虎榜。 Vạn-lý-lộ con xin cử bộ; sổ nhận tường thầy hãy an cư. Cúi đầu lạy tạ tôn-sư; ngửa mặt trông chừng tử-lý.

Nam-xướng :

Trông chừng tử-lý,
Đội ơn thầy một xỉ nan vong.

Từ Thức nói :

Con, Đấng nam-nhi duy hiếu duy trung; vi thần-tử cư-nhân do nghĩa, nghe con.

Nam-xướng :

Nhân nghĩa lời vàng ghi dạ,
Vượt nghìn trùng chí cả nam-nhi. Thôi con tới.

(*Hạ*)

Minh-Châu nói :

Tôn-sư đà trở lại phòng-vi; chi nữa thầy tớ kíp trông chừng tử-mạch, con ạ.

Nam-xướng :

Trông chừng tử-mạch.
Trải qua miền thủy bạch sơn thanh.

Nói : Hề, đi với cậu xuống Kinh-sư là xa, con biết truyện chi nói cho vui con.

Hề nói : Thưa cậu, tôi đi với cậu, như gặp đứa hung-hoang tôi cự với nó thì chẳng nói làm chi; như gặp mãnh-hổ, tôi cự chẳng lại, cậu liệu làm sao cậu ?

Minh-Châu nói :

Như cậu : Sá chi hổ khẩu; cậu cũng : bất úy long-đàm. Văn tài dữ cổ tương tham; vũ nghệ đương kim xuất sắc. nữa mà.

Hề nói :

Hay thiệt hay thiệt! Vậy mới rằng thao lược, vậy mới gọi côn-quyền. Nhọc công đành dạ tớ chẳng phiền; vì trên đã có thầy đắc-lực.

Nam-xướng :

Đắc lực danh cao đệ nhất,
Vậy mới rằng tớ lịch thầy thanh.

Minh-Châu nói.

Con, như cậu là :

Nam-xướng :

Đã rằng học-vấn hữu-danh.
Vượt ba lớp sóng hùng anh đua tài.
Ác vàng đã xế non đoài,
Tìm nơi dựa đỗ sáng mai thượng trình.

(*Hạ*)

Báo quân :

Nào chư-xã chư châu chư huyện nghe ta dặn : Tiết đáo thu thiên, kinh-sư tựu-thí 節到秋天京師就試. Nghi liệt niên-canh quán chỉ; khả quan bảng ngạch tràng qui 宜列年庚貫址。可觀榜額場規. Nhược thức lệ sai vi;

tất chiếu danh truất-lạc 若式例差違。必炤名黜落。

(*Hạ*)

Hàn Tùng nói :

Như ta : Ba năm đã bồi đền tóc bạc ; một mình còn nương tựa nhà ly. Bầu Nhan-tử hôi xì ; áo Tô Tần tơi-tả. Trường phú-quí ai chăng nồng-nã ; chốn khoa-tràng khổ nỗi hành-trang. Tôi phận nghèo chẳng biết lấy chi đi thi, trừ phải : Xưa thầy cho một quyển sách thiêng ; gặp cơn ngặt ba điều ước đặng. Vậy thời tôi sắm-sanh hương án tôi ước như thầy tôi dạy tôi à. Khẩu niệm bản hư-không ; y quan hoàn tự hữu 口念本虛空。衣冠還自有. Ối linh thược, ước đã đặng, âu ta mặc vào. Bách bái tôn-sư thị hựu ; nhất tâm cảm bội bất vong 百拜尊師是佑。一心感佩不忘. Trực chỉ đáo tràng trung, hoang mang tua tiến-bộ.

Nam-xướng :

Tiến bộ giã từ gia sở,
Hết bĩ rồi vận ngộ thái-lai.
Rồng mây cá nước đua tài,
Quyết tranh đệ nhất mới trai anh-hùng.
Nhất hồi đã mãn sự công,
Xin dâng nhị thứ thủy-chung thời tường.

(*Còn nữa*)

VĂN-UYỂN

Tiễn Dương, Phạm nhị tiên-sinh về hưu

(Bài thơ này cùng với một bài chúc-từ quốc-ngữ, ông Nguyễn Văn-Kinh đã đọc giữa tiệc hôm 18-2-33, quan Thanh-tra sơ-học chủ-tọa, ông Hội-trưởng hội Khuyến-học Gò-công chứng-kiến. Nghe đâu thơ-văn quốc-ngữ cũng ít có dịp dùng, và càng ít càng nên quí-trọng).

Mừng bạn hồi-hưu chúc ít hàng,
Công thành danh-toại tiếng đồn vang;
Vào nền giáo-dục công khai-hóa,
Về thú điền-viên lúc rảnh-rang ;
Ơn nặng trẻ mang công dạy-dỗ,
Tuổi cao già hưởng cuộc bình-an ;
Ngoài vòng hoạn-lộ bạc tiền sẵn,
Còn thú nào hơn cái thú nhàn

NGUYỄN VĂN-KINH *sao-lục*

Cảm-tưởng sau khi đọc mấy bài tiễn-biệt ông Trọng-Toàn

I

Đọc suốt mấy bài văn tiễn-biệt,
Lòng chứa-chan chi xiết mối cảm-tình;
Cho hay nhân-sĩ Phương-thành,
Lời dường gấm vóc, nghĩa đành keo sơn.
Người tạm vắng tiếng đờn non-nước,
Kẻ chạnh xa tuyết trước sân Trình ;
Sự lòng khéo vẽ nên tranh,
Câu văn chải-chuốt, mối tình thiết-tha.
Dường ấy kẻ tài-ba lỗi-lạc,
Nước non kia nung-tạc khí tinh-kỳ.
Vị-thành từ cách Vương Duy,
Dương-quan này được tương-tri mới ngày.
Gò Khổng-tước hạc bay đến đỗ,
Trường Tăng-hòa nghe rộ tiếng hoan-nghênh ;
Nghe rằng đằm-ấm sư-sinh,
Dày công giáo-dục, nặng tình khuyên-lơn.
Hồn nước cũ đã cơn tiêu-diệt,
Nếp văn-chương dường quyết điểm-tô dần.
Nghĩ mình giữ thiện-nhơn lân,
Còn nhờ ảnh-hưởng chút phần với nao.
Lời vàng vâng lãnh ý cao...

Dương-phước (*Gò-công*) LÊ VĂN-QUỚI

II

Mấy bài văn-uyển,
Người Phương-thành cung-tiễn bạn về
Thật rõ-ràng là bức gấm thêu huê; [quê,
Đem tặng khách bước ra miền tử-lý.
Trong cơn tan hợp bày nhiều ý,
Giữa buổi khứ-lưu tả lắm tình;
Khen cho ai chung-thủy vẫn đinh-ninh.
Niềm bằng-hữu, nghĩa sư-sinh, ơn giáo-dục.
Thơ lục-bát, câu tản-văn, bài Đường-luật.
Ngọn bút đều thuần-thục cả và ba.
Mừng thay « Tri-đức » đậm-đà.

Gò-công, Nguyễn Huỳnh-Mai

Nguyễn Văn-Kiêm sao lục

* * *

Mừng ông giáo Phan Tiến-Hải thăng hàm

(Ông người Sơn-tây, giáo-học ở Quần-phương-Đông)

Miễu

Văn-minh gặp buổi phong-trào,
Càng nồng giá ngọc, càng cao phẩm
Ra công giáo-dục ở đời, [người.
Phúc nhà rộng mở, hương trời xa bay.

Hát nói

Âu thôn Á thổ 歐呑亞吐,
Nền thông minh kiêm đủ ngón tài-hoa,
Đem đường mây thay lại nước yên-hà,
Chuông giáo-luyện gần xa bay tiếng, bổng.
Vân hoành Tây-lĩnh cao gia vọng,
雲橫西嶺高家望
Vũ hóa Đông thành dẫn quốc-hương.
雨化東城引國香
Quyết gây cho tỏ mặt phi-thường,
Ơn vũ-lộ đức phân-phương là thế-thế.
Thú lạc-tự loan-hoàng quế-huệ,
Giở cầm thi mà vui-vẻ với giang-san.
Nhớ khi xưa tâm-sự lúc bàn-hoàn,
Thấm-thoắt đã thoi tuần-hoàn năm bảy
Duyên văn-tự tiệc quỳnh gắn bó, [độ.
Vẻ văn-bào thêm rực-rỡ với văn-phong.
Đôi ta, trời cũng chiều lòng...

Đêm nghe trẻ học

Thức lâu mới biết cái đêm dài,
Trẻ học nghê-nga rót đến tai;
Phong nguyệt ba canh ngồi vẫn lắng,
Chi hồ hai chữ tiếng càng dai;
Ngọn đèn Trâu, Lỗ dầu khêu cạn,
Chiếc gối Chu, Trương mộng chuyển
Bể học lâu nay trao đổi mới, [hoài;
Vì ai khua múa lại thương ai.

Soi gương

Thân-thế lông-bông chửa nổi già,
Soi gương ta lại thẹn-thùng ta;
Đầu xanh sương-tuyết ly-ty nhuộm,
Mặt trắng phong-trần lốm-đốm pha;
Tâm-sự năm canh nhìn thấy vẫn...,
Tinh-thần mọi vẻ ngắm như là...;
Phố phường theo quách nghề tô-điểm,
Son phấn bao nhiêu sẵn của nhà.

Khuyên em học quốc-ngữ

Ngọn trào tân-học cuốn gần xa,
Quốc-ngữ em ơi chữ nước nhà;
Năm dấu (1) dọc ngang bầu vũ-trụ,
Hai vần (2) bao-quát cõi tinh-hoa;
Thanh-tao nối giọng Hàn-sinh cũ,
Tỉnh-giác dung hồn Việt-quốc ta;
Chớ bắc trường Nam không có học,
Nữa ra mang tiếng với sơn-hà.

Gió mưa đêm hạ

Cái nợ nam-nhi ối chán phè,
Bốn tường mưa gió lặng ngồi nghe;
Vèo-vèo ngõ chuối đêm non trống,
Lốp-đốp ao sen cảnh cuối hè;
Viêm-nhiệt thổi tan cơn thế-thái,
Ôn-bình tưới khắp bọn quần-lê;
Gà đâu khéo biết người chưa ngủ,
Gáy khúc « thời tai » giọng tè-te.

---

(1) Năm dấu là sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng
(2) Hai vần là trắc và bằng.

Vịnh sử

(Kính đề ba ông Võ Tôn-Tánh, Ngô Tùng-Châu, Nguyễn Tấn-Huyên tử-tiết ở thành Bình-định (1))

Tiết-liệt ba ngôi thấu đến trời,
Gan trung sao tỏ tấm lòng phơi ;
Cô-thành ngăn giặc dư trăm trận,
Công giúp trung-hưng lớn nhất đời.

Hoài-quốc-công Võ Tánh

Đồi ngói thâu vàng biểu mật tâu,
Thần-kinh tha-phục luận công đầu (2);
Hóa-thân chẳng chịu trông theo giặc,
Vọng-bái rồi châm lửa đốt lầu (3) ;
Sơn-nhạc đất rung vang mấy tiếng,
Đẩu-ngưu khí thấu suốt ngàn thu (4);
Phú-xuân thâu được đành mình thác,
Coi chết như không ít kẻ so (5).

Ninh-hòa-quận-công Ngô Tùng-Châu

Anh-hùng gan sắt đá,
Danh-tiếng rạng trăng trời ;
Ngậm đắng theo thành mất,
Quan văn tiết khác đời !

Chiêu-nghị tướng quân Nguyễn Tấn-Huyên

Tráng-liệt thành lo giữ,
Oai danh giặc mất hồn ;
Lòng son hòa lửa đỏ,
Ngãi trọng mất hơn còn.

Tín-võ-hầu Phạm Văn-Điền (6)

Thuở trẻ theo vua chí chẳng dời,
Gian-nan trăm trận thắng đòi nơi ;
Thư qua Lưỡng-Quảng tờ đưa một,
Lửa đốt Văn-Vân mật vỡ hai ;
Võ-miếu lập bia công vẫn lớn,
Hiền-lương hiệp tự tiếng còn dài ;
Ơn trên bày lễ lòng yêu mến,
Kim mã ban cho hưởng phước đời.

Khúc đêm thu

(Trường-thiên cổ-thể)

Trời biển mênh-mông,
Non sông tịch-mịch ;
Đêm đó đêm gì ?
Đêm thu khuya-khuých !
Đốt ngọn đèn ngồi,
Ngẫm sự cổ-tích ;

---

(1) Dịch mấy bài thơ vịnh-sử của ông Quất-đình đăng ở số báo N.-P. 177 phần chữ nho.

(2) Võ-công dâng biểu rằng lấy được Phú-xuân quí như vàng, chứ cái thân mình nhẹ như ngói gạch không đáng tiếc. Sau khi trung-hưng, luận công ông thứ nhất.

(3) Võ-công nói rằng : Ta chẳng chịu trông thấy giặc, ta đốt lửa để tiêu-xác đi mà thôi. Rồi ông bận áo triều-phục, lên lầu vọng-bái vua, rồi đốt lửa mà chết.

(4) Có người bảo ông ấy bỏ thành mà đi cho khỏi nguy, ông ấy đáp rằng : Ta sống chết theo với thành mà thôi ; như trốn đi mặt mũi nào mà thấy vua ta.

(5) Trong biểu ông có nói rằng binh giặc tới vây đây thì Phú-xuân không ai giữ, xin đem binh tới lấy Phú-xuân, nếu lấy được Phú-xuân thì tôi chết cũng đành vậy.

(6) Ông thuở nhỏ theo đức Gia-long đánh trận nào cũng hơn cả, sau ông đánh đuổi giặc Nông Văn-Vân, nó trốn qua Tàu, ông liền đưa thư sang Lưỡng-Quảng xin đuổi về, quan Tuần-phủ Quảng-tây đánh đuổi Vân về, Vân trốn vào núi, ông lại đem binh vây núi mà đốt, ông bắt được Vân, đem đầu về dâng vua, nên ông được khắc công vào bia Võ-miếu, lại được thờ vào hiền-lương-từ. Khi ông thắng-trận kéo quân về, vua cho làm lễ bão-tất, nghĩa là ôm gối vua, để tỏ lòng thân-ái. Ông lại được vua ban cho một con ngựa vàng, ngụ-ý khen cái công lao hãn-mã.

Việc thế người đời,
Thoáng như tấn kịch!
Ông Tô Đông-Pha,
Con thuyền Xích-bích;
Nước gió non trăng,
Ngâm câu cộng-thích!
Ông Bạc Lạc-thiên,
Một chủ một khách;
Chơi bến Tầm-dương,
Cung đàn ngón địch!
Ông Tạ Thượng công,
Giữa dòng khiếu-vịnh;
Cùng Viên-hoành-lang,
Đàm-luận khúc-khích!
Ông Đỗ đại-gia,
Quỳ-châu bị trích:
Bát-thủ gieo thơ,
Nổi tài vô-địch!
Ấy bốn tao-ông,
Nghìn xưa xa-cách;
Chí như mây-mưa,
Danh truyền sử-sách!
Còn như những ông,
Giở trò vô-ích;
Lễ Phật trung-nguyên,
Chào Ngâu thất-tịch!
Ngâu ở Hà-tây,
Phật dòng họ Thích;
Quan-hệ chi đời,
Đời sao vơ-vích!
Lại như những ông,
Tin bề đạo-thuật;
Thưởng trăng trung-thu,
Chơi núi cửu-nhật!
Trăng vẫn trăng già,
Méo tròn bất-nhất;
Núi tuy núi non,
Cỏ-cây chồng chất!
Hồi nghĩ ngày nay,
Văn-minh khích-thích;
Ta đối đêm thu,
Nhiều điều ngố-nghếch!
Muốn nhẹ như chim,
Chim hồng lục-cách;
Mỗi gặp thuận-phong,
Dọc ngang tông-tích!
Muốn vững như cây,
Cây ngô cành bích;
Mỗi gặp kim-phong
Nhuần ơn kim-tỉnh!
Nhắn bảo canh khuya,
Ai người đồng-trạch;
Phải vững phương-châm,
Phải đạt mục-đích!
Chớ thấy tuyết-sương,
Mà lòng di-dịch;
Chớ thấy trào-lưu,
Mà lòng thiên mếch!
Nhấp chén hoàng-hoa,
Trông bóng lư-địch;
Cảnh tĩnh hứng thanh,
Cùng thu phiêu-dật.

NHÂN VĂN-ĐÌNH

Vãng cảnh chùa Hương

Nam nhi cả chí tang bồng,
Giang hồ một túi vẫy vùng bốn phương.
Khắp coi trong cuộc trần-hoàn,
Ưa mùi thanh nhã chán đường phồn-hoa.
Đào-nguyên bồng-đảo đâu xa,
Có chùa Hương-tích ấy là cảnh vui.
Ngày xuân gặp lúc thảnh-thơi,
Cầm thi kết bạn qua chơi cảnh này.
Áo quần thấp thoáng đường mây,
Hoa phô sắc gấm hương bay màu hồng.
Bến Hà thuyền chực thong-dong,
Thuận buồm gió cuốn theo dòng nước xuôi.
Gần trông phong-cảnh quê người,
Bên khe nước biếc góc trời non xanh.
Xa trông phong-cảnh quê mình,
Vị giang khói đạm Nam-thành mây che.
Hiu-hiu gió thổi bốn bề,
Bóng chiều coi đã xế về tây viên.
Buồm xuân phơi phới chèo lên,
Đã qua Vĩnh-lĩnh lại liền Quế-giang.
Nghìn trùng cách mấy quan-san,
Thuyền bồng đâu đã tới làng Đục-khê.
Áo khăn đâu đấy chỉnh tề,
Giai-nhân tài-tử đề-huề tới nơi.
Tìm vào lữ-quán nghỉ-ngơi,
Một đêm thong-thả đợi mai xuống đò.

Định ngày sắp lễ vào chùa,
Thuyền con mặt nước chèo đua hai [hàng.
Thiện-nam tín-nữ đoàn đoàn,
Cầu kinh lần hạt tiếng đàn lựa tơ.
Bên sông coi thấy đền thờ,
Cá chầu lẳng kệ chim chờ nghe kinh.
Một dòng nước suối xa quanh,
Đoái coi danh-thắng như hình Bồng-lai.
Khen cho tạo-hóa an-bài,
Hang tiên chùa Phật để người thưởng xuân.
Hang trăm thước núi nghìn tầng,
Cảnh tiên vắng-lặng khách trần xôn-xao
Đường trèo bước thấp bước cao,
Khen ai khéo tỏ lối vào Thiên-thai.
Sắc hoa màu cỏ chưa nhai,
Bên đường lá sẵng củ mái lô-xô.
Qua vào lễ phật Thiên-trù,
Lại lên vãng cảnh trên chùa Giải-oan.
Quả mai xa rủ bên đường,
Gió đông phảng-phất đưa hương ngạt-[ngào.
Trước đầu ngọn núi xiêu-xiêu,
Khe hoa trắng xát đá rêu xanh rờn.
Qua chùa Cửa võng phong-quang,
Sườn non trăm bậc hàng hàng gấm [thêu.
Hoa chen đá, đá chen rêu,
Vòng quanh trái núi tìm vào chùa Hương.
Ngoài hang trong lại một hang,
Có nơi nhập-địa có đường thông-thiên.
Có nhũ đá có kiều sen,
Có mây năm sắc có đèn trăm dây.
Cây tiền lẫm thóc lạ thay,
Núi cô núi cậu lại bày ở bên.
Rõ-ràng một vẻ thiên-nhiên,
Càng trông càng lạ càng nhìn càng vui.
Nơi bảo-tháp, chốn kim-đài,
Mượn tay thợ tạo vẽ vời cho nên.
Chùa chùa phật, cảnh cảnh tiên,
Hữu-tình sơn-thủy vô biên bồng-hồ.
Nến nhang thơm ngát một chùa,
Vang trời những tiếng na-mô ầm-ầm.
Na mô đức Phật Quan-âm,
Độ-trì công-quả giám-lâm lòng thành.
May nhờ bóng Phật anh linh,
Cầu tự tự được, cầu danh danh thiềng.
Ba sinh quyết được phỉ nguyền,
Kẻ cầu người đảo ai quên cõi này.
Thú trong Hương-tích một ngày,
Khác như mang kiếp ở đời ngàn thu.
Ước gì nước chẳng dâng chùa,
Để cho già trẻ bốn mùa vãng chơi.
Ước gì đường nhẵn như mài,
Để cho nam bắc mọi nơi vào cầu.
Trời cao đất rộng bể sâu,
Chùa chiền vui thú nào đâu cho bằng

THIỆN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nguyên-nhân cuộc Trung Nhật xung-đột với vấn-đề Mãn-châu

Một vấn-đề đã làm cho dư-luận trên thế-giới xôn-xao là vấn-đề Trung Nhật xung-đột và Mãn-châu. Các nhà ngôn-luận cả thế-giới bàn đi tán lại cũng đã nhiều, nhưng cũng chẳng qua là đứng chỗ mênh-mông bát-ngát mà nói trắng nói đen chớ chưa ai chịu đào bới tận gốc, phát chặt tận nguồn !

Phàm bàn giải một vấn-đề gì, trước hết phải gồm cả hai phương-diện : chủ-quan và khách-quan, mà xem xét, nghĩa là không những chỉ xem xét theo bản-thân vấn-đề ấy,(chủ-quan),mà lại cần phải xem nguyên-nhân và những hiện-trạng phát-sinh ở chung quanh vấn-đề ấy (khách-quan và hoàn-cảnh) nữa. Vậy muốn biết nguyên-nhân của cuộc Trung Nhật xung-đột thế nào, thì

trước hết ta phải xét xem hoàn-cảnh của vấn-đề ấy ra sao đã.

Lịch-sử Nhật ở Mãn-châu. — Từ năm 1895 đánh được Tàu, lấy đảo Đài-loan (*Ile Formose*) ; năm 1905 đánh được Nga, được nam-bộ đảo Khố-hiệt (*Ile Shakaline*) ; năm 1910 lấy đứt Triều-tiên, nước « Nhật lùn », bỗng chốc nhảy lên hàng đế-quốc. Lòng tàn-bạo và mưu quỉ-quyệt của Nhật không những không kém gì các đế-quốc Âu, Mĩ, mà lại còn hơn nữa kia ! Nhưng vì Nhật sinh sau đẻ muộn, bao nhiêu thị-trường tốt trong thế-giới đều bị các đế-quốc Âu Mĩ kia mau chân cướp mất cả ! chỉ còn có Tàu mà nhất là ba tỉnh phía đông — Mãn-châu — của Tàu, là một miếng ngon, đất rộng của nhiều, lại nằm kề bên cạnh Triều-tiên, thì Nhật lại càng chú-ý lắm. Nào xướng lên khẩu-hiệu « Hướng Mãn-châu khứ » (向滿洲去) mà dời dân Triều-tiên sang Mãn-châu ; nào đặt ra kế-hoạch « Hàn Mãn nhất nguyên » (韓滿一元) mà đắp con đường Nam-Mãn thông với Triều-tiên ! Nào nuôi Tuyên-thống để thu-thập bọn phục-tích Mãn-Thanh ; nào lợi-dụng tụi thổ-phỉ, tụi tiện-y-đội của Tàu để quấy rối. Nói tóm lại, cái âm-mưu của Đế-quốc Nhật dự-bị để nuốt Mãn-châu chất chứa đã lâu, mà đến bây giờ mới dùng võ-lực mà lấy hẳn ! Bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 1931, chiếm lấy mấy thành-thị trọng-yếu: Thẩm-dương, Đinh-khẩu, Tràng-xuân, v. v... Đến ngày 2 tháng 2 năm 1932, thì lấy hết Mãn-châu, tổ-chức nước Mãn-châu độc-lập, thoát-ly hẳn Tàu ; nay lại chiếm Sơn-hải-quan, lấy đến Nhiệt-hà nữa, ấy là cái quỉ-mưu của Nhật lấy Triều-tiên ngày trước.

Sao Nhật cần phải lấy Mãn-châu trong thời-kỳ này? — Trong thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng này, Nhật bị nguy hơn các đế-quốc khác, bởi vì đất đai hẹp, thuộc-địa ít, bao nhiêu nghề buôn bán và sinh-sản ở trong nước và ở ngoài nước rất cùng-quẫn. Số thất-nghiệp trong nước bình-quân, lúc nào cũng 4, 5 mươi vạn ! Những cuộc tranh-đấu của dân Nhật ngày càng dữ-dội... Đồng-thời phong-trào cách-mệnh ở Triều-tiên và ở Đài-loan ngày càng bồng-bột, cho nên Đế-quốc Nhật phải dùng chánh-sách cấp-tiến hơn các Đế-quốc khác để giữ gìn mạng sống của tư-bản, để bác-tước thêm dân thuộc-địa, để mở rộng thế-lực mà chuẩn-bị đấu-tranh lần đại-chiến thứ hai sau này ! . . .

Kế-hoạch 5 năm của Nga thành-công, đã làm cho các nước tư-bản Đế-quốc trên thế-giới kinh hồn hoảng vía, mà nhất là Nhật lại gần lửa nóng mặt hơn cả. Bởi vì kinh-tế lực-lượng của Nga-đỏ ở đông-bộ Tây - bá - lợi - á (*Sibérie*), và ngoại Mông-cổ ngày càng bành-trướng và hùng - hậu thì chủ-nghĩa Nga-đỏ sẽ theo con đường sắt Trung-đông mà truyền - bá xuống Triều-tiên và Nhật như nước lên gió cuốn, không thể ngăn được. Bởi vậy nên Nhật thường kiếm cách sinh sự với Nga, như những việc tranh quyền đánh cá ở Tây-bá-lợi-á (*Sibérie*) — việc công-sứ Nga bị thích-khách ở Nhật, vân vân. . . nhưng không thành ! Vì vậy mà Nhật cần phải cướp lấy Mãn-châu để làm bước thứ nhất dự-bị tiến-công Nga Sô-viết.

Nước Tàu là thị-trường để nuôi mạng sống cho tư-bản Nhật. Nếu quân-phiệt Tàu còn ngày nào thì tư-bản Nhật còn ngày ấy. Nhất-đán mà bị xích-hóa, thì tư-bản Nhật nhất - định phải nguy. Chúng ta thường xem báo thấy thế-lực cách-mệnh Tàu ngày càng phát-triển, nhất là gần đây dân Tàu ở mấy tỉnh Bắc-phương : Sơn-tây, Tuy-viễn, Giang-tây, là mấy tỉnh địa-thế một mặt gần Mông-cổ, một mặt gần Nam-Mãn thiết-lộ của Nhật ; quân-

phiệt Tàu đã nhiều phen dùng toàn lực tiến công đều bị thất-bại cả, biểu-hiệu ra rằng quyền thống-trị của các quân-phiệt Tàu đã đến ngày trúc đổ. Vì thế cho nên Đế-quốc Nhật cần-kíp cướp lấy Mãn-châu, để tiện đường điều-động đại-quân mà trực-tiếp phá cách-mệnh Tàu, dự-bị tiến-công Nga, và gián-tiếp phá-hoại cách-mệnh thế-giới. . .

Vì sao Nhật lấy được Mãn-châu dễ-dàng như thế?— Một nước người đông đất rộng như Tàu, nếu hết sức chống lại thì Nhật chưa dễ mà lấy được Mãn-châu. Nhưng còn lạ gì các ông trong Quốc-dân-đảng! . . . Trong khi quân Nhật tàn-phá như thế, mà các nhà to mắt thì xướng : « Vô-đề-kháng » (?) « Trấn tịnh ngoại-giao » (?), chỉ đi kêu van với Quốc-liên ! trông nom vào Mĩ chủ-trì công-đạo ! hay là gặp lễ kỷ-niệm gì thì lên đài diễn-thuyết khóc giả vài lời, ra bộ mình yêu nòi thương nước! còn một tên quân lính, một viên đạn cũng không dám đem ra mà chống giặc! Trách gì Nhật không lấy Mãn-châu một cách dễ-dàng như lật bàn tay ! Mấy ông trong Quốc-dân-đảng cho rằng: Mãn-châu mất là mất của Trương Học-Lương, chớ không hại gì quyền-lợi của các ông! Còn Nhật lấy Mãn-châu là cái hại ở ngoài da, mà bọn cách-mệnh Tàu tức là cái hại tâm-phúc. Cho nên một mặt các ông đàn-áp dân-chúng Tàu, khẩu-lưu học-sinh đại-biểu ở Thượng-hải, bắt những phần-tử Cách-mệnh ở thị-dân đại-hội Thượng-hải, bắn giết học-sinh ở quân quan học-hiệu ở Nam-kinh, phản-đối những cuộc bãi-công, bãi-thị, bãi-thao, những cuộc dân-chúng Tàu tuần-hành. . . Một mặt lại xướng lên khẩu-hiệu : « Nam bắc hòa-bình », Nam-kinh thông điện hợp-tác với Quảng-đông! Báo của phái quốc-gia chủ-nghĩa thì hô-hào nên tập trung-nhân-tài và đại-biểu các phái đảng mà tổ-chức ra quốc-phòng chánh-phủ. Thậm-chí còn có anh chủ-trương thân Nhật như bác Trần Hữu-Nhân kia nữa. Đó là những kế-hoạch phái Quốc-dân-đảng giữ cho khỏi cắn lẫn nhau mà dương cái sức nhuệ để tàn-phá dân Tàu cả. Như thế thì còn gì là Mãn-châu ?_

Tàu vẫn là một thị-trường chung của các Đế-quốc. Nếu trong khi Nhật đánh Mãn-châu, mà các Đế-quốc có ai ra sức ngăn lại thì chú Nhật nuốt cũng không trôi. Nhưng khôn quỉ lắm, các nước cũng lo giữ mình, vì thế-lực Nga ngày càng phát-triển, nếu Mãn-châu về trong tay tụi quân-phiệt hèn-yếu Tàu, thì Nga sẽ do con đường xe lửa Trung-đông mà tiến triển sang Á-đông một cách mau chóng, quyền lợi của các Đế-quốc không khỏi nguy to, chi bằng ngảnh mặt làm thinh để cho Nhật lấy Mãn-châu : Một là để cho... Tàu và Nga bị đứt quãng, thì cách-mệnh thế-giới sẽ lan bùng ra. Hai là Nhật lấy được Mãn-châu rồi, thì Nga sẽ vì quyền-lợi đường xe lửa Trung-đông mà xung-đột với Nhật. Các nước sẽ thu cái mối lợi công-trái trong lúc cò nghêu níu nhau. Vả lại những nước có quyền-lợi ở Tàu nhiều, trừ Nhật ra thì có Anh, Pháp và Mĩ. Nhưng Anh thì vì trong nước cùng-quẫn không có thì giờ mà gây việc. . . Pháp thì nghe đã ký mật-ước. . . với Nhật mà xuất binh Quảng-tây, Vân-nam. Còn Mĩ, thì diệu võ dương oai ở biển Thái-bình, để xem thái-độ Nhật thế nào, nếu Nhật đấm miệng cho một đôi miếng thì cũng yên chuyện, bình-yên vô-sự. . .

Cái vận-mạng nước Tàu sau này ra thế nào, thì phải tự dân-chúng Tàu lo liệu lấy, chớ có hòng trông mong ở ai ! ...

X. T. T.

(*Tiếng-dân*)

Hiện thế Thái-bình-dương

Vấn-đề Thái-bình-dương không phải là việc mới có trong mấy năm nay. Trước cuộc đại-chiến châu Âu, sự tranh-cạnh của nước Nga và nước Anh ở phương Đông, và sau cuộc Trung Nhật chiến-tranh và Nhật Nga chiến-tranh, nước Nhật và nước Mĩ tranh cướp lợi-quyền đường sắt Mãn-châu, tưởng ai cũng đã thừa rõ rồi. Công-nghiệp của nước Nga ví với các nước bên châu Âu vẫn là chưa phát-đạt, vốn cũng chưa cần phải tìm đất thực-dân, nhưng ở cuối thế-kỷ thứ mười-chín, nhờ có tư-bản của nước Pháp vận sang, các thứ chế-tạo, các thứ hàng-hóa và các thứ sản-vật cũng phải tìm nơi tốt để tiêu-thụ. Nước Nga là nước phải giam hãm ở giữa đại-lục, ngày nào cũng phải tìm lối ra. Ở người Nga xem ra, thì *Constantinople* ở Thổ-nhĩ-kỳ là cảng-khẩu tốt thứ nhất, thứ đến các cảng-khẩu ở Ấn-độ, lại thứ nữa thì đến các cảng ở phía đông-bắc Trung-quốc hay là ở Tây-bá-lợi-á. Vì thế nước Nga mới thi-hành cái thủ-đoạn chiếm cướp *Constantinople*, trước sau cả thẩy sáu lần, đều bị nước Anh ngăn giữ, công việc không thành. Còn về phương-diện Ấn-độ, nước Nga cũng không thi-thố được việc gì. *Afghanistan* là nơi xung-đột của nước Anh và nước Nga, thế-lực nước Nga vẫn chưa vượt ra ngoài nơi ấy được một bước nào. Cực chẳng đã người Nga phải quay sang phương Đông để tìm lối ra, chịu hi-sinh biết bao nhiêu là người và của để đặt con đường sắc Tây-bá-lợi-á từ nước Nga chạy suốt đến Hải-sâm-uy. Nhưng mà ở phương-diện ấy, nước Nga lại gặp có địch-thủ. Nước Nhật-bản trông thấy phía Đông-bắc Trung-quốc và phía bắc Cao-li lần lượt bị thu vào trong thế-lực người Nga, có nguy-hiểm đến sự sinh-tồn của nước mình, bèn hết sức làm cho tiêu-diệt cái thế-lực ấy đi hay là phòng-bị không cho cái thế-lực càng ngày càng lớn thêm. Nước Anh tuy không là nước đối-địch của nước Nga, nhưng cũng không muốn cho nước Nga thế-lực lớn lên. Vì cớ ấy mà việc Anh Nhật đồng-minh và việc Nhật Nga chiến-tranh mới lần lượt nổi lên. Sau cuộc Nhật Nga chiến-tranh, không những là việc xung-đột nước Nhật và nước Nga kết-liễu, mà việc xung-đột của nước Anh và Nga cũng bởi các điều-ước của hai nước năm 1907 mà tạm-thời thu-thúc. Nhưng mà liệt-cường về sự hoạt-động ở phương Đông không có thể vì thế mà yên lặng đi được. Tuy rằng việc tranh-hùng của nước Nga với nước Nhật và cuộc tranh-hùng của nước Anh với nước Nga nhờ cuộc Nhật Nga chiến-tranh mà tạm-thời kết-thúc, nhưng nối đó lại có việc xung-đột của nước Nhật với nước Mĩ, nước Mĩ đất cát rất rộng, vốn không cần phải phát-triển ra ngoài, nhưng vì cái chủ-nghĩa tư-bản phát-đạt quá, tất phải tìm cách khuếch-sung ra ngoài, cái lẽ tự-nhiên như thế. Cuộc chiến-tranh của nước Mĩ với nước Tây-ban-nha năm 1889 là cái tiểu-sử về việc xung-đột của liệt-cường ở phương Đông, nước Mĩ lấy được nước Phi-luật-tân làm nơi căn-cứ về việc buôn và việc quân ở phương Đông; nhưng cũng chưa lấy thế làm thỏa thích, cho nên sau cuộc Nhật Nga chiến-tranh, nhà tư-bản nước Mĩ muốn hỏi nước Nhật-bản mua lại con đường sắt ở Mãn-châu mà nước Nhật đã cướp được của nước Nga, để thực-hành cái kế-hoạch đặt đường sắt đi vòng thế-giới, mộng tưởng đã bao nhiêu năm. Việc ấy không thành, nước Mĩ cũng không chịu thôi, lại đề-xướng cái vấn-đề Mãn-châu thiết-lộ trung-lập. Việc xướng nghị ấy chưa có kết-quả, thì Nhật Mãn liên-hợp đã thành ra sự

thực, mà việc Nhật Mĩ xung-đột cũng càng ngày càng găng.

Những việc kể ở trên ấy, là cái hình-thế trước cuộc đại-chiến châu Âu. Khi ấy về phương-diện xung-đột ở Viễn-đông, nước Anh và nước Đức rất chú-trọng vào vấn-đề Thái-bình-dương. Trong buổi đại-chiến, nước Mĩ và nước Nhật chiếm được phần tiện-nghi thứ nhất, vàng bạc của châu Âu chất đầy xe đầy tầu chở sang nước Mĩ và nước Nhật, xếp sẵn món tiền cho hai nước sẽ tiêu dùng trong buổi chiến-tranh. Sau cuộc đại-chiến, thế-lực của nước Đức ở Viễn-đông đều mất hết, cái thế-lực về đường kinh-tế của nước Mĩ bao-quát cả thế-giới, nước Nhật-bản thành ra bá-chủ ở phương Đông, mà nước Nga thì sau cuộc cách-mệnh mười tháng, Đế-quốc đổi ra Sô-viết.

Nước Nhật và nước Mĩ tranh bá-quyền ở Thái-bình-dương, thế tất phải dùng đến binh-qua. Cái cử-động của nước Nhật ở Đông-tam-tỉnh, tức là cái cử-động để phá-hoại cái thế-lực quân-bình ở Thái-bình-dương. Nếu phía Đông-bắc Trung-quốc đã nằm ở trong tay người Nhật, thì người Nhật có thể lợi-dụng người và của các xứ ấy, mà thế-lực lại càng mạnh thêm, đảo Phi-luật-tân và đảo Hạ-uy-di của nước Mĩ thành ra nguy-hiểm, mà việc buôn bán của nước Anh ở phía bắc Trung-quốc cũng bị tổn-hại nhiều. Nước Mĩ không chịu một mình khai-chiến với nước Nhật, vì rằng vượt qua mấy mươi vạn dặm đường bể đến đánh nhau với nước Nhật là một việc rất khó khăn, như lời của một nhà binh nước Nhật đã nói. Nước Mĩ có chịu khai-chiến với nước Nhật, thì cốt phải xem cái thái-độ nước Anh thế nào. Dẫu thế nào nước Anh cũng không chịu giúp nước Nhật như buổi Nhật Nga chiến tranh. Trước cuộc đại-chiến châu Âu, nước Anh và nước Nhật cùng bị nước Nga uy-hiếp, mới có việc Anh Nhật đồng-minh, hiện nay nước Anh và nước Tô-Nga tuy có xung-đột nhưng sự xung-đột ấy cũng không nghiêm-trọng gì đủ khiến cho nước Anh phải liên-kết với nước Nhật. Trái lại hàng-hóa của nước Nhật ở Ấn-độ và Nam-dương cạnh-tranh với hàng-hóa của nước Anh, đó là việc nhà tư-bản nước Anh rất sợ. Cố nhiên nước Anh không chịu giúp nước Nhật để cướp lấy Đông-tam-tỉnh, khiến cho nước Nhật có nơi để tiêu-thụ nhiều hàng hóa, nhưng bảo rằng nước Anh chịu giúp nước Mĩ để khai chiến với nước Nhật, thì cũng khó nói lắm.

Bao nhiêu vấn-đề ở Thái-bình-dương đều chú-trọng vào Trung-quốc, hiện nay vấn-đề Thái-bình-dương, tức là việc xâu xé Trung-quốc. Sự biến-thiên của lịch-sử Viễn-đông, là cái quan-kiện rất trọng-yếu về sự biến-thiên của lịch-sử nhân-loại ở thế-kỷ thứ hai mươi.

H. T. B.

(*Trung-bắc*)

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình Chính-phủ trung-ương. — Chức chủ-tịch viện hành-chính Trung-ương, từ khi Uông Tinh-Vệ đi dưỡng-bệnh vắng, thì Tống Tử-Văn là Tài-chính tổng-trưởng vẫn kiêm quyền cả chủ-tịch hành-chính ; nay Uông đã về đến Nam-kinh. Uông nói bệnh chưa khỏi hẳn, không chắc có đương được chức chủ-tịch viện hành-chính, mà Tống Tử-Văn quyền bấy nay được thập phần hoàn-hảo. Song Uông cũng sẽ hết sức giúp việc hội-đồng trung-ương của quốc-dân-đảng.

Nhưng vì Tôn Khoa và Tống Tử-Văn nài ép, và các lãnh-tụ chính-đảng vẫn nài cho Uông nhận chức chủ-tịch ban hành-chính, Uông đã cùng Tôn Khoa quyết-nghị về việc nhận chức viện hành-chính.

Uông Tinh-Vệ nhận chức chủ-tịch viện hành-chính, người ta cho rằng có thể giúp sức thêm thế-lực cho chính-phủ Nam-kinh, dù M. YOSHIZAWA, nguyên tổng-trưởng bộ Nội-vụ của Nhật có tới Nam-kinh nữa; nhưng cái thế hai nước không sao điều-đình với nhau được.

Tôn Khoa bàn nên phục chức hải-lục-không-quân tổng tư-lệnh cho Tưởng Giới-Thạch, các báo về phe Uông Tinh-Vệ bình-phẩm việc ấy cho là phải, nhưng lại có ý sợ như vậy thì làm cho Tưởng giữ quyền to quá.

Tống Tử-Văn ở miền Bắc về có tuyên-ngôn cùng các nhà báo rằng:

1) Về cái tin rằng Nhật yêu-cầu cùng quan đại-sứ Anh là SIR MILES LAMPSON giúp sức để lập một khu hoãn-xung ở cạnh Vạn-lý-trường-thành, thì Tống quả thực không được biết.

2) Việc kháng-cự ở Nhiệt-hà đã đến cái thời-kỳ quyết-liệt, vậy cần phải có sức của cả toàn-quốc.

3) Tin đồn rằng quân-đội Nam-kinh sẽ thay quân-đội miền Bắc ở đệ-nhất trận-tuyến là tin đồn sai, cả tin rằng Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường đều động binh, cũng là tin đồn sai.

4) Nếu quân Nhật có lấy cả Nam-kinh đi nữa, thì nước Tàu cũng không chịu hàng đâu.

5) Tin của người Nhật nói rằng Tàu và Nhật đã cùng nhau điều-đình ở miền Bắc là tin đồn sai.

6) Ngày 17 Mars này Uông Tinh-Vệ về đến Thượng-hải thì Tống sẽ trao trả viện hành-chính và sẽ chuyên về bề Tài-chính.

La Văn-Cán tổng-trưởng bộ Nội-vụ từ Bắc trở về tới Nam-kinh, có nói dù hội-đồng 19 nước đã có tờ báo-cáo, mà Nhật-bản cũng tràn vào Nhiệt-hà, Nhật xử-trí như vậy thì nước Trung-hoa chỉ có một đường là hết sức chống-cự lại thôi. Ông đã trình quan tổng-trưởng bộ Ngoại-giao cái ý-kiến ấy. La Văn-Cán lại có nói Trung-hoa mà xin điều-đình với Nhật bây giờ, thì khác gì xin đầu hàng nước Nhật vậy.

Trương Học-Lương đã chính-thức xin từ chức. Dư-luận Tàu rất lấy làm hài lòng về việc Trương từ-chức, vì người ta cho rằng Trương quá nhu-nhược lại bất-tài, nên mới mất Nhiệt-hà. Tưởng Giới-Thạch sẽ lên Bắc để chọn người thay Trương Học-Lương. Người ta cho rằng Trương từ chức thì Hà Ứng-Khâm tổng-trưởng bộ Chiến tranh sẽ lên thay.

Ở Nam-kinh có tin rằng viện Giám-sát định truy-tố Trương Học-Lương và Thang Ngọc-Lân về việc để cho Nhiệt-hà thất-thủ.

Vũ-tướng Trương Tác-Tân là đại-sứ Trung-hoa ở Đông-kinh đã về tới Nam-kinh, để thương-nghị với chính-phủ về việc giao-tế Trung-Nhật. Trương Tác-Tân có nói việc giao-tế của hai nước bây giờ là quan-hệ ở *Genève*, vậy như ý ông thì Trung-hoa không cần có đại-biểu ở Đông-kinh.

Nhật-bản đã ra chân hội-viên Hội Vạn-quốc từ cuối tháng hai trước, chính-phủ Nhật điện cho bộ thư-ký Hội Vạn-quốc báo-cáo rằng Nhật-bản thôi chân hội-viên Hội Vạn-quốc.

Nhật-hoàng lại có dụ rằng tuy nước Nhật phải thôi chân hội-viên Hội Vạn-quốc, nhưng nước Nhật vẫn hết sức giúp vào việc bồi-đắp cuộc hòa-bình cho thế-giới.

Trong bức thư gửi cho Hội Vạn-quốc, chính-phủ Nhật nói theo như điều thứ I, chương thứ III trong hiệp-ước, Nhật-bản xin thôi chân hội-viên Hội Vạn-quốc, vì không có thể hiệp-tác với Hội Vạn-quốc nữa.

Tình-thế miền Hoa-bắc. — Tưởng Giới-Thạch nay thay cho Trương Học-Lương đứng cầm quân, việc chiến tranh sẽ không thể tránh khỏi được, thế nào cũng lan rộng ra. Hiện Tưởng

đã đem quân bản-bộ để đối địch với quân Nhật.) Một sư-đoàn của Tưởng đã cùng quân Nhật giao-chiến tại miền Cồ-bắc khầu, một sư-đoàn nữa cũng sắp kéo đến trợ-lực. Quân Nhật khởi thế công rất kịch-liệt. Đôi bên vẫn đánh nhau. Người Tàu nói quả-quyết rằng quân Nhật không thể chiếm được một tấc đất nào.

Tưởng Giới-Thạch xét ra lần này mà thành Thừa-đức tỉnh Nhiệt-hà bị thất-thủ, đã đành là vì Thang Ngọc-Lân hèn nhát, bỏ thành trốn đi, thực ra là vì sự chỉ-huy không thống-nhất, trận-dung rối loạn, quân-tâm lìa tan mà nên nỗi, hiện đã chuần-bị điều-tập đại-quân để đánh lấy lại thành Thừa-đức. Nhưng việc ấy có quan-hệ đến sự an-nguy, chỉ-huy phải nên thống-nhất, để tránh sự thất-bại như trước, trừ đã ủy Hà Ứng-Khâm làm tổng-chỉ-huy trung-lộ, lại mời nhà lĩnh-tụ quân-sự tây-bắc là Phùng Ngọc-Tường ra làm tổng-chỉ-huy tả-dực, thống-suất quân-đội đánh quân Nhật ở Xích-phong. Phùng đã nhận lời.

Trần Hữu-Nhân có nói chuyện với một viên ký-giả về cái tình-thế của Nhật đối với quốc-tế, và nói bản báo-cáo của hội-viên 19 nước, chỉ là một sự chế-tài về đạo-đức mà thôi, nếu muốn hoàn-toàn khôi-phục lĩnh thổ của ta, không đem lực-lượng cả nước, thực-hành việc võ-lực để-kháng, quyết không có cái hi-vọng thành-công, cho nên như ý tôi nghĩ ở trong lúc nạn nước nghiêm-trọng, kẻ cường-địch hiếp-bách này, nếu Tưởng Giới-Thạch thống-suất trăm vạn đại-quân, lên ngay mặt trận thì ảnh-hưởng sẽ kịp đến *Moscou*, Hoa-thịnh-đốn và *Genève*, cái lực-lượng sẽ mạnh hơn bản báo-cáo của hội ủy-viên 19 nước vậy.

Các yếu-nhân ba tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến đã quyết-định xong việc mỗi tỉnh phái một sư-đoàn đi cứu Nhiệt-hà và cử Thái Đình-Khả làm thống-suất đại-viên.

Chủ-tịch chính-phủ Quí-châu là Vương Gia-Liệt vì thấy nạn nước ngày gấp, cần phải đem quân cứu-viện, nên đã kén chọn một sư-đoàn quân tinh-nhuệ, cử Hầu Thiết-Kiên làm sư-trưởng thống-suất lên miền bắc cứu Nhiệt-hà, chờ khi quân đội ba tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến đến một nơi kia, Hầu Thiết-Kiên sẽ cất quân đi hội họp các quân, lên miền bắc đánh quân Nhật.

Hiện nay ở miền bắc ngoài Vạn-lý trường thành quân Tàu với quân Nhật vẫn có nhiều trận chiến-tranh, quân Nhật thì lợi-dụng máy bay ném tạc-đạn xuống để tàn-phá; quân Tàu thì chỉ lợi-dụng đại-đao và lựu-đạn xông vào xung-phong, có nhiều trận lại thắng được quân Nhật, như là trận huyết-chiến ở Đề-đăng-môn, tướng Tôn Điện-Anh đánh lui quân Nhật; trận giáp chiến ở La-văn-cốc, tướng Lưu Nhữ-Minh giết được nhiều quân Nhật; ở Phan-gia-khẩu, quân Tàu ra sức đánh quân Nhật cũng thua to. Duy ở Cồ-bắc-khẩu cách Bắc-bình chỉ-độ 200 dặm, nhà đương-cục quân-sự Trung-hoa rất chú-trọng việc chiến-tranh ở Cồ-bắc-khẩu. Quân Nhật từ Loan-bình đến đánh Cồ-bắc-khẩu, gặp quân Vương Dĩ-Triết ở Thanh-thạch lương-tử, hai bên đánh nhau dữ-dội. Cứ như tin-tức của chính-phủ Nhật-bản thì quân Nhật chiếm được Cồ-bắc-khẩu ngày 10 *Mars* và Hỉ-phong-khẩu ngày 9 *Mars* rồi.

Nhưng quân Tống Triết-Nguyên lại đại-thắng quân Nhật, to nhất là mấy trận ở Hỉ-phong-khẩu. Nguyên là ngày 10, quân Nhật lấy Thừa-đức, Bình-toàn, Lăng-nguyên làm trung-tâm, họp hơn 4 vạn quân vừa bộ-binh, pháo-binh, kỵ-binh, tổng công-kích các cửa ải Cồ-bắc-khẩu, Hỉ-phong-khẩu và Lãnh-

khẩu, định chỉ một chuyến chiếm hết các cửa ải ấy, đó lại là một trận đánh rất kịch-liệt sau trận đánh Nhiệt-hà. Quân Tàu ra sức chống cự, Tống Triết-Nguyên đốc-suất đạo quân ở Hỉ-phong-khẩu.

Hai lữ-đoàn Đông, Triệu bộ-hạ Tống Triết-Nguyên sớm ngày 13, đánh dữ-dội vào hai lữ-đoàn 13, 14 quân Nhật,giết được hơn 6 nghìn quân Nhật, cướp được 18 cỗ súng trái phá lớn, 7 chiếc xe phá-lũy, hơn 5 nghìn khẩu súng trường. Quân Nhật hậu-lộ bị chẹt, cả bộ đều tan vỡ.

Quân Tống dùng lối ngày nghỉ đêm đánh, khiến máy bay và xe bọc sắt của quân Nhật không làm gì được, mỗi đêm ít ra cũng chém giết được hơn nghìn quân địch. Quân Nhật bị thua luôn mấy trận, lấy làm căm giận lắm, hiện đang tính cử đại-binh để trừ tuyệt quân Tống. Một nhà quân-sự Trung-hoa có nói mấy trận huyết-chiến ở Hỉ-phong-khẩu, quan-hệ rất to, nếu quân Nhật không tiến nữa, thì chiến-sự ở Trường-thành có thể lạc-quan, nhưng xem chừng quân Nhật đã phát cáu, sẽ phát-động ở Loan đông, Bắc-bình và Thiên-tân để quấy rối hậu-phương, nghe Tưởng đã định kế-hoạch hoàn-toàn, quyết lòng phản-kháng quân Nhật.

Tống Triết-Nguyên có nói chuyện với một viên ký-giả rằng: quân tôi đánh nhau với quân Nhật hơn 10 ngày chưa mất một tấc đất, và cướp giết được gần vạn quân địch, quân tôi phải một viên lữ-trưởng, một viên đoàn-trưởng bị thương, bốn viên doanh-trưởng, và trăm hạ-cấp quân-quan, bốn năm nghìn lính bị tử-trận, nuôi quân lính là cốt để hi-sinh với kẻ cường-địch bên ngoài, đó là cái lý dương-nhiên. Quân Nhật hiện đang điều-tập viện binh, sắp lại đại-chiến, quân ta đều mang lòng quyết-chết. Bản-quân sau khi mất Sơn-hải-quan, vâng mệnh động-viên, tôi đã bày tỏ với Trương Học-Lương, chủ đặt hai vạn tinh-binh ở Trấp-giáp-tử, hai vạn ở Bình-toàn, như vậy mà nếu Nhật có đánh được, cũng phải cần có 10 vạn người. Nhưng vì mình trúng kế hoãn-binh của quân Nhật, bố-trí chậm quá, nên bị quân Nhật thừa cơ đánh được. Hiện nay quân Nhật lại dùng ngón cũ, nói chiếm được Trường-thành thì không tiến bách nữa, nên biết nếu nó đã chiếm được Trường-thành thì sau một hai tháng nó lại khởi sự xâm lược ngay, không biết đến đâu là chừng. Sau khi tôi yết-kiến Tưởng ủy-viên-trưởng biết rằng đã sẵn lòng quả-quyết kháng chiến, quân Nhật trừ những khí-giới ra, chẳng có gì là dũng-cảm cả. Quân Nhật đối với ta nhiều nhất là đem 20 sư-đoàn, ta có thể đem 50 sư-đoàn, lấy 3 chống 1, quân ta dù chết 30 vạn cũng không hề gì, quân Nhật mà chết đến 10 vạn thì nguy-ngập ngay.

Các yếu-nhân ở Nam-kinh có nói: việc kháng Nhật ở miền bắc càng ngày càng gấp, việc chiến-tranh ở mặt trận cũng rất thuận-lợi, quân Tống Triết-Nguyên đại-thắng luôn mấy trận, chấn khởi tinh-thần của quân-sĩ, công lao không phải nhỏ. Hiện quân Nhật đang đợi quân viện, hai bên sẽ có cuộc đại-chiến.

Tin Thiên-tân nói: quân Nhật vì mấy trận đánh nhau ở Hỉ-phong-khẩu thiệt hại mất nhiều, những lính bị thương đem về Thẩm-dương đều chết cả, lục-quân đại-thần là Hoàng-Mộc hai lần điện trách Võ-Đằng, các giới trong nước cũng có lời oán trách. Võ-Đằng buồn bực, sau một cuộc hội-nghị đã tuyên-bố thay đổi chiến-lược, trừ ở phía tây Sơn-hải-quan thừa-cơ hoạt-động, các đạo quân đều nhằm mặt Đại-luân mà tiến.

Đương lúc miền bắc quân cường-địch xâm lấn như thế kia, mà miền nam lại có tin nội-tình rối loạn. Cứ như tin-tức của bộ chiến-tranh Nhật-bản tiếp được, ở miền nam có cái phong-trào độc-lập, do Trần Tế-Đường chủ-trương.

Nghe đâu ngày 27 *Février* trước, Hồ Hán-Dân đã hội-nghị với đại-biểu các tỉnh Hồ-nam, Tứ-xuyên, Vân-nam, Quý-châu và Hương-cảng, để bàn việc đặt một chính-phủ độc-lập ở miền tây-nam.

Nghe đâu trước cuộc hội-nghị ấy thì ngày 25 *Février*, ở Quảng-châu đã lập một hội-đồng quốc-phòng.

Phái Quảng-tây nghe đâu cũng theo cái phong-trào ấy.

Tại Quảng-đông lại tiếp được tin ở Bắc-bình nói rằng : Sau khi Nhiệt-hà đã mất, Thiên-tân nguy-ngập, người nước thấy Tưởng Giới-Thạch đình việc tiễu-cộng ở Giang-tây, vội vàng đi lên miền bắc, bãi chức Trương Học-Lương và phái 3 sư-đoàn quân trung-ương lên thay cho quân đông-bắc, ai nấy đều mừng là Tưởng đã quyết lòng kháng Nhật rồi. Nhưng từ sau khi Tưởng đến Bảo-định, trong nửa tháng trời, các việc đã làm tỏ ra không có lòng quả-quyết đề-kháng. Lại chứng như ngoại-giao bộ-trưởng La Văn-Cán đi lại ở các quán công-sứ Bắc-bình, Cổ-bắc-khẩu mất mà không phản-công, có một sư-đoàn Ông Chiếu-Viêm mà không đem ra mặt trận, cô-quân của Tống Triết-Nguyên phấn-đấu mà không tăng-viện, và hạ-lệnh cho Hà Trụ-Quốc bỏ Thạch-hà mà lui về đóng Loan-châu, xem các việc ấy, nhân-sĩ miền bắc đều cho là Tưởng Giới-Thạch cầu thỏa-hiệp hoặc đã được nước Nhật bằng lòng rồi chăng.

Hiện ở cửa ải trọng-yếu Trường-thành cùng quân Nhật, đối-lũy chỉ có một bộ quân Tống Triết-Nguyên, quân Tống dù đánh luôn được mấy trận, nhưng cũng thiệt hại mệt nhọc lắm, vậy mà Tưởng không thêm quân viện, e có ngày quân Tống sẽ sức kiệt mà lui như quân đạo 19 ở Thượng-hải vậy.

Nếu quả như Tưởng Giới-Thạch mà không quyết-tâm chống Nhật, thì Mãn-châu hẳn là mất về Nhật đã đành, mà cả đến miền Hoa-bắc cũng có khi đến nguy-vong mất.

Lời tuyên-bố của Nhật-bản và của Trung-hoa.— M. Matsuoka và M. Quách Thái-Kỳ dùng vô-tuyến điện-thoại tuyên-bố cái ý-kiến của mình về việc phân-tranh Trung Nhật. Quan đại-sứ Trung-hoa nhắc lại cái án của Hội Vạn-quốc, cho rằng nước Trung-hoa bị kẻ vô-cố đến khiêu-chiến. Ông nói cái án của Hội Vạn-quốc không phải chỉ theo về phương-diện luật-pháp, nhưng lại xét về các việc đích-thực hiển-nhiên. Ông nói một phần công-chúng tưởng lầm Trung-hoa hay gây nên sự khó khăn cho các lân-bang, và Nhật-bản thì có cái trách-vụ riêng bảo-hộ trật-tự ở Viễn-đông, và giữ gìn sự yên-tĩnh cho kiều-dân ngoại-quốc ở Trung-hoa. Chánh-phủ Trung-hoa không có ý bài-ngoại, sẵn lòng tìm cách noi theo sự tiến-bộ của tây-phương, và sẵn lòng hiệp-tác với tây-phương. Chính người Nhật mới là bài-ngoại, mọi việc trong nước đều về quyền bọn quân-phiệt, và không chịu hiệp-tác với liệt-quốc. Người Nhật không làm cho Trung-hoa được hưởng bình-an đâu, nhưng làm cho Trung-hoa bị tai hại. Buổi khủng-hoảng này sẽ làm cho Trung-hoa phải chịu nhiều nỗi khổ-thống. Vậy Trung-hoa mong rằng nước Anh sẽ làm gương cho thế-giới, mà chớ giúp đỡ cho Nhật về đường ngoại-giao, đường tài-chính, và đường thương-mại, để làm cho cuộc chiến-tranh chóng kết-liễu.

M. Matsuoka thì hô-hào với nước Anh, để khiến cho nước Anh hiểu cái tâm-lý của Nhật-bản. Quan đại-sứ Nhật thuật lại đầu đuôi về việc phân tranh Trung Nhật, rồi ông kể mọi việc tốt của Nhật đã làm ở Mãn-châu-quốc, và bày tỏ mọi lẽ cho việc đánh Nhiệt-hà không phải là một việc xâm lược, nhưng chẳng qua là một việc tuần-tiễu biên-cảnh mà thôi. Ông có nói: khi Nhật-bản giúp cho Mãn-châu-quốc trừ quân thổ-phỉ ở phía bắc, và phía nam Mãn-châu-quốc, sao lúc bấy giờ Hội Vạn-quốc không nói gì. Đến nay Nhật-bản tuần-tiễu ở Nhiệt-hà thì Hội Vạn-quốc lại nghĩ thế khác. Nhật-bản không đòi lấy Mãn-châu-quốc là bờ cõi của mình kia mà. Ông nói Hội Vạn-quốc không chịu xét mọi việc thực-tế hiển-nhiên, và ông nói cái mục-đích của Nhật-bản là khôi-phục và bảo-hộ sự bình-an ở phương đông Á-châu.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 3 năm 1933)

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý.— Ngày mồng 1 tháng 3 này, quan Toàn-quyền Đông-dương cùng quan Thống-đốc Nam-kỳ đi kinh-lý các miền Mọi ở giáp giới Nam-kỳ và Cao-miên. Ngài đi qua núi *Bara* đến *Budop*, đi khám con đường nối với đường Sài-gòn — *Sreklum*, đi thăm mấy đồn binh ở chỗ cây số 25, 55 va 70, cùng chỗ cây số 75 trên cao-nguyên là chỗ sắp lập một đồn binh nữa. Rồi Ngài sang *Pnom-Penh*, đi *Battambang*, đi thăm các công-việc làm đường xe lửa *Battambang* đến *Chandeusua* và *Mongkalborey*. Ngày mồng 6 đã trở về Sài-gòn.

Đúc tượng Phật Địa-tạng ở chùa Hợp-phúc.— Ngày 12 tháng 3-1933 (17 tháng 2 ta), hội Hợp-thiện Hà-nội đã làm lễ đúc một tòa tượng Địa-tạng ở chùa Hợp-phúc.

Quan Toàn quyền tới Huế. — Ngày 15, quan Toàn-quyền đã từ Sài-gòn ra tới Huế để dự lễ Nam-giao,

Lễ Nam-giao. — Ngày 16 tháng 3 (là ngày 21 tháng 2 ta), đức Bảo-đại đã làm lễ tế Trời tại đàn Nam-giao, Huế, các lễ-nghi lược như sau này :

1) Ngày 17 ta, quan Thái-thường bộ Lễ dâng pho tượng đồng (đồng nhân) vào Đại-nội, pho tượng đồng ấy tạc hình một vị quan mặc lễ-phục, cầm cái bản có khắc hai chữ « trai-giới » nghĩa là ăn chay và kiêng hết các điều khác, đặng Hoàng-thượng ghi nhớ để lòng trước khi làm lễ.

Ngày 18 quan Hữu-ty bộ Lễ đem các thứ tế-phẩm và tế-khí vào nơi thần-khố, đặng sửa soạn và lau chùi cùng trần-thiết trên ba tầng đàn Giao và nơi Trai-cung, là nơi cung mà Hoàng-thượng sẽ ở lại đêm 20 ấy, tức là khi giờ sửu ngày 21 làm lễ tế Giao mà cầu phúc cho trăm họ.

Ngày 19 bộ Lễ phái quan Tôn-tước làm lễ kỳ-cáo tại Thái-miếu và Thế-miếu.

Ngày 20 tại nền cột-cờ và các nơi công-thự treo cờ thắp đèn, suốt dọc hai bên đường, từ cửa Ngọ-môn đến đàn Giao dóng hương-án và lỗ-bộ cờ-xí, pho tượng đồng-nhân cũng sáng ngày ấy đệ lên trai-cung (đã kể trên kia).

Sáng ngày ấy quan Phò-liễn đại-thần đốc sức quân lính, chỉnh-bị các thứ nghi-trượng lỗ-bộ, cờ-xí voi ngựa, bài liệt trước điện Cần-chánh và trước cửa

Ngọ-môn. Khi trong ngoài đã nghiêm-chỉnh rồi, thì phụng Hoàng-thượng ngự khăn vàng, áo rộng vàng, cầm hốt trấn-khuê, ngự tại nơi bửu-tọa điện Cần-chánh, một vị đại-thần bộ Lễ ra tâu xin sắc mạng Hoàng-thượng để quan lưu-thủ giữ kinh-thành trong khi Hoàng-thượng ngự lễ tế Giao, rồi quan lưu-kinh (quan Quận-công Nguyễn Hữu-Bài) ra bái mạng, rồi phụng Hoàng-thượng lên kiệu, từ đại-cung-môn ra cửa Nhật-tinh, ra điện Thái-hòa rồi ra cửa Ngọ-môn, tại kỳ-đài phát 9 tiếng súng lệnh, một đạo giá-ngự tiền hô hậu ủng, đủ các thứ nghi-trượng, phần nhiều đã chế tạo mới lại cả, trông có vẻ rất rực rỡ và oai-nghi. Các vị Hoàng-thân cùng văn võ bá-quan theo hầu ngự, khởi-hành từ 8 giờ mai, ngự đến Trai-cung, tại nơi ấy đã có các quan chực sẵn để nghênh-tiếp Ngự-giá vào Trai-cung, rồi Hoàng-thượng ngự thay thường-phục an nghỉ, còn bá-quan đều lui về các nhà quán-cư ở sau đàn Giao.

12 giờ trưa Hoàng-thượng lại ngự áo rộng, khăn vàng và ngự điền tánh danh Ngài vào tờ chúc văn. Nguyên tờ chúc-văn lễ tế Giao đã viết sẵn, chỉ chừa lại ngự tánh danh Hoàng-thượng điền vào khi ấy, rồi quan Thái-thường lại đem lên để tại nơi Giao-đàn, sau khi ấy các phẩm vật tế lễ để tại đàn Giao đã kiểm lại và niêm khằng cẩn thận, giờ mùi (3 giờ chiều) một vị Hoàng-thân cùng quan Khoa-đạo và Quan-lộc với 7 ông thuộc-viên của 7 bộ đến nhà thần-trú xem xét các sinh-vật (tam-sinh) đặng làm sạch-sẽ cẩn-thận.

Chiều hôm ấy khi 4 giờ rưỡi, Hoàng-thượng ngự đến Giao-đàn, suất đình-thần diễn-tập lễ Giao. sự diễn-tập này diễn đủ cả các lễ như khi làm lễ tế Giao, chỉ trừ ra không có các thứ lễ-phẩm mà thôi; các quan-lại được giấy vào xem, và nhân dân nam, phụ, lão, ấu cũng được vào xem rất đông. Sự này đối với các năm khác thì có cải-cách, vì các kỳ lễ tế trước những người được phép vào xem thì chỉ toàn là đàn ông mặc Nam-phục, lại chỉ được phép xem đàn thứ hai mà thôi, mà năm nay suốt cả 3 đàn trên dưới, người ta xen lẫn Nam-phục và Âu-trang, nam, phụ, lão, ấu chen chật xem rất đông, ấy là một điều cải-cách vậy.

Sau khi diễn-tập rồi, đến tối lại trong ngoài nghiêm-chỉnh, canh phòng cẩn-thận, đêm ấy trời tạnh trăng sáng, quanh đàn Giao suốt đêm người đi xem thường đông; đúng ba giờ sáng tức là giờ sửu ngày 21 khởi-hành tế lễ, khi hành lễ, có quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ và các đại-hiến quí-quan vào thị-lễ. Trong khi hành lễ, đã diễn nên một đại-lễ rất trang-nghiêm, mà đến 4 giờ thì lễ thành.

Sáng ngày 21 tức là 16 *Mars* 1933, hồi 8 giờ sáng Hoàng-thượng ngự giá hồi cung, bá-quan tùy giá vào đến Đại-nội, quan Lưu-thủ lại đến trước bửu-tọa nạp cờ và bài, rồi bái-mạng tam-khấu-đầu rồi lui ra cùng bá-quan giải-tán.

Tiền chi-phí về lễ Nam-giao này có tới hơn vạn bạc.

Lễ Gia-tôn và lễ Tấn-phong. — Trong ba ngày 19, 20 và 21 (là ngày 24, 25 và 26 tháng 2 ta), tại Triều-đình Huế phụng lời chỉ-dụ đức Bảo-đại đã làm lễ Gia-tôn đức Thánh-cung, đức Tiên-cung và lễ Tấn-phong đức Từ-cung.

Đức Thánh-cung (là Đích-tổ-mẫu vua Bảo-đại) trước là « Khôn-nguyên Hoàng-Thái-hậu », nay gia-tôn là « Khôn-nguyên Xương-minh Thái-hoàng-thái-hậu »,

Đức Tiên-cung (là tổ-mẫu vua Bảo-đại) trước là « Khôn-nghi Hoàng-thái-hậu », nay gia-tôn làm « Khôn-nghi Xương-đức Thái-hoàng-thái-hậu ».

Đức Từ-cung (là sinh-mẫu vua Bảo-đại) nay tấn-phong làm « Đoan-huy Hoàng-Thái-hậu ».

Ba lễ ấy làm tại cung Diên-thọ, cung Trường-sinh và điện Dưỡng-tâm. Các lễ-nghi đại-lược như sau này :

Trước 9 giờ sáng Hoàng-thượng ngự trào-phục, văn-võ đình-thần, Hoàng-thân, Công-chúa, mạng-phụ, thích-lý, thảy mặc trào-phục, thịnh-phục tại trước sân chầu, theo phẩm-trật mà bài ban, đúng chín giờ, Thánh-cung giá-ngự đến, ngự lên bửu-tọa, Hoàng-thượng suất đình-thần theo ban thứ đứng chầu, một vị đại-thần bộ Lễ cung kính đến trước ngự-tiền dâng trấp kim-sách (quyển sách vàng) chạm lời Chỉ-dụ gia-tôn của ngài, một cái ấn ngọc và một thanh bửu-kiếm trao dâng Hoàng-thượng ; Hoàng-thượng tiếp lấy nâng cao quá trán rồi xá ba xá lại trao cho quan đại-thần ấy, quan đại-thần lại quì xuống mở trấp lấy kim-sách đem tuyên-đọc, rồi lại để vào trấp, cung-kính đem tôn-trí tại nơi bửu-tọa, tại kỳ-đài phát 9 tiếng súng lệnh, Hoàng-thượng suất đình-thần (đã kể trên kia) làm lễ Ngũ-khấu-đầu, vừa khi ấy quan Khâm sứ cùng các quan Đại-hiến phủ Khâm-sứ đến nơi, quan Khâm-sứ lên điện đọc tờ chúc mừng ngày thịnh-lễ. Hoàng-thượng đáp từ xong lại cùng quan Khâm-sứ và đình-thần mở tiệc rượu mừng, ấy là khi đại-lễ đã xong, tại kỳ-đài lại phát 3 tiếng súng lệnh.

Ba lần đại-lễ, triều-nghi và nghi-chú đại-lược như thế cả, tiếp về sau thì có các tiệc yến ban cho văn võ đình-thần cùng Hoàng-thân, Công-chúa, Mạng-phụ, v. v.. và từ ngày 29, tại nhà Duyệt-thị sẽ hát suốt 3 ngày.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Sáng ngày 21, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đi kinh-lý hạt Thanh-trì, tỉnh Hà-đông. Ngài đi thăm trường học và nhà hộ-sinh của làng Văn-điển, và đến thăm lò rượu của Bắc-kỳ Nam-tửu công-ti.

Đoạn, quan Thống-sứ về thăm làng Thanh-liệt xem Ấu-trĩ-viên, trường học, nhà hộ-sinh và giếng nước của làng ấy có bể lọc nước, rồi Ngài về Hà-đông xem nhà Mĩ-nghệ mới, hồi 11 giờ Ngài trở về Hà-nội.

Johore quốc-vương dâng đức Bảo-đại một tấm bội-tinh. — Ngày 22, Johore quốc-vương có gửi quan Lãnh-sự Pháp ở *Singapore* một tấm bội-tinh nhờ chuyển dâng đức Bảo-đại để tỏ tình thân-ái và cảm-tạ sự tiếp-đãi quốc-vương trong khi du-lịch ở Huế độ trước,

Khánh thành đường điện-thoại từ Hà-nội đến Huế. — Sáng ngày 24, quan Toàn-quyền đã khánh-thành đường điện-thoại từ Hà-nội đến Huế là đường sở Bưu-điện mới đặt xong. Quan Toàn quyền dùng điện-thoại nói chuyện với quan Khâm-sứ Trung-kỳ và đức Bảo-đại.

Từ Huế vào *Tourane* trước vẫn có đường điện-thoại, vậy thì đường điện-thoại đã thông từ Hà-nội vào đến *Tourane* rồi.

Sở Bưu-điện đã thông-tư rằng kể từ ngày mồng 1 tháng 4 năm 1933 trở đi đường điện-thoại Hà-nội đến Huế sẽ mở cho công chúng dùng. Tiền cước nói chuyện trong ba phút từ Hà-nội đến các nơi định như sau này :

Huế 1$65 ; Tourane 1$80 ; Bana 1 $ 80 ; Faifoo 1 $ 95.

Lễ phong tước quận-công. — Ngày 26, ở Huế tại bộ Lại làm lễ phong-tước Phước-môn quận công cho quan Thủ-tướng Nguyễn Hữu Bài. Các quan đại-thần trong Triều đều đến dự lễ.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Sáng ngày 27, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ Pagès chủ-tọa.

Quan Toàn-quyền đi xem tập trận. — Ngày 30 tháng 3, quan Toàn-quyền PASQUIER đi xem cuộc tập trận ở Lạng-sơn buổi tối ngài lại trở về Hà-nội.

Quan Khâm-sứ CHÂTEL *về Pháp.* — Ngày 30 tháng 3 này, quan CHÂTEL Khâm sứ Trung-kỳ đã khởi-hành về Pháp.

Gạo và ngô ở Bắc-kỳ xuất-cảng. — Trong ba tháng đầu năm 1933, ở Bắc-kỳ đã bán ra ngoài cả thảy 9.500 tấn gạo và 3.000 tấn ngô.

Giới-thiệu sách mới

Đông-phương y-học toát-yếu. — Của Đông-phương y-quán (nº 72-74 hàng Bông Hà-nội) mới xuất-bản hai quyển : *Y-lý* và *Y-phương*. Quyển *Y-lý* dầy 88 trang có 97 mục, đại-khái như giải nghĩa về ngũ-hành, bát-quái, ngũ tạng, lục-phủ, âm dương thủy hỏa, khí huyết, lục dâm, thất tình, v.v. Quyển *Y-phương* dầy 131 trang, trong có 9 mục, như mục điều trị tứ-thời cảm-mạo, bệnh thương-hàn, bệnh ôn-dịch, ho-lao thổ-huyết, cấp-cứu nguy-hiểm, cùng các tạp-chứng, đàn bà thai-sản và bệnh trẻ con, cuối cùng tổng-luận về các chứng bệnh, v. v. Xem ra cũng đã toát-yếu được nhiều, mục nào rành ra mục ấy, mà giải nghĩa cũng kỹ. Người nước ta là dân-tộc phương đông, quen dùng thuốc phương đông, đã mấy nghìn năm, há lại không nên nghiên-cứu y-học phương đông hay sao? Huống chi các thánh hiền Đông-phương ta đã từng phát-minh về khoa y-học cũng nhiều, mà thuần là sách chữ Hán cả, y-lý tinh thâm, y-phương châm-chước cũng đã đủ mặt, nỡ nào lại để cho mọt nát đi mà không ai lục ra để toát-yếu phiên dịch ra hay sao? Tức như những sách *Nội-kinh*, *Tố-vấn*, *Thạch-thất*, *Cảnh-nhạc*, *Trọng-cảnh* chuyên trị về bệnh thương-hàn, *Phùng-thị* sở-trường về trị hư-lao, *Tỉnh-y* sách danh về chứng ôn-dịch, *Y-lâm* tinh lý về mặt trục ứ, lại còn những sách *Nhi-khoa*, *ngoại-khoa*, *Y-tôn kim-giám* v. v. Nước ta thì có cụ Lãn-ông đã gia công nghiên-cứu mà sưu-tập lại in ra thành sách cũng nhiều, đã có tiếng về khoa Y-học. Đến nay thì sách cũ linh-tinh, thầy hay lác-đác, biết ai là lương-tướng lương-y. Nay ông Hạc-đảo lão-nhân Nguyễn Hữu-Cự mới dựng ra Đông-phương y-quán, lại hay cùng các đồng-chí nghiên-cứu về y-học, muốn toát-yếu hết cả các sách của thánh hiền mà phiên dịch ra, cái công-phu ấy tưởng cũng khó thay! Mà ông lại hay lấy người đông phương, lưu tâm đến khoa y-học đông-phương, thì chính là một việc cần cấp nên làm, mong sao cho có hiệu-quả, mà cốt nhất là phải gia công thận-trọng mà phiên-dịch dần ra cho đủ toàn bộ 16 quyển. Bản-chí vui lòng giới-thiệu cùng chư duyệt-giả.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.	
(In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA (1)

III

Dằm Một dằm ngồi, dằm ồ.

Giằm Giằm xóc vào tay.

Rằm Trăng rằm.

Giằm Giằm lại (cho khỏi hở ra), cấy giằm

Dặm Một dặm đất (vừa 1350 thước An-nam).

Giặm Nói giặm vào, xen giặm vào, giặm pha.

Giằn Giằn xuống đất, giằn-vật, giằn đồng bạc để thử tiếng.

Rằn Mèo rằn, gà rằn, nói cằn-rằn.

Rắn Con rắn, rắn rít, chất rắn (là cứng).

Dặn Dặn bảo, dặn dò.

Rặn (Nghĩa là rán sức ra), đàn bà rặn đẻ.

Giăng Giăng tay ra, cái mặt giăng (tức mặt trăng).

Răng Hàm răng, làm răng... (tiếng Trung-kỳ gọi nghĩa như « làm sao? »

Dằng Dùng-dằng (không quyết-định).

Giằng Giằng buộc, giằng nhau.

Rằng Nói rằng... dạy rằng... cười rằng-rặc.

Dắng Dúng dắng (cách lần lừa).

Dặng Một dặng núi.

Rắp Rắp đi, rắp làm, (là sắp-sửa làm), rắp-ranh.

Rặp Rặp nhau (là con chim trống rặp con chim mái).

Dắt Dắt-dìu, dắt nhau mà đi.

Giắt Giắt vào (trong kẹt), giắt vào lưng, đồ ăn giắt răng.

Dặt Dặt dìu (tiếng chim kêu), dặt-dém.

Giặt Giặt áo, tắm giặt, giặt gội.

Rặt Ròng rặt những là... chim rặt-rặt.

25e

Giấc Giấc mộng, giấc hoàng-lương (cũng là giấc mộng), giấc tỉnh, giấc say, đương giấc ngủ.

Dâm Dâm dục, hoang-dâm, mưa lâm-dâm.

Giâm Cái xương giâm.

Râm Hoa râm, nước chảy râm-râm, đau râm-rỉ.

Dầm Dầm mưa, dầm dề, khấn vái lầm-dầm.

Rầm Tiếng đồn rầm, rầm rực, rầm-rì (tiếng nói nhỏ), cái rầm tra.

Giấm Giấm thanh, chanh giấm.

Dậm Mực dậm ra nơi giấy, tờ giấy dậm.

Rậm Cây mọc rậm, rậm rì, hòn núi rậm.

Giẫm Giẫm chân, giẫm đạp, giẫm xuống đất.

Dân Dân-sự, dân-tình, nhân-dân, quốc-dân.

Rân Mụt mọc rần rân.

Dần Dần-dà, dần-dần, năm giáp-dần.

Giần Giần cho nhục xương đi, cái giần (để giần gạo).

Rần Huyết chạy rần rần.

Giận Giận hờn.

Rận Con rận (trong áo).

Dẫn Dẫn đường, dẫn lối, dẫn-thủy nhập-điền.

Dâng Dâng lễ vật (lên trên vua, trên quan), kính dâng.

Giấp Sáng giấp giới.

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 180.

Rấp	Ranh rấp, rấp ranh, thuyền rấp vào bờ.
Dập	Dập-dìu, dập xuống đất, dập lại một bên.
Giập	Đập giập ra (cho nhỏ cho mỏng).
Rập	Rập ràng, rập với nhau một nhịp.
Rất	Rất lớn (lớn lắm), rất tốt.
Dật	Dật-dục, (chơi-bời), dật lạc, du dật, dinh-dật thừa-thãi).
Rật	Bay rần-rật.
Dâu	Nàng dâu, dâu rể.
Giâu	Cây giâu (cho tằm ăn), cuộc bể giâu.
Râu	Hàm râu, râu mày.
Dầu	Dầu đèn, vi dầu mà...
Giầu	Bà giầu (người làm mai, mụ trùm đĩ), giầu cau.
Rầu	Buồn rầu.
Dấu	Dấu tích, con dấu.
Giấu	Thu giấu, giấu-giếm.
Dẫu	Dẫu mà...
Dây	Sợi dây, đau - đớn lây-dây (không hề bớt).
Giây	Một giây đồng hồ
Rây	Rây máu ra, tiếng đồn rây, cười rây lên, cái rây (để rây bột).
Rầy	Rầy-rà, rầy lộn nhau, la rầy, bầy-rầy, con rầy (loài sâu), đường rầy xe lửa.
Giấy	Tờ giấy.
Dậy	Thúc dậy, ngồi dậy, giặc nổi dậy.
Rẩy	Run rẩy.
Rẫy	Làm rẫy (là đốt núi để giồng lúa).

26e

De	Cây de.
Re	Re ra ngoài gió, re cho mau khô.
Dè	Dè dặt (cách ăn nói cẩn-thận).
Giè	Giè giữ, không giè đâu... (không ngờ đâu).
Rè	Rè rè, rè giọng ra, nói rè rè.
Ré	Cười ré lên, lúa ré.
Dẻ	Cây dẻ.
Giẻ	Tấm giẻ rách.
Rẻ	Giá rẻ, rẻ rúng.
Giễ	Đất giễ xuống, (là nín xuống).
Rẽ	Rẽ hai ra, rẽ đường ra, rẽ mái tóc ra, lìa rẽ đôi đường.
Gièm	Gièm chê, gièm pha.
Rèm	Bức rèm (như bức diềm mà thô hơn).
Dém	Dặt dém.
Rèn	Thợ rèn, tập rèn.
Rén	Rón-rén, ren-rén (cách đi lén).
Rẹn	Rẹn cây (tức rễ cây).
Deo	Deo lại một chút (nhỏ lại).
Gieo	Gieo giống xuống đất.
Reo	Reo hát, reo cười, nước chảy reo róc.
Gièo	Lừa gièo.
Rèo	Rèo trâu, con trẻ rèo lấy (không rời ra).
Réo	La réo, bụng đói réo, khóc réo róc.
Dẻo	Dẻo dai.
Rẻo	Cắt rẻo, rẻo thịt ra.
Giép	Giày giép.
Dẹp	Dọn dẹp, hột lúa dẹp, con mắt dẹp.
Rét	Nóng rét.
Rẹt	Tiếng rèn-rẹt.

27•

Dê	Con dê, trâu dê.
Rê	Rê vào cho gần.
Dề	Ướt dầm dề.
Giề	Giề miệng ra, giề môi ra.
Dể	Khinh dể, dể ngươi.
Rể	Chàng rể.
Dễ	Khó dễ, dễ dàng.
Rễ	Rễ cây.
Dếch	Dếch chân lên.
Rêm	Đau rêm cả người.
Dên	Dên sảy, dên lúa, dên dóc.
Giền	Cây rau giền.
Rên	Rên rỉ
Rền	Rền giọng, rền trết lại (nói không ra tiếng), rền trết lại.
Rêng	Rêng van.
Dênh	Dênh lên (như là đỡ lên).
Rệp	Con rệp (loài trùng hay ở nơi giường nơi ngựa).
Dệt	Thêu dệt, dệt lụa.
Rêu	Cỏ rêu (là thứ cỏ sinh dưới nước).
Rếu	Rêu rếu (cách muốn té ngã), rếu rảo (cách long động, không kiên-cố).
Rệu	Mục rệu (gần hư nát), rệu-rạo.

28•

Di	Man-di, di-dịch, thiên-di, di-trú.
Ri	Làm ri, (Trung-kỳ dùng như tiếng « làm vậy ».
Dì	(Chị em mẹ) dì giượng.
Rì	Rù-rì, rậm-rì, xanh-rì, tiếng nói rầm-rì.
Rí	Rí hồn lên (là phù hồn ông bà lên).
Dĩ	Sở-dĩ, dĩ-tri... (cho đến nỗi), bất-đắc-dĩ.
Rỉ	Rầm-rỉ, rủ rỉ (cách ăn nói thong thả), rỉ nước ra.
Rĩ	Rầu-rĩ.
Ria	Râu ria.
Rìa	Râu rìa, lá cờ rìa.
Dĩa	Cái dĩa (đựng đồ ăn).
Rỉa	Quả rỉa (tức con quả mổ).
Rích	Chuột chạy rúc-rích.
Rịch	Rục-rịch (toan làm việc chi đó).
Diệc	Con chim diệc (tức chim triết).
Diêm	Bao diêm, diêm thuế (là thuế muối), vua Diêm-vương.
Riêm	Riêm rua (cách sạch-sẽ).
Diềm	Bức diềm treo.
Diễm	Diễm dạ (nết-na), diễm-lệ (xinh đẹp).
Diên	Diên-trì, khiên-diên.
Diện	(Là mặt) diện-mạo, nhan-diện, đối-diện, phương-diện, diện-tich.
Diễn	Diễn-thuyết, diễn-đàn (đàn diễn-thuyết), diễn-trường (trường hát bội), diễn nghĩa.
Giêng	Tháng giêng.
Riêng	Riêng tư, chung riêng.
Diềng	Láng-diềng.
Riềng	Củ riềng, nói cà riềng.
Diếp	Bữa diếp (trước bữa qua), cây cải diếp.
Diệp	(Là lá) hoa diệp hoa và lá), vàng diệp
Giết	Chém giết.
Riết	Riết-ráo, buộc riết lại, ăn ở keo riết.
Diêu	Tôn diêu (dòng-dõi), tiêu diêu (xênh-xang).
Diều	Dập-diều, con chim diều, cái diều (của loài chim).

Gìm	Gìm xuống cho sâu.
Gìn	Gìn-giữ.

29e

Do	Căn-do, tự-do, do-dự (cách không quyết-đoán), cái do đơm chim.
Gio	Gio ra phía ngoài, gio miệng ra, gio vô gio ra, mun gio (mun tro).
Ro	Đi thẳng ro
Dò	Dò xét, dò la, dò thám
Giò	Cái giò gà.
Dò	Rò-rè (mới biết hơi hơi).
Dó	Cây dó (làm ra giấy), giấy dó.
Gió	Mưa gió.
Ró	Cái bị ró.
Rọ	Cái rọ (nhốt heo, hay đơm cọp).
Giỏ	Cái giỏ (để đựng đồ, như là giàu, v. v...)
Rỏ	Ngồi xo rỏ.
Rõ	Rõ-ràng, tỏ rõ, mắt xem rõ.
Doãn	Du-doãn (bằng lòng), bình-doãn (công-bình), lệnh-doãn (quan huyện).
Doanh	Kinh-doanh (tức là kinh-dinh), doanh-nghiệp (làm ăn).
Dóc	Dóc lòng.
Gióc	Gióc tóc lại, gióc miệng lên mà nói.
Róc	Nước chảy róc-rách, khóc rói róc.
Dọc	Phía dọc, dọc ngang, dọc đường.
Rọc	Rọc tờ giấy ra.
Doi	Doi đất, cồn doi.
Roi	Roi vọt,
Rói	Khóc rói, rói róc.
Giọi	Soi giọi, ánh sáng giọi vào.
Dõi	Dòng-dõi theo dõi, đi dõi theo sau.
Giỏi	Học giỏi.
Rỏi	Rảnh rỏi, công việc rỏi, (là việc rảnh).
Rom	Ốm rom, rom rỉ.
Dòm	Dòm ngó, dòm dõi.
Rọm	Con sâu rọm, hình vóc cọm-rọm.
Giòn	Giòn-giã (cách ăn nói lanh bặt), giòn bở (hay gẫy).
Rón	Rón-rén.
Dọn	Dọn dẹp.
Dong	Dong túng, dong-thứ (tức dung tha).
Giong	Bộ chân giong (đặt dưới ghế ngựa).
Rong	Rong rêu (là hai thứ cỏ ở dưới nước), đi chơi rong, rong-ruổi ngoài đường, thả rong (không chăn giữ).
Dòng	Dòng họ, dòng-dõi, dạo dòng, dòng nước chảy.
Giòng	Giòng-giã (cách dự-định trong ý).
Ròng	Ròng rặt, tinh ròng, nước ròng.
Gióng	Đôi gióng (để gánh nước), gióng phương-hướng.
Giọng	Giọng nói, giọng hát.
Dõng	Tráng-dõng (mạnh bạo), võ dõng.
Giỏng	Lỏng-giỏng (dáng người cao).
Róp	Róp rép (cách gầy ốm).
Dọp	Dọp-dẹp (phía trong không chắc).
Rọp	Rọp-rẹp (cách hư-xễ).

30e

Rô	Con cá rô.
Rồ	Điên rồ, cười rồ lên.
Giồ	Giồ-ky, ống giồ, giồ nước miếng

Rổ	Cái rổ, (đựng đồ).
Dỗ	Dỗ-dành, khuyên dỗ, dạy-dỗ.
Rỗ	Mặt rỗ (vì lên đậu).
Giốc	Mái nhà giốc.
Dôi	Dôi ra một đoạn, dôi dai.
Dồi	Dồi lên dồi xuống, (theo ngọn sóng), dồi-dào.
Giồi	Cái giồi lợn.
Rồi	Xong rồi, rồi việc.
Dối	Dối-trá, nói dối.
Rối	Bối-rối, rối-rít, rối như tơ.
Giội	Sóng giội lên.
Rội	Rội thêm đồ ăn.
Giổi	Cây giổi.
Dồn	Dồn lên (ở phía trên).
Rốn	Ăn rốn (ăn gắng).
Rộn	Rộn-ràng, rộn-rịp.
Dông	Dông-dài, dông-tố.
Rông	Cái bút rông.
Rồng	Con rồng, rồng mây.
Giống	Nòi giống, giống nhau, giống như...
Dộng	Dộng vào cho nhiều.
Rộng	Rộng lớn, rộng rãi.
Rỗng	Rỗng gió (tức trống gió).
Dốt	Dốt-nát, ngu-dốt.
Dột	Dại-dột, nhà bị dột.
Rột	Rầm-rột (cách trang-hoàng), ăn mặt rột lắm.

31

Dơ	Dơ tay lên, dơ bẩn.
Giờ	Giờ khắc, bây giờ, bấy giờ (như nói hồi đó).
Rờ	Rờ mò, rờ-rận, rù-rờ, rờ-rờ.
Rớ	Cái rớ (để bắt cá).
Rợ	Mọi rợ.
Dở	Dở nhà dậy, dở sách ra, mùa dở, dở ráo.
Giở	Văn-chương giở lắm, con người ương giở.
Rở	Đàn bà rở (nghĩa là muốn trai).
Rỡ	Rực-rỡ, rỡ-ràng.
Dợc	Dợc nắp lên, (như là lọc lên).
Dơi	Con dơi-dơi.
Rơi	Rơi xuống đất, rơi rớt (rơi lụy).
Dời	Dời đi (chỗ khác), dời chân, dời rộng.
Giời	Giời đất, mặt giời.
Rời	Rời-rạc, rời nhau, rụng-rời.
Giới	Giới-hạn (tức giái-hạn), thế-giới, nam-giới, nữ-giới, học-giới, chính-giới, giới-thiệu (là đem chuyện người này tỏ với người kia), sáng giấp-giới.
Rơm	Rơm rác, rơm rã.
Rờm	Rờm tai, cây cối rờm-rợp.
Rớm	Rớm nước mắt (muốn khóc).
Giởm	Nói giởm (nói phỉnh lừa cho người ta được mừng).
Giởn	Chơi giởn, giởn khớt.
Rợp	Lúa rợp (cách lúa tốt).
Rớt	Rơi-rớt, rớt xuống đất.
Rợt	Rợt cơm, rợt hai ra, bở rợt.

32

Du	Du-đãng, du di, du-lịch, du-dương (đem sự tốt người khác mà nói khắp nơi).
Ru	Ru võng, ru con, lời nói êm như ru.
Dù	Cái dù (tức là cái ô), dù mà...
Rù	Rù-rì, rù-rờ.
Rú	Rú rừng,
Dụ	Dụ chỉ, chỉ-dụ, hòa-dự, ví-dụ như...
Rụ	Chết rụ, rụ mạng.
Dủ	Dư dủ (thừa phải).

Rủ	Rủ áo đi, rủ diềm xuống, rủ nhau đi chơi.
Dua	A-dua.
Rua	Sao rua.
Rùa	Con rùa (con qui).
Giũa	Cái dao giũa (của thợ cưa), cạo giũa.
Rủa	Chửi rủa, rủa mắng.
Dục	Dục-nguyện (lòng muốn), nhân-dục, dâm-dục, giáo-dục, đức-dục, trí-dục, thể-dục.
Giục	Xui-giục, giục-giã, giục-hối.
Dui	Gió đã dui, dui lòng (không hăng-hái nữa).
Rui	Cái rui (trên đòn tay nhà),
Dùi	Năng dùi.
Giùi	Cái giùi trống.
Dụi	Dụi lên (là lôi lên chỗ cao).
Dung	Dung túng, thung-dung, dung-nhân (người tầm-thường), dung-quân (vua tầm-thường, hèn).
Rung	Rung động, rung-rinh.
Dùng	Dùng người làm việc, dùng-dằng (không quyết).
Dúng	Dúng dắng (không quyết).
Rúng	Nói rúng cho người ta sợ.
Dụng	(là dùng) dụng-nhân, dụng-mưu, dụng-tâm, dụng-lực.
Rụng	Rụng rời, lá cây rụng.
Ruốc	Mắm ruốc.
Ruôi	Con ruôi (cái sắt nhọn để quấn vải sợi).
Ruồi	Ruồi muỗi.
Duỗi	Duỗi chân ra (cho thẳng).
Ruổi	Rong ruổi (cách ngựa chạy).
Duốm	Duốm tay vào chàm.
Ruộm	Thợ duộm, duộm áo.
Duồng	Đi duồng theo.
Ruộng	Đất ruộng, ruộng vườn.
Ruốt	Chạy thẳng ruốt, rong ruốt.
Ruột	Ruột thịt.
Duy	Duy trì, duy tân, chỉ duy...
Dụy	Dụy nặc (dạ với ừ).
Duyên	Duyên phận, duyên cố, tình duyên, nhân-duyên, duyên giang (dọc bờ sông).

33•

Dư	Dư tình, dư-luận, dư thừa, dư-dật, dư-hạ (buổi thong-thả).
Dự	Du-dự, dự tiệc, can-dự, không dự chi đến.
Dữ	Hung dữ, độc dữ, dữ tợn, làm chi dữ quá.
Dưa	Quả dưa.
Dừa	Quả dừa, sọ dừa.
Rứa	Làm chi rứa (tiếng Trung-kỳ dùng như « làm chi vậy? »)
Dựa	Dựa kề, nương dựa, dựa vào nơi thần thế.
Rựa	Con rựa (cái dao cong), rựa tan ra, học mới rựa rựa.
Giữa	Phía giữa, chính giữa.
Rửa	Tắm rửa, rửa thẹn, rửa cái cưa.
Dược	Dược-phẩm (đồ làm thuốc), dũng-dược (nhảy nhót,) bông thược-dược.
Rước	Đón rước.
Rươi	Con rươi (loài sâu ở nước, dùng làm mắm được).
Dưới	Trên dưới.
Rưới	Rưới nước, rưới quét.
Rưỡi	Một đồng rưỡi, rưỡi (là một nửa).
Dương	Khí dương với khí âm, thái-dương (mặt trời), dương-lịch, biểu dương, du dương (khen-ngợi chuyện tốt người nào), cây dương-liễu.

Rương Cái rương (đựng đồ).

Dường Dường ruộng, dường nào? dường như...

Giường Cái giường nằm.

Rường Cái rường nhà, rường lên (đem một cái lý-thuyết gì mà nói lên trước).

Rướng Rướng con mắt lên.

Giượng Ông giượng (tức ông trượng), cô giượng.

Dưỡng (Là nuôi) dưỡng khí (khí nuôi người), dưỡng dục.

Rượt Chạy rượt qua.

Rượu Rượu trà, uống rượu (cũng gọi là riệu).

IV.—D. Gi. V.

34e

Da Nước da, cây da, ngành lá dum da.

Gia Gia thêm, gia giảm, gia-quyến, gia-nghiêm (cha tôi), gia-từ (mẹ tôi), gia-huynh (anh tôi), gia-trưởng.

Va Anh va (như nói rằng anh kia), va nhằm (là đụng nhằm).

Già Già cả, già giặn, già non, già-yếu.

Và Và cơm, quả chuối và, và quan tiền (tức là vài quan tiền), cái nọ và cái kia.

Vá Võng dá.

Giá Danh giá, phẩm giá, giá trị, giá sắc, giá thú, giá họa (xô tai họa đổ cho người khác), cái giá (gác đồ), giá phỏng mà...

Vá May vá, cái vá (tức là cái muỗng lớn).

Dạ Dạ vâng, hôn dạ (đêm tối), bụng dạ, dạ-soa (con quỉ), một tấm dạ.

Giạ Một chiếc giạ.

Vạ Tai-vạ, vu vạ, bắt vạ.

Dã Dã-man, sơn-dã, phác dã, (quê mùa).

Giả Giả-dối, giả-trá, giả-mạo, giả ơn, độc-giả.

Vả Xỉ vả, vả vào miệng, vả lại... con gà vả, quả vả (như quả sung mà lớn hơn).

Giã Giã độc ra, giã cho lọt ra. Giã gạo.

Dác (Phía ngoài của khúc gỗ chưa vào tới ròng).

Giác Giác-khẩu, cảm-giác, tri-giác, giác-quan (các phần việc tri-giác trong thân-thể), bát-giác, hào bạc giác-lộc, giác giao.

Vác Gánh vác, xóc vác.

Dạc Bông lá dạc xuống

Giạc Vóc giạc, giạc chừng, giạc hai ra.

Vạc Đẽo vạc, vạc giường, xanh vạc, con chim vạc.

Vách Tường vách.

Vạch Cái vạch, (của thợ may), vạch hai ra, vạch lá tìm sâu.

Dai Nói dai, dẻo dai.

Giai Giai-nhân (người đàn bà tốt), giai-tế (rể tốt), giai-ngẫu (đôi lứa tốt), giai-tác (bài văn hay), giai-cấp, thê-giai.

Vai Hai vai, vai vác, lễ củi vai.

Dài Dài ngắn.

Vài Cái vài nhà, vài ba đồng.

Dái Hòn dái.

Vái Khấn vái, vất vái.

Dại Dại dột, khôn dại.

Vại Cái vại (đựng nước).

Dải Cái dải áo.

Giải Treo giải, giải nguyên, giải ngạch, phân-giải, giải-quyết, giải-thoát, giải-phiền.

Vải Bông vải, ông vải, quả vản (lệ chi).

Dãi Bọt dãi.

Giãi Phơi giãi, giãi nắng, giãi dầm.

Vãi Vãi thóc xuống đất, vãi chài, bà vãi.

Dam Con dam (hình như con cua mà nhỏ).

Giam Giam cấm.

Dám Dám cả gan, không dám.

Giám Giám-định, giám-lâm, quốc-tử-giám, giám-sinh.

Dạm Dạm vợ.

Giảm Giảm bớt, giảm phân.

Dan Dan-díu (không rời nhau được) dan tay.

Gian Gian-tế, gian-tham, gian-dâm, gian-nan (cuộc gian nan trong đời), gian-truân, Thời-gian, (khoảng thì-giờ).

Van Van la, than van, van vái.

Dàn Dàn ra (cho có thứ lớp).

Giàn Cái giàn bầu, cái giàn bông.

Vàn Vay vàn, thiên-vàn (thiên vạn).

Dán Dán lại (cho dính nhau).

Gián Gián-cách, gián-đoạn, can-gián, con gián.

Ván Tấm ván, trái đậu ván, đồng bạc ván, (tức hào đôi) một ván cờ.

Dạn Dạn gan, bạo dạn.

Vạn Ngàn vạn, một vạn thuyền.

Giản Giản-dị, giản-tiện, giản ước, đơn-giản, lưu-giản (đề bài thơ lại khi ra đi).

Dãn Dãn xương ra.

Vãn Tảo vãn (là sớm tối) bái-vãn, điếu vãn.

Dang Nói dang ra, thuyền chạy dang ra khơi.

Giang Giang-sơn, giang-hà, giang-giải (đóng gông mà giải), giang nắng, cây giang.

Vang Tiếng vang, đồn vang, vênh vang, vang đầu, cây vang (nhuộm áo được).

Dàng Dễ-dàng dịu-dàng, dàng con trâu lại.

Giàng Cái giàng (để mà bắn).

Vàng Vàng bạc, xanh vàng, vội-vàng, vững-vàng.

Dáng Hình-dáng, dáng-dấp, làm dáng.

Giáng Cách giáng, giáng hạ, giáng trần (xuống trần-thế), cây hương-giáng.

Váng Choáng váng, cái váng (là một lớp mỏng phía trên mặt).

Dạng Hình-dạng, bộ-dạng.

Giảng Giảng-giải, giảng-thuyết, giảng nghĩa.

Vảng Vang-vảng bên tai.

Vãng Vãng lai (qua lại).

Danh Danh-giá, danh-lợi, công-danh, danh-hiệu, danh-thiếp.

Gianh Con sông Gianh.

Vanh Vanh cho tròn.

Dành Để dành lại.

Giành Tranh giành, cây giành.

Vành Cái vành tròn

Vạnh Vặt vạnh, tròn vành vạnh.

Giảnh Giỏng giảnh (làm cách làm bộ).

Dao Dao viễn, dao dịch, miễn dao, cây tre dao mắt.

Giao Giao-ước, giao ngôn, giao kết, giao thông, giao thiệp, giao hồa.

giao-chiến, giao-dã (ngoại nội), xứ Giao-chỉ, đất Giao-châu, con giao (loài rồng).

Dào Mưa dào, dồi dào.

Vào Ra vào, đóng vào.

Giáo Giáo hóa, giáo-dục, giáo mác, giáo lá, (cách sửa-soạn trước).

Váo Vênh váo, vếu-váo, (không sửa sắn).

Dạo Đi dạo chơi, một dạo, (như một lần).

Vạo Nói vạo, (nói chuyện vô ích).

Giảo Gian giảo, giảo trá, giảo tử, (chết thắt cổ).

Giáp Giáp giới, giáp công, (hai bên đánh lại), giáp mặt, năm giáp-tý, giáp-ất, giáp-lịch.

Vát Thuyền chạy vát.

Dạt Dạt ra cho mỏng.

Giạt Trôi giạt.

Vạt Cái vạt áo, một vạt đất, vạt cần câu ra.

Dàu Sắc mặt dàu lại, (không tươi).

Giàu Giàu sang.

Vàu Cái vàu, (làm bằng mo cau) chàu vàu sắc mặt không tươi, không thư thái).

Giạu Cái giạu hoa.

Vẩu Chau vẩu (cũng là sắc mặt không tươi).

Day Day động, gió day cây rung động.

Vay Vay mượn, chay vay, (cách bị đánh đau đớn).

Dày Dày mỏng.

Giày Giày gấp, giày bừa, giày đạp.

Vày Trếu vày lại, vày vò.

Dạy Dạy bảo, dạy dỗ.

Vạy Cong vạy.

Dãy Một dãy núi, một dãy nhà.

Vãy Cái vãy cá, vi vãy, trở vãy.

35e

Vắc Con bò vắc sừng nhầm.

Dặc Dài dặc, dài dằng dặc.

Giặc Giặc nguỵ, giặc giã.

Vặc Đêm trường vằng-vặc.

Giăm Cái giăm giăm, (là một cái mụn tre hay gỗ rất nhỏ).

Dắm Một dắm ngồi, dắm ổ.

Giằm Giằm xóc vào tay.

Giắm Giắm lại, (cho khỏi hở ra), cây giắm.

Dặm Một dặm đất, (vừa 1350 thước An-nam).

Giặm Nói giặm vào, xen giặm, giặm pha.

Vẳm Chẳm vẳm, (sắc mặt nghiêm dữ).

Văn Văn họa, văn-minh, văn-hóa, văn-chương, văn-sĩ, kiến-văn, hồi văn, văn lại, (là vò sợi chỉ lại cho săn).

Giẳn Giẳn xuống đất, đánh giẳn, giẳn-vật.

Vẳn Vẳn vện.

Vắn Dài vắn, vắn-tắt, vắn lời.

Dặn Dặn bảo, dặn-dò.

Vặn Vặn tréo lại, vặn vọt, vặn lên, căn-vặn.

Giăng Giăng tay ra, mặt giăng, (tức là mặt trăng).

Văng Cái văng, (để chống cho căng ra), chăng văng, vung văng, văng té ra.

Dằng Dùng dằng, (không quyết định).

Giằng Giằng buộc, giằng nhau.

Vằng Vùng vằng, một vằng lưới, cái lưỡi vằng, (để gặt lúa).

Dắng Dúng dắng, (cách lần lừa).

Vắng Vắng tanh, vắng mặt, vắng-vẻ, thanh vắng.

Dặng Một dặng núi.

Dắt Dắt dìu, dắt nhau mà đi.

Giắt Giắt vào, (trong kẹt), giắt vào lưng.

Vắt Vắt lên dây, vắt lên vai, vắt cho khô, vắt-véo, (cách miệng nói không chính đính).

Giặt Giặt áo, tắm giặt.

Vặt Lặt vặt, vặt vãnh, thù vặt, việc vặt.

36e

Giấc Giấc mộng, giấc hoàng-lương, (cũng là giấc mộng), giấc tỉnh, giấc say, đương giấc ngủ.

Dâm Dâm-dục, hoang dâm, mưa lâm-dâm.

Giâm Cái xương giâm.

Dầm Dầm mưa, dầm dề, khấn vái lầm dầm.

Giấm Giấm thanh, chanh giấm.

Dậm Mực dậm ra nơi giấy, tờ giấy dậm.

Giẫm Giẫm chân, giẫm đạp, giẫm xuống đất.

Dân Dân-sự, dân-tình, nhân dân, quốc-dân.

Vân (Là mây), vân vũ, áo vân, đá có vân, phân vân, vân vân, vân vỉ.

Dần Dần-dà, dần dần, năm giáp dần.

Giần Giần cho nhục xương đi, cái giần để giần gạo.

Vần Vần thơ-phú, xây vần, chuyền vần.

Vấn Học vấn, cật vấn, vấn đề, vấn vương, vấn điếu thuốc.

Giận Giận hờn.

Vận Vận mạng, (tức vận mệnh), vận hạn, vận hội, âm vận (là tiếng vần), chuyền vận, vận động, vận quấn lên.

Dẫn Dẫn đường, dẫn lối.

Vẩn Vẩn vít, (không đi xa, vẩn là...

Vẫn Tự vẫn, tinh vẫn, (là sao sa).

Dâng Dâng lên, (trên vua, trên quan), kính dâng.

Vâng Vâng lời, (tức vưng lời) vâng lịnh.

Giấp Sáng giấp giới.

Vấp Đi vấp nhầm đá.

Dập Dập diều, dập xuống đất, dập lại một bên.

Giập Đập giập ra, (cho nhỏ, cho mỏng).

Vập Vùi vập.

Vất Vất đi, (tức là bỏ đi, quăng đi), vất vơ, vất vả.

Dật Dật dục, (chơi bời), du dật, dinh đật.

Giật Giật mình.

Vật Sản vật, vật hạng, vật nhau.

Dâu Cô dâu, dâu rể.

Giâu Cây giâu, (cho tằm ăn), cuộc bể giâu.

Dầu Dầu đèn, ví dầu mà...

Giầu Bà giầu, (người làm mai, mụ trùm đĩ), giầu cau.

Dấu Dấu tích, con dấu.

Giấu Thu giấu, giấu giếm.

Dẫu Dẫu mà.

Dây Sợi dây, đau đớn lây dây, (không hề bớt).

Giây Một giây đồng hồ.

Vây Vây bọc, vây thành, chây vây, cái vây của con cọp.

Giầy Cái bánh giầy

Vầy Chỗ ước vầy, sum vầy, làm như vầy...

Giấy Tờ giấy.

Dậy Thức dậy, ngồi dậy, giặc nổi dậy.

(Còn nữa)